

Tác giả: Lưu Hương (thời Tây Hán biên soạn)

Dịch giả: Tống Như Cường

Liệt

Nữ

Truyện

Dàn trang:
Văn Hóa Truyền Thông
(vanhoatruyenthong.net)

10.2024

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

QUYỂN I: MÃU NGHI TRUYỆN	5
QUYỂN II: HIỀN MINH TRUYỆN	39
QUYỂN III: NHÂN TRÍ TRUYỆN	68
QUYỂN IV: TRINH THUẬN TRUYỆN	98
QUYỂN V: TIẾT NGHĨA TRUYỆN	125
QUYỂN VI: BIÊN THÔNG TRUYỆN	157
QUYỂN VII: NGHIỆT BÉ TRUYỆN	195
QUYỂN VIII : TỤC LIỆT NỮ TRUYỆN	228

LỜI NÓI ĐẦU

Liệt Nữ Truyện (Chữ Hán giản thể: 列女传; phồn thể: 列女傳; bính âm: Liè nǚ zhuàn; Wade-Giles: Lieh nü chuan) là bộ sách giới thiệu hành vi của phụ nữ Trung Quốc cổ đại. Sách do tác giả Lưu Hướng là học giả Nho gia thời Tây Hán biên soạn vào năm 18 TCN đời Hán Thành Đế.

Tuy nhiên, có người cho rằng toàn bộ sách này không phải do chính Lưu Hướng viết nên một quyển tụng văn (đoạn văn khen ngợi thường viết ở đầu trang sách) kèm theo trước tác tương truyền là do Lưu Hâm soạn ra. Phiên bản lưu hành hiện nay do Sái Kỳ thời Nam Tống biên soạn lại, cộng thêm phần khen ngợi trong bảy quyển của nguyên tác, bên cạnh tám quyển bổ sung của Tục Liệt Nữ Truyện. Do có một vài phiên bản của tác giả vẫn còn đánh dấu khuyết danh nên cũng có người cho rằng phiên bản lưu truyền hiện tại là do người đời sau mượn danh Lưu Hướng mà viết thêm một số thiên vào đầu trang sách.

Bản “Liệt Nữ Truyện” hiện còn có 7 thiên. Nội dung chủ yếu thuật lại chuyện về 105 người phụ nữ mẫu mực, có tham khảo từ nhiều nguồn sử liệu khác như Kinh Xuân Thu, Tả truyện và Sử ký. Riêng văn phong và cách trình bày đều chịu ảnh hưởng phần lớn từ thể liệt truyện trong Sử ký của Tư Mã Thiên.

Bảy thiên này gồm: Mẫu nghi (母儀), Hiền minh (賢明), Nhân trí (仁智), Trinh Thuận (貞順), Tiết nghĩa (節義), Thông biện (辯通) và Nghiệt bế (孽嬖).

Lưu Hướnđ chia phụ nữ thời Tiên Tần làm bảy loại điển hình. Ngoài loại Bế nghiệt là hình tượng phản diện, sáu loại còn lại đều là điển hình mà Lưu Hướnđ tán dương. Lưu Hướnđ không đòi hỏi một chuẩn mực hoàn hảo đối với phụ nữ, chỉ cần nổi bật về một phương diện nào cũng được khen ngợi. Đúng như Minh sử, thiên Liệt Nữ Truyện nói:

“Lưu Hướnđ viết Truyện Liệt Nữ, chuyện gì thu nhậ vào cũng có thể làm tấm gương, không chỉ theo một loại”.

Trong sáu loại Mẫu nghi, Hiền minh, Nhân trí, Trinh thuận, Tiết nghĩa, Thông biện, phụ nữ chỉ cần thuộc một hai loại là có thể được biểu dương thành khuôn mẫu cho phụ nữ. Mẫu nghi, Hiền minh, Nhân trí và Thông biện, đặc biệt là ba loại sau chủ yếu đánh giá phụ nữ từ các nhân tố trí lực như tài đức, khí chất, năng lực, tinh thần, dáng vẻ, nhân tố nhân cách. Chỉ có Trinh thuận và Tiết nghĩa mới đánh giá phụ nữ từ góc độ đạo đức thuần túy.

Sự phân loại phụ nữ của Lưu Hướnđ cho thấy người thời Tây Hán có nhiều tiêu chuẩn và rộng rãi trong việc đánh giá phụ nữ. Thời Tây Hán, thông minh tài trí, khí chất năng lực, tinh thần phong mạo, thậm chí năng lực ngôn ngữ vv..., các phương diện đức, tài, trí, biện đều là tiêu chuẩn đánh giá cái đẹp bên trong của phụ nữ.

Ở Việt Nam ta, sách “Liệt Nữ Truyện” đã được cụ Tản Đà (Nguyễn Khắc Hiếu) dịch và đặ trên tạp chí “Tứ Dân Văn Uyển” vào năm 1938. Do hiện nay không thể tìm được bản dịch của Cụ để tái bản, chúng con đã nhờ dịch giả Tống Như Cường chuyển ngữ bản tiếng

Hán Cổ thành Việt ngữ. Hiện nay sách đã được dịch xong, xin chia sẻ chư vị độc giả.

Quá trình chuyển ngữ và biên soạn khó tránh khỏi sai sót. Kính mong Quý vị lượng thứ, chỉ bảo và đóng góp ý kiến để cuốn sách mang lại lợi ích cho nhiều người.

Ban biên tập kính bút

QUYỂN I: MẪU NGHI TRUYỆN

*Duy bậc Mẫu nghi
Có trí Thánh hiền
Hành vi mẫu mực
Ngôn hạnh trung nghĩa
Thai dưỡng con cháu*

*Dần dần giáo hóa
Thành toàn đức độ
Công trạng rạng ngời
Hàng nữ lưu đọc tới
Không thể không noi theo*



HỮU NGU NHỊ PHI (Nga Hoàng, Nữ Anh)

Hai người vợ của Vua Thuấn là con gái của Vua Nghiêu. Con gái lớn tên là Nga Hoàng, con gái thứ tên là Nữ Anh. Cha thì cố chấp, mẹ kể lại điều ngoa. Cha tên là Cổ Tẩu, em trai tên là Tượng, là kẻ chơi bời lêu lổng, nhưng Thuấn có thể sống chung hòa thuận với họ, và rất hiếu thuận với cha. Mẹ kể căm ghét Thuấn mà yêu thương Tượng. Thuấn vẫn có thể xử lý quan hệ của họ rất tốt và không biểu hiện bất cứ sự bất mãn nào. Vì vậy, mọi người ở khắp nơi đều tiến cử Thuấn với Vua Nghiêu. Vua Nghiêu bèn gả hai con gái của mình cho Thuấn để trị gia. Nga Hoàng và Nữ Anh sau khi được gả cho Thuấn thì cùng với Thuấn ra đồng làm việc, chứ không cậy mình là con gái của Vua mà ăn trên ngồi trước, rất khiêm nhường tiết kiệm, một lòng một dạ làm tròn đạo làm vợ.

Cổ Tẩu và Tượng muốn sát hại Thuấn nên để Thuấn đi sửa kho lương thực. Sau khi Thuấn biết việc bèn về nói với Nga Hoàng và Nữ Anh rằng: “*Cha mẹ bảo ta đi sửa kho lương thực. Ta nên đi hay không đi?*”. Nga Hoàng và Nữ Anh nói: “*Vậy thì nhất định phải đi!*”. Trong quá trình Thuấn sửa kho lương thực, cha và em trai giấu thang đi, cha phóng hỏa đốt kho lương thực, Thuấn mạng lớn, từ bên trên nhảy xuống thoát chết. Tượng lại bàn với cha mẹ để Thuấn đi khơi giếng. Thuấn lại bảo với hai người vợ, hai người nói: “*Nhất định phải đi!*”. Trong khi Thuấn khơi giếng, cha, mẹ kể và em trai chặn lối và lấy đất lấp giếng, nhưng Thuấn vẫn thoát ra được. Mấy lần đều không giết được Thuấn.

Cổ Tẩu lại bảo Thuấn uống rượu, muốn nhân lúc Thuấn uống say sẽ giết Thuấn. Thuấn bảo với hai người vợ, hai người vợ bèn cho Thuấn uống thuốc giải rồi cùng đi nên Thuấn uống cả ngày cũng không say. May mà em gái Thuấn (*em gái cùng cha khác mẹ*) thương yêu anh trai, mối quan hệ với hai chị dâu rất tốt. Tuy cha và mẹ kế muốn giết Thuấn nhưng Thuấn vẫn không oán hận. Mặc dù vậy, cha và mẹ kế vẫn không ngừng căm phẫn đối với Thuấn. Thuấn chỉ biết ra đồng kêu khóc, kêu trời, gọi cha mẹ. Tuy cha và mẹ kế không ngừng muốn hại Thuấn nhưng Thuấn vẫn vô cùng nhớ nghĩ đến họ, cũng không oán hận em trai, vẫn trung hậu như xưa, không bao giờ thờ ơ.

Sau đó, Vua Nghiêu thử thách Thuấn trên mọi phương diện. Mỗi một việc Thuấn đều bàn với hai vợ. Sau này, Thuấn tiếp nhận ngôi vị của Vua Nghiêu lên làm Vua. Nga Hoàng trở thành Hoàng Hậu, Nữ Anh thành Thứ Phi. Thuấn phong đất cho em trai ở Hữu Tỉ, phụng dưỡng Cổ Tẩu như xưa. Người trong thiên hạ khen ngợi hai người vợ của Vua Thuấn thông minh, trung trinh, nhân hậu.

Sau này khi Thuấn tuần du bên ngoài đã mất ở Thương Ngô, được đặt tên hiệu là Trọng Hoa. Hai người vợ mất ở sông Tương Thủy, người đời sau gọi họ là Tương Quân.

Kinh Thi có câu: Bất hiển duy đức, bách tích kỳ hình chi (*Chỉ có đức không lộ ra, trăm Vua chư hầu đều tuân theo phép thường*) là nói điều này.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

*Nguyên thủy nhị phi
Đế Nghiêu chi nữ
Tần liệt Hữu Ngu
Thừa Thuấn ư hạ
Dĩ tôn sự ti
Chung năng lao khổ
Cổ Tẩu hòa ninh
Tuất hưởng phúc hĩ*

*Hai vợ Vua Thuấn
Là con Vua Nghiêu
Cùng chung một chồng
Nâng khăn sửa túi
Không chê thấp hèn
Chịu khó khổ cực
Hiếu thảo Cổ Tẩu
Sau hưởng phúc lành*

KHÍ MẪU KHƯƠNG NGUYÊN

Khương Nguyên, mẹ của Khí (*Hậu Tắc*) là con gái của Thai Hầu. Vào đời Vua Nghiêu, khi bà đi đường thấy một vết chân người khổng lồ, do hiếu kỳ nên ướm chân vào thử. Về nhà phát hiện mình đã mang thai, một thời gian sau đứa con càng ngày càng lớn lên, trong lòng cảm thấy kỳ lạ, hơn nữa còn chán ghét việc này. Thông qua bói toán lại cầu khẩn thần Phật, mong rằng không có mang thai, nhưng cuối cùng vẫn sinh ra đứa bé. Bà nghĩ rằng đứa con này sau này lớn lên sẽ gây tai vạ bèn đem vứt ở ngõ hẹp. Nhưng khi trâu bò nhìn thấy nó thì tránh đường mà không giẫm lên nó. Bà lại đem nó bỏ trong rừng nhưng người đốn củi đã kê đệm, đắp chăn cho nó. Sau đó, bà lại bỏ nó trên băng lạnh nhưng chim muông thấy vậy bèn lấy lông của mình che chở cho nó.

Lúc này, Khương Nguyên cảm thấy vô cùng kỳ lạ, thế là bế nó về nhà và đặt tên cho nó là Khí. Tính tình của Khương Nguyên thanh tịnh lại chuyên nhất, thích trồng trọt. Đến khi Khí lớn bèn dạy nó trồng trọt và

trồng dâu nuôi tằm. Khí vô cùng thông minh lại nhân nghĩa, cũng rất thích việc đồng áng, học là biết ngay, thế rồi dần dần có danh tiếng.

Vua Nghiêu cho Khí giữ chức Tắc Quan (*quan trông coi việc đồng áng*), lấy đất Thai làm nước, và lấy đất Thai gia phong cho Khí, hiệu gọi là Hậu Tắc. Sau khi Vua Nghiêu mất, Vua Thuấn lên ngôi, lệnh cho Khí rằng: “*Khí! Lê dân đói rét, khanh là Tắc Quan, phải gieo trồng ngũ cốc đúng vụ*”. Sau này, con cháu đời đời của Hậu Tắc đều làm quan trông coi đồng áng. Đến thời Chu Văn Vương, Chu Võ Vương thì hưng thịnh, mà trở thành Thiên Tử.

Hậu Tắc dạy mọi người trồng trọt, trong mắt của người đời thì đều do công lao của Khương Nguyên. Trong “*Thi Kinh*” có ghi chép việc này cho rằng do Khương Nguyên có đức, nuôi dưỡng Hậu Tắc. Hậu Tắc dạy mọi người trồng trọt mới làm cho lê dân trong thiên hạ có cái vốn để sinh tồn.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

*Khí mẫu Khương Nguyên
Thanh tịnh chuyên nhất
Lý tích nhi dụng
Cụ Khí ư dã
Điều thú phúc dịch
Nãi phục thu tuất
Tuất vi để tá
Mẫu đạo ký tất*

*Khí mẫu Khương Nguyên
Thanh tịnh chuyên nhất
Ướm chân mang thai
Đem Khí đi bỏ
Chim muông che chở
Lại đem về nuôi
Sau phò tá Vua
Trọn đạo làm mẹ*

KHẾ MẪU GIẢN ĐỊCH

Giản Địch, mẹ của Khế, là con gái trưởng của bộ tộc Hữu Nhung. Vào đời Vua Nghiêu, bà cùng chị em tắm ở Huyền Khê, có con chim huyền diệu ngậm trứng bay qua thì rớt xuống. Quả trứng ngũ sắc đẹp vô cùng, Giản Địch và chị em tranh nhau nhặt trứng. Sau khi Giản Địch nhặt được liền ngậm trong mồm, trong lúc cấp bách đã lỡ nuốt quả trứng, do vậy mà sinh ra Khế. Giản Địch giỏi việc quản lý con người, trên thông thiên văn, lại thích làm việc thiện. Sau khi Khế trưởng thành bèn dạy nó cách quản lý con người, biết cách làm thế nào để xử lý thuận lợi trật tự trong xã hội.

Khế vô cùng thông minh lại nhân nghĩa, theo sự dạy dỗ của mẹ mà học được cách xử lý các việc, do đó dần dần có tiếng tăm. Vua Nghiêu cho giữ chức Tư Đồ, phong cho đất Bạc. Sau khi Vua Nghiêu mất, Vua Thuấn lên ngôi, bèn lệnh cho Khế: *“Khế! Trăm họ không hòa thuận, luân thường không hài hòa, khanh giữ chức Tư Đồ, phải dạy dỗ nhân dân, lấy nhân hậu làm gốc, tuân thủ luân thường đạo đức”*. Con cháu của Khế sau này đời đời ở đất Bạc, đến đời Thương Thang thì thịnh vượng, lên ngôi Thiên tử. Cho nên, Bạc quân tử cho rằng đây là do Giản Địch nhân hậu lại có lễ nghĩa.

Kinh thi có câu: *“Hữu Nhung phương tướng, lập tử sinh duệ”* (Bộ tộc Hữu Nhung, truyền đến con cháu). Lại nói: *“Thiên mệnh huyền diệu, giáng sinh nhà Thương”*.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

Khế Mẫu Giản Địch

Đôn nhân lệ dục

Thôn noãn sinh tử

Toại tự tu sức

Giáo dĩ sự lý

Thôi ân hữu đức

Khế vi để phụ

Cái mẫu hữu lực

Giản Địch mẹ Khế

Nhân hậu thiện tâm

Nuốt trứng sinh trai

Tự mình tu dưỡng

Dạy bảo lý lẽ

Thi ân có đức

Phò tá cho Vua

Là công của mẹ

KHẢI MẪU ĐỒ SƠN

Mẹ của Khải là con gái của bộ tộc Đồ Sơn. Hạ Vũ lấy bà làm Thứ Phi. Sau khi sinh Khải mới được ba ngày, Khải còn đang khóc oe oe thì Vua Vũ phải xa nhà đi trị thủy. Vua Vũ chuyên tâm trù tính quy hoạch, ra sức xử lý. Tuy nhiều lần đi ngang qua nhà nhưng không về nhà. Đồ Sơn một mình gánh vác trọng trách nuôi dạy Khải, để Khải hiểu được nghĩa lý của việc giáo hóa. Sau khi trưởng thành, thấm nhuần đạo đức của mẹ mà nghe theo lời dạy của mẹ, Khải trở nên có tiếng tăm. Hạ Vũ lên ngôi Thiên tử, Khải trở thành người thừa kế, có thể thừa kế sự nghiệp của Hạ Vũ. Cho nên Bậc quân tử mới nói Đồ Sơn giỏi việc dạy con.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

*Khải Mẫu Đờ Sơn
Duy phối đế Vũ
Tân nhân quý giáp
Vũ vãng phu thổ
Khải oa oa khắp
Mẫu độc luận tự
Giáo huấn dĩ thiện
Tuất kế kỳ phụ*

*Đờ Sơn mẹ Khải
Làm vợ Vua Vũ
Khải sinh ba ngày
Vũ đi trị thủy
Khải khóc oe oe
Mình mẹ nuôi dưỡng
Dạy bảo điều thiện
Sau kế nghiệp cha*

THANG PHI HỮU SẴN

Vợ Thành Thang là con gái của bộ tộc Hữu Sằn, Thành Thang lấy làm vợ, sinh được ba con trai là Thái Đinh, Ngoại Bính, Trọng Nhâm. Bà dốc lòng dạy bảo con cái, tận hết công sức. Khi bà làm vợ Thành Thang đã quản lý các Phi Tàn trong cung có trật tự, quy củ, không ai ganh ghét đố kỵ, làm điều trái đạo lý, sau hỗ trợ Thành Thang thành đại nghiệp.

Bậc quân tử nói bà là người minh bạch và có trước sau.

Kinh Thi có câu: “*Yếu điều thực nữ, quân tử hảo cầu*”. Ý nói đến người con gái của bộ tộc Hữu Sằn hiền đức, giúp Thành Thang quản lý các Phi Tàn trong cung có trật tự, quy củ.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

*Thang phi Hữu Sần
Chất hạnh thông minh
Dấng tòng Y Doãn
Tự Hạ thích Ân
Cần xác trị trung
Cửu tần hữu hạnh
Hóa huấn nội ngoại
Diệc vô khiên ương*

*Hữu Sần vợ Thang
Tự chất thông minh
Y Doãn theo hầu
Từ Hạ sang Ân
Cần trọng cai trị
Phi Tần hữu hạnh
Khuyên răn trong ngoài
Đều không họa hại*

CHU THÁT TAM MẪU

Ba người mẹ của nhà Chu là chỉ Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự.

Thái Khương là mẹ của Cơ Quý Lịch, là con gái bộ tộc Thai Thị. Chu Thái Vương lấy bà làm vợ, sinh được Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Bà là người trung trinh, thẳng thắn, dốc lòng dạy bảo con cái, không một chút sai sót. Khi Thái Vương tính đưa bộ tộc chuyển đi nơi khác, bà đều tích cực tham gia. Cho nên Bậc quân tử nhận định rằng bà là người có thể kiên trì lấy đức để giáo hóa và có thể phát huy truyền thống.

Thái Nhậm là mẹ của Chu Văn Vương, là con gái của bộ tộc Chí Nhậm. Cơ Quý Lịch lấy bà làm vợ. Tính tình Thái Nhậm đoan trang, chuyên nhất, thành thật, làm việc theo đạo lý, đức hạnh. Sau khi bà mang thai, mắt không xem việc ác, tai không nghe việc tà dâm, miệng không nói lời ngạo mạn để tiến hành thai giáo đối với đứa con trong bụng. Khi bà đi tiểu ở chuồng lợn thì sinh Chu Văn Vương. Sau khi ra đời, Văn Vương rất

thông minh lại anh minh. Khi bà dạy bảo Văn Vương, Văn Vương học một biết mười, sau này lập nên Vương triều nhà Chu. Cho nên Bậc quân tử thấy rằng Thái Nhậm giỏi việc thai giáo.

Người xưa cho rằng khi mang thai, phụ nữ ngủ không được nằm nghiêng, ngồi phải ngay thẳng, đứng không chần lối, không ăn món kỳ lạ, thức ăn không chính thống không ăn, ghế không ngay ngắn không ngồi, mắt không xem tà sắc, tai không nghe tiếng âm loạn, đêm nghe kẻ mù tụng đọc thơ ca, nói điều đứng đắn. Như vậy mới sinh được con có mặt mũi đoan trang, tài đức hơn người. Cho nên khi mang thai cảm nhận sự vật phải nhất định cẩn thận, cảm nhận điều thiện thì đứa con sẽ lương thiện, cảm nhận điều ác thì đứa con sẽ hung ác. Hình tượng và âm thanh của con người và vạn vật có rất nhiều chỗ giống nhau, đại đa số đều là kết quả của người mẹ cảm nhận, cho nên hình dung và âm thanh của đứa con sẽ giống với vạn vật. Thái Nhâm, mẹ của Văn Vương, có thể nói là hiểu được cái đạo lý lấy vạn vật để giáo hóa.

Thái Tự là mẹ của Chu Vũ Vương, là con gái của bộ tộc Hữu Sần. Bà là người nhân hậu mà lại hiểu biết lý lẽ. Bà được Văn Vương khen ngợi, đích thân đến sông Vị Thủy nghênh đón, đóng thuyền làm cầu. Sau khi xuất giá và học hỏi Thái Khương, Thái Nhậm, bà cần cù làm việc cả ngày, tận tụy với đạo làm vợ. Thái Tự hiệu là Văn Mẫu. Văn Vương quản lý bên ngoài còn Văn Mẫu quản lý bên trong. Thái Tự tổng cộng sinh được mười người con trai. Con trai trưởng là Bá Ấp Khảo. Chín người con còn lại là: Chu Vũ Vương Cơ Phát, Chu Công Đán, Quản Thúc Tiên, Sài Thúc Độ, Thúc Chấn Đạc, Thành Thúc

Vũ, Hoắc Thúc Xử, Khang Thúc Phong, Đàm Thúc Tái. Thái Tự dạy bảo mười người con trai từ bé tới lớn chưa từng có việc gian tà. Đến khi các con lớn, Văn Vương tiếp nhận việc giáo dục các con, sau này đã tác thành đức hạnh của Vũ Vương và Chu Công. Cho nên quân tử nhận xét rằng Thái Tự rất nhân nghĩa, thông minh có đức hạnh.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

Chu Thất tam mẫu

Chu Thất tam mẫu

Thái Khương Nhâm Tự

Thái Khương Nhâm Tự

Văn vũ chi hưng

Văn Vũ hưng thịnh

Cái do tư khởi

Do họ mà ra

Thái Tự tối hiền

Thái Tự hiền nhất

Hiệu viết Văn Mẫu

Hiệu là Văn Mẫu

Tam cô chi đức

Đức của ba bà

Diệt thậm đại hĩ

Vô cùng to lớn

VỆ GIA ĐỊNH KHƯƠNG

Vệ Gia Định Khương là phu nhân của Vệ Định Công, là mẹ của Vệ công tử. Vệ công tử sau khi lấy vợ thì mất, vợ không có con cái. Sau khi chịu tang ba năm, Định Khương để cho vợ của công tử về nhà ngoại và tự mình tiễn tận ngoại ô. Khi chia tay quyến luyến không muốn rời, buồn thương cảm thán, đứng đằng xa trông theo, nước mắt như mưa bèn làm thơ rằng: “*Chim én trên trời, dang cánh bay lượn, con đi lấy chồng, tiễn tận ngoại ô, đằng xa trông theo, nước mắt như mưa*”. Tiễn con dâu xong về khóc mà trông theo, lại làm thơ rằng:

“Thường nhớ tiên quân, khuyến khích bản thân”. Cho nên Bạc quân tử nói rằng Định Khương là người mẹ chồng hiền từ, phúc hậu.

Vệ Định Công không thích đại thần Tôn Lâm Phụ (*Văn Tử*), Tôn Lâm Phụ trốn sang nước Tấn. Tấn Hầu sai Khích Suu đến thỉnh cầu Vệ Định Công để cho Tôn Lâm Phụ trở về nước Vệ. Vệ Định Công không muốn chấp nhận lời thỉnh cầu của nước Tấn. Định Khương nói: *“Không thể khước từ, Tôn Lâm Phụ là con cháu đại thần của tiên phụ, hiện nay nước lớn thỉnh cầu cho hắn, nếu không chấp thuận thì đất nước sẽ bị diệt vong. Tuy không thích hắn, nhưng so với họa vong quốc còn tốt hơn nhiều. Đại Vương nên khoan nhượng. Để yên lòng dân, lợi cho đất nước, chẳng nhẽ không được sao!”*. Vệ Định Công nghe xong, bèn đồng ý lời thỉnh cầu của nước Tấn. Cho nên Bạc quân tử nói rằng Định Khương có thể giải trừ tai họa cho đất nước. Có thơ: *“Dung mạo cử chỉ đoan trang, gương sáng cho bốn phương các nước”* là nói về việc này.

Sau khi Vệ Định Công mất, lập con trai của Kính Tự là Vệ Khản làm Vua nước Vệ, sau này là Vệ Hiến Công. Hiến Công trong lúc chịu tang cha, vô cùng khinh mạn. Định Khương trong lúc nghỉ ngơi sau lúc khóc lóc đã phát hiện Hiến Công không đau buồn, trong lòng buồn rầu không ăn cơm, cảm thán rằng: *“Xem ra nó sẽ làm bại hoại nước Vệ, nhất định sẽ làm hại người lương thiện. Đây là trời gieo tai họa cho nước Vệ! Thực là hối hận ta đã không thể để Cơ Chuyên làm chủ xã tắc”*. Các đại thần nghe xong đều sợ hãi. Từ đó Tôn Văn Tử (Lâm Phụ) cũng không dám từ bỏ quyền lực ở nước Vệ. Cơ Chuyên tức là Tử Tiên, em trai của Hiến Công là người

rất có tài năng. Định Khương muốn lập Tử Tiên lên ngôi Vua mà không thành công.

Sau đó, Vệ Hiến Công vô cùng bạo ngược, rất không tôn trọng Định Khương, cuối cùng bị đuổi khỏi nước Vệ. Trong lúc chạy trốn đến biên giới thì lệnh cho thầy tế cầu xin có thể trốn được, lại cầu khẩn với Tổ tiên rằng mình không có tội. Định Khương nói: *“Không được cầu khẩn như vậy, cho dù không có thần linh, cũng không được vu khống. Có tội sao lại cầu khẩn nói là không có tội. Và lại, người trốn chạy, bỏ trung thần mà mưu kế với kẻ tiểu nhân, đó là tội thứ nhất. Tiên vương có đại thần nước Vệ bảo vệ mà người khinh thường họ, đó là tội thứ hai. Ta lấy đạo làm vợ hầu hạ Tiên Vương, mà lại để kẻ tiểu thiếp hung bạo sai khiến, đó là tội thứ ba. Cầu khẩn chỉ được cầu xin trốn được chứ không thể cầu khẩn vô tội”*. Sau này, nhờ vào công sức của Tử Tiên mà Hiến Công lại được quay lại nước Vệ.

Cho nên Bặc quân tử nói rằng Định Khương giỏi việc dùng lời nói để giáo huấn dạy bảo. Có câu: *“Ngã ngôn duy phục”* (Lời ta đáng phục) là để chỉ việc này.

Hoàng Nhĩ nước Trịnh đem quân xâm chiếm nước Vệ, Tôn Văn Tử (*Lâm Phụ*) xem bói xem có nên truy kích tiêu diệt hay không, đem điềm bói được nói với Định Khương rằng: *“Xem điềm như có núi rùng, xuất chinh sẽ tổn thất binh lính”*. Định Khương nói: *“Xuất chinh tổn thất binh lính để chống cự với giặc ngoại xâm là điều tốt, mọi người cần phải vạch kế hoạch cho tốt”*. Do vậy, người nước Vệ truy kích quân giặc ở Khuyển Khâu phục kích bắt được Hoàng Nhĩ. Bặc quân tử nói rằng Định Khương thông tình đạt lý. Có câu: *“Tả chi*

ta chi, quân tử nghi chi” (bên trái có người đến phò tá, quân tử ứng phó nên thích nghi) là chỉ việc này.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

Vệ gia Định Khương

Vệ gia Định Khương

Tống phụ tác thi

Tiến dẫu làm thơ

Ân ái từ huệ

Từ bi bác ái

Khấp nhi vọng chi

Khóc mà trông theo

Số gián Hiến Công

Nhiều lần khuyên Hiến Công

Đắc kỳ tội vu

Chỉ ra sai sót

Thông minh viễn thức

Nhìn xa trông rộng

Lệ ư văn từ

Khéo ăn khéo nói

TÈ NỮ PHÓ MẪU

Tề Nữ Phó Mẫu là Bảo Mẫu của Công Chúa nước Tề. Công Chúa nước Tề là Phu Nhân của Vệ Trang Công. Mọi người gọi nàng là Trang Khương. Nước Tề và nước Vệ kết giao với nhau nên đem Trang Khương gả cho Vệ Trang Công. Khi mới đến nước Vệ, Trang Khương đức hạnh lười biếng, thường trang điểm diêm dúa lẳng lơ, có tâm phóng túng.

Phó Mẫu thấy Trang Khương không giữ gìn chuẩn mực đạo đức của người phụ nữ bèn nói với Trang Khương rằng: “Gia tộc của con đời đời tôn quý và tự hào. Vì vậy, hành vi của con phải là tấm gương cho nhân dân noi theo. Tư chất của con thông minh lại thông hiểu lý lẽ phải làm gương sáng cho mọi người noi theo, không thể không chú ý giọng điệu và dáng vẻ bề ngoài của mình. Quá chú trọng đến trang phục lộng

lấy, quá xem trọng xe cộ xa hoa là không xem trọng hành vi đạo đức vậy”.

Bà làm thơ rằng:

Tạm dịch:

Thạc nhân kỳ kỳ

Người đẹp dáng cao

Y cấm quýnh y

Áo gấm phủ ngoài

Tề Hầu chi tử

Con gái Tề Hầu

Vệ Hầu chi thê

Thê tử Vệ Hầu

Đông cung chi muội

Em gái Thái Tử

Hình hầu chi di

Em vợ Hình Hầu.

Đàm công duy tư

Gọi Đàm công là anh rể

Bà dùng thơ để rên giũa tâm chí của Trang Khương, mong rằng Trang Khương nâng cao tiết tháo của mình. Bà cho rằng là con của Vua Tề, là vợ của Vua Vệ thì càng không thể có những hành vi tà mỹ. Trang Khương do vậy mà tỉnh ngộ và tăng cường tu dưỡng đức hạnh của mình.

Cho nên bậc quân tử nói rằng Phó Mẫu giỏi việc đề phòng những việc chưa xảy ra. Trang Khương là em gái Đông cung Thái Tử nước Tề, không có con nên nhận nuôi con trai của Đới Quy (tên là Cơ Hoàn), tức là Vệ Hoàn Công sau này.

Công Tử Châu Dụ là con trai người thiếp mà Vệ Trang Công yêu thích, được sự sủng ái của Trang Công nên kiêu căng lại thích việc binh. Trang Công cũng không ngăn cản. Sau này, quả nhiên Châu Dụ giết Vệ Hoàn Công.

Kinh Thi có câu: “Vô giáo nao thẳng mọc (không dạy khỉ leo cây)” là để chỉ việc này.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

Tề nữ Phó mẫu

Tề nữ Phó mẫu

Phòng nữ vị nhiên

Phòng việc khi chưa xảy ra

Xung liệt tiên tổ

Tán tụng Tiên tổ

Mạc bất tôn vinh

Không ai là không tôn quý

Tác thi minh chỉ

Làm thơ chỉ rõ

Sứ vô nhục tiên

Không được bôi nhọ Tiên tổ

Trang Khương mẫu muội

Trang Khương tình ngộ

Tuất năng tu thân

Dốc lòng tu sửa

LỖ QUÝ KÍNH KHƯƠNG

Lỗ Quý Kính Khương là con gái nước Cử, hiệu là Đới Kỷ, vợ của đại phu nước Lỗ Công Phụ Mục Bá, mẹ của Công Văn Bá, là vợ ông họ của Quý Khang Tử. Bà hiểu nhiều biết rộng, tinh thông lễ nghĩa. Mục Bá mất sớm. Bà ở vậy nuôi con thủ tiết thờ chồng. Một lần, Văn Bá đi học về, Kính Khương liếc mắt nhìn, thấy bạn bè theo Văn Bá đi vào nhà, rồi từ bậc thềm đi giật lùi, tay cầm kiếm đứng thẳng, hầu hạ Văn Bá giống như đối với cha và anh vậy. Văn Bá tự cho rằng mình đã trưởng thành. Kính Khương gọi Văn Bá lại mắng rằng: “Ngày xưa khi Chu Vũ Vương bãi triều, dây buộc tất trên chân bị đứt, nhìn xung quanh không thấy ai có thể sai khiến được bèn tự mình cúi xuống buộc lại, do đó có thể thành tựu Vương đạo. Tề Hoàn Công có ba người bạn có thể tranh biện với mình, có năm vị hạ thần có thể khuyên can mình, có 30 người hàng ngày vạch trần sự sai lầm của mình, do vậy mà có thể xây dựng bá nghiệp. Khi Chu Công Đán ăn cơm đã ba lần dừng lại, khi gội đầu dờ cũng

ba lần vén tóc để tiếp đãi người hiền, còn đem lễ vật đến hang cùng ngõ hẻm để viếng thăm hơn 70 người, do vậy mà có thể duy trì sự thống trị của Vương thất nhà Chu. Hai Thánh một hiền ba người họ đều là những vị Vua có tài năng bá Vương mà chịu hạ mình trước người khác. Người mà họ giao du cũng đều giỏi hơn mình, cho nên bất giác họ cũng giỏi lên. Hiện nay con còn nhỏ, chức vị thấp. Người mà con giao lưu đều là người phục vụ con, rõ ràng là cứ như thế này thì con sẽ không có tiền đồ phát triển gì”.

Văn Bá nhận sai, từ đó trở đi đều chọn thầy giỏi bạn hiền để phụng dưỡng, chọn những người tuổi cao đức trọng để giao du. Đối với họ, Văn Bá đều chỉnh trang mũ áo, đích thân biếu tặng đồ ăn. Kính Khương bảo: “*Văn Khương đã khôn lớn thành người rồi*”. Bậc quân tử khen ngợi Kính Khương là người chú ý giáo dục cảm hóa toàn diện. Kinh Thi có câu: “*Tế tế đa sỹ, văn vương dĩ ninh*” (Nhân sỹ hiền tài đông đúc, Văn Vương dựa vào họ khiến quốc gia yên định) là để chỉ việc này.

Sau này, Văn Bá làm Tướng quốc nước Lỗ, Kính Khương bảo con trai rằng: “*Ta bảo con rằng yếu lĩnh trị quốc giống như sợi dợ của vải dệt. Khổ dùng để điều chỉnh đúng sai nên không thể không cứng cõi. Cho nên người giống như Khổ có thể làm tướng lĩnh. Họa dùng để làm cho đồng đều, làm cho phục tùng, người giống như Họa có thể làm chính quan. Vật dùng để xử lý các việc rườm rà và rộng hẹp dài ngắn, người như Vật có thể làm Đô đại phu. Qua lại dẫn lối, đi về không ngừng, đó là Khốn, người giống Khốn có thể là đại hành nhân (quan ngoại giao). Có thể đưa đi dẫn lại là Tông, người như Tông có thể làm thầy giáo. Có thể làm chủ số lượng*

nhiều ít là Quân, người như Quân có thể làm nội sử. Có thể kiên cố chính trực, gánh nặng đường xa là Trục, người như Trục có thể làm Tế tướng. Co dẫn tùy ý vô cùng tận là Trích, người như Trích chức vị có thể làm đến Tam Công". Văn Bá nghiêm túc nghe mẹ dạy bảo.

Sau khi bãi triều, Văn Bá về nhà, đi gặp mẹ. Kính Khương đang dệt vải. Văn Bá nói: *"Nhà chúng ta như vậy mà mẹ lại phải dệt vải, e là làm cho tổ tiên khiển trách, cho rằng con không phụng dưỡng được mẹ!".* Kính Khương nghe xong bèn than rằng: *"Chẳng nhẽ nước Lỗ không còn hy vọng rồi sao! Để con trẻ làm quan mà lại không dạy cho rõ đạo lý làm quan. Nào! Để mẹ bảo cho mà nghe! Ngày xưa các bậc Vua anh minh trị vì nhân dân, chọn nơi đất đai cần cỗi để cho nhân dân cư trú sinh sống là để cho nhân dân chăm chỉ lao động, như vậy mới cai quản thiên hạ lâu dài được. Bởi vì nhân dân chăm chỉ lao động mới có thể suy nghĩ, vì suy nghĩ mới có thể nảy sinh thiện tâm. Sống trong an nhàn thì sẽ chìm đắm hưởng lạc quá độ, vì quá độ chìm đắm hưởng lạc sẽ quên đi lòng lương thiện, tâm sẽ sinh ác niệm. Đa số người sống ở nơi đất đai phì nhiêu đều không thành tài, là bởi vì quá độ chìm đắm hưởng lạc. Người sống nơi đất đai cần cỗi thì nhiều nhân nghĩa vì họ có thể chịu khó lao động. Cho nên, thiên tử hàng ngày long trọng nghênh đón ánh mặt trời, cùng với tam công cửu khanh học tập đức hạnh của đất mẹ. Buổi trưa hàng ngày điều tra khảo cứu chính sự, cùng với bá quan xử lý chính sự quốc gia để cho các cấp quan viên xử lý những việc nhân gian. Đến chập tối lại cùng quan Thái sử, Tư tể (quan khảo sát thiên văn) nghiên cứu thiên văn lịch pháp. Sau*

khi mặt trời lặn phải đôn đốc nữ quan Phi tần chuẩn bị đồ lễ để cúng tế, sau đó mới được đi ngủ.

Chư hầu sáng sớm hàng ngày tu tập theo lệnh của Vua, ban ngày phải chăm chỉ điều tra khảo cứu quốc chính, chập tối kiểm tra việc chấp hành hình pháp, buổi tối phải nhắc nhở các thợ bách nghệ để cho họ không sa đẫm lười biếng, sau đó mới có thể yên tâm đi nghỉ.

Khanh đại phu sáng sớm hàng ngày cân nhắc trách nhiệm công việc của mình, ban ngày phải hoàn thành các việc chính sự, chập tối phải kiểm tra lại những việc đã làm, buổi tối mới xử lý việc nhà, sau đó mới được yên tâm nghỉ ngơi.

Kẻ sĩ sáng sớm hàng ngày phải suy nghĩ đến học vấn, ban ngày chăm chỉ học hành, chập tối ôn tập lại những gì đã học, buổi tối suy xét cả ngày có lỗi lầm không, không có điều hối tiếc thì sau đó mới yên tâm ngủ nghỉ.

Dân thường thì trời sáng dậy đi làm, trời tối thì nghỉ ngơi, hàng ngày lao động không lười biếng.

Vương Hậu tự bện chùm tua rủ hai bên mũ, phu nhân của công hầu thì thêm tua quai mũ, vợ của khanh đại phu làm đai lớn, mệnh phụ làm lễ phục, vợ của kẻ sĩ thì làm thêm triều phục, từ bình dân bách tính trở xuống đều không ngừng cố gắng để cho chồng có quần áo để mặc. Thờ cúng vào mùa xuân, mùa đông thì mọi người đều có việc, trai gái mỗi người có nhiệm vụ của mình, không thể hoàn thành thì sẽ bị trách phạt, đây là chế độ từ xưa đã có. Người đời lao tâm khổ chí, người bình thường bỏ sức, đây là lời giáo huấn của Tiên đế. Từ trên xuống dưới, không có người nào dám thích hưởng thụ an nhàn mà không bỏ sức lực.

Hiện nay, mẹ chỉ là một người đàn bà góa chồng, còn địa vị của con cũng không cao. Cho nên hàng ngày mẹ làm việc không quản ngày đêm mà còn sợ sẽ quên đi sự nghiệp của Tổ tiên, nếu như lười biếng thì không biết sẽ bị trừng phạt như thế nào! Mẹ mong con hàng ngày có thể gắng sức, nhắc con rằng nhất định không được phụ lòng kỳ vọng của Tổ tiên, mà con hỏi mẹ tại sao không an nhàn hưởng phúc. Con lấy cái tâm này mà ham muốn làm quan thì mẹ e là nhà Mục Bá phải tuyệt hậu rồi!”

Sau khi Khổng Tử biết được việc này bèn nói: “Các đệ tử hãy ghi nhớ, vợ của Công Phụ Mục Bá không ham muốn hưởng thụ an nhàn!”. Kinh Thi có câu: “Phụ vô công sự, hựu kỳ tâm chúc” là nói người phụ nữ lấy việc dệt vải là việc chính. Phụ nữ không có việc gì để làm, không dệt vải là hành vi không hợp lễ phép.

Văn Bá mời Nam Cung Kính Thúc uống rượu, Lộ Đồ Phụ là khách quý, bưng cho Đồ Phụ con ba ba rất bé. Đồ Phụ sau khi nhìn thấy vô cùng tức giận, mọi người mời ăn ba ba, Đồ Phụ khước từ rằng: “Đợi sau khi ba ba lớn ta sẽ ăn!”, thế rồi phẩy tay áo bỏ đi. Sau khi Kính Khương biết được thì vô cùng tức giận nói: “Ta nghe ông nội của con từng nói, cúng tế là để cúng dường người được cúng dường, mời khách là để cúng dường khách quý. Ba ba đối với người mà nói thì có đáng gì. Sao có thể vì việc này để khách quý không vui”, thế là đuổi Văn Bá ra khỏi nhà. Năm ngày sau, các đại phu nước Lỗ cầu xin cho Văn Bá, cuối cùng mới được về nhà. Cho nên bậc quân tử nói Kính Khương vô cùng cẩn thận ngay cả với những việc nhỏ nhất. Kinh Thi có câu: “Ngã hữu

chỉ tửu, gia tân thức yến dĩ lạc” (Ta có rượu ngọt, khách uống cùng vui), đây là nói phải tôn trọng khách.

Sau khi Văn Bá mất, Kính Khương khuyên bảo thê thiếp của Văn Bá rằng: *“Ta nghe nói rằng người con trai mà lo việc trong nhà sẽ vì thê thiếp mà chết, lo việc bên ngoài sẽ vì kẻ sĩ mà chết. Hiện nay, con ta đã mất, ta không vui khi người đời nói rằng con ta vì thê thiếp mà mất. Điều này cũng là nỗi nhục của các con. Khi cúng tế không để lộ bộ dạng tiều tụy, không được rơi nước mắt, không được đấm ngực kêu khóc, không được lo buồn, chỉ được giảm bớt các yêu cầu về tang chế, không được nâng cao yêu cầu về tang chế, căn cứ theo lễ nghi mà nên yên lặng nghiêm trang, như vậy mới thực sự kính trọng con ta”.*

Sau khi Khổng Tử biết được bèn nói: *“Hiểu được người phụ nữ không ai bằng phụ nữ, hiểu được người đàn ông không ai bằng người đàn ông. Vợ Mục Bá đều hiểu hết. Việc này thể hiện cái đức tề gia của bà”*

Kính Thi có câu: *“Quân tử hữu cốc, di quyết tôn tử” (phúc đức của người quân tử để lại cho con cháu) là để nói về việc này.*

Kính Khương chịu tang, sáng khóc Mục Bá, chiều khóc Văn Bá. Khổng Tử biết được bèn nói: *“Vợ Mục Bá thực sự là biết lễ nghĩa, đều yêu thương chồng con, nhưng không thiên vị ai, trên dưới có quy củ phép tắc”.*

Cháu trai Kính Khương là Quý Khang Tử làm quan chấp chính trong triều, lại là tộc trưởng. Khi lên triều, Khang Tử có nói chuyện với Kính Khương, Kính Khương không trả lời. Khang tử đi theo bà đến tận cửa phòng, lại hỏi bà lần nữa, Kính Khương không trả lời mà bước vào phòng. Sau khi Khang Tử bái triều về liền

đi gặp Kính Khương nói rằng: “*Cháu không thấy bà cần dặn gì? Có phải có chỗ đắc tội với bà không ạ?*”. Kính Khương nói: “*Cháu không nghe nói sao! Khi Vua với chư hầu nghị sự là ở triều nội. Các quan từ khanh đại phu trở xuống là ở ngoài triều. Khi nói chuyện nhà là ở phòng trong, mà sau cửa phòng ngủ mới là nơi người phụ nữ quản lý. Ngoài triều cháu là quan, nội triều cháu là tộc trưởng chủ trì gia tộc Quý thị, đều là nhưng nơi mà ta dám nói chuyện*”.

Khang Tử đến chỗ Kính Khương, đều ở ngoài cửa nói chuyện với bà, không bao giờ vượt quá giới hạn. Khi cúng tế truy điệu con, Khang Tử tham gia, Kính Khương không đích thân nhận rượu đáp lễ của Khang Tử, cúng xong không cùng Khang Tử ăn uống, khi không có mặt của chủ tế thì không cùng Khang Tử cúng tế, cúng xong, ăn uống chưa xong Kính Khương đã dời đi. Khổng Tử nói rằng Kính Khương có thể phân biệt lễ nghĩa nam nữ. Kinh Thi có câu: “*Nữ dã bất sảng*” (người nữ không có gì sai trái) là nói điều này.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

Văn Bá chi mẫu

Mẹ của Văn Bá

Hiệu viết Kính Khương

Hiệu là Kính Khương

Thông đạt tri lễ

Thông đạt lễ nghĩa

Đức hạnh quang minh

Đức hạnh quang minh

Khuông tử quá thất

Dạy con sửa sai

Giáo dĩ pháp lý

Dạy cho phép tắc

Trọng Ni hiền yên

Khổng Tử khen ngợi

Liệt vi từ mẫu

Xếp hàng từ mẫu

SỞ TỬ PHÁT MẪU

Sở Tử Phát mẫu là mẹ của Sở Tương Tử Phát. Khi Tử Phát công đánh nước Tần bị thiếu lương thực, cử người thỉnh cầu với Vua nước Sở, nhân tiện cũng cho sứ giả đến nhà hỏi thăm mẹ. Mẹ Tử Phát hỏi sứ giả rằng: *“ Binh lính không có việc gì chứ? ”*. Sứ giả đáp: *“ Đã không còn lương thực, binh lính đành chia nhau hạt đậu để ăn ”*. Mẹ Tử Phát lại hỏi: *“ Vậy Tướng quân của các người thì sao? ”*. Sứ giả đáp: *“ Tướng quân sớm tối đều có đủ lương thực và thịt ”*.

Cuối cùng Tử Phát cũng đánh bại quân Tần. Khi trở về, mẹ Tử Phát đóng cửa không cho vào nhà, cử người trách cứ rằng: *“ Con chưa nghe Việt Vương Câu Tiễn đánh Ngô ư? Có người khách dâng một vò rượu ngon, Việt Vương sai người mang rượu đổ xuống đầu nguồn dòng sông để cho binh sĩ ở hạ lưu cùng uống, đương nhiên mùi vị của rượu sẽ không được ngon, nhưng khi binh sĩ đánh giặc thì một người bằng năm người. Có một hôm, có người dâng một túi lương khô, Việt Vương lại đem chút lương khô này ban cho binh sĩ để cho mọi người cùng ăn. Tất nhiên mỗi người được rất ít, có lẽ mọi người không nếm được ra là mùi vị gì, nhưng khi đánh giặc, một người bằng mười người. Hiện nay, con làm Tướng quân, binh lính phải chia đậu để ăn, chỉ mình con sớm tối có thịt, có lương thực để ăn. Tại sao lại như vậy? Không phải là Kinh Thi có nói: “Háo lạc vô hoang, lương sĩ hưu hưu” (thích vui chơi nhưng không thái quá, đây là điều mà người có lương tâm nên cảnh giác), ý nói làm gì cũng phải đúng mực. Để người khác ra vào nơi sống chết, mà mình lại ở trên hưởng vui thú một mình.*

Tuy may mà chiến thắng, nhưng không phải do con có bản lĩnh. Con không phải là con của ta, đừng bước vào nhà ta”. Tử Phát vội vàng tạ tội với mẹ, sau đó mẹ mới để Tử Phát về nhà. Cho nên bậc quân tử nói mẹ của Tử Phát giỏi việc giáo huấn. Kinh Thi có câu: “Giáo hối nhi tử, thức cốc tự chi” (dùng điều thiện để dạy bảo con cái) là để nói việc này.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

*Tử Phát chi mẫu
Thích tử kiêu thái
Tướng Quân đạo lương
Sĩ tốt thức lạp
Trách dĩ vô lễ
Bất đắc nhân lực
Quân tử gia yên
Biên ư mẫu đức*

*Mẹ của Tử Phát
Răn con kiêu ngạo
Tướng quân ăn no
Binh lính chịu đói
Trách con vô lễ
Không được lòng người
Người đời biết chuyện
Viết chuyện mẫu đức*

TRÂU MẠNH KHA MẪU

Mẹ của Mạnh Tử nước Trâu, tên hiệu là Mạnh Mẫu. Nhà bà ở gần một khu nghĩa địa. Lúc Mạnh Tử còn nhỏ, rất thích chơi trong nghĩa địa, lấy việc đào mộ và chôn cất làm trò chơi. Sau khi Mạnh Mẫu nhìn thấy bèn nói: “Nơi này không phải là nơi mà ta và con ta ở được” bèn chuyển đến sống ở cạnh một khu chợ. Sau khi Mạnh Tử tới đây, khi bày trò chơi thường bắt chước người bán hàng giao hàng khắp phố. Sau khi Mạnh Mẫu nhìn thấy bèn nói: “Nơi này không thích hợp để ta và con ta cư trú”, thế là lại dẫn con chuyển nhà đến ở cạnh trường

học. Sau khi Mạnh Tử đến đây, khi bày trò chơi thường tập luyện lễ nghi cúi chào, nhường nhịn, lùi bước. Sau khi Mạnh Mẫu nhìn thấy bèn nói: “*Đây mới là nơi ta và con ta ở được*”. Thế là sinh sống ở nơi này. Đến khi Mạnh Tử trưởng thành, Mạnh Tử học tập lễ (*lễ nghi*), nhạc (*âm nhạc*), xạ (*bắn cung*), ngự (*cưỡi ngựa*), thư (*thư pháp*), số (*toán pháp*) sáu môn kỹ thuật thiết yếu, sau trở thành học giả nổi tiếng.

Cho nên bậc quân tử nói rằng Mạnh Mẫu giỏi việc giáo dục để có được sự thay đổi âm thầm bất ngờ. Trong Kinh Thi có câu: “*Bỉ thù giả tử, hà dĩ dư chi*” (*người đẹp kia ơi! Ta lấy gì tặng người đây!*) là để nói chuyện này.

Mạnh Tử thời niên thiếu, có lần đi học không lâu bèn về nhà. Khi đó Mạnh Mẫu đang ngồi dệt vải, hỏi Mạnh Tử rằng: “*Việc học của con thế nào rồi?*”. Mạnh Tử đáp: “*Vẫn như trước đây ạ!*”. Mạnh Mẫu nghe xong liền dùng dao chặt đứt mảnh vải trên khung cửi. Mạnh Tử kinh ngạc với hành động của mẹ, hỏi mẹ sao lại làm vậy. Mạnh Mẫu bảo rằng: “*Con bỏ bê việc học tập cũng giống như mẹ cắt tấm vải. Người quân tử chân chính thông qua việc học để có tri thức, thông qua việc nêu câu hỏi để mở mang trí tuệ, tĩnh thì được yên ổn, động thì tránh xa tai họa. Hiện nay con bỏ bê việc học tập thì sau này không tránh được việc trở thành nô lệ cho người khác, mà không thể tránh khỏi tai họa. Giống như mẹ phải dệt vải mới có cơm ăn, nếu như bỏ bê giữa chừng không làm việc thì nhà ta sao có quần áo, nhà ta sao có lương thực để ăn! Người phụ nữ bỏ bê thì sẽ không có cơm ăn, người đàn ông bỏ bê thì sẽ sa ngã mà không có đạo đức. Như vậy, nếu không thành kẻ cướp thì cũng thành kẻ bị người khác sai khiến*”.

Sau khi nghe xong Mạnh Tử vô cùng kính sợ, từ đó trở đi hàng ngày từ sáng đến tối đều chăm chỉ học hành không ngừng. Mạnh Tử lấy Tử Tư làm thầy, trải qua việc cố gắng không mệt mỏi cuối cùng trở thành một nhà nho lớn trong thiên hạ. Cho nên bậc quân tử nói rằng Mạnh Mỗ biết đạo lý của người làm mẹ. Trong Kinh Thi có câu: *“Bỉ thù giá tử, hà dĩ cáo chi”* (Người đẹp kia ơi! Ta lấy gì báo cáo người đây) ý là để nói việc này.

Sau khi Mạnh Tử lấy vợ, có một lần, khi ông vào phòng ngủ, thấy vợ ông lỏa thể trong phòng. Mạnh Tử không vui bèn bỏ đi không vào phòng nữa. Vợ Mạnh Tử cáo từ với Mạnh Mỗ yêu cầu rời khỏi nhà họ Mạnh rằng: *“Con nghe nói đạo vợ chồng không đem phòng ngủ bao gồm bên trong. Hiện nay con một mình trong phòng ngủ có chút buông thả, chồng con nhìn thấy lại rất không vui, như vậy là coi con như khách. Nhìn từ phương diện lễ nghĩa của người vợ, làm người vợ ở nhà thì không câu thúc như đối với khách. Cho nên, xin hãy để con về nhà mẹ đẻ”*. Thế là Mạnh Mỗ gọi Mạnh Tử đến, nói với Mạnh Tử rằng: *“Theo quy tắc lễ nghĩa, khi sắp vào cổng phải hỏi ai có nhà. Đây là để chào hỏi người trong nhà. Khi sắp vào phòng khách, nhất định lớn tiếng chào hỏi, ý là thông báo cho người trong nhà. Khi sắp vào phòng trong thì mắt nhất định phải nhìn xuống dưới, là tránh nhìn thấy những điều sơ suất của người ta. Hiện nay con không nghiêm túc thể nghiệm lễ nghĩa, lại dùng lễ nghĩa để trách cứ người khác, đây không phải là xa lánh lễ nghĩa sao?”*. Mạnh Tử nghe mẹ nói xong vội vàng tạ tội, thế là giữ vợ lại. Bậc quân tử cho rằng Mạnh Mỗ thực sự biết lễ nghĩa lại hiểu rõ đạo lý mẹ chồng nàng dâu.

Khi Mạnh Tử ở nước Tề, trên mặt có nỗi lo âu. Mạnh Mầu thấy vậy bèn hỏi: “Hình như con có nỗi lo âu là vì sao vậy?”. Mạnh Tử đáp: “Cũng không có gì ạ”. Hôm khác khi nhân rồi, Mạnh Tử ôm cột nhà mà than thở. Mạnh Mầu sau khi thấy vậy liền nói: “Trước đây thấy sắc mặt con lo lắng, con nói là không có gì. Nay con ôm cột nhà than thở là bởi có làm sao?”. Mạnh Tử trả lời mẹ rằng: “Con nghe nói, người quân tử dựa vào tài năng của mình mà chọn lựa vị trí thích hợp, sẽ không sống tạm mà nhận sự ban thưởng, không tham luyến vinh hoa và bổng lộc. Khi Chư hầu không nghe kiến nghị thì sẽ không truyền đạt lời kiến nghị, và khi nghe lời kiến nghị mà không dùng thì triều đình sẽ không thực hiện. Hiện nay nước Tề không thu nạp đạo nghĩa nên con muốn đi xa một chuyến. Tuy nhiên, mẹ tuổi đã cao nên con mới cảm thấy lo âu”. Mạnh Mầu nói: “Lễ nghĩa của người phụ nữ chẳng qua là nấu nướng cơm nước cho gia đình, nấu rượu cúng tế, phụng dưỡng cha mẹ chồng, may vá quần áo mà thôi. Cho nên chỉ là những việc chốn khuê phòng chứ không có chí hướng nào khác. Kinh Dịch có nói: “Tại trung quĩ, vô du toại” (ý nói người phụ nữ ở nhà việc chủ yếu là bếp núc, cơm nước nước cho gia đình). Kinh Thi có câu: “Vô phi vô nghi, duy tửu thực thị nghị” (người phụ nữ không có tư tưởng tự ý quyết định, chỉ tuân theo tam tông tứ đức). Cho nên mới nói người phụ nữ chưa lấy chồng thì theo cha, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con. Đây là lễ nghi của người phụ nữ. Hiện nay con đã trưởng thành mà ta thì đã già. Con làm theo lễ nghi của con. Ta làm theo lễ nghi của ta”.

Bậc quân tử nói rằng Mạnh Mẫu hiểu nhất là đạo lý của người phụ nữ. Kinh Thi có câu: “*Tải sắc tải tiếu, phi nộ phi giáo*” (giáo dục bằng tình yêu, không giáo dục bằng đòn roi) là để nói mẹ của Mạnh Tử.

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

*Mạnh Tử chi mẫu
Giáo hóa liệt phân
Xử tử trạch nghệ
Sứ tòng đại luân
Tử học bất tiến
Đoạn cơ thị yên
Tử toại thành đức
Vi đương thế quán*

*Mẹ của Mạnh Tử
Không ngừng dạy bảo
Chọn nhà cho con
Để con hiểu đạo
Con học không thông
Chặt vải cảnh tỉnh
Sau con thành danh
Đệ nhất đương thời*

LỖ CHI MẪU SƯ

Mẫu Sư là quả phụ có chín người con trai ở nước Lỗ. Vào tiết Lạp Bát (ngày 8 tháng 12 âm lịch) sau khi làm xong việc nhà, hoàn thành việc cúng tế, bà bèn gọi các con đến rồi bảo: “Đạo của người phụ nữ là không có việc quan trọng thì không được ra khỏi nhà chồng. Nhưng nhà mẹ đẻ của ta con cháu còn nhỏ, các nghi lễ cuối năm vẫn chưa chuẩn bị đầy đủ, ta phải cùng các con về giúp chúng”. Các con bà đều gật đầu đồng ý. Bà lại gọi các con dâu lại bảo rằng: “Người phụ nữ có đạo tam tòng, không được làm theo ý mình. Khi chưa lấy chồng thì theo cha mẹ, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con. Hiện nay các con ta đều đồng ý cho ta về nhà mẹ đẻ. Việc này tuy đã vượt quá phép tắc nhưng

ta muốn con trai út cùng đi, như vậy mới hợp với phép tắc đi về của người phụ nữ. Các con phải cẩn thận trông coi nhà cửa của mình, đến chập tối ta sẽ trở về". Thế là bà cùng người con trai út cùng về nhà mẹ để giải quyết việc nhà. Do trời âm u, khi quay về trời vẫn còn sớm, chưa đến chập tối. Vì thế, khi bà đến ngoài thôn thì dừng lại, đợi đến khi chập tối mới về nhà.

Đại phu nước Lỗ đứng trên đài cao nhìn thấy việc này, cho là kỳ lạ bèn sai người hầu không làm phiền bà mà chỉ theo dõi tình hình của nhà bà. Người hầu thấy khi bà ở nhà thì vô cùng chú trọng lễ tiết, việc trong nhà đều đầu vào đấy. Người hầu sau khi quay về đem những điều thấy được báo cáo lại đúng sự thật. Vì thế, đại phu cho gọi bà đến, hỏi bà rằng: *"Có một hôm bà từ hướng bắc về nhà. Đến ngoài thôn thì dừng lại ở đó một lúc lâu cho đến khi trời tối mới về nhà. Ta không biết là nguyên có làm sao, cảm thấy rất kỳ lạ, do vậy ta muốn biết tại sao".* Mẫu sư đáp: *"Thiếp bất hạnh, chồng mất sớm, sống với chín đứa con. Tiết Lạp bát, làm xong việc nhà theo lễ nghi rồi cùng con trai về nhà mẹ để trợ giúp. Khi đi có bảo với các con dâu là trời chập tối sẽ về nhà. Thiếp sợ lúc tụ họp ăn uống no say sẽ có điều thất thố. Đây là việc thường tình của con người. Nhưng khi trở về thời gian còn sớm nên lúc đó không dám về nhà, cho nên dừng ở ngoài thôn, đợi đến giờ hẹn mới dám về nhà".*

Sau khi nghe xong đại phu vô cùng cảm động, bèn đem việc này kể cho Mục Công. Mục Công ban phong cho bà danh hiệu *"Mẫu sư"*, để bà vào triều yết kiến phu nhân của mình, phu nhân và các cung nữ đều lạy bà làm thầy. Bậc quân tử nói rằng Mẫu sư giỏi việc giáo dục người khác bằng hành động gương mẫu. Lễ nghĩa

phép tắc, phụ nữ chưa chồng thì coi cha mẹ là trời, lấy chồng thì coi chồng là trời, nếu cha mẹ đã mất thì hiểu phục giảm một cấp, ý nghĩa là không còn hai trời. Cho nên Kinh thi có nói: “*Xuất túc ư di, ẩm tiến ư di, nữ tử hữu hạnh, viễn phụ mẫu huynh đệ*” (ý đại lược là: Người phụ nữ đi lấy chồng, xa lìa cha mẹ anh em).

Có thơ ca ngợi:

Tạm dịch:

Cửu tử chi mẫu

Mẹ của chín con

Thành tri lễ kinh

Thành tín lễ nghĩa

Yết quy hoàn phần

Giữ lễ việc nhỏ

Bất yếm nhân tình

Đức hạnh song toàn

Đức hạnh ký bị

Có đức có hạnh

Tuất môn kỳ vinh

Sau được vinh hạnh,

Lỗ quân hiền chi

Vua Lỗ khen ngợi

Hiệu dĩ tôn danh

Phong cho danh hiệu

NGỤY MANG TỪ MẪU

Ngụy Mang từ mẫu là con gái của Mạnh Dương thị nước Ngụy, là vợ kế của Mang Mão. Bà có ba người con, vợ trước có năm người con, đều không yêu mến bà. Tuy từ mẫu đối xử với chúng rất tốt, nhưng chúng vẫn không yêu mến bà. Thế là Từ mẫu để cho con đẻ của mình ăn mặc khác với năm người con của vợ trước, cuộc sống sinh hoạt kém xa với con của người vợ trước, nhưng con của người vợ trước vẫn không yêu mến bà. Sau này, một người con của người vợ trước vi phạm pháp luật của Vua Ngụy bị xử tội chết. Từ mẫu vô cùng lo âu, do vậy gầy rộc người đi, vòng eo giảm hơn thước,

hàng ngày bận rộn bôn ba khắp nơi để cứu đứa con phạm tội. Có người nói với Từ mẫu: “Con người ta vốn không quý mền bà. Sao bà lại vì chuyện của nó mà bận tâm lo lắng đến mức này?”. Từ mẫu nói: “Nếu như là con đẻ của ta, cho dù không yêu quý ta, ta cũng phải cứu nó, giúp nó tránh khỏi tai họa. Đối với con của vợ trước lại không làm như vậy thì có khác gì với những người vợ kế bình thường! Cha của chúng do chúng mất mẹ trở thành mồ côi nên mới lấy ta làm mẹ kế của chúng. Mẹ kế cũng là mẹ. Người làm mẹ mà không yêu con. Vậy có được coi là từ ái không! Chỉ yêu thương con đẻ của mình, không yêu thương con vợ trước của chồng. Vậy có được coi là nhân không! Không từ ái lại không nhân nghĩa, sao có thể đứng trong thế gian. Tuy chúng không yêu quý ta, nhưng ta sao có thể quên hết nhân nghĩa được!”. Thế là vẫn bôn ba khắp nơi để cứu con chồng.

Ngụy An Ly Vương biết được việc này, thấy bà là người cao thượng lại có tình nghĩa, bèn nói: “Có người mẹ hiền như này, sao có thể không cứu con của bà!”, thế rồi tha người con phạm tội, thả nó về nhà. Từ đó về sau, năm người con của vợ trước thân cận, nương tựa vào Từ mẫu, cả nhà vui vẻ hòa thuận. Từ mẫu thường dùng lễ nghĩa tận tâm dạy bảo tám người con. Sau này họ đều trở thành các quan đại phu, khanh sĩ của nước Ngụy. Mỗi người đều tự lấy lễ nghĩa để lập thân, có được thành tựu.

Bậc quân tử nói Từ mẫu có thể dùng một tấm lòng để nuôi dưỡng các con. Kinh Thi có nói: Thi cưu tại tang, kỳ tử thất hề. Thục nhân quân tử, kỳ nghi nhất hề, kỳ nghi nhất hề, tâm như kết hề (*Chim cú nó đậu cành dâu, thêm đàn cu nhỏ đếm đầu bảy con. Thục nhân quân*

tử sắt son, trước sau như một há mòn mỗi vay, trước sau một dạ chẳng thay, như gắn như bó, lòng này thủy chung). Ý nói nhân tâm đồng nhất, chim cu dùng cái tâm như nhau để nuôi bảy con. Người quân tử dùng lễ nghĩa như nhau để dưỡng dục vạn vật. Một lòng có thể phụng sự trăm Vua, mà trăm tấm lòng (*trăm tư tưởng*) không thể phụng sự một Vua là có ý nói điều này.

Có thơ ca ngợi:

*Mang Mãi chi thê
Ngũ tử hậu mẫu
Từ huệ nhân nghĩa
Phù dưỡng giả tử
Tuy bất ngô ái
Quyền quyền nhược thân
Kế mẫu nhược tư
Diệp thành khả tôn*

Tạm dịch:

*Vợ của Mang Mãi
Mẹ kế năm con
Hiền từ nhân nghĩa
Nuôi dưỡng con chồng
Tuy không yêu mình
Vẫn coi con đẻ
Mẹ kế như vậy
Đáng được tôn kính*

TÈ ĐIỀN TẮC MẪU

Tề Điền Tắc mẫu là mẹ của Điền Tắc nước Tề. Khi Điền Tắc làm Tế tướng nước Tề thì nhận hối lộ của thuộc hạ hai ngàn lượng vàng. Ông đem vàng về dâng cho mẹ. Mẹ nói: “Con làm Tế tướng ba năm rồi, bổng lộc chưa bao giờ nhiều như thế. Chẳng nhẽ là nhận vàng của thuộc hạ! Số vàng này rốt cuộc là từ đâu mà có?” Điền Tắc trả lời mẹ: “Như lời mẹ nói, là nhận của thuộc hạ”.

Mẹ ông nói: “Mẹ nghe nói người trí thức luôn nghiêm khắc tu dưỡng bản thân, tự trọng và giữ mình trong sạch, không tùy tiện lấy những thứ của cải của người

khác. Họ trong sáng vô tư, không làm những chuyện lừa dối. Tâm không bao giờ nghĩ tới những việc bất nghĩa, trong nhà không bao giờ có những thứ của cải bất nhân bất nghĩa. Lời nói và việc làm phải như nhau, trong lòng với bề ngoài phải tương đồng. Nay Vua đã cho con làm quan, ban cho nhiều bổng lộc. Lời nói và việc làm phải như nhau thì mới có thể báo đáp sự tín nhiệm của Vua. Kẻ làm bề tôi phải phụng sự Vua của họ, giống như con cái phụng sự cha mẹ, phải tận tâm tận sức, chú trọng sự trung thành, không dối trá, phải tận trung với Vua, cho dù chết cũng phải làm theo lệnh Vua, phải liêm khiết công minh chính trực mới không có tai họa. Hiện nay con lại làm điều ngược lại, làm như vậy là xa lánh với trung thành. Làm bề tôi mà không thể tận trung thì giống như làm con mà bất hiếu. Thứ tài sản bất nghĩa này không phải là thứ ta cần, đưa con bất hiếu, cũng không phải là con ta, con hãy đi đi”.

Điền Tắc nghe xong thì vô cùng xấu hổ, liền đem trả lại toàn bộ số vàng ấy, còn lập tức đến triều đình tự thú nhận lỗi lầm, thỉnh cầu nhà Vua xử phạt. Tề Tuyên Vương nghe xong, hết sức tán thưởng nghĩa khí và đạo đức của mẹ Điền Tắc. Vì vậy xá tội cho Điền Tắc, vẫn cho làm Tể tướng và ban thưởng cho mẹ của Điền Tắc.

Bậc quân tử nói mẹ của Điền Tắc liêm khiết lại giỏi việc giáo dục. Kinh Thi có câu: “*Bỉ quân tử hề, bất tố tôn hề*” (Người quân tử kia, không thể ngồi không mà ăn), ý nói đến việc không công lao mà nhận bổng lộc, thì người quân tử sẽ không làm, hưởng chi là việc nhận tiền của người khác hối lộ.

Có thơ ca ngợi:

*Điền Tắc chi mẫu
Liêm khiết chính trực
Trách tử thụ kim
Dĩ vi bất đức
Trung hiếu chi sự
Tận tài kiệt lực
Quân tử thụ lộc
Chung bất tố thực*

Tạm dịch:

*Mẹ của Điền Tắc
Liêm khiết chính trực
Trách con nhận vàng
Cho là bất đức
Những việc trung hiếu
Tận tâm tận sức
Quân tử nhận lộc
Không thể ăn không*

QUYỂN II: HIỀN MINH TRUYỆN

*Duy bậc Hiền minh
Liêm chính đúng cách
Hành động có mục
Nói thành văn chương
Hiểu rõ sự lý*

*Biết giềng mối trên đời
Cư xử theo pháp độ,
Trọn đời không gặp tai họa
Bậc hậu phi mà học theo
Ắt sẽ được tên tuổi rõ ràng*



CHU TUYÊN KHƯƠNG HẬU

Khương Hậu, vợ Vua Chu Tuyên Vương là con gái của Tề hầu, bà hiền lành đức hạnh. Bà không nói những việc không hợp lễ nghĩa, không làm những hành vi không hợp lễ nghĩa. Chu Tuyên Vương từng ngủ sớm dậy muộn, phu nhân thức dậy đã lâu mà chưa ra khỏi phòng, bỏ bê việc triều chính. Khương Hậu cởi bỏ trâm cài đầu và khuyên tai rồi đến cung Vĩnh Hạng đọit phạt, và sai Phó mẫu (*nữ gia sư*) thông báo với Chu Tuyên Vương rằng: *“Thiếp bất tài, cái tâm dâm loạn quá độ của thiếp đã biểu hiện ra ngoài, cho nên mới để Đại Vương mất hết lễ nghi mà bỏ bê việc triều chính, từ đó mà để cho người ta thấy rằng Đại Vương do say đắm sắc đẹp mà quên đi đức hạnh. Nếu thích sắc đẹp thì nhất định sẽ thích xa hoa, từ đó đầy rẫy dục vọng, đây là nguyên nhân dẫn đến tai họa. Suy cứu nguồn cơn của tai họa là từ thiếp mà ra, mong Đại Vương hãy trị tội của thiếp”*. Chu Tuyên Vương nghe xong bèn nói: *“Quả nhân không có đức hạnh, nguyên nhân thực sự là do bản thân trẫm, không phải lỗi của phu nhân”*. Thế rồi sai tùy tùng đưa Khương Hậu về hậu cung, và từ đó siêng năng việc triều chính. Hàng ngày sáng sớm thượng triều, tối muộn mới bãi triều, cuối cùng trở thành vị Vua trung hưng nhà Chu.

Bác quân tử nói rằng Khương Hậu có uy nghi lại có đức hạnh. Căn cứ theo lễ nghĩa, hậu phi hầu hạ Vua, phải lấy ánh sáng của ngọn nến dẫn đường. Khi đến nơi Vua ở, tắt nến vào phòng, cởi bỏ triều phục, thay quần áo lót, sau đó tiến vào hầu hạ Vua. Sau khi gà gáy, nhạc

sư đánh trống báo trời sáng, gà gáy sáng thì hậu phi dậy mặc lại trang phục và rời đi.

Kinh Thi có câu: “*Uy nghi ức ức, đức âm trật trật*” (*uy nghi nghiêm cẩn, tầm tiếng bền lâu*), lại có câu: “*Thấp tang hữu a, Kỳ diệp hữu u. Ký kiến quân tử, Đức âm khổng giao*” (*Cây dâu ở chỗ thấp xinh. Lá thì đen mượt đầy cành tốt tươi. Gặp trang quân tử ấy rồi. Được nghe tầm tiếng của người bền lâu*). Người phụ nữ dùng sắc đẹp bày tỏ sự thân mật, dùng đạo đức để củng cố giang sơn. Đức hạnh của Khương thị có thể nói là vô cùng vững chắc.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Gia từ Khương Hậu

Khen cho Khương Hậu

Quyết đức khổng hiền

Đức hạnh hiền thực

Do lễ động tác

Hành động theo lễ

Khuông phối Chu Tuyên

Làm vợ Chu Tuyên

Dẫn quá thôi nhượng

Tự mình nhận tội

Tuyên Vương ngộ yên

Làm Vua tỉnh ngộ

Túc dạ sùng đạo

Ngày đêm sùng đạo

Vi trung hưng quân

Thành Vua trung hưng

TÈ HOÀN VỆ CƠ

Vệ Cơ là con gái của Vệ hầu, là phu nhân của Tề Hoàn Công. Hoàn Công tính tình phong lưu, yêu thích âm nhạc của hai nước Trịnh, Vệ, thích mỹ nữ của hai nước Trịnh, Vệ, cho rằng phụ nữ của hai nước cũng giống với âm nhạc của họ, đều dùng để hưởng lạc. Để sửa đổi thành kiến của Tề Hoàn Công, Vệ Cơ kiên

quyết tỏ ý không nghe âm nhạc của quê hương, không lấy sắc đẹp và tài múa để lấy lòng Vua. Tề Hoàn Công cũng không trách phạt, ngược lại bị sự khác người của bà hấp dẫn. Hoàn Công trọng dụng Quản Trọng, Ninh Thúc, giúp cho nước Tề càng ngày càng phát triển. Cho nên chư hầu đều đến triều kiến, nhưng chỉ có nước Vệ không đến. Hoàn Công không vui bèn cùng Quản Trọng thương lượng việc thảo phạt nước Vệ. Sau khi Tề Hoàn Công bãi triều lui về hậu cung, Vệ Cơ quan sát sắc mặt của Hoàn Công liền tháo trâm cài đầu và khuyên tai, tháo bỏ đồ trang sức đi đến sảnh lớn lạy hai lạy mà nói: *“Thiếp nguyện xin được tạ tội thay cho nước Vệ”*. Tề Hoàn Công nói: *“Trẫm với nước Vệ không có gì. Sao ái khanh lại phải tạ tội cho nước Vệ?”*. Vệ Cơ đáp: *“Thiếp nghe nói: Vua có ba sắc mặt, sắc mặt vui vẻ biểu lộ sự cao hứng, đây là sắc mặt rượu tiệc. Sắc mặt im lặng âm u kìm nén, khẳng định là sắc mặt tai họa chết chóc. Đây rầy sự tức giận, tay chân múa may, đây là sắc mặt của người muốn đi đánh chiếm. Hôm nay, thiếp thấy Hoàng Thượng dơ tay múa chân, sắc mặt nghiêm nghị, tiếng nói cao vút, xem ra ý tại nước Vệ. Do vậy, thiếp mới xin thỉnh tội”*. Hoàn Công nghe xong bèn hứa không công đánh nước Vệ nữa.

Ngày hôm sau thượng triều, Quản Trọng bước lên nói: *“Thần thấy hôm nay Hoàng Thượng lâm triều lại khiêm cung mà hơi thở ôn hòa, lời nói cũng ổn định, xem ra không có ý thảo phạt, chắc là muốn bỏ qua cho nước Vệ rồi”*. Hoàn Công đáp: *“Khanh nói rất đúng!”*.

Thế là lập Vệ Cơ làm phu nhân, gọi Quản Trọng làm Trọng phụ, còn nói: *“Phu nhân quản lý bên trong, Quản*

Trọng quản lý bên ngoài, cho dù trăm có ngu dần, cũng đủ để đứng vững trong thiên hạ”.

Bạc quân tử nói Vệ Cơ giữ chữ tín lại có đức hạnh. Kinh Thi có câu: *“Triển như chi nhân hề, bang chi ái dã”* (ở đây là dùng để ca ngợi Vệ Cơ, khen bà là người phụ nữ xinh đẹp)

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề Hoàn Vệ Cơ
Trung khoản thành tín
Công háo dâm nhạc
Cơ vi tu thân
Vọng sắc thính tội
Hoàn Công gia yên
Quyết sứ trị nội
Lập vi Phu Nhân*

*Tề Hoàn Vệ Cơ
Trung thành tín nghĩa
Công mê âm nhạc
Cơ vốn tu thân
Nhìn mặt thính tội
Hoàn Công tín nhiệm
Cho quản nội chính
Lập thành Phu Nhân*

TẤN VĂN TỀ KHƯƠNG

Tề Khương là tôn nữ của Tề Hoàn Công, là phu nhân của Tấn Văn Công. Lúc đầu cha của Văn Công là Hiến Công lấy Ly Cơ. Ly Cơ dùng lời gièm pha giết hại Thái tử Thân Sinh. Văn Công là công tử đương thời, tên gọi Trùng Nhĩ, cùng với Cữu Phạm bỏ trốn sang nước Địch. Sau này khi đến nước Tề, Tề Hoàn Công đã gả tôn nữ cho Trùng Nhĩ, đối xử vô cùng trọng hậu, còn ban cho hai mươi cỗ xe ngựa. Trùng Nhĩ có được cuộc sống như này bèn quyết tâm ở lại nước Tề. Trùng Nhĩ nói: *“Đời người chẳng qua là ham muốn an nhàn mà thôi, ai còn có thể nghĩ đến việc khác”*. Tử Phạm (tức Cữu Phạm,

là cậu của Trùng Nhĩ) biết Trùng Nhĩ muốn ở lại nước Tề, muốn Trùng Nhĩ lên đường nhưng lại sợ Trùng Nhĩ không nghe nên cùng với tùy tùng bàn bạc chuyện rời đi ở vườn dâu. Khi đó người tiểu thiếp nuôi tằm của Trùng Nhĩ ở đó, người tiểu thiếp đem chuyện này báo cho Tề Khương. Tề Khương lập tức giết chết người tiểu thiếp rồi nói với Trùng Nhĩ rằng: *“Những người tùy tùng của chàng bàn việc để chàng rời nước Tề. Thiếp đã diệt trừ người biết việc này. Chàng nhất định phải nghe theo lời của họ, không thể chần chừ do dự, nếu chần chừ do dự sẽ không giữ được tính mạng của mình. Từ khi chàng rời khỏi nước Tấn thì nước Tấn không có ngày nào được bình yên. Xem ra trời không muốn diệt nước Tấn, mà người có được nước Tấn, chẳng phải chàng thì là ai, chàng phải cố gắng lên! Ông trời đang dõi theo chàng, nếu chàng chần chừ do dự thì nhất định sẽ có sơ suất”*. Trùng Nhĩ nói: *“Ta sẽ không nghe lời họ mà rời xa nước Tề. Ta đã hạ quyết tâm ở lại nước Tề”*.

Tề Khương nói: *“Không thể như vậy! Chu thi có câu: “Tân tân chinh phu, mỗi hoài mị cập” (hàng ngày có rất nhiều người đang cố gắng mà còn sợ không đạt được mục đích). Cho dù hàng ngày viễn chinh còn e là khó đạt được mục đích, huống hồ ham muốn an nhàn. Sao có thể thực hiện lý tưởng! Người mà không theo đuổi lý tưởng, sao có thể đạt được lý tưởng! Họa hoạn sẽ không kéo dài, chàng nhất định sẽ có được nước Tấn”*. Trùng Nhĩ không nghe, thế là Tề Khương âm thầm bàn bạc với Cữu Phạm, chuốc rượu cho Trùng Nhĩ thật say rồi vực lên xe, âm thầm đi khỏi nước Tề. Khi Trùng Nhĩ tỉnh rượu bèn cầm giáo đuổi theo Cữu Phạm mà rằng: *“Nếu như việc thành thì thôi, còn nếu không thành thì ta*

có ăn thịt của người cũng không hết giận!". Thế rồi lên đường, đi qua các nước Tào, Tống, Trịnh, Sở, cuối cùng đến nước Tần. Tần Mục Công xuất binh giúp Trùng Nhĩ trở về nước Tấn. Người nước Tấn giết chết Hoài Công rồi lập Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ trở thành Tấn Văn Công. Sau khi trở về nước Tấn, Văn Công nghênh đón Tề Khương đến nước Tấn và lập thành phu nhân. Thế rồi Văn Công xưng bá thiên hạ, trở thành minh chủ của các nước chư hầu.

Bậc quân tử nói Tề Khương thuần khiết mà không khinh nhờn, có thể lấy điều thiện để bồi dưỡng người quân tử. Kinh Thi có câu: *"Bỉ mỹ mạnh khương, khả dữ ngụ ngôn"* (người con gái xinh đẹp kia, có thể bàn việc đại sự với người) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề Khương công chính
Ngôn hạnh bất đãi
Khuyến miễn Tấn Văn
Phản quốc vô nghi
Công Tử bất thính
Khương dữ Phạm mưu
Túy nhi tải chi
Tuất thành bá cơ*

*Tề Khương công chính
Ngôn hạnh không sơ suất
Khuyến khích Văn Công
Về nước không sai
Văn Công không nghe
Chuồn say chở đi
Sau thành bá nghiệp*

TẦN MỤC CÔNG CƠ

Mục Cơ là phu nhân của Tần Mục Công, là con gái của Tấn Hiến Công, là chị gái ruột của Thái tử Thân Sinh, là chị em cùng cha khác mẹ với Tấn Huệ Công.

Mục Cơ hiền lành lại nhân nghĩa. Sau khi Tấn Hiến Công giết chết Thái tử Thân Sinh, lại trục xuất các công tử, Huệ Công là công tử Di Ngô, khi đó chạy trốn sang nước Lương, sau khi Hiến Công chết, được nước Tần lập lên làm Vua. Vừa mới lên ngôi, Mục Cơ bảo tiếp nhận những công tử bị trục xuất mà rằng: *“Gia tộc của Đại Vương là gốc rễ của quốc gia”*. Huệ Công tuyệt nhiên không nghe theo, sau lại ngấm ngầm nhận tặng vật của nước Tần. Nước Tấn bị mất mùa bèn vay lương thực của nước Tần, nước Tần liền cho nước Tấn. Đến khi nước Tần bị mất mùa đi vay lương thực của nước Tấn nhưng nước Tấn không cho. Thế là nước Tần khởi binh đánh Tấn, sau bắt được Vua nước Tấn mà khải hoàn. Tần Mục Công nói: *“Hãy quét dọn tông miếu của Tổ tiên! Trẫm sẽ để cho Tổ tiên gặp Vua nước Tấn”*. Mục Cơ biết chuyện bèn cùng với Thái Tử Oánh, công tử Hoàng và con gái Giản Bích mặc tang phục, dưới chân để củi khô mà nghênh đón và nói với Mục Công rằng: *“Trời xanh giáng họa để cho Vua hai nước không chung sống hòa thuận mà dấy binh thảo phạt. Thiếp được gả đến nước Tần xa xôi làm tỳ nữ, mà lại không thể để cho Vua hai nước hiểu nhau, do đó làm nhục sứ mệnh của Vua hai nước. Nếu như buổi sáng Vua nước Tấn đến thì buổi chiều thiếp sẽ chết, mong bệ hạ suy xét việc này”*.

Tần Mục Công cảm thấy rất bất an, thế là tạm dừng chân ở Linh Đài. Các quan đại phu thỉnh cầu cùng đưa Vua Tấn về, Tần Mục Công nói: *“Bắt được Vua nước Tấn, vốn là trở về trong chiến thắng, mà hiện nay có lẽ là về trong đám tang. Làm như vậy có ích gì!”*. Thế là đối đãi với Tấn như khách, lấy lễ trọng hậu để ban tặng rồi thả Vua nước Tấn về.

Sau khi Mục Cơ mất, em trai của bà là Trùng Nhĩ đến nước Tần. Nước Tần đưa Trùng Nhĩ về nước Tấn, sau này trở thành Tấn Văn Công. Thái Tử Oánh nghĩ đến ân tình của mẹ, khi tiễn người cậu có làm thơ rằng: “Ngã tống cửu thị, Viết chí Vị Dương, Hà dĩ tặng chi? Lộ xa thặng hoàng” (Cậu đi quyến luyến ta đưa, tiễn đưa mãi đến bên bờ Vị Dương. Lấy chi làm chút lễ thường, cỗ xe với bốn ngựa vàng xin dâng).

Bậc quân tử nói rằng: “Đúng là mẹ hiền sinh con hiếu”. Kinh Thi có câu: “Kính thận uy nghi, duy dân chi tắc” (cung kính cẩn thận có uy nghi là phép tắc để trị dân), Mục Cơ là như vậy.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Tần Mục Phu Nhân

Phu Nhân Tần Mục

Tấn Huệ chi tử

Chi gái Tấn Huệ

Tần chấp Tấn quân

Tần bắt Vua Tấn

Phu nhân lưu thế

Phu Nhân rơi lệ

Thống bất năng cứu

Xót không cứu được

Nãi tương phó tử

Đành tìm cái chết

Mục Công nghĩa chi

Mục Công cảm động

Toại thích kỳ đệ

Thả em trai Mục Cơ

SỞ TRANG PHÀN CƠ

Phàn Cơ là phu nhân của Sở Trang Vương. Sau khi Sở Trang Vương lên ngôi, thích săn bắn. Phàn Cơ nhiều lần can gián không được, bèn quyết không ăn thịt cầm thú, từ đấy Vương sửa đổi, chuyên việc chính sự hơn. Vương thường vì việc triều đình mà bỏ bê ăn

uống, Phàn Cơ tự đến diện hỏi: “*Vì sao Đại Vương bỏ bê ăn uống? Chẳng nhẽ không đói, không mệt à?*”. Sở Vương nói: “*Cùng người hiền nói chuyện thì không biết đói, không biết mệt*”. Phàn Cơ nói: “*Người hiền mà Đại Vương nói là ai vậy?*”. Sở Vương lại đáp: “*Là Ngụ Khâu Tử*”. Phàn Cơ nghe xong bịt miệng mà cười. Sở Vương hỏi: “*Vì sao lại cười?*”. Phàn Cơ bèn đáp: “*Ngụ Khâu Tử hiền thì có hiền, nhưng trung thì chưa chắc*”.

Sở Vương hỏi: “*Sao lại vậy?*”. Phàn Cơ bèn đáp: “*Thiếp hầu hạ Quân Vương, ngót cũng 11 năm, đã từng sai người đến khắp các nước Trịnh, nước Vệ, cũng là để kiếm hiền nữ hầu hạ Quân Vương. Nay người hiền hơn thiếp có hai người, ngang thiếp có bảy người. Chẳng nhẽ thiếp không muốn được Quân Vương sủng ái một mình thiếp sao! Thiếp thường nghe nói: “*Đường thượng kiếm nữ, sở dĩ quan nhân năng dã*” (Sánh lớn nhiều người nữ, có thể quan sát được ai là người hiền), thiếp không thể lấy chuyện tư át chuyện công, luôn muốn để cho Quân Vương trong đám đông Phi tần này biết được người nào là người hiền đức. Ngụ Khâu Tử làm Tế Tướng đã hơn 10 năm, tiến cử không phải đệ tử thì cũng anh em trong gia tộc. Chưa từng nghe nói tiến cử người hiền tài, cũng chưa từng thấy truất phế kẻ bất tài. Có lẽ đây là che dấu Quân Vương ngăn chặn đường tiến cử của người hiền tài. Biết nhân tài mà không tiến cử là bất trung; không biết ai hiền mà tiến cử là không sáng suốt. Cho nên sau khi nghe Quân Vương nói thiếp thấy buồn cười. Không phải là chuyện bình thường sao!”. Sở Vương nghe xong rất vui.*

Ngày hôm sau, Sở Vương nói lại lời của Cơ với Khâu Ngụ Tử. Khâu Ngụ Tử hết hoảng mà không đáp

lại được. Sau khi về nhà, liền tiến cử Tôn Thúc Ngao và Sở Vương cho làm Lệnh doãn (*Tể Tướng*). Sau ba năm nước Sở dưới sự quản lý của Tôn Thúc Ngao, Sở Trang Vương trở thành bá chủ thiên hạ. Sách sử Sở có viết: “*Trang Vương xưng bá, ấy là có công của Phàn Cơ*”.

Kinh Thi có câu: “*Đại phu túc thối, vô sử quân lao*” (*Quan đại phu hãy sớm lui về để khỏi khiến Vua phải lao nhọc về chính sự*), chữ quân ở đây là chỉ nữ quân. Lại nói: “*Ôn cung triều tịch, chấp sự hữu khác*” (*sớm tối ôn hòa lại cung kính, cẩn thận hành sự*) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Phàn Cơ khiêm nhượng
Mĩ hữu tật đồ
Tiến tiến mỹ nhân
Dĩ kỹ đồng xử
Phi thứ Ngu Khâu
Tế hiền chi lộ
Sở Trang dụng yên
Công nghiệp toại bá*

*Phàn Cơ khiêm nhượng
Không chút đồ kỹ
Tiến cử mỹ nữ
Cùng mình vui sống
Châm biếm Ngu Khâu
Sở Trang nghe theo
Lấy được bá nghiệp*

CHU NAM CHI THÊ

Chu Nam Chi Thê là vợ của Chu Nam đại phu. Chồng của bà phụng mệnh đi cải tạo đất, quá thời hạn mà chưa thể về. Người vợ sợ chồng buông lỏng việc nước, bèn kể với hàng xóm những lời trước đây đã nói với chồng: “*Đất nước nhiều gian khó, nhất định phải tận tâm tận sức làm việc vì đất nước, đừng oán trách gì, để cho cha mẹ cảm thấy lo lắng. Ngày xưa vua Thuấn cày cấy ở núi*

Lịch Sơn, đánh cá ở Lô Trạch, làm gốm ở Hà Tân, đều không phải là những việc của Vua Thuấn, mà vua Thuấn vẫn bằng lòng làm những việc này là để nuôi sống cha mẹ. Trong tình trạng nhà nghèo, cha mẹ già cả thì không thể chọn lựa quan chức mà ra làm quan, nghèo đến mức phải tự mình đi gánh nước già gạo thì không thể chọn vợ đẹp để cưới. Cho nên mới nói khi cha mẹ còn sống thì việc nhỏ có thể đồng hành với thời thế, nhưng không thể thẹn với nghĩa lớn, nguyên nhân làm như vậy là để không gặp phải tai họa mà thôi. Chim phượng hoàng không sa lưới, kỳ lân không sa bẫy, giao long không đến nơi đầm cạn là lấy cái trí lực, cái biết của muông thú để tránh tai họa, huống hồ là con người? Sinh ra trong thời loạn, không thể làm theo chính đạo, đạt lẽ thường, dưới sự áp bức của bạo ngược, thậm chí không thể làm điều nhân nghĩa mà lại ra làm quan, nguyên nhân là bởi vì cha mẹ còn sống”.

Thế là làm thơ rằng: Tạm dịch:

<i>“Phượng ngư sanh vĩ</i>	<i>Cá mè đuôi đỏ thương ôi</i>
<i>Vương thất như hủy</i>	<i>Việc Vua lửa cháy dầu sôi khác gì</i>
<i>Tuy tắc như hủy</i>	<i>Dầu sôi lửa cháy thôi thì</i>
<i>Phụ mẫu khổng nhĩ”</i>	<i>Gần cha gần mẹ lo gì mà lo</i>

Đây là bởi vì bất đắc dĩ. Do vậy bậc quân tử biết vợ của Chu Nam giỏi việc chỉnh sửa chông.

Có thơ khen rằng: Tam dịch:

<i>Chu Đại Phu thê</i>	<i>Vợ Chu Đại Phu</i>
<i>Phu xuất trị thổ</i>	<i>Chồng đi cải tạo đất</i>
<i>Duy giới vô đãi</i>	<i>Duy chỉ dặn dò không chệnh mảng việc</i>
<i>Miễn vì phụ mẫu</i>	<i>Gắng vì cha mẹ</i>
<i>Phàm sự viễn lự</i>	<i>Việc phải nhìn xa</i>
<i>Vi thân chi tại</i>	<i>Cha mẹ còn sống</i>
<i>Tác thơ phùng ngư</i>	<i>Làm thơ cá mè</i>
<i>Dĩ sắc quân tử</i>	<i>Dặn người quân tử</i>

TÔNG BÀO NỮ TÔNG

Nữ Tông là vợ của Bào Tô nước Tống. Bà hầu hạ mẹ chồng vô cùng chu đáo, Bào Tô làm quan ở nước Vệ ba năm, ở bên ngoài lại lấy thêm một người vợ. Sau khi Nữ Tông biết được thì hầu hạ mẹ chồng càng cung kính hơn. Có người thường qua lại nước Vệ, Nữ Tông bèn hỏi thăm tin tức của chồng lại còn tặng lễ vật vô cùng trọng hậu cho người vợ ở bên ngoài của chồng. Chị của Nữ Tông nói với bà: “Em có thể rời khỏi cái nhà này rồi”. Nữ Tông hỏi: “Tại sao vậy ạ?”. Người chị nói: “Chồng em ở bên ngoài thích người khác. Tại sao em phải tiếp tục ở lại đây?”. Nữ Tông nói: “Người phụ nữ một khi đã xuất giá thì không thể thay đổi, cho dù chồng chết cũng không thể tái giá, phải mặc tang phục, kéo tơ tằm, dệt vải may áo để phụng dưỡng bên nhà chồng, chuẩn bị rượu ngọt, chuẩn bị cơm canh để phụng dưỡng cha mẹ chồng. Người phụ nữ lấy sự chung thủy làm trinh tiết, lấy việc giỏi phục tùng làm hòa thuận. Sao có thể chỉ giỏi việc hưởng thụ sự sung ái của chồng được! Nếu như lấy lòng

ham muốn mà hạn chế sở thích của chồng, em không biết điều này tốt ở điểm nào. Theo lễ nghi: Thiên tử có thể có thê thiếp 12 người, chư hầu có thể có 9 người, khanh đại phu có thể có 3 người, kẻ sĩ có thể có 2 người. Hiện nay chồng em là một kẻ sĩ, có hai người thê thiếp chẳng phải là hợp lý sao! Hơn nữa, người phụ nữ có bảy điều cấm kỵ khi phạm phải thì sẽ bị đuổi khỏi nhà chồng, mà nam giới lại không có điều cấm kỵ nào để bị đuổi đi. Bảy loại phép tắc bị đuổi ra khỏi nhà thì ghen tuông xếp thứ nhất, những thứ như dâm loạn, trộm cắp, lảm nhảm, ngạo mạn, không con, có ác tật đều đứng sau ghen tuông. Chị không dạy em lễ nghi vợ chồng chung sống với nhau lại muốn em làm những hành vi bị đuổi khỏi nhà chồng. Sao em có thể làm như vậy?”. Thế là không nghe lời chị gái mà hầu hạ mẹ chồng càng cung kính.

Vua nước Tống sau khi biết việc này đã biểu dương bà trong làng xóm, ban cho bà danh hiệu Nữ Tông. Bậc quân tử thấy rằng Nữ Tông khiêm tốn lại biết lễ nghĩa. Kinh Thi có câu: “*Lệnh nghi lệnh sắc, tiểu tâm dục dục, cổ huấn thị thức, uy nghi thị lực*” (Ý nói mặt mày tươi tắn, cẩn thận dè dặt, tuân thủ lễ nghĩa) là nói điều này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Tống Bào Nữ Tông</i>	<i>Tống Bào Nữ Tông</i>
<i>Hiếu lễ tri lý</i>	<i>Hiếu lễ hiểu biết</i>
<i>Phu hữu ngoại thê</i>	<i>Chồng có vợ bên ngoài</i>
<i>Bất vi biến kỷ</i>	<i>Cũng không đổi thay</i>
<i>Xưng dẫn phụ đạo</i>	<i>Viện dẫn đạo làm vợ</i>
<i>Bất thính kỳ tự</i>	<i>Không nghe lời chị</i>
<i>Tống công hiền chi</i>	<i>Tống Công khen ngợi</i>
<i>Biểu kỳ lư lí</i>	<i>Biểu dương làng xóm</i>

TẤN TRIỆU THÔI THÊ

Vợ Triệu Thôi nước Tấn là con gái của Tấn Văn Công, tên hiệu là Triệu Cơ. Khi xưa, lúc Tấn Văn Công còn là công tử, cùng với Triệu Thôi chạy trốn sang nước Địch. Người nước Địch tặng hai người con gái là Thúc Ngỗi và Quý Ngỗi cho công tử. Văn Công để cho Thúc Ngỗi làm vợ Triệu Thôi và sinh được Triệu Thuần. Sau này khi trở về nước Tấn, Tấn Văn Công lại đem con gái của mình gả cho Triệu Thôi, sinh được Triệu Nguyên, Triệu Đồng, Triệu Bình, Triệu Quát, Triệu Lâu, Triệu Anh. Triệu Cơ khuyên Triệu Thôi đón Triệu Thuần và mẹ về cùng sống chung. Triệu Thôi kiên quyết từ chối nói rằng không dám làm như vậy. Triệu Cơ nói: *“Như vậy không được! Nếu như được sự ân sủng mới mà quên người cũ thì là bỏ nghĩa. Thích người mới mà xem thường người cũ là vô ơn. Trong lúc khó khăn cùng người ta chịu khổ cực, sau khi phú quý lại không nhớ đến là vô lễ. Hiện nay chàng bỏ hết ba thứ này thì sao có thể sai khiến được người khác! Cho dù là thiếp cũng*

không thể theo hầu. Kinh Thi không phải có nói: Thái phong thái phĩ, vô dĩ hạ thể, đức âm mạc vi, cập nhĩ đồng tử (Đi hái rau phong, rau phĩ, không nên câu nệ vì cái rễ (chẳng vì cái rễ dở mà bỏ đi cái ngọn ngon). Tiếng tốt không bao giờ trái nghịch, để ở với chàng cho đến lúc cùng chết một lượt). Cùng người ta trải qua gian khổ, cho dù có chút lỗi lầm, còn cùng sống cùng chết không xa lìa, huống hồ là yên vui bên người mới mà lại quên đi người cũ! Kinh Thi lại có câu: Yển nhĩ tân hôn, bất ngã tiết dĩ (chàng vui duyên mới mặn mà, cho em chẳng sạch để xa nhau đành) đây là lời lẽ đau thương nói thay cho người cũ. Chàng đi đón họ, không nên có mới nói cũ". Triệu Thôi bèn đồng ý, thế là đón Triệu Thuần và Thúc Ngỗi về. Triệu Cơ thấy trong mấy đứa con thì Triệu Thuần có tài năng nhất bèn cầu xin lập Triệu Thuần làm con đích tử, còn ba đứa con trai của bà ở dưới Triệu Thuần, còn nhường ngôi chính thê cho Thúc Ngỗi, đặt mình đứng dưới Thúc Ngỗi. Sau này khi Triệu Thuần trở thành chính khanh, đều ghi nhớ ân tình Triệu Cơ khiêm nhường, cầu xin Tấn Thành Công cho hai con của Triệu Cơ làm Công tộ đại phu, còn nói: "Đại Vương là ái tử của Cơ thị, không có Cơ thị thì thần chẳng qua là một người nước địch. Sao có được địa vị như ngày nay!". Tấn Thành Công chuẩn y lời thỉnh cầu của Triệu Thuần, thế là Triệu Bình, Triệu Quát trở thành Công tộ đại phu.

Bậc quân tử nói Triệu Cơ khiêm cung lại biết khiêm nhường. Kinh Thi có câu: Ôn ôn cung nhân, duy đức chi cơ (người ôn hòa cung kính, là nền tảng của đức hạnh), là để nói Triệu Cơ.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Triệu Thôi Cơ Thị
Chế hạnh phân minh
Thân tuy tôn quý
Bất đố thiên phòng
Cung sự Thúc Ngỗi
Tử Thuần vi tự
Quân tử mỹ chi
Quyết hành khổng bị*

*Vợ của Triệu Thôi
Quy chế phân minh
Thân tuy tôn quý
Không ghen vợ cả
Hầu hạ Thúc Ngỗi
Lập Thuần nối dõi
Quân tử khen ngợi
Hành vi hoàn mỹ*

ĐÀO ĐÁP TỬ THÊ

Đào Đáp Tử thê là vợ của đại phu Đào Đáp Tử. Đáp Tử cai quản nước Đào ba năm, danh dự không tốt mấy, nhưng nhà thì giàu lên rất nhiều. Vợ nhiều lần khuyên can nhưng Đáp Tử không nghe. Ở nước Đào được năm năm thì nghỉ phép về nhà, tùy tùng ngựa xe có trăm cỗ. Người trong gia tộc đều chúc mừng, riêng vợ ôm con mà khóc. Mẹ chồng thấy vậy vô cùng tức giận nói: “Sao lại không thức thời như vậy!”. Người vợ nói: “Năng lực của chồng con không nhiều mà lại giữ chức quan lớn, như vậy sẽ gây tai họa. Không có công lao gì mà gia tộc hưng vượng, đây là tích lũy tai ương vậy. Ngày xưa lệnh doãn nước Sở là Tử Văn trị quốc, nhà nghèo mà nước giàu, Quốc Vương kính trọng, bách tính yêu mến, cho nên để lại cái phúc cho con cháu, danh tiếng của ông truyền lại đời sau. Hiện nay chồng của con lại không như vậy, ham muốn phú quý, mưu cầu làm quan to, bất chấp sau này có gây ra tai họa hay không. Con nghe nói núi Nam Sơn có con báo đen, khi trời mưa mù thì bầy

ngày không ăn. Tại sao phải như vậy? Trong mưa mù làm ướt bộ lông để nó càng đẹp hơn, cho nên có thể ẩn nấp mà tránh xa tai họa. Chó, lợn không chọn thức ăn, chỉ nghĩ cách vỗ béo bản thân, đây chẳng qua là ngồi đợi chết mà thôi. Hiện nay chồng con cai trị nước Đào, nhà thì giàu có rồi, nhưng đất nước vẫn rất nghèo, Quốc Vương không kính trọng, trăm họ không yêu mến, điềm báo bại vong ở ngay trước mắt. Hiện nay con cầu xin cùng với con nhỏ đi khỏi nhà”. Mẹ chồng nghe xong vô cùng tức giận, thế là đuổi ra khỏi nhà.

Một năm sau, gia tộc Đáp Tử quả nhiên bị quy tội giặc cướp mà bị giết. Chỉ còn mẹ của Đáp Tử do đã già nên được miễn tội chết. Vợ của Đáp Tử liền đem con trở về phụng dưỡng mẹ chồng đến khi mẹ chồng hưởng hết tuổi trời.

Bậc quân tử nói vợ của Đáp Tử trọng nghĩa khinh tài, tuy làm trái với lễ phép thỉnh cầu đi khỏi nhà chồng, nhưng cuối cùng cũng được toàn thân để thành toàn lễ nghĩa, có thể nói là có kiến thức nhìn xa trông rộng.

Kinh Thi có câu: *Bách nhĩ sở tư, bất như ngã sở chi (Người suy phương kế hàng trăm, chẳng bằng ta được tận tâm đi về)* ý nói là như vậy.

Có thơ khen rằng: Tam dịch:

<i>Đáp Tử trị Đào</i>	<i>Đáp Tử cai trị nước Đào</i>
<i>Gia phú tam bội</i>	<i>Nhà càng giàu có mâm cao cỗ đầy</i>
<i>Thê gián bất thính</i>	<i>Vợ khuyên cũng mặc không hay</i>
<i>Tri kỳ bất cải</i>	<i>Biết chồng không sửa tính này được</i>
<i>Độc khấp cô nộ</i>	<i>đâu</i>
<i>Tống quyết mẫu gia</i>	<i>Khóc thầm để mẹ la rầy</i>
<i>Đáp Tử phùng họa</i>	<i>Xin về đảng ngoại tình này chia ly</i>
<i>Phức quy dưỡng cô</i>	<i>Đến khi Đáp Tử họa tai</i>
	<i>Quay lại phụng dưỡng mẹ chồng vì ai</i>

LIỄU HẠ HUỆ THÊ

Liễu Hạ Huệ thê là vợ của quan đại phu nước Lỗ Liễu Hạ Huệ. Liễu Hạ Huệ làm quan ở nước Lỗ. Mặc dù ba lần bị bãi chức nhưng ông không bỏ đi mà vẫn lo lắng cho người dân, còn tích cực giải trừ tai họa. Vợ ông nói: “*Đây không phải là có sự mạo phạm sao! Người quân tử có hai nỗi nhục, quốc gia vô đạo mà mình lại tôn quý là một nỗi nhục. Quốc gia có đạo mà mình lại thấp hèn là một nỗi nhục. Hiện nay sống trong thời loạn, chàng ba lần bị bãi chức mà không bỏ đi, có lẽ nỗi nhục cũng rất gần*”. Liễu Hạ Huệ nói: “*Rất nhiều dân chúng sắp gặp tai họa, ta có thể ngồi trơ mắt sao! Vả lại, họ là họ, ta là ta. Cho dù họ là những kẻ trần trụi, sao có thể có thể vấy bẩn được ta!*”. Về sau, Liễu Hạ Huệ vẫn ở nước Lỗ thản nhiên chung sống với mọi người và thế đạo, giữ một chức quan nhỏ. Sau khi Liễu Hạ Huệ chết, môn nhân định viết văn tế ông, vợ ông nói: “*Các ngài định thuật lại đức hạnh của chồng tôi ư! Vậy thì, các ngài*

không hiểu rõ bằng tôi”. Thế là bà bèn viết văn tế rằng: “Phu tử chưa hề khoe khoang, lòng cứu dân của phu tử chưa hề khô cạn, phu tử thành tín mà không mưu hại ai, khuất phục dịu hiền thuận theo thế tục, không cố chấp lại có thể xét kỹ, chịu nổi nhục để cứu dân chúng, đạo đức vô cùng to lớn, cho dù ba lần bị bãi chức, cuối cùng không bị che lấp. Chàng là người quân tử vui vẻ ôn hòa, mãi mãi khích lệ mọi người, buồn thương quá, đáng tiếc quá! Tuy chàng đã khuất bóng, trời xanh không cho tuổi thọ, nay đã đi rồi, ô hô thương thay, thần hồn rời khỏi, tên thụy của chàng, thích hợp nhất là chữ Huệ”. Những môn nhân muốn viết văn tế cho ông sau khi xem xong văn tế của vợ ông thì thấy không thể thêm hoặc bớt chữ nào.

Bậc quân tử nói vợ Liễu Hạ Huệ làm rạng rỡ mỹ đức của chồng mình. Kinh Thi có câu: *“Nhân chi kỳ nhất, mạc tri kỳ tha”* (người ta chỉ hiểu tinh một việc, lẽ khác thì chẳng biết đến đâu) là nói việc này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Hạ Huệ chi thê
Hiền minh hữu văn
Liễu Hạ ký tử
Môn nhân tất tồn
Tương lụy Hạ Huệ
Thê vi chi từ
Trần liệt kỳ văn
Mạc năng dịch chi*

*Vợ của Hạ Huệ
Hiền minh giỏi văn
Hạ Huệ khuất bóng
Môn nhân tưởng niệm
Viết văn tế công đức
Vợ viết văn tế
Văn chương xuất chúng
Không ai sửa được*

LỖ KIỀM LÂU THÊ

Lỗ Kiềm Lâu thê là vợ của tiên sinh Kiềm Lâu nước Lỗ. Sau khi tiên sinh mất, Tăng Tử và môn nhân đến phúng viếng. Người vợ ra tiếp đón. Tăng Tử tiến lên cúng vái, thấy thi thể của tiên sinh dưới song cửa, đầu gối trên hòn gạch chưa nung, nằm trên cỏ rơm, áo vải gai xộc xệch, trên mình phủ cái chăn vải thô, không che kín đầu và chân. Nếu như che đầu thì chân thò ra, còn nếu che chân thì đầu lại lộ ra. Tăng tử nói: *“Để lệch cái chăn thì có thể che được hết”*. Người vợ bảo: *“Lệch mà có thừa không bằng ngay mà không đủ. Lúc sinh thời tiên sinh chỉ vì tính ngay thẳng mới đến nước này, khi sống không lệch, khi chết lại đắp chặn lệch thì chắc không hợp ý tiên sinh”*.

Tăng Tử nghe xong không nói gì được nữa. Sau chỉ hỏi dùng chữ gì để đặt tên thụy cho tiên sinh. Người vợ đáp: *“Lấy chữ Khang để đặt tên thụy”*. Tăng Tử nói: *“Lúc tiên sinh còn sống, ăn không đủ no, áo không che hết mình, sau khi chết tay chân cũng che không hết, bên cạnh không có rượu thịt để cúng. Khi sống không được hưởng thụ, khi chết không được vinh dự. Sao có thể vì đặt tên thụy là Khang mà cảm thấy vui!”*. Người vợ đáp: *“Ngày xưa Vua chuẩn bị cho tiên sinh làm chính sự, để tiên sinh giữ chức Tế tướng, nhưng tiên sinh cáo từ không làm. Đây có thể nói là tiên sinh có thừa cái quý. Vua từng ban cho tiên sinh lương thực 30 chung, tiên sinh cũng khước từ không nhận. Đây có thể nói là có thừa cái phú. Tiên sinh lấy mùi vị tầm thường của thiên hạ làm ngon ngọt, lấy địa vị thấp hèn để an thân, không bởi nghèo hèn mà buồn rầu, cũng không vì phú quý mà*

vui mừng. Cầu nhân được nhân, cầu nghĩa được nghĩa. Đặt tên thụy cho tiên sinh là Khang, chẳng phải vô cùng thích hợp sao!”. Tăng Tử khen rằng: “Chỉ có người chồng như thế mới có được người vợ như thế”.

Bậc quân tử nói vợ của Kiềm Lâu có thể sống thanh bần đạo hạnh. Kinh Thi có câu: “Bỉ mỹ thực cơ, khả dĩ ngộ ngôn” (Kìa người thực nữ đẹp tài, cùng nàng nói chuyện hiểu ngay tức lòng) là để nói ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Kiềm Lâu ký tử

Khi Kiềm Lâu mất

Thê độc chủ tang

Vợ chủ trì tang sự

Tăng Tử điệu yên

Tăng Tử phúng viếng

Bố y cát khâm

Nhìn thấy áo gai chần thô

An tiện cam đạm

Vui đời nghèo khổ

Bất cầu phong mỹ

Không ham giàu có

Thi bất yếm tế

Tuy chần che không hết thân

Do thụy viết Khang

Vẫn đặt tên thụy là Khang

TỀ TƯƠNG NGỰ THÊ

Tề Tương Ngự thê là vợ người phu xe cho Tề tướng nước Tề. Một lần Yến Tử ngồi xe ra ngoài, vợ người phu xe nhìn qua khe cửa thấy chồng đánh xe cho Tề tướng, ngồi ở dưới chiếc ô lớn, quất roi vào bốn con ngựa, diều võ dương oai, vô cùng tự đắc. Khi người chồng về nhà, người vợ nói rằng: “Chàng thân ở nơi thấp hèn thực ra là vô cùng thích hợp”. Người chồng hỏi: “Tại sao lại nói vậy?”. Người vợ đáp: “Yến Tử thân không cao quá ba thước nhưng lại làm Tề tướng của nước Tề,

đương danh chư hầu. Hôm nay, thiếp từ khe cửa quan sát khí sắc, chí hướng của ông ấy thì thấy ông ấy vô cùng khiêm tốn, nhưng có thể thấy những điều ông ấy nghĩ vô cùng sâu xa. Hiện nay chàng thân cao tám thước, chẳng qua chỉ là người hầu cho ông ấy mà thôi, nhưng chàng dương dương tự đắc, vô cùng thỏa mãn. Do đó, thiếp không muốn ở cùng chàng nữa”. Người chồng tạ tội nói: “Ta sẽ thay đổi. Nàng thấy thế nào?”. Người vợ nói: “Nếu lòng có được trí tuệ của Yến Tử, lại thêm thân cao tám thước. Nếu như có thể tự mình làm việc nhân nghĩa, hầu hạ mình chủ thì nhất định sẽ đương danh thiên hạ. Huống hồ thiếp nghe nói thà rằng lấy việc giữ vững nhân nghĩa làm vinh dự, cho dù thân ở nơi nghèo hèn, cũng không do sự kiêu ngạo giả dối mà tham cầu sự tôn quý”. Thế là người chồng tự trách mình, cố gắng học đạo, biểu hiện vô cùng khiêm tốn, thường xuyên cảm thấy mình làm như vậy là chưa đủ. Yến Tử cảm thấy kỳ lạ, liền hỏi tại sao lại thay đổi như vậy. Người phu xe bèn kể lại cho Yến Tử nghe. Yến tử thấy người phu xe có thể tiếp thu lời khuyên mà sửa lỗi, cho rằng là người hiền tài bèn tiến cử với Cảnh Công để cho làm quan, để khen ngợi vợ người phu xe, gia phong cho vợ người phu xe là Mệnh phụ.

Bậc quân tử cho rằng Mệnh phụ biết được thế nào là điều thiện. Cho nên mới nói, có thể trở thành người hiền tài thì có rất nhiều con đường, không cứ chỉ có sự rèn giũa chỉ bảo của thầy dạy và bạn bè mà vợ cũng có rất nhiều.

Kinh Thi có câu: *“Cao sơn ngưỡng chỉ, cảnh hành hành chí”* (Núi cao để được ngưỡng trông, đường to thì

để người dùng bước đi) ý nói là phải thường xuyên một lòng hướng thiện.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề Tương ngự thê
Khuông phu dĩ đạo
Minh ngôn kiều cung
Tuân tuân tự hiệu
Phu cải dịch hành
Học vấn mị dĩ
Yến Tử thăng chi
Liệt ư quân tử*

*Vợ người phu xe
Lấy đạo răn chồng
Phân rõ kiều ngạo
Cùng với cung kính
Cần phải sửa đổi
Người chồng thay đổi
Học vấn không ngừng
Yến Tử đề bạt
Liệt hàng quân tử*

SỞ TIẾP DƯ THÊ

Sở Tiếp Dư thê là vợ của kẻ cuồng nước Sở Tiếp Dư. Tiếp Dư tự mình cày cấy để nuôi thân. Vua nước Sở sai sứ giả mang hai ngàn lượng vàng, hai cỗ xe bốn ngựa kéo đến để mời Tiếp Dư ra làm quan, nói với Tiếp Dư rằng: “Đại Vương mời tiên sinh cai quản Hoài Nam”. Tiếp Dư cười mà không chấp thuận. Cuối cùng sứ giả không nói năng với Tiếp Dư mà bỏ về. Vợ Tiếp Dư đi chợ về hỏi: “Cả đời chàng giữ gìn nhân nghĩa, chẳng nhẽ về già lại đánh mất sao! Nếu không, vết xe ngoài cửa sao lại sâu như vậy?”. Tiếp Dư nói: “Đại Vương không biết là ta bất tài, muốn để ta cai trị Hoài Nam, sai sứ giả mang tiền tài ngựa xe đến mời ta”. Vợ hỏi: “Chàng bằng lòng rồi sao?”. Tiếp Dư nói: “Phú quý là điều mà người nào cũng muốn có được, chẳng nhẽ nàng lại chán ghét. Ta

đã đồng ý rồi”. Người vợ nói: “Người nhân nghĩa thì việc không hợp lẽ nghĩa sẽ không làm, cũng sẽ không vì thân ở nơi thấp hèn mà thay đổi phẩm hạnh của mình. Thiếp hầu hạ chàng, tự mình cày cấy đảm bảo có lương thực để ăn, tự mình dệt vải đảm bảo có quần áo để mặc. Có thể ăn no mặc ấm, làm theo điều nhân nghĩa, niềm vui đó đủ để cho chúng ta thỏa mãn. Nếu như nhận bổng lộc trọng hậu của người ta, đi xe chắt, ngựa tốt của người ta, ăn món tươi ngon của người ta, vậy thì điều chờ đón chàng sẽ là gì!”. Tiếp Dư nói: “Vậy thì ta không chấp thuận”. Người vợ nói: “Nếu như chàng không nghe theo thì là bất trung; nếu chàng nghe theo lại là điều không hợp nhân nghĩa, chi bằng rời khỏi nơi này”. Thế là Tiếp Dư cầm nôi niêu, vợ mang theo khung cửi, thay tên đổi họ dọn đi nơi xa, không ai biết họ đi đâu.

Bạc quân tử nói rằng vợ Tiếp Dư vì vui sống đời sống thanh bần mà rời xa tai họa, có thể sống nghèo khổ mà giữ vững đạo nghĩa không buông, chỉ có người đức lớn mới làm được vậy.

Kinh Thi có câu: Túc túc thổ tự, Trác chi tranh tranh (Có người lười thỏ hiên ngang, tranh tranh đóng cọc nghe vang một vùng) ý nói kiên trì đạo lớn không buông lời.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Tiếp Dữ chi thê</i>	<i>Vợ của Tiếp Dư</i>
<i>Diệc an bần tiện</i>	<i>Sống vui nghèo khổ</i>
<i>Tuy dục tiến sĩ</i>	<i>Tuy muốn làm quan</i>
<i>Kiến thời bạo loạn</i>	<i>Gặp thời loạn lạc</i>
<i>Sở sinh Tiếp Dư</i>	<i>Sở mời Tiếp Dư</i>
<i>Thê thỉnh tị quán</i>	<i>Vợ muốn tránh xa</i>
<i>Đới nhâm dịch tính</i>	<i>Mang theo nỗi niêu vơi cả khung cử</i>
<i>Chung bất tao nạn</i>	<i>Thay tên đổi họ</i>
	<i>Sau không gặp nạn</i>

SỞ LÃO LAI THÊ

Sở Lão Lai thê là vợ của Lão Lai Tử nước Sở. Lai Tử chạy trốn thế gian, đến cày cấy ở phía nam núi Mông sơn, lấy lau sậy làm vách, cỏ bông làm buồng, giường gỗ chiếu cói, mặc quần áo vải thô, ăn đậu trồng ở ruộng, khai khẩn núi hoang để cày cấy. Có người nói với Sở Vương rằng: “Lão Lai là người hiền tài”. Sở Vương muốn dùng ngọc bích và vải vóc để mời Lão Lai ra làm quan, sợ Lão Lai không đến, Sở Vương đích thân đánh xe đến trước cửa nhà Lão Lai. Lúc này Lão Lai đang đan sọt. Sở Vương nói với Lão Lai rằng: “Quả nhân ngu dốt, kiến thức nông cạn, một mình coi giữ tông miếu của Tổ tiên, mong tiên sinh có thể đến giúp quả nhân”. Lão Lai nói: “Thảo dân chẳng qua là một kẻ sống nơi sơn dã, không thể xử lý chính sự”. Sở Vương nói: “Quản lý đất nước giúp quả nhân, mong thay đổi chí hướng của tiên sinh”. Lão Lai nói: “Thảo dân đồng ý”.

Sau khi Sở Vương rời khỏi, vợ của Lão Lai đầu đội mũ rơm, lưng vác củi trở về và nói: *“Tại sao lại có nhiều vết bánh xe vậy?”*. Lão Lai đáp: *“Sở Vương muốn để ta xử lý chính sự của đất nước”*. Người vợ nói: *“Chàng đồng ý chưa?”*. Lão Lai đáp: *“Ta đã đồng ý rồi”*. Người vợ nói: *“Thiếp nghe nói người mà ăn uống rượu thịt dễ dàng thì cũng thường bị người ta đánh đập tùy ý, có thể ban cho chàng quan cao lộc hậu thì cũng có thể dễ dàng lấy cái đầu của chàng. Bây giờ chàng ăn uống rượu thịt của người ta, nhận quan cao lộc hậu của người ta, như vậy nhất định sẽ bị người ta điều khiển, chẳng nhẽ có thể tránh được tai họa sao! Thiếp không mong mình bị người khác điều khiển”*. Thế là vứt mũ củi rồi bỏ đi. Lão Lai thấy vậy bèn nói: *“Nàng hãy quay lại. Ta vì nàng mà thay đổi suy nghĩ”*. Thế là cùng với vợ bỏ đi đến Giang Nam mới dừng lại rồi nói: *“Lông của muông thú có thể dệt thành quần áo, nhật lương thực rơi vãi trên mặt đất cũng đủ để ăn”*. Lão Lai cùng với vợ định cư ở đây, nhân dân cũng theo họ đến đây an cư lập nghiệp, một năm còn thừa thớt, ba năm thì tụ tập thành thôn xóm.

Bạc quân tử nói vợ của Lão Lai tuân theo điều thiện vô cùng.

Kinh Thi có câu: *Hoành môn chi hạ, Khả dĩ tê (thê) trì. Bí chi dương dương, Khả dĩ lạc cơ (Dưới cổng thô sơ và bỉ lậu, để an nhàn đi dạo nghỉ ngơi. Suối kia dòng nước cuốn trôi, cũng thành quên đời vui chơi tháng ngày)* là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Lão Lai dữ thê

Lão Lai và vợ

Đào thế sơn dương

Ở ẩn núi nam

Bồng hao vi thất

Cỏ bông làm buồng

Hoàn gia vi cái

Cỏ rơm làm chăn

Sở Vương sính chi

Sở Vương mời làm quan

Lão Lai tương hành

Lão Lai đồng ý

Thê viết thế loạn

Vợ nói thời loạn

Nãi toại đào vong

Bèn trốn nơi khác

SỞ VU LĂNG THÊ

Sở Ư Lăng thê là vợ của Vu Lăng Tử Chung nước Sở. Sở Vương nghe nói Vu Lăng Tử Chung là một người hiền tài bèn muốn để ông làm Tế tướng nước Sở. Vì vậy đã sai sứ giả mang hai ngàn lượng vàng đến mời ông. Vu Lăng Tử Chung nói với sứ giả rằng: “Ở nhà tôi còn có vợ, để tôi bàn bạc với vợ đã”. Sau đó vào nhà nói với vợ rằng: “Sở Vương muốn để ta làm Tế tướng, sai sứ giả mang vàng đến. Nếu như hôm nay làm Tế tướng, ngày mai sẽ có nhiều ngựa xe, tùy tùng, món ngon trước mặt ăn không hết. Nàng nói có nên đồng ý không?”. Người vợ nói: “Chàng kiếm lương thực bằng nghề bện giày cỏ, chứ không phải là không thể kiếm được vật chất. Hơn nữa, bên trái có đàn làm bạn, bên phải có sách để đọc, phải nói là tìm được niềm vui trong đó. Cho dù có nhiều ngựa xe, tùy tùng, nhưng thực ra chẳng qua là chỉ cần một cái buồng hẹp để dung thân. Cho dù trước mặt bày đầy món ngon, nhưng để người ta cảm thấy sự ngon ngọt chẳng qua chỉ cần một miếng thịt. Hiện nay, chỉ vì

một cái phòng hẹp, một miếng thịt mà phải lo lắng thay cho nước Sở. Có đáng không! Sống trong thời loạn, tự nhiên có nhiều tai họa, thiếp e là tính mạng của chàng khó bảo toàn". Thế là Tử Chung đi ra khước từ sứ giả, không chấp thuận lời thỉnh cầu của họ. Sau đó cùng với vợ bỏ trốn, làm người trông coi chăm sóc vườn tược cho người ta.

Bậc quân tử nói vợ của Vu Lãng là người có đức hạnh. Kinh Thi có câu: *Yêm yêm lương nhân, Trật trật đức âm (Tính yên lặng thường ngày nàng giữ, nàng nói năng trật tự đàng hoàng)* là nói vợ Vu Lãng.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Vu Lãng xứ Sở
Vương sứ sính yên
Nhập dữ thê mưu
Cụ thể loạn phiền
Tiến vãng ngộ hại
Bất nhược thân an
Tả cầm hữu thụ
Vi nhân quán viên*

*Vu Lãng xứ Sở
Vua mời làm quan
Vào bàn với vợ
Sợ loạn thế phiền
Làm quan gặp hại
Chi bằng yên thân
Bên trái là đàn bên phải là sách
Thành người trông vườn*

QUYỂN III: NHÂN TRÍ TRUYỆN

*Duy bậc nhân trí
Đoán được tai họa
Theo đúng đạo trời
Đổi họa thành phúc
Làm điều nghĩa ở chỗ yên*

*Nguy hiểm là tránh
Trong lòng nơm nớp
Luôn luôn cẩn thận
Các bậc phu nhân học theo
Sẽ được hiển vinh*



MẬT KHANG CÔNG MẪU

Mẹ của Mật Khang Công họ Ngõi. Khi Chu Cung Vương đi tuần du miền Kinh Thủy, có Mật Khang Công đi theo. Có ba người con gái đẹp tự mình đến cạy nhờ Mật Khang Công. Mẹ của Mật Khang Công nói: *“Nhất định phải đem họ dâng cho Cung Vương. Ba con thú gọi là bầy đàn, ba người gọi là đám đông, ba người con gái đẹp gọi là xán lạn tươi sáng. Vua đi săn không bắn giết cả bầy, chớ hầu đi tuần du ở trước mặt đám đông người phải khiêm cung, Phi tần của Đại Vương cũng không lấy ba người cùng một dòng tộc. Hiện nay ba người mỹ nữ đều dồn về mình con. Con có đức hạnh gì mà có thể thừa hưởng tặng vật như thế? Đại Vương còn không thể thừa hưởng được huống hồ người bình thường như con!”*. Khang Công không nghe, không bằng lòng dâng ba người con gái đẹp cho Chu Cung Vương. Sau này Chu Cung Vương diệt nước Mật.

Bậc quân tử nói mẹ của Mật Khang Công có thể từ việc nhỏ nhìn thấy được sự hưng suy. Kinh Thi có câu: Vô dĩ thái khang, chức tư kỳ cư (*Cuộc vui chơi xin đừng thái quá, cốt nghĩ lo việc đã đảm đương* là nói điều này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Mật Khang chi mẫu</i>	<i>Mẹ của Mật Khang</i>
<i>Tiên thức thịnh suy</i>	<i>Biết trước thịnh suy</i>
<i>Phi thích Khang Công</i>	<i>Châm biếm Khang Công</i>
<i>Thụ sản bất quy</i>	<i>Được mỹ nhân mà không dâng tặng</i>
<i>Công hành hạ chúng</i>	<i>Chư hầu tuần du phải hạ mình</i>
<i>Vật mẫn tắc</i>	<i>trước đám đông</i>
<i>Tỉ hiển bất thính</i>	<i>Trăng tròn sẽ khuyết</i>
<i>Mật quả diệt vẫn</i>	<i>Khuyên dâng tặng mà không nghe</i>
	<i>Quả nhiên nước Mật bị diệt vong</i>

SỞ VŨ ĐẶNG MẠN

Đặng Mạn là phu nhân của Sở Vũ Vương. Sở Vương lệnh cho Khuất Hà làm tướng quân đi thảo phạt nước La. Khuất Hà tên hiệu là Mạc Ngao, xuất lĩnh các tướng lĩnh cùng toàn bộ quân đội nước Sở xuất phát. Đấu Bá Tỷ nói với người phu xe rằng: “*Khuất Hà nhất định sẽ chiến bại, ông ấy biểu hiện ra ngoài sự nghênh ngang cao ngạo, trong lòng nhất định là không ổn định*”. Đấu Bá Tỷ tham kiến Sở Vương mà rằng: “*Nhất định phải điều viện binh giúp đỡ Khuất Hà*”. Sở Vương đem chuyện này kể cho phu nhân là Đặng Mạn. Đặng Mạn nói: “*Ý của Đấu Bá Tỷ không phải là binh lính càng nhiều càng tốt, mà bốn ý là muốn Đại Vương lấy thái độ thành tín vỗ về bách tính trăm họ, phải lấy đức hạnh răn dạy các cấp quan viên, lấy hình luật để ràng buộc Khuất Hà. Khuất Hà do chiến thắng chiến dịch Bồ Sao cho nên luôn cho mình là đúng, nhất định sẽ khinh thường nước La. Nếu Đại Vương không lập uy đốc thúc Khuất Hà thì Khuất Hà*

sẽ khinh suất tiến quân mà không phòng bị". Thế là Sở Vương sai người đuổi theo nhưng đuổi không kịp.

Khuất Hà ở giữa ba quân hạ lệnh rằng: *"Không ai được khuyên ngăn ta dừng hành quân! Người nào không nghe lệnh mà khuyên ngăn nhất định bị phạt nặng"*. Quân đội đi đến Yên Thủy, khi vượt sông rất rối loạn. Đến nước La thì quân đội nước La và quân đội nước Lư dốc toàn lực phản công, quân đội nước Sở đại bại. Khuất Hà thắt cổ tự vẫn ở Hoang cốc, còn bại binh tự nhốt ở núi Dã Phụ chờ xử phạt. Sở Vương tự nhận lỗi, nên tha cho bại binh.

Bạc quân tử nói rằng Đặng Man là người hiểu lòng người. Trong Kinh Thi có câu: *"Tăng thị mạc thính, đại mệnh dĩ khuynh"* (Thường vua chẳng gắng chuyên nghe lấy, mệnh nhà ân to phải đổ nghiêng) là để nói điều này.

Sở Vương muốn thảo phạt nước Tù, khi sắp xuất binh có nói với Đặng Man rằng: *"Trong lòng quả nhân cảm thấy không yên bình. Tại sao lại như vậy?"*. Đặng Man đáp: *"Đại Vương đức bạc mà bổng lộc nhiều, cho đi thì ít nhận vào thì nhiều, vật thịnh rồi sẽ suy, mặt trời quá ngọ sẽ xế bóng. Đầy quá ắt sẽ tràn ra ngoài. Đây là đạo trời. Lần này xuất chinh, nếu quân đội không bị tổn thất, Đại Vương qua đời trong lần chinh chiến này thì sẽ là đại phúc của đất nước"*. Thế là Sở Vương xuất phát, quả nhiên chết trên đường đi.

Bạc quân tử nói rằng Đặng Man biết được mệnh trời. Dịch Kinh có câu: *"Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc khuy, thiên địa doanh hư, dư thời tiêu tức"* (Mặt trời đến giữa trưa sẽ xế tà, trăng tròn sẽ khuyết, sự đầy vơi của trời đất đều có thời gian của nó) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Sở Vũ Đặng Mạn

Vợ của Vua Sở

Kiến sự sở hưng

Nhìn việc hưng binh

Vị Hà quân bại

Nói Khuất Hà sẽ bại trận

Tri Vương tương hoǎng

Biết Vua sẽ chết

Thức bỉ thiên đạo

Biết được mệnh Trời

Thịnh nhi tất suy

Thịnh rồi sẽ suy

Chung như kỳ ngôn

Đúng như lời nói

Quân tử dương xưng

Quân tử ca ngợi

HỨA MỤC PHU NHÂN

Hứa Mục phu nhân là con gái của Vệ Ý Công, là vợ của Hứa Mục Công. Lúc đầu, nước Hứa cầu hôn nước Vệ, đồng thời nước Tề cũng cầu hôn nước Vệ, Ý Công đồng ý gả cho nước Hứa. Con gái nói với người bảo mẫu rằng: “*Từ xưa đến nay con gái của nước chư hầu sở dĩ được coi như tặng vật để mong nhận được sự viện trợ của nước lớn. Hiện nay, nước Hứa nhỏ mà lại xa, nước Tề lớn mà lại gần. Thời thế hiện nay, kẻ mạnh xưng hùng. Giả sử biên giới có chiến sự, để duy trì bốn phương yên bình phải cầu cứu nước lớn, nếu như có con ở đó thì không phải là rất dễ cầu cứu hay sao! Hiện nay bỏ gần mà gả đi nơi xa, xa lánh nước lớn mà dựa vào nước nhỏ, một khi có tai họa kẻ địch vào xâm chiếm, ai có thể nghĩ đến sự an nguy của đất nước?”*

Vệ Ý Công không nghe, cuối cùng đem con gả cho nước Hứa. Sau đó, rợ Địch công đánh nước Vệ, phá vỡ thành lũy nước Vệ, mà nước Hứa không thể cứu viện. Vệ Ý Công bỏ trốn qua sông, chạy xuống phía nam cuối

cùng đến Sở Khâu. Tề Hoàn Công đến cứu viện, cuối cùng mới giữ được nước Vệ. Thế là nước Vệ bèn lấy Sở Khâu làm kinh thành, mới coi như được yên ổn. Khi bị đánh bại, Vệ Ý Công mới hối hận không nghe con gái là phu nhân của Hứa Mục Công. Khi nước Vệ thua trận, Hứa phu nhân đích thân đánh xe đến chia buồn với Vệ Ý Công, bởi vậy mà đau đớn tột cùng, làm bài thơ “Tái Trì”:

Tạm dịch:

<i>Tái trì tái khu</i>	<i>Xe đánh gấp cho ta rong ruổi</i>
<i>Quy ngạn Vệ hầu</i>	<i>Để trở về thăm hỏi Vệ Hầu</i>
<i>Khu mã du du</i>	<i>Đi xa đánh ngựa chạy mau</i>
<i>Ngôn chí u Tào</i>	<i>Nói rằng đi đến ấp Tào cố hương</i>
<i>Đại phu bạt thiệp</i>	<i>Quan Đại Phu vội vàng chạy đến</i>
<i>Ngã tâm tắc ưu</i>	<i>Khiến lòng ta nặng nỗi ưu sầu</i>
<i>Ký bất ngã gia</i>	<i>Chẳng cho ta là nên là phải</i>
<i>Bất năng tuyền phản</i>	<i>Ta cũng không quay lại nữa đây</i>
<i>Thị nhĩ bất tang</i>	<i>Trông người chẳng nhận là hay</i>
<i>Ngã tư bất viễn</i>	<i>Nỗi niềm lo nghĩ lòng này chẳng quên</i>

Bạc quân tử khen ngợi bà hiền lành thông minh lại nhìn xa trông rộng.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Vệ nữ vi giá</i>	<i>Khi Công Chúa nước Vệ chưa gả chồng</i>
<i>Mưu Hứa dữ Tề</i>	<i>Nước Hứa và nước Tề đến cầu hôn</i>
<i>Nữ phúng mẫu viết</i>	<i>Công Chúa nói với Bảo Mẫu</i>
<i>Tề đại khả y</i>	<i>Nước Tề lớn có thể nhờ cậy</i>
<i>Vệ quân bất tính</i>	<i>Vua Vệ không nghe</i>
<i>Hậu quả độn đào</i>	<i>Sau quả nhiên phải bỏ trốn</i>
<i>Hứa bất năng cứu</i>	<i>Nước Hứa không thể cứu viện</i>
<i>Nữ tác Tài Trì</i>	<i>Công Chúa làm bài thơ Tài Trì</i>

TÀO HY THỊ THÊ

Tào Hy Thị thê là vợ của Hy Phụ Cơ, quan đại phu nước Tào. Khi Tấn công tử Trùng Nhĩ lưu vong qua nước Tào, Tào Cung Vương không những không lấy lễ để đối đãi mà nghe nói trên mình của Trùng Nhĩ có tật bèn đến chỗ Trùng Nhĩ ở, đọi Trùng Nhĩ chuẩn bị đi tẩm thì lại gần nhìn trộm. Vợ của Phụ Cơ nói với chồng mình rằng: “*Thiếp quan sát Tấn công tử Trùng Nhĩ, ba người tùy tùng của công tử đều là người có tướng làm Tế tướng. Dựa vào ba người giỏi việc phò tá này, Trùng Nhĩ nhất định sẽ trở về nước Tấn. Nếu Trùng Nhĩ có thể trở về nước Tấn, nhất định sẽ xưng bá chư hầu, cũng nhất định thảo phạt người nào vô lễ với công tử, mà nước Tào có thể là một trong những nước công tử sẽ thảo phạt. Nếu như nước Tào gặp nạn, chắc chắn là chàng không tránh khỏi liên quan. Sao chàng không sớm dự tính hướng khác? Thiếp từng nghe nói, không biết con thì hãy xem cha của nó, không biết Vua thì có thể xem tùy tùng. Hiện nay người tùy tùng của Trùng*

Nhĩ đều là người có tướng làm khanh tướng, vậy chủ của họ nhất định sẽ là người xưng vương xưng bá. Bây giờ nếu lấy lễ để đối đãi công tử, sau này cũng sẽ nhận được sự báo đáp của công tử. Nếu như đối đãi vô lễ, sau này công tử nhất định sẽ diệt trừ. Nếu như chàng không sớm dự tính, đại họa không lâu sẽ ập đến!”. Thế là Phụ Cơ lấy hũ đựng thức ăn, để trên ngọc bích mà dâng tặng cho Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ nhận lấy thức ăn rồi đem trả lại ngọc bích. Sau này Tấn công tử Trùng Nhĩ trở về nước Tấn, khi thảo phạt nước Tào đã treo biển trước cửa nhà Phụ Cơ, lệnh cho quân lính không được vào nhà. Khi đó thường dân nước Tào đều đến trước cửa nhà Phụ Cơ để lánh nạn, ngoài cửa nhà Phụ Cơ đông như chợ.

Bậc quân tử nói vợ của Hy Phụ Cơ nhìn xa trông rộng. Kinh Thi có câu: “*Ký minh thả triết, dĩ bảo kỳ thân*” (thật ngài thấu đáo sáng soi, vẫn theo đạo nghĩa mà noi giữ mình) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Hy thị chi thê
Quyết trí khổng bạch
Kiến Tấn Công Tử
Tri kỳ hưng tác
Sứ phu quĩ xan
Thả dĩ tị thác
Văn phạt Tào quốc
Tuất độc kiến thích*

*Vợ của Phụ Cơ
Thông minh hiểu biết
Nhìn Tấn Công Tử
Biết sẽ hưng vượng
Bảo chồng tặng đồ
Lấy đó ủy thác
Văn Công phạt Tào
Hy tộc vô sự*

TÔN THỨC NGAO MẪU

Tôn Thúc Ngao Mẫu là mẹ của lệnh doãn nước Sở Tôn Thúc Ngao. Khi Tôn Thúc Ngao còn bé, một lần đi chơi gặp một con rắn hai đầu liền giết chết rắn rồi đem chôn. Về nhà nhìn thấy mẹ liền khóc lóc. Mẹ hỏi nguyên do thì đáp rằng: *“Con nghe nói người nhìn thấy rắn hai đầu ắt phải chết. Hôm nay lúc con đi chơi thì nhìn thấy”*. Người mẹ hỏi: *“Hiện nay con rắn ở đâu?”*. Ông trả lời rằng: *“Con sợ người khác cũng nhìn thấy nên đã giết chết và đem chôn rồi”*. Người mẹ nói: *“Con sẽ không chết, những người mà tích nhiều phúc đức thì sống ở dương thế nhất định sẽ được báo đáp. Giữ vững đạo đức có thể chiến thắng điềm không may, giữ vững nhân nghĩa có thể tránh được các tai họa. Ông trời tuy ở trên cao, nhưng có thể nghe được tiếng lòng ở nơi dưới đất. Chẳng phải trong Thượng Thư có nói: “Hoàng thiên vô thân, duy đức thị phụ” (trời xanh không thiên vị ai, ai có đức thì giúp đỡ người đó). Con chớ lo lắng, con nhất định có thành tựu ở nước Sở”*. Sau này khi Tôn Thúc Ngao trưởng thành, làm Lệnh doãn nước Sở.

Bậc quân tử nói rằng mẹ của Tôn Thúc Ngao biết được ngôi thứ của đức. Kinh Thi có câu: *“Mẫu thị thánh hiền” (mẹ thì sáng suốt hiền lành)* là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Thúc Ngao chi mẫu

Mẹ của Thúc Ngao

Thâm tri thiên đạo

Biết rõ đạo trời

Thúc Ngao kiến xà

Tôn Thúc gặp rắn

Lưỡng đầu kỳ thủ

Một thân hai đầu

Sát nhi mai chi

Giết rồi đem chôn

Khấp khểng bất cập

Khóc sợ gặp họa

Mẫu viết âm đức

Mẹ nói tích đức

Bất tử tất thọ

Không chết mà thọ

TẤN BÁ TÔNG THÊ

Tấn Bá Tông thê là vợ của đại phu nước Tấn Bá Tông. Bá Tông là một người hiền tài, nhưng thích nói thẳng biện luận lại còn lên mặt nạt người. Mỗi lần lên triều, vợ ông thường khuyên bảo rằng: “*Kẻ trộm căm ghét ông chủ, dân thường yêu quý Vua anh minh, có người thích người tốt thì nhất định là sẽ có kẻ căm ghét đổ ky. Chàng thích nói thẳng không kiêng dè, người bị oan uổng chắc chắn sẽ vô cùng căm ghét chàng. Cứ như vậy, chàng nhất định sẽ gặp họa*”. Bá Tông không nghe lời khuyên của vợ. Có một lần sau khi bãi triều trở về, mặt Bá Tông có nét vui, vợ hỏi: “*Thấy mặt chàng có nét vui. Tại sao vậy?*”. Bá Tông đáp: “*Khi lên triều, ta nêu ý kiến thì các đại phu đều nói cơ trí của ta giống với Dương Tử. Người vợ nói: “Hạt thóc mấy thì không rục rở, lời chân thực thì không chải chuốt. Lời của Dương Tử đẹp đẽ mà không thực, nói mà không sâu xa, bởi vậy mới gặp họa. Sao chàng có thể vui chứ!”*”. Bá Tông nói: “*Ta chuẩn bị cùng các vị đại phu uống rượu, sau đó sẽ*

cùng họ đàm đạo, nàng thử nghe xem”. Người vợ đáp: “Được thôi!”, thế là tụ họp mọi người, cùng các đại phu uống rượu. Uống rượu xong, Bá Tông hỏi vợ: “Nàng thấy thế nào?”. Người vợ đáp: “Quả thực là các đại phu theo không kịp chàng, nhưng nhân dân không ủng hộ Vua đã lâu rồi, nếu như có tai họa thì nhất định sẽ liên lụy đến chàng. Tính cách của chàng thì đã không thể thay đổi, huống hồ hiện nay đất nước có nhiều người hai lòng, nguy cơ có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Sao chàng không sớm kết giao với những đại phu hiền tài, từ đó mà con trai của chúng ta là Châu Lê có nơi nương tựa”. Bá Tông đáp rằng: “Được thôi!”, thế là giao hảo với Tất Dương. Đến khi gặp nạn Loan Bất Kỵ, gia tộc họ Khước cùng mưu hại Bá Tông, nói lời gièm pha mà giết Bá Tông. Tất Dương bèn đưa con trai của Bá Tông là Bá Châu Lê đến đất Kinh mới tránh được đại họa.

Bậc quân tử nói rằng vợ của Bá Tông biết được đạo trời. Kinh Thi có câu: “Đa tương họa họa, bất khả cứu dục” (Lắm việc buồn đến hồi bừng cháy, thì không còn chữa chạy kịp đâu) là để nói Bá Tông.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Bá Tông lãng nhân

Thê tri thả vong

Số gián Bá Tông

Hậu hứa Tất Dương

Thuộc dĩ Châu Lê

Dĩ miễn cứu ương

Bá Tông ngộ họa

Châu Lê bôn Kinh

Bá Tông xúc phạm người

Vợ biết sẽ chết

Nhiều lần can gián

Trọng hậu Tất Dương

Đem con ủy thác

Để tránh tai họa

Bá Tông gặp nạn

Châu Lê chạy trốn Rời đến đất Kinh

VỆ LINH PHU NHÂN

Vệ Linh phu nhân là vợ của Vệ Linh Công. Ban đêm khi Vệ Linh Công cùng phu nhân đang ngồi không thì đột nhiên nghe thấy có tiếng xe ngựa, đến cửa ngoài cung điện thì dừng, qua cửa cung lại nghe có tiếng xe. Vệ Linh Công hỏi phu nhân: *“Nàng có biết đây là ai không?”*. Phu nhân đáp: *“Người này nhất định là Cừ Bá Ngọc”*. Vệ Linh Công hỏi: *“Nàng dựa vào đâu mà biết được?”*. Phu nhân đáp: *“Thiếp nghe nói theo phép tắc khi qua cửa công nhất định phải xuống xe mà qua, đây là tỏ lòng kính trọng. Chỉ có trung thần và hiếu tử mới không vì lúc có người mà nói lời trung tín, tiết tháo, lúc không có người lại có hành vi trụy lạc. Cừ Bá Ngọc là đại phu hiền tài của nước Vệ, nhân nghĩa lại có trí tuệ, cung kính phụng sự Vua, cũng không vì không có người biết mà bỏ qua phép tắc. Do đó mà thiếp biết là Cừ Bá Ngọc”*. Vệ Linh Công sai người đi xem rốt cuộc là ai thì quả nhiên là Cừ Bá Ngọc. Sau khi Vệ Linh Công quay lại nói đùa với phu nhân rằng: *“Không phải là Cừ Bá Ngọc!”*. Phu nhân lập tức lại rót rượu, sau khi thi lễ hai lần rồi chúc mừng Vệ Linh Công. Vệ Linh Công nói: *“Tại sao nàng lại chúc mừng ta?”*. Phu nhân đáp: *“Trước đây thiếp cho rằng nước Vệ có một mình Cừ Bá Ngọc, hiện nay lại xuất hiện người giống như Cừ Bá Ngọc. Điều này chứng minh là Đại Vương có hai người hiền thần. Đất nước có thêm hiền thần là cái phúc của đất nước, do vậy thiếp đương nhiên phải chúc mừng”*. Sau khi Vệ Linh Công nghe xong, giật mình mà nói: *“Lành thay!”*, thế là nói sự thực với phu nhân.

Bạc quân tử nói Vệ phu nhân biết nhìn người. Tuy có thể lừa gạt nhưng không thể giấu kín, đây chẳng phải là sáng suốt ư! Kinh Thi có câu: “*Ngã vấn kỳ thanh, bất kiến kỳ thân*” (Tiếng người liền bị nhận ra, Nhưng nào được thấy rõ là thân người) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Vệ Linh dạ tọa

Phu nhân dữ tồn

Hữu xa lân lân

Trung chỉ khuyết môn

Phu Nhân tri chi

Tất Bá Ngọc yên

Duy tri thức hiền

Vấn chi tín nhiên

*Vệ Linh Đại Vương ngồi không trong
đêm*

Phu nhân cùng ngồi

Có tiếng xe ngựa

Dừng ở cửa cung

Phu Nhân biết rõ

Đó là Bá Ngọc

Sáng suốt nhìn người

Sai người đi hỏi quả nhiên là vậy

TỀ LINH TRỌNG TỬ

Tề Linh Trọng Tử là con gái của Tống hầu, là phu nhân của Tề Linh Công. Ban đầu Tề Linh Công lấy Thanh Cơ nước Lỗ sinh ra Quang công tử và lập làm Thái tử. Phu nhân của Tề Linh Công là Trọng Tử và em gái là Nhung Tử đều được Tề Linh Công sủng ái. Trọng Tử cũng sinh được con trai là Nha. Nhung Tử cầu xin với Tề Linh Công lập Nha làm Thái tử thay Quang. Tề Linh Công hứa việc này. Trọng Tử nói với Tề Linh Công rằng: “*Không thể như vậy! Xóa bỏ lệ thường là điềm chẳng lành, nghe chur hầu gặp nạn mà tùy ý quyết định là thất sách. Năm đó lập Quang làm Thái tử, tên đã liệt*

vào danh sách chư hầu. Hiện nay vô cơ phế trừ sẽ đắc tội với chư hầu, đây là điềm chẳng lành. Đại Vương nhất định sẽ hối hận”. Tề Linh Công nói: “Việc này ta đã quyết định rồi”. Trọng Tử nói: “Không phải thiếp khiêm nhượng, bởi vì điều này thực sự là mầm mống của tai họa”. Trọng Tử lấy cái chết để phản đối. Cuối cùng Tề Linh Công cũng không nghe theo ý kiến của Trọng Tử, và lưu đày Thái tử Quang, lập Nha làm Thái tử, sai Cao Hậu làm thầy của Nha. Sau khi Tề Linh Công bị bệnh, Cao Hậu bèn âm thầm ủng hộ Quang. Sau khi Tề Linh Công chết, Thôi Trữ lập Quang làm Thế tử rồi giết Cao Hậu. Do không nghe lời của Trọng Tử, cuối cùng mới gặp phải tai họa như vậy.

Bậc quân tử nói Trọng Tử hiểu rõ lý lẽ. Kinh Thi có câu: “Thính dụng ngã mưu Thứ vô đại hối” (Mưu ta nếu nghe lời tường tận, may ra không hối hận lớn lao) là nói Trọng Tử.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề Linh Trọng Tử
 Nhân trí hiển minh
 Linh Công lập Nha
 Phế Cơ Tử Quang
 Trọng Tử cương gián
 Khứ thích bất tường
 Công ký bất thính
 Quả hữu họa ương*

*Tề Linh Trọng Tử
 Nhân nghĩa sáng suốt
 Tề Công lập Nha
 Phế Thái tử Quang
 Trọng Tử can gián
 Phế rồi lại lập là điềm chẳng lành
 Tề Công không nghe
 Quả nhiên gặp họa*

LỖ TANG TÔN MẪU

Tang Tôn mẫu là mẹ của đại phu nước Lỗ Tang Văn Trọng. Văn Trọng sắp đi sứ nước Tề, khi mẹ tiễn chân có nói rằng: *“Con thường ngày hà khắc mà ít ban ân huệ, làm việc thích cố hết sức mình, thường dùng uy thế làm người ta khó xử. Hiện nay, nước Lỗ không thể nhẫn nhịn con nên mới phái con đi sứ nước Tề. Hễ xảy ra việc gian trá thì nhất định sẽ có động tĩnh. Người hại con chẳng nhẽ lại không nhân đó mà kiếm chuyện ư! Con nhất định phải chuẩn bị sẵn tâm lý. Nước Lỗ với nước Tề nằm cạnh nhau, là nước láng giềng của nhau. Trong đám đại thần được sủng tín có rất nhiều người oán hận con, lại còn có giao tình với quan đại thần nước Tề là Cao Hề, Quốc Tử. Làm như vậy nhất định là để nước Tề mưu đồ nước Lỗ. Do vậy sẽ bắt giam con, xem ra là khó mà tránh khỏi. Con nhất định phải ban ân đức, sau tìm cách để có được sự trợ giúp, sau mới đi sứ nước Tề”*. Thế là Văn Trọng thăm viếng Lỗ tam gia (Mạnh Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn), được sự ủng hộ và tín nhiệm của họ, lại hậu đãi rất nhiều quan đại phu, sau đó đi sứ nước Tề. Quả nhiên nước Tề giam giữ Tang Văn Trọng, lại dấy binh đánh lén nước Lỗ. Văn Trọng âm thầm sai người đưa thư cho Vua nước Lỗ, lại sợ thư rơi vào tay người khác nên cố ý viết những từ ngữ hoang đường: *“Liễm tiểu khí, đầu chư đài, thực Lạp khuyến, tổ dương cầu. Cầm chi hợp, thậm tư chi, dương hữu mẫu, thực ngã dĩ đồng ngư. Quan anh bất túc, đới hữu dư”*.

Sau khi thư đến tay Vua nước Lỗ, Vua nước Lỗ cùng các quan đại phụ xem thư rồi thảo luận, không ai biết ý nghĩa của bức thư. Có người nói: *“Mẹ của Văn*

Trọng cũng là con nhà thế gia. Sao Đại vương không thử gọi đến hỏi xem sao?”. Thế là bèn gọi mẹ của Văn Trọng đến, nói với bà rằng: “Quả nhân sai Văn Trọng đi sứ nước Tề. Hiện nay, Văn Trọng gửi thư về. Bà hãy xem Văn Trọng nói gì?”. Sau khi mẹ Văn Trọng xem thư xong, khóc ướt vai áo, đáp rằng: “Con ta bị đóng gông, bị giam giữ rồi”. Vua nước Lỗ hỏi: “Sao bà biết được?”. Mẹ của Văn Trọng đáp: “Ý của câu “liễm tiểu khí đầu chư đài” là nói đem cái mâm mới lớn từ ngoài thành bỏ vào trong thành. “Thực lập khuyến tổ dương cầu” là nói mau chóng tập hợp khao lao tướng sĩ, sửa sang quân bị. “Cầm chi hợp thậm tư chi” là nói Văn Trọng vô cùng nhớ vợ. “Tang ngã dương dương hữu mẫu” có ý bảo vợ phải phụng dưỡng mẹ cho tốt. “Thực ngã dĩ đồng ngư câu”, câu chữ này không thuận, không thuận là sai, chữ “ngư” đồng âm với “cư” (cái cửa). Cái cửa là dùng để cửa gông cùm, câu này là nói Văn Trọng bị đóng gông rồi nhốt vào trong ngục. “Quan anh bất túc đối hữu dư” là nói Văn Trọng đầu tóc bị rối mà không được chải, đói mà không có thức ăn. Cho nên ta mới biết con trai ta bị bắt giam, hơn nữa còn bị đóng gông”. Thế là Vua nước Lỗ theo lời của mẹ Văn Trọng, đưa binh lính ra biên giới để phòng thủ. Nước Tề xuất binh chuẩn bị đánh lên nước Lỗ, nhưng biết được quân nước Lỗ phòng thủ ở biên giới bèn thả Văn Trọng về, không thảo phạt nước Lỗ nữa.

Bạc quân tử nói mẹ của Văn Trọng nhìn xa trông rộng. Kinh Thi có câu: “Trắc bỉ khí hề! Chiêm vọng mẫu hề” (Lên núi khí là nơi rậm cỏ, nhớ mẹ nên đứng lặng ngắm nhìn) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Tang Tôn chi mẫu

Mẹ của Văn Trọng

Thích tử háo uy

Chỉ trích con mình

Tất tả ngộ hai

Ưa thích uy thế

Sứ viện sở y

Nhất định bị hại

Ký hậu tam gia

Bảo con ban ân

Quả câu ư Tề

Để có chỗ dựa

Mẫu thuyết kỳ thư

Văn Trọng nghe theo

Tử toại đắc quy

Hậu đãi tam gia

Sau này quả nhiên

Bị Tề giam giữ

Mẹ đọc hiểu thư

Con mới được thả

TẤN DƯƠNG THỨC CƠ

Thức Cơ là vợ của Dương Thiệt Tử, mẹ của Thúc Hướng, Thúc Ngự, họ Dương. Thúc Hướng tên là Hất, Thúc Ngự tên là Phụ. Dương Thiệt Tử thích sự chính trực, không được nước Tấn dung nạp, thế là bỏ Tấn mà đến Tam Thất Chi Ấp. Tam Thất Chi Ấp có người ăn trộm dê của người khác đem biếu Dương Thiệt Tử, Dương Thiệt Tử không nhận, Thúc Cơ nói: “*Chàng sống ở nước Tấn không được dung nạp, sau khi bỏ đến Tam Thất Chi Ấp, lại không được Tam Thất Chi Ấp dung nạp. Đây là chàng không bằng lòng để được dung nạp, chi bằng cứ nhận lấy*”. Thế là Dương Thiệt Tử nhận lấy và nói: “*Để cho Hất và Phụ ăn!*”. Thúc Cơ nói: “*Không được! Phía nam có một giống chim gọi là Càn Cát, thường ăn cả thịt con, làm cho con non không thể lớn. Nay Hất và*

Phụ còn nhỏ, sẽ thay đổi theo sự giáo dục của chàng, không thể ăn thịt bất nghĩa. Chi bằng hãy đem chôn để chúng tỏ là không tham gia vào việc trộm cắp”. Thế là cho thịt dê vào trong hũ rồi đem chôn. Hai năm sau việc trộm dê bị phát hiện. Sai nha tìm đến cửa, Dương Thiệt Tử nói: “Tuy ta có nhận nhưng không dám ăn”. Thế là đào lên cho sai nha xem, nhìn thấy xương dê vẫn còn. Sai nha nói: “Dương Thiệt Tử là người chính nhân quân tử! Không tham dự vào việc trộm dê”.

Bậc quân tử nói Thúc Cơ có thể dự phòng tai họa, tránh bị tình nghi. Kinh Thi có câu: “*Vô viết bất hiển, mạc dư vân cầu*” (Chớ nói chỗ tối tăm không rõ ràng, không có ai trông thấy ta) là nói điều này.

Thúc Hường muốn lấy con gái của Thân Công Vu Thần là Hạ Cơ. Con gái của họ đẹp lại quyến rũ, Thúc Cơ không đồng ý, hy vọng con trai lấy con gái gia tộc của mình. Thúc Hường nói: “*Gia tộc của mẹ phú quý mà người lại không nhiều, không nhẽ để con liên lụy đến gia tộc của cậu sao!*”. Thúc Cơ nói: “*Vợ (Hạ Cơ) của Tử Linh (Thân Công Vu Thần) giết ba người chồng, một vị Vua, một người con, diệt vong hai khanh tướng của một nước. Con không sợ bị họ liên lụy lại sợ liên lụy gia tộc chúng ta. Tại sao vậy? Huống hồ ta nghe nói người có phúc lớn nhất định sẽ có họa lớn, người quá đẹp ắt có tật xấu. Hiện nay con gái của Phi tần của Trịnh Mục công thiết phi Diêu Tử (tức Hạ Cơ), em gái của Trịnh Linh Công, Linh Công chết sớm mà không có con cháu nối dõi, mà ông trời yêu quý, để cho nàng ta xinh đẹp như vậy, sau này ắt sẽ do vậy mà sẽ có thất bại thảm hại. Trước đây có người con gái họ Nhưng, tóc đen mượt mà lại vô cùng xinh đẹp tên là Huyền Thê. Lạc Chính Quỳ lấy*

nàng làm vợ, sinh được Bá Phong. Bá Phong phóng túng lại vô cùng tham lam, ngang ngược vô lý, mọi người gọi là Phong Thi. Hậu Nghệ của bộ tộc Hữu Củng tiêu diệt Bá Phong, do vậy từ đó không có ai thờ cúng. Hơn nữa, sự diệt vong của ba triều đại nhà Hạ, Thương, Chu, công tử Thân Sinh bị phế truất đều do sắc đẹp này. Con lấy người như vậy làm gì? Đặc biệt, người đẹp có thể làm thay đổi con người, nếu như không phù hợp với đạo đức, nhân nghĩa ắt sẽ gây tai họa”. Thúc Hường nghe xong sợ không dám lấy con gái của Thân Công Vu Thần nữa.

Tấn Bình Công ép Thúc Hường phải lấy con gái Hạ Cơ, sinh được một người con trai là Dương Thực Ngã, tên hiệu là Bá Thạc. Khi sinh Bá Thạc, người hầu vào gặp Thúc Cơ nói: “Dâu trưởng sinh được một bé trai”. Thúc Cơ đến xem đứa bé, vừa đến đại sảnh nghe thấy tiếng đứa bé khóc liên quay về mà nói: “Đây là âm thanh của lang sói, lòng lang dạ sói, sau này người diệt họ Dương Thiệt ắt là đứa bé này”. Thế là không chịu gặp đứa bé. Đến khi Bá Thạc trưởng thành, cùng với Kỳ Thăng làm loạn. Người Tấn giết Bá Thạc, họ Dương Thiệt do đó mà bị diệt vong.

Bậc quân tử nói Thúc Cơ giỏi việc suy luận loại suy. Kinh Thi có câu: “Nhu bỉ tuyền lưu, vô luân tư dĩ bại” (Nhu dòng suối chảy đi mất, chớ cho chìm đắm đọa đày) là nói điều này.

Khi Thúc Cơ vừa mới sinh Thúc Ngư bèn nói: “Đứa bé này mắt hổ, miệng heo, vai điều râu, bụng trâu, mặt có nét tham lam không biết thế nào cho đủ, sau này sẽ do nhận hối lộ mà chết”. Thế là từ đó trở đi không gặp Thúc Ngư nữa. Đến khi Thúc Ngư trưởng thành, làm quan tán lý (đại diện tư pháp). Hình Hầu và Ung Tử

tranh chấp ruộng đất. Ung Tử dâng con gái mình để cầu Thúc Ngự giúp đỡ. Hình Hầu giết Thúc Ngự và Ung Tử ngay tại chỗ. Hàn Tuyên Tử không biết phải xử lý thế nào. Thúc Hượng nói: “*Ba kẻ gian ác tội trạng giống nhau, xin hãy giết kẻ sống, bêu riếu kẻ chết*”. Thế là giết hết gia tộc Hình Hầu, còn Thúc Ngự và Ung Tử bị bêu xác ngoài chợ. Thúc Ngự cuối cùng do lòng tham mà chết. Có thể nói là Thúc Cơ có trí tuệ.

Kinh Thi có câu: Tham nhân bại loại (kẻ tham hư hỏng xấu xa vô cùng) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Thúc Hượng chi mẫu

Mẹ của Thúc Hượng

Sát ư tính tình

Giỏi việc quan sát

Suy nhân chi sinh

Tính tình con người

Dĩ cùng kỳ mệnh

Để dự đoán được

Thúc Ngự Thực Ngã

Vận mệnh đời người

Giai tham bất chính

Thúc Ngự, Thực Ngã

Tất dĩ hóa tử

Là kẻ tham lam bất chính

Quả tuất phân tranh

Nhất định sẽ vì

Tiền tài mà chết

Sau này quả nhiên

Chết vì tranh chấp

TẤN PHẠM THỊ MẪU

Tấn Phạm Thị mẫu là vợ của Phạm Hiến Tử. Ba người con trai của bà giao du với Triệu thị. Triệu Giản Tử cưới ngựa trong vườn, trong vườn rất nhiều cây cối chắn đường đi của ngựa. Triệu Giản Tử hỏi ba người

con của Phạm thị rằng: *“Phải làm sao?”*. Người con cả nói: *“Vị Vua sáng suốt hiền từ chưa thảo luận vấn đề thì sẽ không làm. Hôn quân thì chưa thảo luận vấn đề mà việc gì cũng dám làm”*. Người con thứ hai bảo: *“Quá yêu quý ngựa sẽ không yêu quý nhân dân, yêu quý nhân dân thì sẽ không yêu quý ngựa nhiều”*. Người con út nói: *“Có thể cho nhân dân ba cái lợi, giả sử chặt cây trên núi là có thể nuôi ngựa ở đây, sau đó lại mở rộng vườn, lúc này núi xa mà vườn gần, đây có thể làm cho nhân dân vui lần thứ nhất. Sau đó tiếp tục xan phẳng núi cao hiểm trở, chặt cây ở bình nguyên, nhân dân sẽ vui lần thứ hai. Sau khi chặt xong sẽ bán rẻ cho nhân dân thì họ sẽ vui lần thứ ba”*. Triệu Giản Tử nghe theo lời khuyên này, quả nhiên là cho nhân dân vui ba lần. Người con út vì mưu kế của mình mà cảm thấy cao hứng, về nhà đem chuyện này kể cho mẹ.

Người mẹ nghe xong vô cùng cảm thán mà nói: *“Sau này người diệt gia tộc Phạm thị nhất định là đứa con này. Thích việc lớn háms công to mà để cho nhân dân cực khổ thì ắt sẽ không thực thi nhân nghĩa, dựa vào giả dối mà thích lừa gạt ắt sẽ không lâu dài”*. Sau này quả nhiên Trí Bá thị tiêu diệt Phạm thị.

Bạc quân tử nói Phạm thị mẫu biết được nguồn gốc của tai họa. Kinh Thi có câu: *“Vô thiểm nhĩ tổ, thức cứu nhĩ hậu”* (Tu thân khỏi nhục tổ tiên, cháu con cứu được sống yên đời đời) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Phạm thị chi mẫu
Quý đức thượng tín
Tam tử tam đức
Dĩ trá dữ dân
Tri kỳ tất diệt
Tiên năng hữu nhân
Hậu quả phùng họa
Thân tử quốc phân*

*Mẹ của Phạm Thị
Xem trọng tín nghĩa
Con trai út nhất
Nói ba điều lợi
Lừa gạt nhân dân
Biết con sau này
Ắt bị diệt vong
Không giữ nhân nghĩa
Quả nhiên gặp nạn
Người thì bị chết
Nước bị diệt vong*

LỖ CÔNG THỪA TỰ

Lỗ Công Thừa tự là chị gái của Lỗ Công Thừa Tử Bì. Trong họ có người chết, người chị khóc vô cùng thương tâm. Tử Bì khuyên chị gái rằng: “*Chị hãy nín đi! Em chuẩn bị gả chồng cho chị*”. Sau một thời gian dài, Tử Bì không nhắc đến việc này nữa. Vua nước Lỗ chuẩn bị cho Tử Bì làm Tế tướng, Tử Bì hỏi chị gái rằng: “*Vua nước Lỗ muốn em làm Tế tướng. Em có nên nhận lời không?*”. Người chị nói: “*Không nên nhận lời làm Tế tướng!*”. Tử Bì hỏi: “*Tại sao?*”. Người chị trả lời: “*Gặp khi có tang sự lại nói đến việc cưới gả, đây là không hiểu lễ nghĩa, sau đó lại không nhắc đến nữa, đây là không biết phải trái. Trong không hiểu lễ nghĩa, ngoài không biết phải trái, sao có thể làm Tế tướng*”. Tử Bì nói: “*Chị muốn lấy chồng, sao không nói sớm?*”. Người chị đáp: “*Việc của phụ nữ, có khởi xướng thì mới phụ họa theo.*”

Sao chị có thể vì nguyên nhân muốn lấy chồng mà kể lể với em! Em thực sự là không hiểu lễ nghĩa, không biết phải trái. Như vậy mà làm Tế tướng, ở trên cao nhìn xuống mọi người thì dựa vào gì để cai quản! Đây giống như là bịt mắt để phân biệt trắng đen. Bịt mắt để phân biệt trắng đen còn chưa đến nỗi có tai họa gì, nhưng không biết phải trái mà làm Tế tướng, nếu như không bị trời trừng phạt thì cũng sẽ bị người mang tai họa đến. Em nhất định không được làm Tế tướng”. Tử Bì không nghe, sau nhận lời Vua nước Lỗ làm Tế tướng. Làm Tế tướng chưa được một năm, quả nhiên bị giết mà chết.

Bạc quân tử nói chị của Công Thừa Tử Bì nhìn sự việc mà biết em trai ắt sẽ gặp tai họa, có thể nói là người có trí tuệ. Đợi hợp lễ nghĩa mới hành động, không làm trái lẽ phải, đó là kiên trinh. Kinh Thi có câu: “Thác hề! Thác hề! Phong kỳ xuy nhữ. Thúc hề! Bá hề! Xương du họa nhữ (Cây kia khi nó khô cả lá, gió nó lay, lay đã chưa thôi. Đôi bên chú bác ai ơi, xương lên ta sẽ họa lời hát theo), lại có câu: “Bách nhĩ sở tư, bất như ngã sở chi” (Người suy phương kế hàng trăm, chẳng bằng sự hoàn mỹ của ta) thật đúng trong tình huống này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tử Bì chi tử
Duyên sự phân lý
Tử Bì Tướng Lỗ
Tri kỳ họa khởi
Tỉ gián Tử Bì
Đãi bất như chi
Tử Bì bất thính
Tuất vi tông sĩ*

*Chị của Tử Bì
Theo việc suy diễn
Tử Bì làm Tế Tướng
Biết em gặp nạn
Khuyên em đừng làm
Tử Bì không nghe
Cuối cùng mang lại
Sỉ nhục gia tộc*

LỖ TẮT THẮT NỮ

Tắt Thất nữ là con gái của ấp Tất Thất nước Lỗ, lỗ thời mà chưa lấy chồng. Lúc ấy, Lỗ Mục Công tuổi đã già mà Thái tử còn nhỏ tuổi.

Có một ngày, cô gái chưa chồng của ấp Tất Thất đứng dựa vào cột nhà buồn bã thở dài, người bên ngoài nghe thấy không ai là không thương cảm. Một vị phu nhân nhà hàng xóm đi ngang qua trước cửa liền hỏi rằng: “*Cô vì sao mà bi ai như vậy? Có phải là muốn lấy chồng rồi không? Để tôi tìm cho cô một đức lang quân nhé!*”

Cô gái nói: “*Tôi vẫn tưởng bà là người có kiến thức. Hôm nay sao lại thiếu hiểu biết như vậy! Tôi đâu phải vì bản thân không lấy được chồng mà khổ não. Tôi ưu sầu vì Lỗ Công già rồi mà Thái tử thì lại còn quá nhỏ!*”

Phu nhân nhà hàng xóm nghe xong không khỏi bật cười, nói: “*Đây là việc đáng buồn của quan đại phu nước Lỗ, chứ có liên quan gì đến cô đâu!*”

Cô gái nói: “Bà nói sai rồi. Trước kia, một vị khách người nước Tấn đến ở tại nhà của tôi, ông ta buộc ngựa ở trong vườn rau nhà tôi. Không ngờ con ngựa giằng dây cương chạy loạn, dẫm đạp vườn rau xanh của nhà tôi, khiến cho tôi cả năm không có rau quý để ăn”.

“Con gái nhà hàng xóm bỏ trốn cùng người khác, họ lại kéo anh trai của tôi đuổi theo, không ngờ mấy ngày liền mưa dầm, nước sông tăng nhanh, anh trai trượt chân chết đuối, từ đó tôi đã mất đi anh trai”. (Dựa theo lễ xưa, con gái xuất giá, cha mẹ còn thì nghe theo cha mẹ, cha mẹ mất thì nghe theo anh em. Cô gái Tất Thất đã mất đi anh trai, khiến nàng đã đến tuổi hôn phối cũng không thể gả đi được). Tôi nghe nói nước sông có thể ngấm ướt nơi xa chín dặm, có thể từ từ làm ẩm ba trăm bước. Hiện nay, Lỗ Công đã già lại hồ đồ, nhưng Thái tử lại còn rất nhỏ. Trong nước ngu muội, quan viên đối trá sẽ dần dần nhiều lên, nước Lỗ sẽ có nạn, quân thần phụ tử đều sẽ phải chịu nhục nhã, mối họa rồi cũng sẽ đổ vào người dân vô tội. Phu nhân liệu có tránh khỏi? Cho nên tôi mới buồn bã không thôi. Phu nhân sao có thể nói điều này không có quan hệ gì với mình được?”.

Phu nhân nhà hàng xóm nghe cô gái nói như vậy, thì cúi đầu tạ lỗi: “Cô suy nghĩ chu toàn như vậy, tôi lại không hiểu mà đã thất lễ với cô”.

Ba năm sau, Lỗ quốc quả nhiên đại loạn. Hai nước Tề, Sở thừa cơ đánh vào nước Lỗ, khiến đất nước này mấy năm liền không yên ổn. Đàn ông ra tiền phương tác chiến, đàn bà ở hậu phương phụ trách cung ứng và vận chuyển vật tư, không ai có thời gian mà đi làm những công việc hàng ngày nữa, khiến việc nhà không chăm

nom, nữ công không làm, ruộng thiếu người trông trọt. Toàn bộ Lễ quốc hiện ra cảnh tượng tiêu điều.

Bạc quân tử nói: Người con gái Tất Thất có suy nghĩ sâu xa. Kinh Thi có câu: *“Tri ngã giả, vị ngã tâm ưu. Bất tri ngã giả, vị ngã hà cầu”* (Hiểu lòng ta những ai đó hỡi! Ất nói ta nghĩ ngợi sầu bi. Còn người chẳng hiểu tí chi, nói ta đang kiếm vật gì thế thôi) thật đúng trong tình huống này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Tất Thất chi nữ</i>	<i>Cô gái Tất Thất</i>
<i>Kế lự thậm diệu</i>	<i>Suy nghĩ sâu xa</i>
<i>Duy Lễ thả loạn</i>	<i>Sợ Lễ đại loạn</i>
<i>Ý trụ nhi tiếu</i>	<i>Dựa cột thở dài</i>
<i>Quân lão tự ấu</i>	<i>Vua già con nhỏ</i>
<i>Ngu bội gian sinh</i>	<i>Ngu dốt sinh tà</i>
<i>Lễ quả ưu loạn</i>	<i>Quả nhiên nước Lễ</i>
<i>Tề phạt kỳ thành</i>	<i>Gặp phải đại loạn</i>
	<i>Nước Tề công đánh</i>
	<i>Thành của nước Lễ</i>

NGUY KHÚC ỐC PHỤ

Khúc Ốc Phụ là mẹ của quan đại phu nước Ngụy Như Nhĩ. Nước Tần lập Ngụy công tử Chính là Thái tử nước Ngụy. Phi tần mà Ngụy Ai Vương sai sứ giả đi tuyển chọn cho Thái tử vô cùng xinh đẹp. Ngụy Ai Vương bèn muốn lấy làm Phi tần của mình. Khúc Ốc Phụ nói với con trai của mình là Như Nhĩ rằng: *“Ngụy Vương hôn loạn không phân biết phải trái. Tại sao con không can gián*

Vua? Hiện nay các nước mạnh xưng hùng, đúng là lúc biểu hiện đạo nghĩa. Hiện nay, nước Ngụy không thể lớn mạnh, Vua lại không nhân nghĩa, sao có thể giữ nước! Vua Ngụy là một người tầm thường, không biết làm như vậy sẽ có tai họa. Con mà không can gián thì nước Ngụy ắt sẽ xảy ra tai họa. Nước Ngụy có tai họa ắt sẽ gây họa đến nhà ta. Con hãy mau dâng tấu để tận lòng trung, dùng lòng trung thành để trừ bỏ tai họa, đừng để lỡ thời cơ”. Như Nhĩ chưa có thời gian để nói chuyện này thì lại phải đi sứ nước Tề. Thế là Khúc Ốc Phụ tìm đến của nhà Ngụy Vương dâng sớ tấu trình rằng: “Thiếp là Khúc Ốc, trong lòng có rất nhiều suy nghĩ, mong nói cho Đại Vương được biết”. Ngụy Vương gọi bà vào trong cung. Khúc Ốc Phụ nói: “Thiếp nghe nói nam nữ hữu biệt là lễ nghĩa lớn của quốc gia. Chí hướng của người phụ nữ mỏng manh, nội tâm kém cõi, không được dùng tà tâm để dẫn dụ. Cho nên mới quy định 15 tuổi thì cập kê, 20 tuổi gả chồng. Một khi đã gả chồng thì danh phận cũng đã định. Có sính lễ thì tự nhiên được thân phận là vợ cả, không có sính lễ thì danh phận là vợ bé. Có quy định như vậy để phòng trừ dâm loạn. Có sính lễ, có danh phận thì có thể xuất giá, sau đó theo chồng, đây là lễ tiết của người trinh nữ. Nay Đại Vương tìm vợ cho Thái tử rồi lại chiếm làm của mình, làm như vậy là hủy hoại cái lễ tiết của người trinh nữ, làm loạn lễ tiết nam nữ hữu biệt. Các vị Vua từ xưa đến nay đều có vợ cả và các Phi tần, lấy đúng người thì sẽ hưng vượng, lấy không đúng người thì sẽ sinh loạn. Triều nhà Hạ có thể hưng vượng là vì có Đờ Sơn thị, bị diệt vong là vì có Muội Hỉ. Triều nhà Ân hưng vượng là vì có Hữu Sần, diệt vong là vì có Đát Kỷ. Triều nhà Chu hưng vượng là vì có Thái Tự, diệt

vong là vì có Bao Tự. Phu nhân của Chu Khang Vương do Khang Vương lên triều muện mà làm bài Quan Thu để dự báo, làm cho Vua tỉnh ngộ, người thực nữ sánh đôi với quân tử. Chim thư cưu là một giống chim chung thủy một chồng một vợ, chưa từng sống chung với con khác. Sự kết hợp giữa nam và nữ phải tuân theo lễ nghĩa. Cha con do đó mà xuất hiện, vua tôi do đó mà thành tự. Cho nên nói đây là sự bắt đầu của vạn vật. Vua – tôi, cha – con, vợ – chồng, ba mối quan hệ này là kỷ cương lớn nhất của thiên hạ. Quản lý tốt ba mối quan hệ này thì thiên hạ có thể cai quản được. Ba mối quan hệ này mà loạn thì thiên hạ sẽ loạn. Hiện nay Đại Vương bắt đầu từ việc loạn đạo làm người, vứt bỏ kỷ cương. Hiện nay nước thù địch với chúng ta có năm sáu nước, phía nam có nước Sở hợp tung (liên minh theo chiều dọc), phía tây có nước Tần liên hoành (liên kết chiều ngang), mà nước Ngụy ở giữa có thể nói là miễn cưỡng tồn tại. Đại Vương không vì vậy mà lo lắng, lại đi loạn đạo làm người, không phân biệt nam nữ hữu biệt, cha con cùng lấy một người tiểu thiếp, e là đất nước của Đại Vương gặp nguy”. Ngụy Vương nói: “Thì ra là vậy! Quả nhân không biết!” thế là trả lại Phi tần cho Thái tử, ban cho Khúc Ốc Phụ ba mươi chung lương thực, sau khi Như Nhĩ trở về được thăng tước vị. Từ đó Ngụy Vương siêng năng tự tu dưỡng, vất vả vì đất nước. Các nước Tề, Sở và nước Tần lớn mạnh nhiều năm không dám ức hiếp nước Ngụy.

Bạc quân tử nói Ngụy Ốc Phụ hiểu lễ nghĩa.

Kinh Thi có câu: “Kính chi, kính chi, thiên duy hiển tu” (đáng kính thay, đáng kính thay, Đạo trời rất tỏ rạng) thật là đúng trong trường hợp này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Ngụy Phụ thông đạt
Phi thích Ai Vương
Vương tử nạp phi
Lễ biệt bất minh
Phụ khoản Vương môn
Trần liệt kỷ cương
Vương cải tự tu
Tuất vô địch binh*

*Khúc Ốc thông minh
Chế nhạo Ngụy Vương
Vương tử lấy vợ
Lễ nghĩa không phân
Ngụy Phụ tìm gặp
Kể lễ cương thường
Ngụy Vương sửa chữa
Trong thời gian dài
Nước không bị xâm lược*

TRIỆU TƯỚNG QUÁT MẪU

Triệu tướng Quát mẫu là vợ của danh tướng nước Triệu Mã Phục Quân Triệu Xa, là mẹ của Triệu Quát. Nước Tần công đánh nước Triệu, Triệu Hiếu Thành Vương sai Triệu Quát thay Liêm Pha làm Tướng quân. Khi sắp sửa ra quân, mẹ Triệu Quát dâng thư lên Triệu Vương, nói rằng Triệu Quát không thể làm Tướng. Triệu Vương hỏi vì sao thì mẹ Triệu Quát nói: “Xưa kia thiếp thờ cha nó. Trong thời gian cha nó làm Tướng, hạng người ông ta thân hành bưng cơm nước, cho ăn có đến hàng chục, hạng ông xem là bạn có đến hàng trăm. Đại Vương và Tôn Thất thưởng cho cái gì thì đưa tất cả cho các quân lính và sĩ phu. Ngày nhận được mệnh lệnh thì không hỏi đến việc nhà. Nay nó mới làm Tướng mà ngồi ngoảnh mặt về phía đông để đối đãi quân lính, quân lại không ai dám ngẩng lên nhìn, vàng lụa nhà Vua cho đều đem về cất ở nhà, hàng ngày xem có nhà cửa ruộng vườn gì có thể mua để kiếm lời là mua. Nhà Vua xem nó

có bằng cha nó không? Cha con bụng dạ khác nhau. Xin nhà Vua chớ sai đi!". Triệu Vương nói: "Bà không phải nói gì nữa. Quả nhân đã quyết định rồi". Mẹ của Triệu Quát nói: "Đại Vương khăng khăng không nghe, nếu xảy ra chuyện gì thì sẽ không liên lụy đến thiếp ư?". Triệu vương đáp: "Không liên lụy!". Quát xuất chinh thay cho lão Tướng Liêm Pha. Hơn 30 ngày sau, quả nhiên binh lính nước Triệu bại trận, Triệu Quát bị giết, toàn quân bị tiêu diệt. Do mẹ Triệu Quát đã có lời từ trước nên Triệu Vương không giết gia tộc của Triệu Quát.

Bậc quân tử nói mẹ Triệu Quát là người nhân nghĩa lại có trí tuệ.

Kinh Thi có câu: "Lão phu quán quán, tiểu tử kiêu kiêu, phỉ ngã ngôn mạo, nhĩ dụng ưu hươc" (Ta thành khẩn đem lời ra bảo, trẻ không tin kiêu ngạo thờ ơ, lão không tuổi tác hồ đồ, chớ đem ưu lự làm trò đùa chơi) thật là đúng trong trường hợp này

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Hiếu Thành dụng Quát
Đại Pha cự Tần
Quát mẫu hiến thư
Tri kỳ phúc quân
Nguyện chỉ bất đắc
Thỉnh tội chỉ thân
Quát tử Trường Bình
Thê tử đắc tồn*

*Vua Hiếu Thành dùng Quát
Thay Liêm Pha chống Tần
Mẹ Quát dâng thư lên
Vì biết Quát sẽ thua
Mong Quát không làm Tướng
Cuối cùng không được duyệt
Lại xin không liên can
Quát chết ở Trường Bình
Vợ con không liên lụy*

QUYỂN IV: TRINH THUẬN TRUYỆN

*Duy bậc Trinh thuận Là sự tốt đẹp trong thiên hạ
Theo đạo tiến lên Chăm chỉ trong sạch
Tránh sự hiềm nghi Chuyên tâm cẩn thận
Chắc đúng mới nói Các tỳ thiếp xem vào
Trọn đời một lòng Lấy đó làm khuôn mẫu*



CHIÊU NAM THÂN NỮ

Chiêu Nam Thân Nữ là con gái của họ Thân, đã hứa gả cho nhà họ Phong. Tuy nhiên, nhà chồng lễ nghĩa không chu đáo mà đến đón dâu. Thân Nữ nói với người đến đón dâu rằng: *“Trở thành vợ chồng là nguồn gốc của luân lý làm người, không thể không hợp lẽ. Tương truyền rằng: Nguồn gốc giữ cho có nề nếp không lệch lạc thì vạn vật mới có nguyên tắc, nếu bắt đầu sai một li, sau này có thể sẽ đi một dặm, cho nên mới nói dựng nên căn bản thì mới có quy củ, đầu nguồn được xử lý thì dòng nước mới trong. Việc cưới gả vốn là việc lớn dùng để nối dõi, kế thừa tổ tiên, là việc vô cùng quan trọng của tông miếu. Nhà chồng xem thường lễ nghĩa, làm trái quy định, ta không thể như vậy mà xuất giá”. Thế là không chịu về nhà chồng. Nhà chồng thưa kiện, đem bắt giam vào ngục. Nhưng cuối cùng Thân Nữ vẫn kiên quyết rằng chỉ cần một chút lễ vật chưa đầy đủ, một chút lễ nghĩa chưa hợp lý thì có chết cũng không về nhà chồng và còn làm thơ rằng: *“Tuy tốc ngã ngục, thất gia bất túc”* (Kiện thưa em được đã đành, lễ nghi lúc trước thi hành đủ đâu) để nói nhà chồng không chuẩn bị đầy đủ theo lễ nghi.*

Bậc quân tử cho rằng Thân Nữ hiểu rõ lễ nghĩa, đạo làm vợ, cho nên bình chọn và khen ngợi, truyền bá sự tích của Thân Nữ để mọi người noi theo, từ đó ngăn chặn hành vi không lễ nghi xảy ra, phòng ngừa hành vi dâm dục tràn lan.

Lại có câu: *“Tuy tốc ngã tụng, diệc bất nhữ tụng”* (Kiện thưa em được đã đành, Rốt cùng về ở với anh chẳng thêm) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Chiêu Nam Thân Nữ
Trình nhất tu dung
Phu lễ bất bị
Chung bất khăng tòng
Yếu dĩ tất tử
Toại chí ngục tụng
Tác thi minh ý
Hậu thế xưng tụng*

*Chiêu Nam Thân Nữ
Trình tiết chuyên nhất
Nghĩ lễ bất đáo
Không về nhà chồng
Chết cũng kiên quyết
Bị nhốt trong ngục
Làm thơ tỏ rõ
Đòi sau ca tụng*

TỔNG CUNG BÁ CƠ

Bá Cơ là con gái của Lỗ Tuyên Công, là em gái của Thành Công. Khi mẹ của Bá Cơ là Mục Khương đem Bá Cơ gả cho Tổng Cung Công, Cung Công không đích thân đến đón dâu, cha mẹ Bá Cơ thúc ép nên đành về nhà chồng. Khi đến nước Tống, ba tháng sau cử hành nghi thức ở tông miếu, do Cung Công không đích thân đón dâu nên Bá Cơ không chịu nghe theo sự sắp xếp. Người Tống đem chuyện này nói với nước Lỗ. Nước Lỗ sai Đại phu Quý Văn Tử đến nước Tống truyền đạt ý chỉ của nước Lỗ. Sau khi trở về, Lỗ Công khoản đãi Quý Văn Tử, Mục Khương từ trong phòng đi ra hai lần hành lễ rồi nói: “Đại phu không từ gian khổ đường xa, đưa con gái ta đi lấy chồng, không quên Tiên Vương và con cháu của ta. Nếu ở dưới đất mà biết được, Tiên Vương nhất định sẽ thấy được là Đại phu không phụ lòng kỳ vọng của Tiên Vương. Một lần nữa cảm tạ đại phu, đại phu vất vả rồi”.

Bá Cơ gả cho Tống Cung Công được mười năm sau thì Cung Công chết, Bá Cơ ở góa. Đến đời Cảnh Công, ban đêm nơi Bá Cơ ở xảy ra hỏa hoạn, người tùy tùng nói: *"Phu nhân hãy ra ngoài để tránh hỏa hoạn!"*. Bá Cơ nói: *"Theo phép tắc của người phụ nữ, khi không có bảo mẫu, phó mẫu thì ban đêm không được ra ngoài, đợi họ đến hẵng hay"*. Khi bảo mẫu đến, phó mẫu chưa đến, người tùy tùng lại nói: *"Phu nhân hãy ra ngoài tránh hỏa hoạn!"*. Bá Cơ nói: *"Theo phép tắc của người phụ nữ, khi không có phó mẫu thì ban đêm không được ra ngoài, vượt qua lễ nghĩa để được sống, không bằng giữ vững lễ nghĩa mà chết"* và cuối cùng bị chết cháy.

Kinh Xuân Thu có ghi chép tường tận chuyện này để ca ngợi Bá Cơ, cho rằng người phụ nữ lấy sự trinh tiết để hành động. Bá Cơ có thể nói là hoàn toàn giữ vững chuẩn mực đạo đức của người phụ nữ. Vào thời đó, các nước chư hầu biết được chuyện này không ai là không đau đớn tưởng niệm Bá Cơ, đồng thời cho rằng người chết rồi thì không thể sống lại, nhưng tiền tài thì có thể có lại được. Cho nên các nước chư hầu cùng tụ tập ở Thiên Uyên, trả lại cho nước Tống những gì nước Tống mất.

Kinh Xuân Thu khen ngợi sự việc này. Bậc quân tử nói: Lễ nghĩa có nói: *"Người phụ nữ khi không có phó mẫu ở bên cạnh thì ban đêm không được ra ngoài, khi ra ngoài phải đốt đèn chiếu sáng"*.

Kinh Thi có câu: *"Thực thận nhĩ chỉ, bất khiên vu nghi"* (Dung mạo cử chỉ thì kính cẩn, uy nghi không làm lẫn mảy may) có thể nói là Bá Cơ không đánh mất lễ nghi.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Bá Cơ tâm chuyên</i>	<i>Bá Cơ chuyên tâm</i>
<i>Thủ lễ nhất ý</i>	<i>Một lòng giữ lễ</i>
<i>Cung dạ thất hỏa</i>	<i>Cung điện bị cháy</i>
<i>Bảo phó bất bị</i>	<i>Bảo mẫu, phó mẫu</i>
<i>Đãi hỏa nhi tử</i>	<i>Không ai có mặt</i>
<i>Quyết tâm mị hối</i>	<i>Bá Cơ chết cháy</i>
<i>Xuân Thu hiền chi</i>	<i>Lòng không hối hận</i>
<i>Tường lục kỳ sự</i>	<i>Kinh Xuân Thu ca ngợi</i>
	<i>Ghi chép việc này</i>

VỆ QUẢ PHU NHÂN

Vệ Quả Phu Nhân là con gái của Vua nước Tề, bà được gả cho nước Vệ. Khi đến cổng thành nước Vệ thì Vua nước Vệ qua đời. Bảo mẫu nói: *“Theo tình hình hiện nay thì chúng ta có thể quay về”*. Con gái Vua nước Tề không nghe theo, thế là đến nước Vệ và kiên trì chịu tang Vua nước Vệ ba năm. Hết thời gian chịu tang, em trai của Vua nước Vệ lên ngôi, thỉnh cầu rằng: *“Nước Vệ là nước nhỏ, không thể có hai bếp, mong rằng chúng ta có thể ở cùng nhau”*. Phu nhân nói: *“Chỉ có vợ chồng mới có thể ở cùng nhau”*. Trước sau cũng không chấp thuận lời thỉnh cầu. Vì thế, Vua nước Vệ sai người đem việc này báo cho anh em của phu nhân. Anh em của phu nhân đều mong phu nhân có thể lấy vị Vua sau này của nước Vệ, nên sai người đến nói rõ ý muốn này, nhưng rốt cuộc phu nhân không nghe theo ý muốn của anh em và làm thơ rằng: *“Ngã tâm phỉ thạch, bất khả chuyển dã. Ngã tâm phỉ tịch, bất khả quyển dã”* (Lòng ta chẳng

phải đá xanh, cho nên chẳng thể đổi quanh chuyển dời. Lòng ta chẳng phải chiếu ngời, cho nên chẳng thể xếp rồi cuốn quanh). Khốn khổ mà không nhận sự thương hại, vất vả mà không bừa bãi, sau đó mới có thể đạt được lý tưởng của mình, ý nói không đánh mất chữ tín, sau mới có thể qua được cửa ải khó khăn.

Kinh Thi có câu: *“Uy nghi đệ đệ, bất khả tuyển dã”* (*Uy nghi thuần thực rành rành, nhưng không được chọn phải đành thế thôi*). Ý nói bên cạnh không có hiền thần mà chỉ có người thuận theo ý của Vua.

Bậc quân tử ca ngợi phu nhân là người trinh tiết chuyên nhất, cho nên đem tích này biên vào Kinh Thi.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề nữ giá Vệ
Quyết chí thành môn
Công hoẵng bất phản
Toại nhập tam niên
Hậu quân dục đồng
Nữ chung bất hốn
Tác thi cơ thích
Tuất thủ tử quân*

*Con gái Vua Tề
Gả cho Vua Vệ
Khi đến cổng thành
Vua Vệ qua đời
Không về ở lại
Chịu tang ba năm
Vua sau kế nhiệm
Muốn cùng sống chung
Phu nhân không thuận
Làm thơ châm biếm
Cả đời thủ tiết*

THÁI NHÂN CHI THÊ

Vợ người họ Thái là con gái của người họ Tống, được gả cho người họ Thái, nhưng chồng bị bệnh khó

chữa, mẹ nàng muốn nàng tái giá. Nàng nói: “*Chồng con bất hạnh cũng là sự bất hạnh của con. Sao con có thể bỏ chàng? Đường đường chính chính lấy chồng, một khi cử hành nghi thức thì cả đời không được tái giá. Nay chồng con bất hạnh mà thân mang bệnh khó chữa, con càng không nên thay đổi tâm ý. Vả lại hái cỏ phù dĩ, cho dù có mùi hôi nhưng vẫn hái, để trong vạt áo, ôm ấp trong lòng mà trở nên thân thiết, huống hồ là đạo vợ chồng? Chàng không có vấn đề gì to lớn, lại không muốn bỏ con. Sao có thể bỏ chàng được?”*. Rốt cuộc cũng không nghe theo lời của mẹ. Thế là làm bài thơ Phù Dĩ.

Bác quân tử nói: “*Chí hướng của người con gái họ Tống vô cùng trinh tiết và chung thủy*”.

Có thơ khen rằng:

*Tống nữ chuyên tịnh
Trì tâm bất khuynh
Phu hữu ác tật
Ý do nhất tinh
Mẫu khuyên khứ quy
Tác thi bất thính
Thái nhân mỹ chi
Dĩ vi thuận trinh*

Tạm dịch:

*Người con gái họ Tống
Chuyên tâm yên tịnh
Giữ đạo làm vợ
Không đổi thay lòng
Chồng có bệnh khổ
Chí hướng của vợ
Chuyên nhất không đổi
Mẹ khuyên bỏ chồng
Con gái họ Tống
Làm thơ không nghe
Gia tộc họ Thái
Ngợi ca khen nàng
Là người trinh tiết*

LÊ TRANG PHU NHÂN

Lê Trang phu nhân là con gái của Vua nước Vệ, là vợ của Lê Trang Công. Sau khi được gả cho Lê Trang Công thì họ không có cùng chung cách nghĩ, chí hướng cũng khác nhau, cho nên cảm thấy vô cùng không như ý. Phó mẫu xót thương bà là người hiền tài nhưng Lê Trang Công lại không chấp nhận bà, thương bà không được như ý, lại sợ do đó sẽ bị đuổi đi mà không kịp thời quay về nhà nên nói với bà rằng: *“Đạo vợ chồng, có nghĩa thì ở với nhau, không có nghĩa thì rời xa. Hiện nay phu nhân vô cùng không như ý. Tại sao không bỏ đi?”* và làm thơ rằng: *“Thức vi! Thức vi! Hồ bất quy?”* (Suy vi rày đã suy vi! Trở về sao chẳng chịu đi cho rồi?). Bà đáp rằng: *“Đạo làm vợ là chỉ thờ một chồng. Tuy chồng ta đối xử với ta không tốt, không chấp nhận ta. Ta sao có thể bỏ qua đạo làm vợ!”* và làm thơ rằng: *“Vi quân chỉ cố, hồ vi hồ trung lộ? (Nếu không vì nghĩa Vua – tôi, sao cam chịu ướm lấm hôi móc sương?)*, cuối cùng vẫn kiên quyết thủ tiết chung thủy không đổi thay, không làm trái với đạo làm vợ, hầu hạ chồng.

Bạc quân tử làm thơ kể về câu chuyện này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Lê Trang phu nhân
Chấp hành bất suy
Trang Công bất ngộ
Hạnh tiết phản quai
Phó mẫu khuyên khứ
Tác thi thức vi
Phu nhân thủ nhất
Chung bất khăng quy*

*Lê Trang Phu Nhân
Giữ đạo làm vợ
Mặc dù Trang Công
Không chấp nhận nàng
Hành vi Phu Nhân
Lại càng hòa thuận
Phó Mẫu khuyên bà
Hãy bỏ ra đi
Bà làm thơ Thức Vi
Kiên quyết thờ một chồng
Quyết không bỏ đi*

TÈ HIẾU MẠNH CƠ

Mạnh Cơ là con gái lớn của người họ Hoa, là vợ của Tề Hiếu Công. Bà là người thích lễ nghĩa, trinh tiết chung thủy, đã quá tuổi mà chưa lấy chồng. Nước Tề có người cầu hôn nhưng lễ không đầy đủ chu đáo, cho nên cuối cùng bà không chấp thuận. Chỉ cần có mặt nam giới là bà không bao giờ nói chuyện bên ngoài. Bà xa lánh nam giới để tránh hiềm nghi, thị phi. Người nước Tề hầu như không có ai đầy đủ lễ để cầu hôn với bà. Người nước Tề ca ngợi bà trinh tiết hiếu thuận. Sau khi Tề Hiếu Công biết được bèn theo lễ nghĩa mà chuẩn bị đầy đủ lễ vật, đích thân đến nhà họ Hoa để đón dâu. Cha mẹ tiễn con đi lấy chồng không ra khỏi cửa, mẹ ở phòng lễ, chỉnh sửa quần áo và giày dép cho bà rồi dặn dò bà rằng: “*Nhất định phải cung kính, cẩn thận, không được làm trái những việc trong cung*”. Cha đứng

ở bậc thềm phía đông dặn dò bà rằng: *“Nhất định phải cần cù làm việc sớm tối, không được làm trái lệnh trời. Nếu như xảy ra tình trạng làm trở ngại lệnh Vua, nhất định không được trái với lễ nghĩa mà phải thuận theo”*. Các bậc bề trên đứng hai bên bậc thềm dặn dò bà rằng: *“Cho dù là sớm tối cũng không được có lỗi lầm, không được quên lời cha mẹ dặn dò”*.

Hiếu Công đích thân đến đón bà, Mạnh Cơ nhiều lần quay đầu lại nhìn cha mẹ, sau đó mới ra khỏi nhà. Hiếu Công đưa dây nắm để lên xe cho Mạnh Cơ, tự mình đánh xe chạy quanh ba vòng, sau khi quay đầu nhìn Mạnh Cơ mới đánh xe ra về, và đón bà vào cung, ba tháng sau diện kiến ở tông miếu, cúng bái tổ tiên, sau đó tiến hành đạo vợ chồng.

Sau khi sống với nhau một thời gian dài, Tề Hiếu Công đi du ngoạn ở Lang Nha, Hoa Mạnh Cơ đi theo, xe chạy nhanh khiến Mạnh Cơ ngã xuống, xe hỏng. Hiếu Công sai xe bốn ngựa kéo chở Mạnh Cơ về. Mạnh Cơ bảo người đánh xe hạ màn che xuống, lại bảo phó mẫu nói với sứ giả rằng: *“Vương phi ra ngoài nhất định phải ngồi xe An Xa (một loại xe ngựa ngồi được dành cho các quan cao cấp cao tuổi và các quý bà), lên xe ra ngoài nhất định phải có phó mẫu, bảo mẫu đi theo, phải đeo vòng ngọc, ngọc bội phát ra tiếng kêu. Khi ở trong nhà thì trang phục nghiêm chỉnh, ở bên ngoài nơi hoang dã nhất định phải có màn che, dùng những thứ này để tâm tư được chuyên chính mà ý chí chuyên nhất, làm tâm tư bớt phóng túng mà kiểm soát ý chí. Hiện nay xe ngựa đứng không có màn che, điều này ta không dám chấp nhận. Ở nơi hoang dã mà không có người tùy tùng, đây là nơi không thể ở lâu. Hai điều này thật sự là quá thất*

lễ rồi. Nếu như không có lễ nghĩa mà tìm sự sống chi bằng chết sớm cho rồi”. Sứ giả nghe xong vội cấp báo với Tề Hiếu Công và lập tức đổi xe An Xa cho bà. Đến khi quay lại thì Mạnh Cơ đã treo cổ tự vẫn nhưng may mắn được phó mẫu cấp cứu mới không chết. Phó mẫu nói: “Sứ giả đã đến, xe có màn che đã chuẩn bị xong”. Sau khi Mạnh Cơ tỉnh lại mới lên xe trở về.

Bạc quân tử nói Mạnh Cơ tuân thủ lễ nghi. Yêu cầu của lễ nghi: Phụ nữ ra khỏi nhà nhất định phải ngồi xe có màn che, quần áo mặc nghiêm chỉnh. Đã lấy chồng, khi về nhà thăm bố mẹ chỉ được hỏi thăm chị em gái, không được hỏi thăm anh em trai. Như vậy dùng để thể hiện nam nữ hữu biệt.

Kinh Thi có câu: “*Bỉ quân tử nữ, trừ trực như phát*” (Con gái nhà tiếng tăm sang trọng, mái tóc đen trơn bóng xinh tươi) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Mạnh Cơ hiếu lễ
Chấp tiết thậm công
Tị hiềm viễn biệt
Chung bất dã dung
Tải bất bính thừa
Phi lễ bất tông
Quân tử gia yên
Tự cổ quá đồng*

*Mạnh Cơ thích lễ nghĩa
Giữ phép rất công chính
Kiên quyết tránh hiềm nghi
Trước sau không chịu làm
Điều diêm dúa lẳng lơ
Ra ngoài không đi cùng xe
Những việc không hợp lễ nghi
Kiên quyết không nghe theo
Bạc quân tử khen ngợi
Xưa nay ít người bằng*

TỨC QUÂN PHU NHÂN

Phu nhân, là vợ của Túc Quân. Nước Sở thảo phạt nước Túc. Sau khi đánh được, bèn bắt Túc Quân, sai giữ cống thành và phu nhân bị nạp vào cung nước Sở. Nhân khi Sở Vương xuất cung du ngoạn, phu nhân lên đến gặp Túc Quân, nói: *“Cả đời chỉ có một lần chết, hà có tự đây đọa mình! Thiếp không cầu an bình mà phải quên đi Ngài, càng không muốn cái tiếng một đời thờ hai chồng. Khi sinh ra là tách khỏi đất trời, há chẳng phải chết đi sẽ toại ý quay về sao!”*, sau lại viết một bài thơ: *“Cốc tắc dị thất, tử tắc đồng huyết. Vị dư bất tín, hữu như kiếu nhật”* (Sống thì chẳng đặng một nhà, thác mong một huyết để mà gần nhau. Anh rằng: “Anh chẳng tin đâu!”. Em thề: “Trong trắng khác nào thái dương”).

Túc Quân cản lại, phu nhân không nghe mà tự sát, rồi Túc Quân cũng tự sát theo. Sở Vương về, cảm khái phu nhân thủ tiết hữu nghĩa, lấy lễ chư hầu mà hạp táng.

Bậc quân tử nói phu nhân vui với việc hành thiện, cho nên đã đem sự tích ghi vào trong Kinh Thi. Nhân nghĩa có thể cảm động bậc quân tử, lợi ích có thể kích động kẻ tiểu nhân. Túc Quân phu nhân không vì lợi mà bị kích động.

Kinh Thi có câu: *“Đức âm mạc vi, cập nhĩ đồng tử”* (Tiếng thơm chẳng dám trái nào, với chàng cùng chết theo nhau một lòng), chính là ý đó vậy.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Sở lỗi Túc Quân
Nạp kỳ thích phi
Phu nhân trì cố
Di cứu bất suy
Tác thi đồng huyết
Tư cố vong tân
Toại tử bất cố
Liệt ư trinh hiền*

*Sở bắt Túc Quân
Chuẩn bị chiếm vợ
Phu Nhân kiên quyết
Bền lâu không đổi
Làm thơ chứng minh
Cùng chết với chồng
Chung với tình cũ
Có chết cũng cam
Liệt vào sử sách*

TÈ KỶ LƯƠNG THÊ

Tề Kỷ Lương thê là vợ của Kỷ Lương Thực nước Tề. Khi Tề Trang Công đánh lên nước Cử, Kỷ Lương Thực đánh trận mà chết. Khi Trang Công quay về, gặp vợ của Kỷ Lương bèn sai sứ giả phúng điếu giữa đường. Vợ Kỷ Lương nói: “*Nếu như Thực có tội thì sao lại để Vua chịu nhục đến phúng điếu. Còn nếu như Thực không có tội thì nhà tôi có căn nhà nhỏ rách nát của Tổ tiên, tôi không thể cùng mọi người phúng điếu ở nơi hoang dã này*”. Thế là Trang Công bèn quay xe đích thân đến nhà của bà, sau khi phúng điếu theo nghi lễ mới rời đi. Vợ của Kỷ Lương không có con cái, trong ngoài không có họ hàng thân thích. Bà đã không còn nhà để về. Sau khi nhận thi thể của chồng xong, bà bèn khóc lớn dưới chân thành. Tiếng khóc phát ra từ sự chân thành trong lòng làm cảm động lòng người. Người qua đường không ai là không vì tiếng khóc của bà mà nhỏ lệ. Sau khi bà khóc mười ngày thì tường thành vì đó mà đổ sụp. Đến khi

an táng, vợ Kỷ Lương nói: “Từ nay về sau ta đi về đâu? Người phụ nữ nhất định phải có chỗ dựa, khi cha còn thì dựa vào cha, chồng còn thì dựa vào chồng, con còn thì dựa vào con. Hiện nay ta trên không còn cha, giữa không còn chồng, dưới thì không có con. Trong không có người thân để nương tựa, để thấy sự chân thành của ta, bên ngoài không có chỗ nương tựa để lập cái chí của ta. Ta nào dám thay đổi mà có hai lòng nên chỉ có cái chết mà thôi”, thế là nhảy xuống sông Truy Thủy tự vẫn.

Bạc quân tử nói vợ Kỷ Lương trinh tiết mà biết lễ nghĩa.

Kinh Thi có câu: “Ngã tâm thương bi, liêu dữ tử đồng quy” (Lòng ta cứ mãi ưu sầu, nguyện cùng về để đưa nhau) chính là ý đó vậy.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Kỷ Lương chiến tử

Kỷ Lương chết trận

Kỳ thê thu táng

Vợ lo mai táng

Tề Trang đạo diếu

Trang Công phúng giữa đường

Tị bất cảm đương

Vợ tránh không nhận

Khốc phu ư thành

Khóc chồng dưới thành

Thành vi chi băng

Thành cũng sụp đổ

Tự dĩ vô thân

Tứ cố vô thân

Phó Truy nhi hoãng

Trầm mình sông Truy

SỞ BÌNH BÁ DOANH

Bá Doanh là con gái của Tần Mục Công, là vợ của Sở Bình Vương, mẹ của Sở Chiêu Vương. Vào thời Chiêu Vương, nước Sở và nước Ngô đánh nhau ở đất Cử.

Nước Ngô chiến thắng nước Sở, tiến vào Dĩnh Đô của nước Sở, Chiêu Vương phải lưu vong. Ngô Vương Hạp Lư muốn toàn bộ Phi tần ở hậu cung nước Sở thành Phi tần của mình. Khi đến lượt Bá Doanh thì Bá Doanh tay cầm dao sắc nói: *“Thiếp nghe nói: Thiên tử là tấm gương sáng của thiên hạ, công hầu là biểu tượng của đất nước. Thiên tử mất đi tiết chế thì thiên hạ sẽ đại loạn, chư hầu mất đi tiết chế thì đất nước nguy cơ. Đạo vợ chồng vốn là sự khởi đầu của nhân luân, sự mở đầu của Vương giáo. Do đó, để xác định chế độ của Tiên Vương, để nam nữ thụ thụ bất thân, ngồi không cùng một chiếu, ăn không cùng mâm, cho dù là hình cụ cũng không giống nhau, khăn lược cũng không giống nhau, do đó mà soạn ra những quy định này. Nếu chư hầu ở bên ngoài dâm loạn thì sẽ để họ tuyệt tự, khanh đại phu dâm loạn thì sẽ bị lưu đày, thứ dân dâm loạn ở bên ngoài thì hình phạt là bị thiến.*

Cho nên như vậy, bởi vì mất Nhân có thể lấy Nghĩa để bổ cứu, mất Nghĩa có thể lấy Lễ để bổ cứu. Cái lễ giữa nam nữ bị mất thì nhất định sẽ xảy ra cái họa vong loạn. Người tạo ra loạn lạc nếu là Công hầu thì sẽ bị tuyệt tự, sẽ bị Thiên tử diệt trừ. Hiện nay, Đại Vương có hành vi vứt bỏ biểu tượng của đất nước, phóng túng sẽ xảy ra loạn lạc, làm ra cái việc bị diệt trừ mà tuyệt tự, sao có thể ban bố sắc lệnh để khuyên răn nhân dân. Huống hồ thiếp nghe nói sống mà bị nhục không bằng chết mà vinh quang. Nếu như Đại Vương vứt bỏ cái trách nhiệm làm biểu tượng cho đất nước thì Đại Vương dựa vào cái gì để đối mặt với đất nước của mình. Nếu như thiếp có mầm mống dâm loạn thì không thể sống trên đời này. Cho nên, hành động này của Đại Vương sẽ xảy ra hai loại

sỉ nhục. Thiếp nhất định sẽ lấy cái chết để thủ tiết, quyết sẽ không nghe theo sự sắp xếp của Đại Vương. Vả lại, người muốn dâm loạn với thiếp, chẳng qua chỉ vì muốn vui vẻ, nên chỉ cần Đại Vương gần đến thiếp là thiếp sẽ tự vẫn. Thiếp chết rồi thì Đại Vương được vui vẻ nỗi gì? Nếu như giết chết thiếp trước thì điều này cũng có ích gì đối với Đại Vương?”. Nghe đến đây, Ngô Vương cảm thấy hổ thẹn, thế là lùi ra. Bá Doanh và bảo mẫu đóng chặt cửa cung Vĩnh Hạng. Ba mươi ngày sau, cứu binh của nước Tần đến, Chiêu Vương lại trở về nước Sở.

Bậc quân tử nói Bá Doanh dưng cảm lại chung thủy.

Kinh Thi có câu: “Mạc mạc cát lũy, dị vu điều mai, khả dĩ để quân tử, cầu phúc bất hồi” (Dây sắt dây bìm dầy đặc, quần thân càngh cây khắc khắc nơi, Vua thì dễ dãi vui tươi, chẳng hề tà vạy phúc trời cầu mong) chính là ý đó vậy.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Hạp Lư thắng Sở

Hạp Lư thắng Sở

Nhập quyết cung thất

Tiến vào trong cung

Tận thê hậu cung

Chiếm hết hậu cung

Mạc bất chiến lật

Ai cũng sợ hãi

Bá Doanh tự thủ

Bá Doanh giữ tiết

Kiên cố chuyên nhất

Kiên quyết thủy chung

Quân tử mỹ chi

Người đời ca ngợi

Dĩ vi hữu tiết

Khen có chí khí

SỞ CHIÊU TRINH KHƯƠNG

Trinh Khương là con gái của Tề Hầu, là phu nhân của Sở Chiêu Vương. Sở Vương ra ngoài du ngoạn, để phu nhân ở lại cái đài trên sông mà đi. Khi Sở Vương nghe nói nước sông dâng cao, bèn sai sứ giả đi đón phu nhân, nhưng sứ giả quên mang phù tiết (*vật làm tin*). Sau khi sứ giả tới, mời phu nhân đi, phu nhân đáp: *“Đại Vương có giao ước là khi hạ lệnh đối với người trong cung, khi gọi người trong cung thì nhất định phải có phù tiết. Hiện nay sứ giả đến mà không có phù tiết, ta không dám tùy tiện theo sứ giả”*. Sứ giả nói: *“Hiện nay nước sông dâng cao, nếu quay về lấy phù tiết thì e là không kịp”*. Phu nhân đáp: *“Ta nghe nói cái nghĩa của người con gái trinh tiết là không vi phạm giao ước, người dũng cảm thì không sợ chết, đó là vì giữ gìn sự chung thủy mà thôi. Ta biết là nếu theo sứ giả thì sẽ được sống, ở lại đây thì sẽ bị chết chìm. Nhưng vượt qua lễ nghĩa mà được sống chẳng thà ở lại mà bị chết”*. Thế là sứ giả đành phải quay về lấy phù tiết. Sau khi quay lại thì nước sông dâng cao, cái đài trên sông bị nước xô đổ, phu nhân bị chết đuối. Sở Vương nói: *“Giữ vững nhân nghĩa, vì tiết tháo mà chết, không cầu tha mà cầu được sống, kiên quyết giữ giao ước mà giữ chữ tín, để làm trọn trinh tiết”*. Thế là ban cho tên là Trinh Khương.

Bậc quân tử nói Trinh Khương có tiết khí của người phụ nữ.

Kinh Thi có câu: *“Thục nhân quân tử, kỳ nghi bất thắc”* (*Hiền nhân quân tử những người, uy nghi đứng đắn đời đời chẳng sai*) là nói về điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Sở Chiêu xuất du
Lưu Khương tiếm đài
Giang thủy đại chí
Vô phù bất lai
Phu Nhân thủ tiết
Lưu tử bất nghi
Quân tử tự yên
Thượng phối Bá Cơ*

*Sở Vương đi du ngoạn
Đế Trinh Khương tiếm đài
Nước sông một dăng cao
Không tớn vật không đi
Phu nhân quyết giữ tiết
Chết đuối cũng không sợ
Bạc quân tử liệt vào
Cùng hàng với Bá Cơ*

SỞ BẠCH TRINH CƠ

Trinh Cơ là vợ của Sở Bạch Công Thắng. Sau khi Bạch Công Thắng chết, vợ ở nhà dệt vải mà không tái giá. Ngô Vương nghe nói nàng đẹp lại đức hạnh bèn sai đại phu dùng hai ngàn lượng vàng và một đôi ngọc trắng làm sính lễ, dùng ba mươi cỗ xe để đón nàng, muốn cưới nàng làm phu nhân. Đại phu đưa sính lễ, vợ của Bạch Công Thắng từ tạ mà nói: *“Khi Bạch Công còn sống, thiếp may mắn được sống trong hậu cung của chàng để quét nhà, quản lý quần áo, lau chùi giường ghế cho chàng, trở thành vợ của chàng. Bạch Công không may qua đời, thiếp nguyện sống cạnh mộ chàng đến hết đời. Hiện nay, Đại Vương lấy vàng ngọc làm sính lễ. Vị trí phu nhân tôn quý không phải là vị trí của kẻ ngu muội như thiếp. Hơn nữa, vứt bỏ Nghĩa mà thuận theo dục vọng là một hành vi ô nhục; thấy lợi quên nghĩa là hành vi tham lam. Một người tham lam ô nhục, Đại Vương sẽ xem như thế nào! Thiếp từng nghe nói: Trung thần không mượn sức của người khác, trinh nữ không*

đem sắc đẹp để quyến rũ người khác, không chỉ hầu hạ người sống như vậy, người chết rồi cũng phải như vậy. Thiếp đã không nhân nghĩa, không thể chết theo Bạch Công, hiện nay lại đi lấy người khác, chẳng phải là quá đáng lắm sao!”. Thế là từ chối không nhận sính lễ. Ngô Vương do nàng thủ tiết có nghĩa, nhận thấy rằng nàng là người hiền tài, nên ban cho nàng tên là Sở Trinh Cơ.

Bác quân tử nói Trinh Cơ liêm khiết lại thành tín. Như vậy xem ra, gánh nặng đường xa, lấy việc giữ nhân nghĩa làm trách nhiệm của mình. Chẳng phải là vô cùng quan trọng sao! Quyết làm đến cùng, chẳng phải là suy nghĩ sâu xa sao!

Kinh Thi có câu: “*Bỉ mỹ Mạnh Khương Đức âm bất vong*” (*Mạnh Khương đẹp để xiết bao! Lời nàng đức hạnh, ta nào lại quên*) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Bạch Công chi thê

Vợ của Bạch Công

Thủ quả phượng tích

Ở góa dệt vải

Ngô Vương mỹ chi

Ngô Vương biết tiếng

Sính dĩ kim bích

Sính lễ vàng ngọc

Thê tháo cố hạnh

Thủ tiết thờ chồng

Tuy tử bất dịch

Chết không thay đổi

Quân tử đại chi

Người đời kính trọng

Mỹ kỳ gia tích

Ca ngợi đức hạnh

VỆ TÔNG NHỊ THUẬN

Hai người vợ sống hòa thuận của Vệ Tông Thất Linh Vương là phu nhân và người thiếp họ Phó. Tần

diệt nước Vệ, phong cho Vệ Linh Vương làm thế gia, để cúng bái tổ tiên nước Vệ. Sau khi Linh Vương mất, phu nhân không có con, ở góa. Người thiếp họ Phó có một người con trai nổi dãi tông đường. Người thiếp họ Phó hầu hạ phu nhân tám năm không mấy may thay đổi, cung phụng vô cùng chăm chỉ nghiêm túc. Phu nhân nói với người thiếp họ Phó rằng: *“Em hầu hạ ta vô cùng chăm chỉ, con trai thì đảm trách việc thờ cúng mà em thì hầu hạ ta, ta không có gì để chiếu cố em và con. Huống hồ ta nghe nói mẹ của chủ nhân không nên lấy thân phận thê thiếp để hầu hạ người khác. Hiện nay ta không có con trai, theo Lễ mà nói, xem như là người bị khiển trách phế truất, mà lại được ở lại để thủ tiết thờ chồng, là sự may mắn lớn của ta. Hiện nay lại phiền em hầu hạ ta như trước không thay đổi, trong lòng ta vô cùng hổ thẹn, ta nguyện ra bên ngoài ở, định kỳ gặp mặt một lần, như vậy ta cũng yên lòng”*.

Người thiếp họ Phó khóc lóc mà đáp rằng: *“Phu nhân muốn cả nhà Vệ Linh gặp ba điều bất hạnh hay sao? Linh Vương không may mất sớm là bất hạnh thứ nhất; Phu nhân không có con trai mà thê thiếp có con trai là điều bất hạnh thứ hai; Hiện nay phu nhân muốn ra ngoài ở, để em vào trong ở, chẳng phải là điều bất hạnh thứ ba sao? Em nghe nói người trung lương hầu hạ Vua, không có lúc buông lơì mệt mỏi. Hiếu tử phụng dưỡng người thân thì thường lo lắng ngày không còn dài. Em thân là tiểu thiếp sao dám dùng sự cao quý của con trai để thay đổi tiết tháo của mình? Hầu hạ vốn là trách nhiệm của em. Phu nhân sao lại mất công suy nghĩ?”*

Phu nhân nói: *“Người không có con trai lại làm cho mẹ của chủ nhân chịu nhục, tuy em nghĩ như vậy, người*

khác sẽ nói ta không biết lễ nghĩa. Rốt cuộc ta vẫn quyết định ra ngoài ở". Người thiếp họ Phó lui ra rồi nói với con trai mình rằng: "Mẹ nghe nói bậc quân tử thuận theo, cung kính gìn giữ lễ nghĩa kính trên nhường dưới, tu dưỡng phép tắc của tiên tổ, đây là thuận theo đạo. Hiện nay, phu nhân làm khó cho mẹ, muốn ở bên ngoài để cho mẹ ở bên trong, như vậy là hành vi ngược với phép tắc, sống ngược không bằng giữ phép tắc mà chết" thế là muốn tự tử. Người con trai khóc lóc không cho mẹ tự tử. Phu nhân biết được việc này thì cảm thấy sợ hãi. Thế là đồng ý cho người thiếp họ Phó ở bên ngoài. Sau này, người thiếp họ Phó tận tụy hầu hạ quanh năm mà không suy giảm.

Bậc quân tử nói hai người phụ nữ nhường nhau, như bậc quân tử thành thật, có thể nói là đức hạnh hình thành ở bên trong, mà tên tuổi lưu lại hậu thế.

Kinh Thi có câu: *"Ngã tâm phi thạch, bất khả chuyển dã"* (Lòng ta chẳng phải đá xanh, cho nên chẳng thể đổi quanh chuyển dời) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Vệ Tông Nhị Thuận
Chấp hành hàm cố
Thiếp tử tuy đại
Cung dưỡng như cố
Chủ phụ tâm nhượng
Thỉnh cầu xuất xá
Chung bất khăng thính
Lễ thậm nhàn hạ*

*Vệ Tông Nhị Thuận
Đều giữ lễ nghĩa
Tuy con trai người thiếp thay
thế vị trí
Nhưng người thiếp vẫn hầu
hạ như xưa
Phu Nhân hổ thẹn
Xin ra ở bên ngoài
Người thiếp không nghe
Hầu hạ theo lễ*

LỖ QUẢ ĐÀO ANH

Đào Anh là con gái của Đào môn nước Lỗ. Khi còn rất trẻ đã là quả phụ, nuôi nấng đứa con thơ mồ côi cha, không có anh em trai quán xuyến việc gia đình, lấy dệt vải làm nghề nuôi thân. Người nước Lỗ nghe danh nàng là người có nghĩa bèn cầu hôn với nàng. Đào Anh nghe xong sợ không tránh khỏi phiền phức bèn làm thơ thể hiện rằng mình sẽ không thay đổi ý chí. Trong thơ nàng có nói: *“Bi hoàng học chi tảo quả hề, thất niên bất song, uyển cảnh độc túc hề, bất dữ chúng đồng, dạ bán bi minh hề, tưởng kỳ cố hùng, thiên mệnh tảo quả hề, độc túc hà thương. Quả phụ niệm thử hề, khắp hạ số hàng. Ô hô bi hề, tử giả bất khả vong. Phi điểu thượng nhiên hề, hướng u trinh lương. Tuy hữu hiền hùng hề, chung bất trùng hành”* (Chim hoàng học sớm ở góa đau thương biết bao, bảy năm không cùng chim trống sánh đôi, thui thủi sống một mình, không muốn tụ tập với những con hoàng học khác. Ban đêm kêu lên những tiếng bi thương, để thương nhớ con chim trống đã chết. Trời xanh định trước số mệnh đơn côi, cho dù có sống một mình thì có gì đáng buồn. Mỗi lần quả phụ nghĩ đến điều này, lệ thành dòng hai hàng tuôn rơi. Than ôi sao mà đau thương, người đã mất rồi sao mà không quên được, chim muông còn như vậy, hướng hồ là người trinh tiết hiền lương. Cho dù có người con trai tài giỏi đến cầu thân, rốt cuộc cũng không thể đồng hành).

Sau khi Người nước Lỗ biết được bèn nói: *“Không thể có được người phụ nữ này”* thế là không dám thỉnh cầu với nàng nữa. Đào Anh ở vậy suốt đời.

Bạc quân tử nói Đào Anh trinh tiết chung thủy lại có thể không quên người xưa.

Kinh Thi có câu: *“Tâm chi ưu hĩ, ngã ca thả dao”* (Nỗi lòng sầu não xót xa, ta cùng chung hát, lại ca một mình) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Đào Anh thiếu quả

Đào Anh sớm ở góa

Phưởng tích dưỡng tử

Dệt vải nuôi con

Hoặc dục thủ yên

Có người cầu hôn

Nãi tự tu lý

Xét lại lòng mình

Tác ca tự minh

Làm thơ tỏ rõ lòng mình

Cầu giả nãi chỉ

Người cầu hôn không cưỡng cầu

Quân tử xưng dương

Người đời khen ngợi

Dĩ vi nữ kỹ

Chép lại sự tích

LƯƠNG QUẢ CAO HẠNH

Cao Hạnh là quả phụ nước Lương. Người phụ nữ này không những xinh đẹp lại có đức hạnh. Chồng chết sớm, nàng ở vậy không tái giá. Quý tộc nước Lương có nhiều người theo đuổi nàng nhưng đều không được. Lương Huệ Vương biết tiếng cũng sai Tể tướng mang sính lễ đến cầu hôn. Cao Hạnh nói: *“Chồng thiếp không may mất sớm, thiếp vốn phải chết theo chồng, nhưng thiếp phải nuôi con thơ mồ côi nên không thể theo chân chồng, khó khăn lắm mới tránh được các quý tộc đến cầu hôn, nay Đại Vương lại đến cầu hôn. Thiếp nghe nói đạo nghĩa của người phụ nữ là phải thủ tiết thờ chồng, quyết không tái giá, để bảo toàn trinh tiết, tín nghĩa.*

Nay trốn cái chết để sống là bất tín, thấy sang quý mà quên bản hàn là bất trinh, vứt bỏ tín nghĩa thì sao có thể làm người sống trong trời đất”. Nàng bèn soi gương và cầm dao cắt mũi của mình rồi nói với sứ giả rằng: “Thiếp đã tự xử phạt mình, sợ dĩ chưa chấm dứt mạng sống của mình là bởi vì không nhẫn tâm vứt bỏ đứa con cô út yếu đuối, để nó không ai chăm sóc. Lương Huệ Vương cầu hôn thiếp, chẳng qua là vì sắc đẹp của thiếp. Hiện nay, thiếp đã trở thành người xấu xí thì chung quy có thể tha cho thiếp rồi”. Tể tướng quay về bẩm báo, Lương Huệ Vương biểu dương nghĩa khí đức hạnh của nàng, ban cho nàng danh hiệu Cao Hạnh.

Bậc quân tử nói Cao Hạnh trinh tiết mà giữ lễ nghĩa.

Kinh Thi có câu: “*Vị dư bất tín, hữu như hạo nhật*” (Anh rằng: “Anh chẳng tin đâu!” Em thề: “Trong trắng khác nào thái dương”).

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Cao Hạnh xứ Lương
Trinh chuyên tinh thuần
Bất tham hành quý
Vụ tại nhất tín
Bất thụ Lương sính
Nhị tị hình thân
Quân tử cao chi
Hiển thị hậu nhân*

*Cao Hạnh đất Lương
Trinh chuyên khéo léo
Không tham phú quý
Mong giữ chữ tín
Không nhận sính lễ
Tự mình cắt mũi
Người đời ca ngợi
Nêu gương đời sau*

TRẦN QUẢ HIẾU PHỤ

Hiếu Phụ là quả phụ trẻ tuổi ở đất Trần. Nàng 16 tuổi lấy chồng, chưa có con. Chồng của nàng theo quy định phải đi lính, khi người chồng sắp xuất phát có dặn dò Hiếu Phụ rằng: *“Ta đi không biết sống chết ra sao, nhưng ta còn có mẹ già, lại không có anh em. Giả sử ta thật sự không trở về, nàng có bằng lòng phụng dưỡng mẹ ta không?”*. Hiếu Phụ đáp: *“Thiếp nhất định sẽ phụng dưỡng mẹ”*. Người chồng quả nhiên không trở về. Hiếu Phụ phụng dưỡng mẹ chồng không những không suy giảm mà yêu thương nhiều thêm. Nàng lấy dệt vải làm nghề mưu sinh, trước sau không có ý tái giá. Sau khi để tang ba năm. Do nàng còn trẻ lại chưa có con, lại sớm trở thành góa phụ nên cha mẹ nàng rất đau lòng và muốn nàng đi lấy người khác. Hiếu Phụ nói: *“Con nghe nói giữ chữ tín là điều quan trọng nhất mà con người theo đuổi, giữ nhân nghĩa là hành vi tiết tháo của con người. Con may mắn rời xa cha mẹ, theo nghiêm lệnh của cha mẹ mà hầu hạ chồng. Chồng con trước khi đi, từng dặn dò con chăm sóc mẹ chồng, con đã đồng ý rồi. Nhận sự ủy thác của người khác, sao có thể dễ dàng vứt bỏ! Vứt bỏ ủy thác quan trọng của chồng là không giữ chữ tín, phản bội người đã mất là không nhân nghĩa, không thể như vậy được”*. Mẹ nàng nói: *“Mẹ thương cho con sớm đã trở thành quả phụ”*. Hiếu Phụ nói: *“Con nghe nói thà rằng chết vì nghĩa chứ không mong vứt bỏ nhân nghĩa mà được sống. Huống hồ đã đồng ý phụng dưỡng mẹ chồng mà không thể phụng dưỡng đến già, hứa với chồng mà không giữ chữ tín thì dựa vào cái gì để đứng giữa nhân gian! Hơn nữa làm con dâu của*

người ta, vốn phải phụng dưỡng cho mẹ chồng. Chồng con bất hạnh mất sớm, không thể tận lễ nghĩa của người con. Hiện nay lại bắt con rời xa, không phụng dưỡng mẹ chồng nữa là biểu hiện phẩm hạnh không tốt của chồng con và sự không hiếu thuận của con. Nếu như không hiếu thuận, không giữ chữ tín, không có nhân nghĩa thì dựa vào cái gì để sống giữa nhân gian!'. Vì lí do này mà nàng muốn tự sát, cha mẹ nàng sợ mà không dám khuyên nàng tái giá nữa. Thế là để nàng phụng dưỡng mẹ chồng 28 năm. Mẹ chồng sống đến 84 tuổi, sống hết tuổi trời mới mất. Nàng bán nhà cửa ruộng vườn, an táng cho mẹ chồng, cả đời thủ tiết thờ cúng.

Thái Thú Hoài Dương đem việc này báo lên trên, Hán Văn Đế nhận thấy rằng nàng là người nghĩa tiết cao thượng, giữ chữ tín rất đáng quý, hành vi đáng được ca ngợi bèn sai sứ giả ban cho 40 cân vàng, phục hồi lại cuộc sống trước đây của nàng, ban cho nàng danh hiệu Hiếu Phụ.

Bạc quân tử nói phương diện chuẩn mực đạo đức của Hiếu Phụ vô cùng chu đáo.

Kinh Thi có câu: *"Phỉ trực dã nhân, Bình tâm đắc uyên"* (Không chỉ thể thật đâu người ấy, đã thâm trầm giữ lấy đức tin) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

*Hiếu Phụ xứ Trần
Phụ tử vô tử
Tỷ tương giá chi
Chung bất thính mẫu
Chuyên tâm dưỡng cô
Nhất tiểu bất cải
Thánh Vương gia chi
Hiệu viết Hiếu Phụ*

Tạm dịch:

*Hiếu Phụ xứ Trần
Chồng chết không con
Mẹ bắt tái giá
Không nghe lời mẹ
Một lòng nuôi mẹ chồng
Quyết không tái giá
Thánh Vương ca ngợi
Ban tên Hiếu Phụ*

QUYỂN V: TIẾT NGHĨA TRUYỆN

*Duy bậc Tiết nghĩa
Không tránh né cái chết
Thích điều lành mộ khí tiết
Trọn đời không phụ nghĩa
Thành tín dũng cảm*

*Nếu có điều nguy hiểm
Nhưng đúng điều nghĩa
Thì không hề ngần ngại
Những người làm vợ
học theo
Lấy đó làm nền tảng*



LỖ HIẾU NGHĨA BẢO

Hiếu Nghĩa Bảo là bảo mẫu của Lỗ Hiếu Công, là quả phụ của gia tộc họ Tang. Trước đây, cha của Lỗ Hiếu Công là Vũ Công cùng với hai người con trưởng là Quát và con thứ là Huy cùng sang triều kiến Chu Tuyên Vương, Chu Tuyên Vương lập Huy, làm Thái tử nước Lỗ. Sau khi Vũ Công chết, Huy lên ngôi, là Lỗ Ý Công. Hiếu Công lúc đó được mọi người gọi là công tử Xứng, là con út của Vũ Công. Nghĩa Bảo đem con của bà vào trong cung, nuôi cùng công tử Xứng. Con trai của Quát là Bá Ngự với những người ủng hộ Bá Ngự ở nước Lỗ làm loạn, tấn công vào cung, giết Lỗ Ý lên làm Vua, thế rồi tìm giết công tử Xứng để trừ hậu họa. Nghĩa Bảo biết được Bá Ngự muốn giết công tử Xứng bèn để cho con trai mình mặc quần áo của công tử Xứng và ngủ ở chỗ của công tử Xứng. Bá Ngự giết chết con trai của Nghĩa Bảo. Nghĩa Bảo bế công tử Xứng chạy trốn, trên đường thì gặp cậu của công tử Xứng. Người cậu hỏi có phải Xứng đã bị giết chết, Nghĩa Bảo đáp: *“Chưa chết, đang ở đây”*. Người cậu hỏi: *“Sao tránh được đại nạn mà trốn ra được?”*. Nghĩa Bảo đáp: *“Dùng con của tôi thay thế mới trốn thoát được”*. Thế là Nghĩa Bảo đem công tử Xứng trốn ra ngoài.

Mười một năm sau, đại phu nước Lỗ biết được công tử Xứng sống ở chỗ của Nghĩa Bảo bèn thỉnh cầu Thiên tử nhà Chu giết Bá Ngự và lập công tử Xứng lên làm Vua, và công tử Xứng trở thành Lỗ Hiếu Công. Người nước Lỗ vô cùng tôn kính Nghĩa Bảo.

Luận Ngữ có nói: “*Khả dĩ thác lục xích chi cô*” (*Có thể giao phó một Hoàng tử mồ cô cao sáu thước*), Nghĩa Bảo là người như vậy.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Bá Ngự tác loạn
Do Lỗ cung khởi
Hiếu Công nữ mẫu
Tang thị chi mẫu
Đào nặc Hiếu Công
Dịch dĩ kỳ tử
Bảo mẫu nhược tư
Diệt thành túc thị*

*Bá Ngự làm loạn
Tấn công Cung điện
Nữ mẫu của Hiếu Công
Mẹ của họ Tang
Dùng con trai mình
Thay thế Hiếu Công
Đem Hiếu Công trốn chạy
Bảo Mẫu như vậy
Thật đáng nương tựa*

SỞ THÀNH TRINH MẬU

Trịnh Mậu là nàng hầu đi theo con gái họ Trịnh khi xuất giá, là phu nhân của Sở Thành Vương. Lúc đầu, khi Sở Thành Vương lên trên đài cao ở hậu cung, người trong cung đều nghiêng đầu nhìn, chỉ có Trịnh Mậu đi thẳng không quay đầu lại, bước đi chậm rãi không biến đổi. Sở Vương nói: “*Người đi phía trước quay đầu lại đây*”. Trịnh Mậu không quay đầu lại. Sở Vương lại nói: “*Quay đầu lại ta sẽ cho nàng làm phu nhân*”. Trịnh Mậu vẫn không quay đầu lại. Sở Vương nói: “*Quay lại nhìn ta sẽ cho nàng ngàn vàng và phong tước cho cha và anh em trai của nàng*”. Trịnh Mậu vẫn đi đường của mình mà không quay đầu lại. Sở Thành Vương đi xuống đài rồi hỏi nàng: “*Phu nhân là vị trí tôn quý, phong tước là*

bống cao lộc hậu, chỉ cần nàng quay đầu lại là có thể được những thứ này mà nàng lại không quay đầu lại, là tại vì sao?”. Trịnh Mậu đáp: “Thiếp nghe nói dáng vẻ của người phụ nữ là phải đoan chính lại hòa nhã. Hiện nay, Đại Vương ở trên đài cao quay đầu nhìn thiếp đã là hành vi không phù hợp với lễ nghĩa. Thiếp không quay đầu lại, Đại Vương lại bảo cho làm phu nhân, gia phong tước vị. Nếu như quay đầu lại thì thiếp tham lam phú quý, tham lợi mà quên nghĩa. Nếu đã quên nghĩa thì sao có thể hầu hạ Đại Vương?”. Sở Vương nói: “Hay!” thế là lập nàng làm phu nhân.

Sau một năm sống với nhau, Sở Vương muốn lập Công tử Thương Thần làm Thái tử. Sở Vương hỏi lệnh doãn là Tử Thượng. Tử Thượng nói: *“Đại Vương còn trẻ, lại có nhiều con trai được sủng ái, một khi lập Thái tử rồi lại phế truất nhất định sẽ sinh đại loạn. Huống hồ Thương Thần mắt như ong, tiếng nói như sài lang, nhất định là người tàn nhẫn, không thể lập làm Thái tử”. Sau khi Sở Vương bãi triều, hỏi phu nhân Trịnh Mậu, phu nhân nói: “Lời của lệnh doãn thật chính xác, có thể nghe theo ý kiến của lệnh doãn”. Sở Vương không nghe, thế là lập Thương Thần làm Thái tử. Sau đó, Thương Thần lấy việc Tử Thượng cứu Thái làm lý do, dâng tấu nói lời gièm pha để giết hại Tử Thượng. Trịnh Mậu nói với bảo mẫu rằng: *“Ta biết đạo của người phụ nữ chỉ là những việc hầu hạ, cung phụng thực phẩm mà thôi. Cho dù là như vậy, có những việc phát hiện được thì không thể cất giữ trong lòng, lúc đầu Tử Thượng nói không thể lập Thái tử, Thái tử oán hận Tử Thượng nên dùng lời gièm pha để giết Tử Thượng. Đại Vương không điều tra cẩn thận để cho người vô tội bị tội, đây là điên đảo**

trắng đen, trên dưới rối loạn. Đại Vương có nhiều con trai được sủng ái, họ đều muốn có được đất nước. Thái tử tham lam tàn nhẫn, rất sợ bị mất vị trí Thái tử. Đại Vương lại không hiểu được điểm này, không có cách gì để cho Đại Vương hiểu được. Con trưởng con thứ tranh chấp lẫn nhau, nhất định sẽ xảy ra họa hoạn”.

Sau đó, quả nhiên Sở Vương lại muốn lập công tử Chúc. Trịnh Mậu nói với bảo mẫu rằng: “Ta nghe nói nếu như đã tín nhiệm thì không hoài nghi. Hiện nay, Đại Vương lại muốn thay Chúc làm Thái tử. Ta sợ là sẽ xảy ra tai họa. Nhưng ta nói chuyện này với Đại Vương thì Đại Vương không trả lời ta. Xem ra Đại Vương cho rằng Thái tử không phải là con của ta, hoài nghi ta bịa đặt dựng chuyện, không có ý tốt. Một khi bị hoài nghi sẽ sinh ác ý, mọi người ai biết được là không phải như vậy. Sống mà không giữ vững chính nghĩa thì chi bằng dùng cái chết để chứng minh điều này. Đại Vương biết được ta dùng cái chết để chứng minh là không tình riêng, nhất định sẽ hiểu được là không thể phế truất Thái tử”. Nói rồi bèn tự vẫn. Bảo mẫu đem lời nói của Trịnh Mậu bẩm báo lại với Sở Vương. Lúc này Thái tử đã biết được Sở Vương muốn phế truất mình bèn dấy binh làm loạn, bao vây cung điện. Sở Vương xin đọi ăn nốt món chân gấu rồi chết, nhưng Thương Thần không cho. Sở Vương bị buộc phải tự vẫn.

Bạc quân tử nói không phải là người vô cùng nhân đức, ai lại có thể lấy cái chết để khuyên can.

Kinh Thi có câu: “Xá mệnh bất du” (Ở theo số mệnh chẳng thay đổi lòng) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Trịnh Mậu tiên thức
Chấp tiết hữu thường
Hung u bất cố
Tuất phối Thành Vương
Tri Thương Thần loạn
Ngôn chi thậm cường
Tự hiềm phi tử
Dĩ sát thân minh*

*Trịnh Mậu biết trước
Thường giữ lễ nghĩa
Do không quay đầu
Trở thành Phu Nhân
Của Vua Thành Vương
Thương Thần làm loạn
Tận lực can gián
Biết Thành Vương hiềm nghi
Không phải con mình
Tự vẫn chứng minh
Không có tình riêng*

TẦN NGŨ HOÀI DOANH

Hoài Doanh là con gái của Tần Mục Công, là Phi tử của Thái tử Cơ Ngữ. Khi Ngữ sang làm con tin ở nước Tần. Tần Mục Công đem con gái là Hoài Doanh gả cho Ngữ. Sáu năm sau, Ngữ chuẩn bị trốn về nước Tấn, nói với Hoài Doanh rằng: *“Ta xa nước Tấn đã mấy năm rồi, tuy cha con đã quên việc tiếp ứng, nhưng quan hệ giữa Tần và Tấn cũng không mật thiết hơn. Chim bay quá xa sẽ quay về, chồn cáo khi chết cũng quay về hang ổ của mình, cho dù ta có chết, cũng phải ở nước Tấn. Nàng có thể đi cùng ta không?”*. Hoài Doanh đáp: *“Chàng là Thái tử nước Tấn, ở nước Tần chịu nhục, chàng muốn rời đi, đương nhiên là việc hợp tình lý! Cho dù là như vậy, nhưng Vua của thiếp để cho thiếp đến hầu hạ chàng ý là muốn chàng ở lại nước Tần. Hiện nay thiếp không giữ được chàng là thiếp bất tài, theo chàng về nước Tấn là*

vứt bỏ Vua của thiếp. Nói ra ý nghĩ của chàng là thiếp phụ nghĩa. Ba điều này không điều khả thi cho dù thiếp không trốn theo chàng, thì chàng cũng có thể trốn đi, thiếp không dám tiết lộ ý nghĩ của chàng, nhưng cũng không dám theo chàng trốn đi”. Thế là Ngự bỏ trốn về nước Tấn.

Bạc quân tử nói Hoài Doanh giỏi việc xử lý những vấn đề nan giải giữa vợ chồng.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tấn Ngự chất Tần
Phối dĩ Hoài Doanh
Ngự tương dữ đào
Doanh bất khảng thính
Diệp bất tiết ngôn
Tháo tâm thậm bình
Bất cáo sở túng
Vô sở a khuy nh*

*Ngự sang làm con tin ở Tần
Được gả Hoài Doanh cho
Ngự muốn cùng Doanh bỏ trốn
Doanh không chịu nghe theo
Nhưng cũng không tiết lộ tin tức
Tâm tư vô cùng cân bằng
Không nói mình theo bên nào
Cũng không nghiêng về bên nào*

SỞ CHIÊU VIỆT CƠ

Sở Chiêu Việt Cơ là con gái của Việt Vương Câu Tiễn, là Phi tử của Sở Chiêu Vương. Có một lần, Sở Chiêu Vương du ngoạn, Thái Cơ bên trái, Việt Cơ bên phải. Sở Vương đích thân đánh xe tứ mã chạy băng băng, sau đó lên trên đài cúng tế thần thổ địa, nhìn ra xa về phía vườn Vân Mộng, ngắm nhìn các sĩ đại phu sẵn bản. Lúc vô cùng cao hứng, Chiêu Vương quay đầu lại nói với hai Phi tử rằng: “*Có vui không?*”. Thái Cơ đáp: “*Rất vui!*”. Sở Vương nói: “*Quả nhân nguyện cùng nàng khi sống thì*

như thế này, sau khi chết cũng có thể vui như thế này". Thái Cơ nói: "Ngày xưa Vua của nước Thiếp vốn là thông qua việc sai khiến lê dân mở rộng vườn săn để cho ngựa của Đại Vương mặc sức chạy, cho nên coi thiếp là lễ vật dâng tặng cho Đại Vương. Hiện nay, thiếp với các Phi tần kẻ vai sát cánh, vốn mong sống cùng nhau vui vẻ, chết cũng được cùng nhau". Sở Vương quay đầu lại bảo sử quan ghi chép lại: "Thái Cơ bằng lòng chết theo ta".

Sau đó lại hỏi Việt Cơ, Việt Cơ đáp rằng: *"Ngày xưa, Vua Trang Vương nước Thiếp truy lạc ba năm, không nghĩ đến việc quản lý chính sự quốc gia, cuối cùng cũng có thể sửa chữa, thế là xưng bá thiên hạ. Thiếp cho rằng Đại Vương cũng có thể học Vua nước Thiếp, sửa đổi việc vui chơi hưởng lạc thành chăm chỉ trong việc cai quản chính sự quốc gia. Hiện nay lại không như vậy, Đại Vương muốn thiếp cùng Đại Vương hưởng lạc mà đồng sinh đồng tử, như vậy sao có được! Đại Vương dùng vải vóc, xe ngựa làm lễ vật để lấy thiếp làm vợ. Vua nước Thiếp ở Thái miếu nhận lễ vật của Đại Vương, lúc đó không có hẹn ước cùng chết theo Đại Vương. Thiếp nghe các vị trưởng lão nói, người phụ nữ dùng cái chết để thể hiện lòng nhân từ của quốc Vương, để lấy được sự sủng ái của Đại Vương, nhưng chưa nghe nói là phải chết theo một cách tùy tiện, lấy cái chết hồ đồ mà cảm thấy vinh hạnh. Thiếp không dám đồng ý với cách nghĩ của Đại Vương". Thế là Sở Vương tỉnh ngộ, nghe xong Việt Cơ nói thì vô cùng tôn kính nàng, nhưng vẫn thân cận với Thái Cơ.*

Hai mươi lăm năm sau, Sở Vương đi cứu nước Trần, hai người Phi tử cùng đi theo. Sở Vương trên đường hành quân thì bị bệnh. Lúc đó có mây đỏ vây quanh

mặt trời, giống như chim bay qua bầu trời. Sở Vương hỏi Chu sử quan, sử quan nói: *“Điều này có hại đến Đại Vương, nhưng có thể chuyển dịch sang cho các tướng lĩnh”*. Các tướng lĩnh sau khi nghe xong đều thỉnh cầu là xin thần linh chuyển tai họa sang cho mình. Sở Vương nói: *“Các tướng lĩnh đối với quả nhân mà nói thì giống tay với chân, hiện nay chuyển tai họa sang cho họ, chẳng nhẽ để cho quả nhân xa lìa thân thể của quả nhân hay sao?”*. Sở Vương kiên quyết không đồng ý làm như vậy. Việt Cơ nói: *“Đức độ của Đại Vương thật là vĩ đại! Do vậy, thiếp nguyện ý theo Đại Vương. Trước đây khi đi du ngoạn thiếp không hứa cùng chết theo Đại Vương. Đến khi Đại Vương có thể lấy lễ để đối đãi với người khác thì người trong nước đều sẽ chết theo Đại Vương, huống hồ là thiếp! Xin để thiếp được đi trước xuống địa phủ dẹp hết đám hồ ly rồi tiếp đón Đại Vương”*. Sở Vương nói: *“Lúc trước khi du ngoạn chẳng qua quả nhân nói đùa mà thôi, nàng nhất định muốn chết theo thì đây là biểu hiện quả nhân không có đạo đức”*. Việt Cơ nói: *“Ngày xưa miệng thiếp không nói ra, nhưng lòng thì đã hứa rồi. Thiếp nghe nói, người giữ chữ tín sẽ không thay lòng đổi dạ, người có nghĩa khí sẽ không bày đặt sự việc. Thiếp nguyện chết vì Đại Vương giữ nghĩa khí, không nguyện chết vì Đại Vương ham chơi truy lạc”*. Thế là bèn tự sát. Sở Vương bệnh càng ngày càng nặng, muốn đem ngôi Vua truyền cho ba người em, ba người em đều không đồng ý. Cuối cùng Sở Vương chết trong quân. Thái Cơ lại không thể chết cùng. Ba người em trai của Sở Chiêu Vương là Tử Lư, Tử Tây, Tử Kỳ thương lượng với nhau nói: *“Mẹ có thể giữ chữ tín thì con trai nhất định sẽ là người có lòng nhân nghĩa”*, thế là bèn ra lệnh cho quân

đội dừng lại, phong tỏa tin tức rồi đón con trai của Việt Cơ là Hùng Chương đến lập thành Sở Huệ Vương, sau đó mới thu binh trở về an táng Chiêu Vương.

Bậc quân tử nói Việt Cơ có thể giữ chữ tín, vì nghĩa mà chết.

Kinh Thi có câu: “Đức âm mạc vi, Cập nhĩ đồng tử” (Tiếng thơm chẳng dám trái nào, với chàng cùng chết theo nhau một lòng). Việt Cơ là người như vậy.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Sở Chiêu du lạc</i>	<i>Chiêu Vương du ngoạn</i>
<i>Yếu Cơ từng tử</i>	<i>Yêu cầu hai nàng Phi tử chết cùng mình</i>
<i>Thái Cơ hứa Vương</i>	<i>Thái Cơ đồng ý với Chiêu Vương</i>
<i>Việt Cơ chấp lễ</i>	<i>Việt Cơ theo lễ nghĩa</i>
<i>Chung độc tử tiết</i>	<i>Cuối cùng vì nghĩa mà chết</i>
<i>Quần thần gia mỹ</i>	<i>Quần thần khen ngợi</i>
<i>Duy tư lưỡng Cơ</i>	<i>Chỉ là hai người phụ nữ</i>
<i>Kỳ đức bất tỹ</i>	<i>Nhưng đạo đức không thể so sánh</i>

CÁI TƯỚNG CHI THÊ

Cái Tướng chi thê là vợ của Khâu Tử, phó tướng của nước Cái. Người Nhung thảo phạt nước Cái, giết Vua nước Cái, ra lệnh cho quần thần nước Cái rằng: “Người nào dám tạt sạt thì vợ con sẽ bị giết sạch”. Khâu Tử tạt sạt, có người cứu sống nên không chết. Sau khi về nhà, vợ của Khâu Tử nói: “Thiếp nghe nói tướng lĩnh có khí tiết dũng cảm không cầu được sống, cho nên binh sĩ mới tận hết sức mà không sợ chết, do đó chiến đấu có thể chiến thắng, công đánh mà có thể chiếm được, đất nước

mới có thể sinh tồn, Vua mới được yên ổn. Chiến đấu không dũng cảm là bất hiếu, Vua chết mà mình không chết là bất trung. Hiện nay đánh thua trận, Vua chết mà sao chàng vẫn còn sống? Chàng quên trung hiếu rồi sao lại nhẫn tâm trở về?”. Khâu Tử đáp: “Nước Cáo yếu mà kẻ địch là nước Nhung lớn mạnh, ta đã tận hết toàn lực, Vua không may mà chết, ta vốn đã tự sát, nhưng có người cứu mới không chết”. Người vợ hỏi: “Lúc đó là có người cứu chàng. Bây giờ thì sao?”. Khâu Tử nói: “Không phải là ta yêu quý bản thân, người Nhung có lệnh rằng người nào mà tự sát nhất định sẽ giết hết vợ con của họ, cho nên ta mới không tự sát nữa. Hơn nữa, hiện nay chết thì có ích gì cho Vua của chúng ta?”. Người vợ nói: “Thiếp nghe nói Vua lo lắng là sự sỉ nhục của bề tôi. Vua bị nhục thì bề tôi sẽ lấy cái chết để chống chọi. Hiện nay, Vua đã chết, chàng lại không chết, có thể nói là nghĩa ư? Rất nhiều binh sĩ bị giết, không thể cứu đất nước, bản thân lại sống, có thể nói là nhân ư? Lo lắng cho vợ con mà quên đi nhân nghĩa, phản bội Vua của mình mà thân cận với kẻ cướp, có thể nói là trung ư? Người không có đạo nghĩa của bầy tôi trung thành, không có hành vi nhân nghĩa thì có thể nói là hiền tài sao! Trong Chu Thư có nói: Vua trước thần dân sau, cha mẹ trước anh em sau, anh em trước bạn bè sau, bạn bè trước vợ sau. Vợ là tình riêng tư, phụng sự cho Vua là nghĩa chung. Hiện nay chàng vì nguyên nhân vợ con mà vứt bỏ khí tiết của kẻ làm bề tôi, không quan tâm đến lễ nghĩa phụng sự Vua, vứt bỏ đạo làm bề tôi mà mưu cầu tình riêng vợ con, tham sống sợ chết, ngay như thiếp là người phụ nữ cũng cảm thấy là một sự sỉ nhục, huống

hồ là chàng! Thiếp sẽ không cùng chàng sống mà chịu nhục”, thế là tự vẫn.

Vua nước Nhung thấy nàng là người hiền đức bèn bày lễ Thái Lao cúng tế nàng rất long trọng, còn lấy lễ tướng quân để an táng nàng, ban cho em trai nàng nghìn lượng vàng, còn cho em trai nàng làm quan, cử em trai nàng cai trị nước Cái.

Bậc quân tử nói vợ của các tướng lĩnh nước Cái trong sáng lại có tinh thần nghĩa khí.

Kinh Thi có câu: *“Thục nhân quân tử, kỳ đức bất hời”* (Quân tử hiền tài vinh hoa, Đức thì quyết chẳng vạy tà) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Cái tướng chi thê

Vợ Tướng nước Cái

Cứ tiết duệ tinh

Nghĩa khí chuyên nhất

Nhung ký diệt Cái

Nhung diệt nước Cái

Khâu Tử độc sinh

Khâu Tử còn sống

Thê sĩ bất tử

Vì Khâu Tử không tuấn tiết

Trần thiết ngũ vinh

Vợ thấy sỉ nhục

Vi phu tiên tử

Kể năm loại vinh dự

Tuất di hiển danh

Trung, Hiếu, Nhân, Nghĩa, Hiền,

Nguyên không chịu nhục

Đã chết trước chồng

Sau để lại tiếng thơm

LỖ NGHĨA CÔ TỬ

Lỗ nghĩa cô tử là người phụ nữ sống ở nơi thôn quê nước Lỗ. Khi nước Tề đánh đến vùng thôn quê của

nước Lỗ thì thấy có một người phụ nữ bế một đứa bé, tay dẫn một đứa bé khác. Khi quân đội sắp đuổi đến nơi thì người phụ nữ bỏ đứa bé đang bế trên tay xuống rồi bế đứa bé đang dắt lên rồi chạy lên trên núi. Đứa bé bị bỏ lại chạy theo sau kêu khóc. Người phụ nữ cứ chạy thẳng mà không quay lại. Vị Tướng nước Tề hỏi đứa bé: *“Người chạy phía trước có phải là mẹ của cháu không?”*. Đứa bé đáp: *“Đúng vậy!”*. Lại hỏi đứa bé rằng: *“Người mà mẹ cháu bế là ai?”*. Đứa bé đáp: *“Cháu không biết ạ”*. Thế là vị Tướng nước Tề đuổi theo người phụ nữ, binh lính có người chuẩn bị bắn cung tên giết người phụ nữ, nên lớn tiếng hô to: *“Dừng lại! Nếu không dừng lại sẽ bị bắn”*. Người phụ nữ quay lại. Vị tướng nước Tề hỏi đứa bé mà người phụ nữ bế là ai, đứa bỏ lại là ai. Người phụ nữ đáp: *“Đứa bé được bế là con của anh trai tôi, đứa bé bị bỏ lại là con của tôi. Khi thấy binh lính đến, sức của tôi không thể cùng bảo vệ cho hai đứa bé, cho nên mới bỏ đứa con của tôi”*. Vị Tướng nước Tề hỏi: *“Con cái mà nói là người thân nhất của mình, là người mà trong lòng yêu thương nhất. Hiện nay, cô vứt bỏ con mình mà bế con của anh trai để chạy trốn. Vì sao lại như vậy?”*. Người phụ nữ đáp: *“Yêu quý con trai của mình là tình riêng, yêu quý con của anh trai là nghĩa chung. Vứt bỏ nghĩa chung mà thiên lệch tình riêng, để cho con trai của anh chết, con trai của mình sống, tốt thì có tốt nhưng như vậy Vua nước Lỗ sẽ không tiếp nhận tôi, các quan sẽ không bằng lòng cung cấp nuôi dưỡng tôi, nhân dân cũng sẽ không giao tiếp với tôi. Giả sử như vậy thì tôi không có nơi dung thân, không có nơi để dừng chân. Mất đi con trai mình, tất nhiên là làm tôi đau lòng, nhưng so với chính nghĩa thì điều này có là gì? Cho nên*

tôi mới hẳn tâm bỏ lại con trai mình mà giữ lấy chính nghĩa, không để cho người khác thấy nước Lỗ chúng tôi không có chính nghĩa”.

Sau khi nghe người phụ nữ nói xong, vị Tướng nước Tề bèn án binh bất động, dừng lại và sai người báo với Vua Tề rằng: *“Không thể công đánh nước Lỗ, chúng thần vừa vào đến biên giới nước Lỗ, phụ nữ nơi rừng núi đều biết giữ tiết tháo, thực thi chính nghĩa, không lấy tình riêng mà hại đến chính nghĩa, hướng hồ là các sĩ đại phu! Nay thần thỉnh cầu được lui binh”.* Vua Tề chấp thuận. Vua nước Lỗ biết được việc này bèn ban cho nàng trăm súc vải vóc và gọi nàng là Nghĩa Cô Tì. Công chính mà thành tín, quả đoán mà chính nghĩa. Giữ vững chính nghĩa là việc vô cùng quan trọng, cho dù là một người phụ nữ ở dân gian, đất nước còn có thể nương tựa, hướng hồ có thể dùng lễ nghĩa để quản trị đất nước!

Kinh Thi có câu: *“Hữu giác đức hạnh, tứ quốc thuận chi”* (Hễ có đức sáng soi thẳng thắn, nước bốn phương đều hẳn thuận theo) là có ý này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Tề quân công Lỗ</i>	<i>Quân Tề đánh Lỗ</i>
<i>Nghĩa Cô hữu tiết</i>	<i>Nghĩa Cô giữ nghĩa</i>
<i>Kiến quân tẩu sơn</i>	<i>Nhìn thấy binh lính</i>
<i>Khí tử bão diệt</i>	<i>Bèn chạy lên núi</i>
<i>Tề tướng vẫn chi</i>	<i>Bỏ con bế cháu</i>
<i>Hiền kỳ suy lý</i>	<i>Tướng Tề hỏi đến</i>
<i>Nhất phụ vi nghĩa</i>	<i>Suy theo lý lẽ biết là người hiền</i>
<i>Tề binh toại chỉ</i>	<i>Vì một phụ nữ có nghĩa</i>
	<i>Nước Tề lui binh</i>

ĐẠI TRIỆU PHU NHÂN

Đại Triệu phu nhân là con gái của Triệu Giản Tử, là chị của Tương Tử, là phu nhân của Vua nước Đại. Triệu Giản Tử qua đời, Triệu Tương Tử còn chưa cởi áo tang đã tới Hạ Ốc Sơn mời Vua Đại dự tiệc, sai đầu bếp cầm cái dĩa mời Vua Đại và tùy tùng ăn uống, nhân cơ hội rót rượu đã ra ám hiệu cho đầu bếp giết Vua nước Đại và tùy tùng, rồi nhân đó dấy binh dẹp yên nước Đại, xong đón chị gái là Triệu phu nhân. Phu nhân nói: *“Ta nhận lệnh của Tiên Vương đến hầu hạ Vua nước Đại, đến nay đã hơn mười năm. Hiện nay, nước Đại không có lỗi gì lớn mà em lại tàn sát Vua nước Đại. Bây giờ nước Đại đã bị diệt vong. Ta sẽ đến nơi nào? Huống hồ ta nghe nói, người phụ nữ theo lễ nghĩa không thể lấy hai chồng. Ta sao có thể lấy người chồng thứ hai! Em muốn đón ta đến nơi đâu? Bởi vì em trai mà sơ suất với chồng là bất nghĩa, bởi vì chồng mà oán trách em trai là bất nhân. Ta không dám oán trách, nhưng cũng không dám theo em về”,* thế là than khóc, kêu trời rồi tự sát ở đất Mi Kê. Người nước Đại đều tưởng nhớ đến bà.

Bậc quân tử nói Triệu phu nhân trong hoàn cảnh khó khăn mà khéo việc xử lý tình nghĩa vợ chồng.

Kinh Thi có câu: *“Bất tiến bất tặc, tiến bất vi tặc”* (Không điều hại, không điều sai, để làm phép tặc ít ai chẳng dùng) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Duy Triệu Tương Tử
Đại Phu Nhân đệ
Tập diệt Đại Vương
Nghênh thủ kỳ tử
Tỉ dẫn nghĩa lý
Xưng dẫn tiết lễ
Bất quy bất oán
Toại lưu dã tử*

*Triệu Tương Tử
Em trai Đại Phu Nhân
Đánh lén diệt Vua nước Đại
Rồi đón chị gái
Chị gái suy diễn nghĩa lý
Theo lễ nghĩa không trở về
Và cũng không oán hận
Rồi tự vẫn ở nơi hoang vắng*

TÈ NGHĨA KẾ MẪU

Tề nghĩa kế mẫu là mẹ của hai người con nước Tề. Thời Vua Tuyên Vương, có người chết ở ngoài đường, qua điều tra phát hiện có vết tích bị đâm chết. Lúc đó có hai anh em đứng ở bên cạnh người chết. Viên quan điều tra hỏi họ, người anh nói: “*Là tôi giết*”. Người em nói: “*Không phải do anh trai, là do tôi giết*”. Đã qua một năm mà viên quan điều tra không xử được bèn đem việc này bẩm báo lại với Tể Tướng. Tể Tướng cũng không quyết định được nên báo lại với Vua. Vua nói: “*Bây giờ nếu như thả cả hai người họ là tha cho kẻ có tội, giết hết cả hai người là giết người vô tội. Quả nhân nghĩ mẹ của họ có thể biết được con trai mình tốt hay xấu, chi bằng thử hỏi mẹ của họ xem sao, nghe theo ý kiến của người mẹ xem ai chết ai sống*”. Tể tướng cho gọi người mẹ đến và hỏi bà rằng: “*Con của bà giết người. Hai anh em đều cùng cầu xin chết thay cho nhau. Người xử án không thể xử được nên đem việc này trình lên Đại Vương. Đại Vương nhân đức cho nên mới hỏi bà quyết định xem ai*

chết, ai được sống. Người mẹ khóc lóc mà rằng: “Giết người con bé”. Tế tướng chấp thuận với ý kiến của bà, nhân tiện hỏi bà rằng: “Người con bé là người con được yêu thương nhất. Bây giờ bà muốn lại giết là vì có làm sao?”. Người mẹ nói: “Người con bé là con của tôi. Người con lớn là con của người vợ trước. Lúc cha của chúng bị bệnh và sắp chết có dặn dò tôi rằng: Nhất định phải chăm sóc cho nó thật tốt, tôi cũng đồng ý rồi. Bây giờ đã nhận lời ủy thác của chồng, đã hứa với chồng tôi rồi sao có thể quên được sự ủy thác mà không giữ lời hứa! Hơn nữa, giết anh trai mà để em trai sống, đây là lấy tình riêng mà bỏ nghĩa chung, phản bội lời hứa của mình quên đi chữ tín là lừa gạt người đã mất. Nếu như không ràng buộc lời nói của mình, đã hứa mà không chịu gánh vác thì dựa vào cái gì để sống ở trên đời này! Mất đi con trai tuy rất đau khổ, nhưng so với đức hạnh thì có là gì!”. Nói xong khóc như mưa, ướt hết vai áo.

Tế tướng vào triều đem việc này bẩm báo lại với Vua. Vua khen ngợi nghĩa khí của bà, thấy bà có hành vi cao thượng, thế là tha cho cả hai người con, và rất tôn trọng mẹ của họ, ban cho danh hiệu Nghĩa Mẫu.

Bạc quân tử nói Nghĩa Mẫu giữ chữ tín lại nghĩa khí, trong sạch lại khiêm nhường.

Kinh Thi có câu: “*Khải để quân tử, tứ phương vi tắc*” (Bạc quân tử vui tươi mà tính dễ dàng, để làm phép tắc cho bốn phương) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Nghĩa kế tìn thành
Công chính tri lễ
Thân giả hữu tội
Tương nhượng bất dĩ
Lại bất năng quyết
Vương dĩ vấn mẫu
Cứ tìn hành nghĩa
Tuất miễn nhị tử*

*Mẹ kế có nghĩa lại lòng thành
Công chính biết lễ nghĩa
Con ruột và con của người vợ
trước có tội
Cùng tranh nhận tội, không
thể xét xử
Vua hỏi người mẹ
Người mẹ giữ chữ tìn làm
điều nhân nghĩa
Sau hai con đều được tha*

LỖ THU KHIẾT PHỤ

Khiết phụ là vợ của Thu Hồ Tử nước Lỗ. Khiết phụ về nhà chồng được năm ngày thì chồng là Thu Hồ Tử rời nhà đến đất Trần làm quan năm năm sau mới trở về. Chưa về tới nhà, Thu Hồ Tử thấy một người phụ nữ ở bên đường đang hái dâu bèn động lòng xuống xe nói rằng: “Nàng ở phơi nắng hái dâu, ta đi một quãng đường dài, muốn được ăn uống dưới bóng của cây dâu, nên xuống đây tặng đồ cho nàng và nghỉ ngơi”. Người phụ nữ vẫn tiếp tục hái dâu, không dừng lại. Thu Hồ Tử nói với người phụ nữ rằng: “Ra sức cấy cày không bằng gặp được bội thu, ra sức hái dâu không bằng gặp được người làm quan. Ta có tiền tài, vui lòng tặng cho phu nhân”. Người phụ nữ nói: “Hái dâu là dựa vào sức lực để lao động, dệt vải quay tơ là để mình có cái ăn cái mặc, hầu hạ song thân, nuôi sống chồng con. Tôi không bằng lòng nhận tiền của ngài, cũng mong ngài đừng có

ý chiếm thứ không phải của mình. Tôi cũng không có ý lảng lơ mà nhận tiền tài của ngài tặng cho". Thế là Thu Hồ Tử bỏ đi, sau khi về đến nhà đem tiền đưa cho mẹ, rồi sai người đi gọi vợ. Khi người vợ đến thì lại là người phụ nữ hái dâu ban nãy. Thu Hồ Tử cảm thấy hổ thẹn. Người vợ nói: *"Chàng cáo biệt người thân, ra ngoài làm quan năm năm mới trở về, vốn phải ra roi thúc ngựa để mau mau chóng chóng về nhà. Mà hiện nay chàng động lòng khi gặp người phụ nữ bên đường, dùng bổng lộc của chàng để dụ dỗ, muốn đem tiền bạc để cho người ta. Đây là quên đi việc nhà có mẹ già, quên mẹ là bất hiếu, háo sắc dâm loạn là hành vi hạ lưu, đây là bất nghĩa. Phụng sự người thân không hiếu thuận thì phụng sự Vua sẽ không trung thành. Xử lý việc nhà không có nghĩa thì quản lý việc chính sự sẽ không có trật tự. Hiếu và nghĩa cùng mất thì nhất định sẽ không có kết quả tốt. Thiếp không muốn thấy chàng nữa. Chàng hãy lấy người khác đi! Thiếp cũng sẽ không tái giá nữa".* Thế là bỏ nhà đi về phía Đông rồi nhảy xuống sông mà tự vẫn.

Bạc quân tử nói Khiết phụ trong sạch, một lòng hướng thiện. Bất hiếu không có việc gì là lớn hơn việc không thương yêu cha mẹ, người như vậy tự nhiên cũng sẽ không yêu thương người khác. Thu Hồ Tử là người như vậy.

Bạc quân tử nói thấy việc thiện thì chỉ sợ mình không sánh bằng, thấy hành vi bất thiện thì giống như tay nhúng vào nước sôi mà vội rút tay ra. Vợ của Thu Hồ Tử là người như vậy.

Kinh Thi có câu: *"Duy thị biến tâm, Thị dĩ vi thích"* (Chỉ riêng lòng dạ lại sao hẹp hòi. Là điều châm biếm mà thôi) là chỉ điều này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Thu Hồ tây sĩ</i>	<i>Thu Hồ ra ngoài làm quan</i>
<i>Ngũ niên nãi quy</i>	<i>Năm năm sau mới về nhà</i>
<i>Ngộ thê bất thức</i>	<i>Trên đường gặp vợ không biết</i>
<i>Tâm hữu dâm tư</i>	<i>Lòng có ý tưởng dâm loạn</i>
<i>Thê chấp vô nhị</i>	<i>Nhưng vợ vốn không hai lòng</i>
<i>Quy nhi tương tri</i>	<i>Sau về nhà mới biết sự thật</i>
<i>Sĩ phu vô nghĩa</i>	<i>Người vợ vì chồng bất nghĩa</i>
<i>Toại đông phó hà</i>	<i>Nên vợ cảm thấy sỉ nhục</i>
	<i>Thế là người vợ bỏ nhà đi về phía Đông</i>
	<i>Rồi nhảy xuống sông tự vẫn</i>

CHU CHỦ TRUNG THIẾP

Chu Chủ trung thiếp là người thiếp theo hầu của vợ Chu đại phu. Chu đại phu tên hiệu là Chủ Phụ, từ nước Vệ đến nước Chu làm quan. Hai năm sau trở về, người vợ dâm loạn với người hàng xóm, sợ Chủ Phụ phát hiện, người hàng xóm vô cùng lo lắng. Vợ của Chủ Phụ nói: “*Không phải lo! Thiếp đã chuẩn bị rượu độc, đã niêm phong kín, đợi hấn về*”. Ba ngày sau Chủ Phụ trở về. Người vợ nói với Chủ Phụ rằng: “*Vì sự vất vả của chàng mà thiếp đã mở bình rượu để đón tiếp chàng*”, bèn sai người thiếp theo hầu mang rượu cho Chủ Phụ. Người thiếp theo hầu biết đây là rượu độc thì trong lòng nghĩ nếu mang ra thì sẽ đầu độc chết Chủ Phụ, làm như vậy là bất nghĩa, nếu nói ra sự thật thì lại giết chết phu nhân là chủ của mình thì là bất trung. Trong lúc do dự, người thiếp cố ý đánh đổ rượu. Chủ Phụ nổi giận, dùng roi đánh nàng. Sau việc này, người vợ sợ người

thiếp nói ra chân tướng sự việc nên lấy những lỗi khác để phạt roi, sai khiến nàng. Người thiếp biết mình sẽ bị đánh chết, nhưng cuối cùng cũng không đem sự thật nói cho Chủ Phụ. Người em trai biết được sự thật bèn đem toàn bộ sự việc kể cho Chủ Phụ. Chủ Phụ vô cùng kinh hãi, thế là tha cho người thiếp, đánh chết người vợ rồi sai người âm thầm hỏi người thiếp: *“Nàng biết việc sao không nói, trái lại vì việc này mà suýt chút nữa là chết!”*. Người thiếp đáp: *“Giết chủ nhân để mình được sống, lại làm nhục thanh danh của chủ nhân, thiếp có chết thì chết, sao lại có thể nói ra việc này được!”*. Chủ Phụ thấy nàng là một người cao thượng, thấy cách nghĩa của nàng rất đáng quý, muốn lấy nàng làm phu nhân. Người thiếp từ tạ mà rằng: *“Chủ nhân chết trong sự sỉ nhục, mà thiếp vẫn còn sống đã là điều vô lễ, lại còn thay vị trí của chủ nhân là việc làm trái với lẽ thường. Vô lễ và làm trái lẽ thường chỉ cần có một trong hai việc này đã là không tốt rồi, huống hồ bây giờ lại có cả hai, điều này làm cho thiếp khó có thể sống được”*, thế là muốn tự sát. Sau khi Chủ Phụ biết được bèn cho nàng nhiều tiền của và để cho nàng đi lấy chồng. Láng giềng xung quanh ai cũng tranh nhau muốn lấy nàng.

Bạc quân tử nói: Trung thiếp nhân nghĩa, phúc hậu. Xem ra sự việc có bé nhỏ đến đâu thì mọi người cũng đều biết đến, hành vi có ẩn giấu đến mấy cũng bị lộ ra.

Kinh Thi có câu: *Vô ngôn bất thù, vô đức bất báo* (Không lời nào chẳng đáp liền, không ơn gì chẳng báo đền xong xuôi) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Chu Chủ trung thiếp
Từ huệ hữu tự
Chủ thê dâm tịch
Dược tửu độc chủ
Sứ thiếp phụng tiến
Cương dĩ trừ tặc
Trung toàn kỳ chủ
Trung môn kỳ phúc*

*Tiểu thiếp trung nghĩa của
Chủ Phụ
Nhân từ mà biết trước sau
Vợ chủ nhân dâm loạn
Dùng rượu độc giết chủ nhân
Để tiểu thiếp đem rượu lên
Tiểu thiếp cố ý làm đổ rượu
Vì để trừ khử tai họa
Lòng trung không đổi
Bảo toàn cho chủ nhân
Cuối cùng được phúc báo*

NGUY TIẾT NHŨ MẪU

Nguy Tiết nữ mẫu là nữ mẫu của Nguy công tử. Nước Tần công phá nước Nguy, giết Nguy Vương Hà, giết hại các công tử nước Nguy, nhưng không bắt được ai. Quân Tần ra lệnh ở nước Nguy rằng: “Người bắt được công tử sẽ thưởng cho hai ngàn lạng vàng. Người che giấu công tử sẽ bị giết toàn gia tộc”. Tiết nữ mẫu với công tử cùng chạy trốn. Có vị cự thần của nước Nguy thấy nữ mẫu của công tử và nhận ra bà bèn hỏi: “Nữ mẫu khỏe chứ?”. Nữ mẫu đáp: “Ôi! Tôi không biết công tử ra làm sao?”. Vị cự thần nói: “Bây giờ công tử ở đâu? Ta nghe quân Tần hạ lệnh rằng người bắt được công tử sẽ thưởng cho hai ngàn lạng vàng, người che giấu công tử sẽ bị giết toàn gia tộc. Bà chỉ cần nói ra nơi ở của công tử thì sẽ được ngàn vàng, còn biết mà không nói thì anh em gia tộc của bà sẽ không

sống được”. Nhũ mẫu nói: “VẬY à! Tôi không biết công tử ở đâu”. Vị cựu thần nói: “Ta nghe nói công tử cùng bà chạy trốn”. Nhũ mẫu nói: “Cho dù tôi biết thì cũng không nói”. Vị cựu thần nói: “Hiện nay nước Ngụy đã bị diệt vong chết cả tộc. Bà giấu công tử là vì ai vậy?”. Nhũ mẫu thở dài mà đáp: “Người thấy lợi mà phản lại chủ của mình là phản nghịch. Sợ chết mà vứt bỏ nghĩa khí là làm bại hoại cương thường. Hiện nay vừa phản nghịch lại bại hoại cương thường, tôi không làm được việc như vậy. Hơn nữa, người nuôi dưỡng con cái cho người ta là muốn cho chúng sống tốt hơn chứ không phải là giết hại chúng. Sao có thể vì có lợi và sợ bị giết rồi vứt bỏ chính nghĩa mà làm trái với lễ nghĩa, làm phản! Tôi tuyệt đối không để cho mình sống mà để cho công tử bị bắt”. Thế là bế công tử nhảy vào trong đầm sâu.

Vị cựu thần đem việc này báo cho quân Tần. Sau khi quân Tần đuổi theo và nhìn thấy bèn tranh nhau dùng cung bắn bà. Nhũ mẫu dùng thân mình che cho công tử, thân mình bị trúng mấy chục mũi tên, cuối cùng cùng chết với công tử. Sau khi Vua Tần biết được việc này, thấy bà hết sức trung thành, vì nghĩa mà chết, vô cùng đáng quý, thế là lấy lễ khanh sĩ để mai táng cho bà, còn lấy lễ Thái Lao để cúng tế bà, sủng ái anh trai của bà, còn gia phong làm ngũ đại phu, ban cho ngàn lạng vàng.

Bậc quân tử nói Tiết nhũ mẫu hiền từ lại nhân hậu, trọng nghĩa khinh tài. Lễ nghi có quy định rằng trẻ nhỏ trong cung, khi chọn chur mẫu hoặc bảo mẫu cho chúng, nhất định phải chọn người rộng lượng hiền hậu, ôn hòa cung kính, cẩn thận mà ít nói để làm thầy dạy cho chúng. Thứ đến là làm từ mẫu, tiếp theo là làm bảo

mẫu, cùng ở chung với bọn trẻ, chăm lo toàn diện cho chúng. Những người khác không có việc gì thì không được vào. Chỉ có người có lòng nhân ái mới có được tình yêu thương chân thực. Chó con dám đọ sức với mãnh hổ, gà con dám đọ sức với chồn cáo đều do lòng nhân nghĩa phát ra từ trong lòng.

Kinh Thi có câu: *"Hành hữu tử nhân, Thượng hoặc cận chi"* (Có thầy chết ở bên đàng, được người chôn cất đàng hoàng lo xong) là có ý này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Tần ký diệt Ngụy</i>	<i>Tần diệt nước Ngụy</i>
<i>Cấu kỳ tử tôn</i>	<i>Treo thưởng bắt con cháu nước Ngụy</i>
<i>Công Tử nhũ mẫu</i>	<i>Nhũ mẫu của Công Tử</i>
<i>Dữ câu độn đào</i>	<i>Cùng Công Tử trốn chạy</i>
<i>Thủ tiết chấp sự</i>	<i>Giữ vững trung nghĩa</i>
<i>Bất vi lợi vi</i>	<i>Không vì lợi bội nghĩa</i>
<i>Toại tử bất cố</i>	<i>Dù chết không màng</i>
<i>Danh hiệu hiển di</i>	<i>Cuối cùng tiếng thơm lưu truyền</i>

LƯƠNG TIẾT CÔ TỈ

Lương tiết cô tỉ là người phụ nữ nước Lương. Do nhà bị hỏa hoạn, con trai của người anh và con trai của mình đều ở trong nhà. Nàng muốn cứu con trai người anh trước, nhưng sau khi cứu ra nhìn lại thì người mà được cứu là con trai của mình, không cứu được con trai người anh. Thế lửa vô cùng lớn, không thể vào trong nhà được nữa. Nàng lại chuẩn bị xông vào đám lửa, người bên cạnh ngăn cản nàng nói: *“Nàng vốn muốn cứu con trai người anh, trong lúc hoảng hốt hỗn loạn lại cứu con trai của mình ra trước. Như vậy là đã có lòng. Bây giờ hà tất nàng lại phải xông vào đám cháy?”*. Người phụ nữ nói: *“Sao có thể đi nói cho mọi người nước Lương biết được là đã xảy ra việc gì? Một khi bị mang tiếng bất nghĩa thì sao có mặt mũi nào để đối diện với anh em và người trong nước! Tôi muốn bế con mình vào lại trong nhà thì trái với tình yêu của người mẹ, trong tình thế này, tôi không thể sống một mình”*. Thế là lại xông vào trong đám cháy, cuối cùng bị chết cháy.

Bạc quân tử nói: *“Tiết cô tỉ trong sáng không vấn đục”*.

Kinh Thi có câu: *“Bỉ ký chi tử, Xá mệnh bất du”* (Kìa người mặc chiếc áo này, ở theo số mệnh chẳng thay đổi lòng) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Lương tiết cô tĩ
Cứ nghĩa chấp lý
Tử diệt đồng nội
Hỏa đại phát khởi
Dục xuất kỳ diệt
Triếp đắc quyết tử
Hỏa thịnh tự đầu
Minh bất tư kỹ*

*Lương tiết cô tĩ
Giữ vững đạo nghĩa
Có tình có lý
Con và cháu trong nhà
Lửa bùng cháy lớn
Vốn muốn cứu cháu
Lại cứu con mình
Thế lửa cháy mạnh
Xông vào đám cháy
Là để chứng minh
Không nghĩ đến mình*

CHÂU NHAI NHỊ NGHĨA

Nhị nghĩa là hai nhân vật chính trong câu chuyện này, một là người vợ kế của huyện lệnh Châu Nhai, một là cô con gái của người vợ trước tên là Sơ, 13 tuổi. Khi huyện lệnh Châu Nhai qua đời thì để lại người mẹ và con gái không cùng huyết thống, cùng cậu con trai 9 tuổi của người vợ kế. Ba mẹ con đưa linh cữu của ông về quê.

Châu Nhai là nơi sản xuất ra những viên ngọc trân châu. Bà mẹ thường ngày hay đeo một chuỗi vòng có 10 viên ngọc lớn như một thứ đồ trang sức. Nhưng theo luật pháp thời đó, không được mang trân châu lớn qua cổng thành, những người vi phạm sẽ bị định tội chết. Vì muốn đưa linh cữu về quê, vợ kế của lệnh Châu Nhai bèn vứt bỏ món đồ trang sức đeo tay này, nhằm tránh sinh chuyện đa đoan.

Phải rất vất vả ba mẹ con mới tiến được đến cổng thành, nhưng đúng vào lúc này, quan trông coi cổng thành lại tìm được một viên trân châu lớn từ trong hộp đồ nữ trang của người mẹ.

Mọi người kinh ngạc thất sắc, bởi tội mang ngọc vào thành là tội chết. Quan trông thành hỏi việc này ai làm, và chuẩn bị truy cứu trách nhiệm. Sơ, con gái người vợ trước đột nhiên tranh lên phía trước mà trả lời rằng: *“Chuyện này là tôi nên chịu trách nhiệm”*. Vị quan hỏi: *“Chuyện gì đã xảy ra?”*. Sơ đáp rằng: *“Tôi nhìn thấy phu nhân vút vòng ngọc đi, trong tâm thấy nuối tiếc, bèn để chuỗi ngọc vào hộp nữ trang của phu nhân, mà phu nhân không hề hay biết”*. Kỳ thực Sơ lo lắng nếu mẹ kể thực sự làm chuyện này thì e rằng bà sẽ gặp nguy hiểm tới tính mạng, nên dứt khoát đứng ra nhận tội thay.

Mẹ kể thấy tình hình như vậy cũng vội vàng tiến về phía trước hỏi han con. Sơ trả lời mẹ kể rằng: *“Phu nhân đã vút vòng ngọc đi, con lại để lại vào trong hộp nữ trang là con nên bị trách phạt”*. Mẹ kể không nghi ngờ có chuyện như vậy, nhưng lại cảm thấy con gái đáng thương, bèn nói với quan coi thành rằng: *“Xin ngài thư thư hãy định tội. Viên ngọc lớn này là tôi buộc trên cánh tay. Khi chồng tôi chẳng may qua đời, tôi bèn để viên ngọc lớn này vào trong hộp nữ trang. Sau này bận rộn với việc tang sự, nên quên không lấy viên ngọc ấy ra, là tôi nên chịu phạt mới phải”*.

Nhìn thấy mẹ kể nói như vậy, Sơ lại nói với quan rằng: *“Viên ngọc ấy quả thực là do tôi lấy”*. Mẹ kể nhìn tình cảnh này thì nước mắt giàn giụa, nói: *“Đó là do con gái đang muốn bao che cho tôi, kỳ thực là do tôi để vào”*.

Nhưng Sơ vẫn không nhường nhịn, lại nói: *“Phu nhân thương Sơ là cô nhi, nên mới miễn cưỡng để Sơ tiếp tục sống. Kỳ thực phu nhân quả thực hoàn toàn không hay biết sự tình”*. Nói tới đây, hai mẹ con không thể kìm nén mà ôm đầu bật khóc thảm thiết. Mọi người chứng kiến việc này cũng cảm thấy sống mũi cay cay.

Theo lý mà nói, mang ngọc vào thành ắt phải có một người gánh tội. Quan coi thành chấp bút chuẩn bị viết tội trạng, nhưng nhìn thấy hai mẹ con không cùng huyết thống lại đại nghĩa nhẫn nhịn như vậy thì vô cùng cảm động. Mặc dù quan sớm đã nhắc bút, nhưng mãi vẫn không thể đặt bút viết. Quan Hầu phụ trách phán quyết việc này cũng rơi nước mắt, trầm ngâm rất lâu vẫn không thể phán quyết.

Sau này quan Hầu nói rằng: *“Hai mẹ con đại nghĩa như vậy. Sao ta có thể nhẫn tâm định tội được đây! Hai mẹ con đều không nỡ để người kia phải chịu khổ mà nhường nhịn nhau. Ta sao có thể biết được ai đúng ai sai?”*. Nói rồi quan Hầu ném thẳng viên ngọc xuống đất, khiến nó vỡ tan và để hai mẹ con rời đi. Mãi sau khi họ đã rời đi mọi người mới phát hiện ra, người để viên ngọc vào trong hộp nữ trang, không phải người mẹ, cũng không phải con gái, mà là cậu con trai nhỏ của người mẹ kế.

Bậc quân tử nói nhị nghĩa mẹ thì nhân hậu, con gái thì hiếu thuận.

Luận Ngữ có nói: *“Phụ vi tử ẩn, tử vi phụ ẩn, trực tại kỳ trung hĩ”* (Cha giấu tội cho con, con giấu tội cho cha, sự ngay thẳng ở trong đó). Đây là mẹ kế với con gái người vợ trước tranh nhau để được chết thay. Hành

động của họ đã cảm động người ngoài. Thật sự có thể nói là chính trực.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Châu Nhai Phu Nhân
Thậm hữu mẫu ân
Giả kế tương nhượng
Duy nữ diệc hiền
Nạp châu ư quan
Các tự phục khiên
Nhị nghĩa như thử
Vi thế sở truyền*

*Châu Nhai Phu Nhân
Có nghĩa của người mẹ
Mẹ kể con kể
Cùng tranh nhận tội
Con gái cũng là
Một người lương thiện
Vô ý đã đem
Trần châu qua cổng thành
Ai cũng bằng lòng
Để gánh trách nhiệm
Hai người nhân nghĩa
Đời sau lưu truyền*

CÁP DƯƠNG HỮU ĐỆ

Hữu đệ, tên tự là Quý Nhi, là vợ của Nhâm Diên Thọ ở ấp Cáp Dương, có ba người con. Anh trai của Quý nhi là Quý Tông và người chồng của mình là Diên Thọ xảy ra tranh chấp do việc mai táng cho cha. Diên Thọ cùng với bạn của mình là Điền Kiến âm thầm giết hại Quý Tông. Điền Kiến bị xử tội chết, Diên Thọ được đại xá tha cho về, sau đó đem sự thật nói với vợ mình là Quý Nhi. Quý Nhi nói: “Ôi! Sao bây giờ chàng mới nói cho thiếp biết!”. thế là lập tức muốn rũ áo ra đi. Quý Nhi hỏi chồng rằng: “Người cùng chàng giết anh trai thiếp là ai?”. Diên Thọ đáp: “Là Điền Kiến, nhưng Điền Kiến

đã chết rồi. Ta vốn cũng phải bị trị tội, bây giờ nàng hãy giết ta đi”. Quý Nhi nói: “Giết chồng là bất nghĩa, hầu hạ kẻ thù của anh trai cũng là bất nghĩa”. Diên Thọ nói: “Ta không dám giữ nàng lại, nguyện đem ngựa xe và toàn bộ tài sản trong nhà cho nàng, tùy nàng đi hay ở”. Quý Nhi nói: “Thiếp phải đi đâu đây? Anh trai chết rồi mà thù thì không thể báo. Cùng chẵn cùng gối với chàng, nhưng chàng đã giết chết anh trai của thiếp. Trong không thể sống hòa thuận với nhà chồng, lại dung túng cho kẻ thù của anh trai, thiếp còn mặt mũi nào sống trên trời đất này nữa!”. Diên Thọ hổ thẹn mà bỏ đi, không dám nhìn Quý Nhi. Quý Nhi nói với con gái lớn của mình rằng: “Cha của con giết anh trai ta, theo nghĩa thì không thể ở lại, mà cả đời cũng không thể lấy người khác nữa. Ta phải dờn xa các con để đến chỗ chết, con hãy chăm sóc tốt cho hai em trai”, thế rồi treo cổ tự vẫn. Phùng Lạp Vương Nhược sau khi biết chuyện này, thấy nàng là người có đại nghĩa, ra lệnh huyện lệnh bảo vệ ba người con của nàng và biểu dương nàng tại mộ của nàng.

Bậc quân tử nói Hữu đệ giải việc báo thù cho anh trai.

Kinh Thi có câu: “Bất tiếm bất tặc, tiến bất vi tặc” (Không điều hại, không điều sai, để làm phép tặc ít ai chẳng dùng), có thể nói Quý Nhi là kiểu mẫu.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Quý Nhi thụ nghĩa
Phu sát kỳ huynh
Dục phục huynh thù
Nghĩa bất khả hành
Bất lưu bất khứ
Toại dĩ tự xưng
Phùng Lạp biểu mộ
Gia kỳ nghĩa minh*

*Quý Nhi lập đại nghĩa
Chồng giết anh trai
Muốn báo thù cho anh
Lại giữ nhân nghĩa
Nên không thể báo thù
Không thể ở lại
Cũng không thể bỏ đi
Cuối cùng đành tự vẫn
Lạp Vương biểu dương nàng
ở mộ nàng
Khen nàng hiểu rõ nghĩa lớn*

KINH SƯ TIẾT NỮ

Kinh sư Tiết Nữ là vợ của người ở đất Đại Xương, Trường An. Chồng nàng có kẻ thù, muốn tìm chồng nàng báo thù nhưng chưa nghĩ ra cách gì, nghe nói người vợ nhân nghĩa hiểu thuận mà có nghĩa liền bắt lấy cha của người vợ, ép người vợ cùng mình hại chồng. Người cha cho gọi con gái đến và đem sự việc nói cho nàng biết. Tiết Nữ trong lòng nghĩ nếu không nghe lời đối phương thì kẻ thù sẽ giết chết cha, đối với nàng mà nói thì là không hiểu thuận. Nếu nghe lời kẻ thù thì kẻ thù sẽ giết chết chồng. Đây là hành vi bất nghĩa, cho dù có sống cũng không thể đứng trong nhân gian. Nàng bèn quyết định dùng tính mạng của mình để cứu cha và chồng nên đã đồng ý yêu cầu của kẻ thù, nàng nói: “Sáng sớm ngày mai, tôi tắm rửa trên lầu. Phòng ngủ phía Đông là phòng của chồng tôi. Tôi mở cửa chờ sẵn”.

Sau khi về nhà, nàng bảo chồng để cho chồng ngủ ở nơi của nàng, còn mình tắm rửa trên lầu, mở cửa phòng phía Đông rồi ngủ ở phòng của chồng. Nửa đêm quả nhiên kẻ thù đến cắt đầu của nàng rồi mang đi, đến khi trời sáng nhìn lại thì ra là đầu của nàng. Kẻ thù cảm thấy đau buồn, thấy nàng là người có nghĩa nên không giết chồng nàng nữa.

Bạc quân tử nói Tiết Nữ nhân nghĩa hiếu thuận, ân nghĩa nồng nàn. Xem trọng nhân nghĩa mà coi nhẹ cái chết, là hành vi của người cao thượng.

Luận ngữ có câu: “*Quân tử sát thân nhi thành nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân*” (*Bạc quân tử dám hy sinh thân mình để thi hành đạo nhân, không cầu được sống mà hại người khác*) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

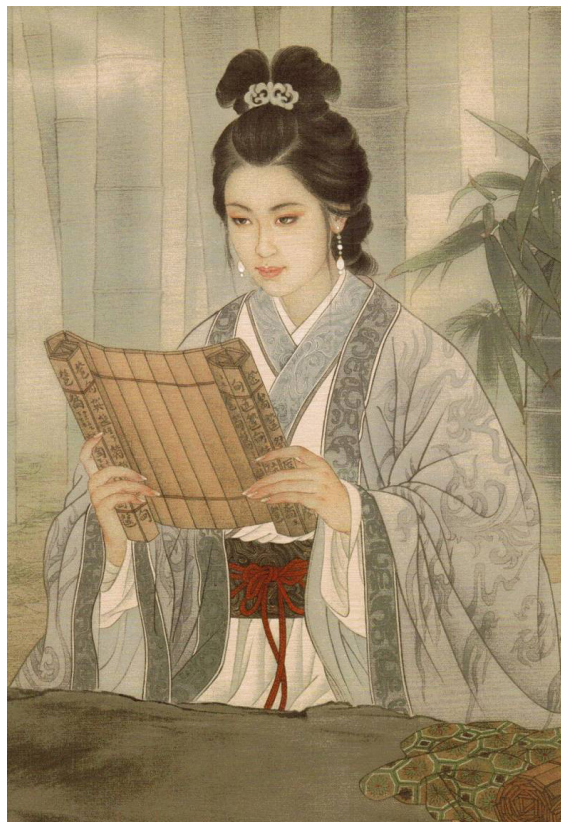
*Kinh sư tiết nữ
Phụ thù kiếp phụ
Yếu nữ gián chi
Bất cảm bất hứa
Kỳ xử ký thành
Nãi dịch kỳ sở
Sát thân thành nhân
Nghĩa quán thiên hạ*

Tạm dịch:

*Kinh sư Tiết Nữ
Kẻ thù của chồng bắt cha
Uy hiếp làm nội gián
Tiết Nữ không dám không
nghe theo
Đến ngày hẹn ước
Đổi phòng cho chồng
Hy sinh thân mình
Thi hành đạo nhân
Nghĩa khí của nàng
Đệ nhất thiên hạ*

QUYỂN VI: BIỆN THÔNG TRUYỆN

Duy bậc biện thông Không hề sai lầm
Văn chương tài giỏi Có thể một lòng
Nêu ra ví dụ Lời lẽ rất công
Nói điều cát hung Thê thiếp học theo
Mọi chuyện lựa chữ Sẽ được người đời ngâm đọc



TỀ QUẢN THIẾP TỈNH

Thiếp Tỉnh là tiểu thiếp của Tể tướng nước Tề, tên Quản Trọng. Ninh Thúc muốn gặp Tề Hoàn Công nhưng không tìm ra cách bèn xin làm người hầu cho người ta, theo xe nghỉ ở ngoài cửa đông thành của nước Tề. Tề Hoàn Công có việc ra ngoài thành, Ninh Thúc gõ sừng trâu hát bài ca điệu Thương, vô cùng bi ai. Tề Hoàn Công cảm thấy kỳ lạ bèn sai Quản Trọng đi xem việc gì, Ninh Thúc nói: *“Hạo hạo hô bạch thủy!”*. Quản Trọng nghe xong, không biết là ý gì, liền tiếp năm ngày không thượng triều, mặt có nét lo buồn, người tiểu thiếp bèn nói: *“Nay thấy Tiên sinh năm ngày không thượng triều, dám hỏi là việc quốc gia hay là Tiên sinh có việc gì?”*. Quản Trọng nói: *“Là việc nàng không thể biết được”*. Thiếp Tỉnh nói: *“Thiếp nghe nói, chớ cho rằng người già rồi thì vô dụng, chớ có cho rằng người hèn mọn thì không có kiến thức, chớ cho rằng người còn trẻ thì không biết gì, chớ cho rằng người yếu đuối thì cái gì cũng không biết”*. Quản Trọng nói: *“Ý của nàng là sao?”*. Thiếp Tỉnh nói: *“Ngày xưa Thái Công Vọng tuổi đã 70 mà còn mở trâu giữa chợ ở Triều Ca, khi 80 tuổi trở thành quân sư của Thiên tử, 90 tuổi được gia phong ở đất Tề. Do đó mà thấy, già chẳng nhẽ vô dụng sao? Y Doãn là người hầu đi theo công chúa Hữu Sần khi xuất giá, Vua Thang cho ông làm Tam công. Thiên hạ dưới sự cai trị của ông mà được thái bình. Do đó mà thấy người hèn mọn thật sự là hèn mọn ư? Con trai của Cao Dao là Bá Ích khi năm tuổi đã biết khen ngợi Đại Vũ. Do đó mà thấy tuổi nhỏ thì nhất định là không biết gì sao? Tuần mã Quyết Đề sinh*

ra bảy ngày đã chạy nhanh hơn ngựa mẹ, do đó mà thấy kẻ yếu đuối nhất định là không làm được việc gì ư?”.

Thế là Quán Trọng rời chỗ ngồi mà cảm tạ rằng: *“Ta bằng lòng đem nguyên nhân sự việc nói cho nàng nghe. Mấy ngày trước Tề Công sai ta đón tiếp Ninh Thúc, Ninh Thúc nói: “Hạo hạo hô bạch thủy”. Ta không biết Ninh Thúc muốn nói gì, bởi vậy cảm thấy lo buồn”. Thiếp Tĩnh nghe xong cười nói: “Người ta đã nói rõ ràng cho Tiên sinh rồi. Chẳng nhẽ tiên sinh không biết sao! Cổ xưa có bài thơ Bạch Thủy, trong thơ chẳng phải nói: “Hạo hạo bạch thủy, du du chi ngư, quân lai chiêu ngã, ngã tương an cư, quốc gia vi định, tung ngã yên như” (nước trắng mênh mêng, cá bơi tung tăng, Vua đến mời ta, ta chưa an cư, quốc gia chưa yên, lòng ta sao đành). Đây là Ninh Thúc muốn ra làm quan cai quản đất nước”. Quán Trọng nghe xong vô cùng vui mừng, đem tình hình báo cho Tề Hoàn Công. Tề Hoàn Công cho sửa lại phủ quan, trai giới năm ngày rồi đi gặp Ninh Thúc, mời Ninh Thúc làm phụ tá cho mình. Nước Tề do đó mà được ổn định.*

Bậc quân tử nói Thiếp Tĩnh là người có thể cùng bàn đại sự.

Kinh Thi có câu: *“Tiên dân hữu ngôn, tuân vu số nhiều” (Người xưa có câu này xin kể, Hữu sự còn hỏi kể tiều phu) là nói điều này.*

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Hoàn ngộ Ninh Thúc

Mệnh Quán nghênh chi

Ninh Thúc Bạch Thủy

Quán Trọng ưu nghi

Thiếp tiến vấn yên

Vi thuyết kỳ thi

Quản gia báo Công

Tề đắc dĩ trị

Hoàn Công gặp Ninh Thúc

Sai Quán Trọng đón tiếp

Ninh Thúc nói bài thơ Bạch Thủy

Quán Trọng lo buồn ưu sầu

Tiểu thiếp hỏi nguyên nhân

Còn giải mã bài thơ

Quán Trọng vui mừng báo cho Tề

Công

Nước Tề có được Ninh Thúc nên

đất nước ổn định

SỞ GIANG ẤT MẪU

Sở Giang Ất mẫu là mẹ của Giang Ất, quan Đại phu nước Sở. Thời Vua Cung Vương, Giang Ất làm quan Đại phu ở Dĩnh Đô (*kinh đô nước Sở*). Có người lên vào Hoàng cung ăn trộm, do đó Lệnh doãn bắt tội Giang Ất, thỉnh cầu Sở Vương bãi truất Giang Ất. Khi Giang Ất về nhà không được bao lâu, mẹ Giang Ất bị mất tám tầm vải (*thời xưa đơn vị đo chiều dài, một tầm bằng tám thước*), thế là đến gặp Sở Vương nói: “*Ban đêm thiếp bị mất tám tầm vải, là Lệnh doãn ăn trộm*”. Sở Vương đang nghỉ ở Khúc Đài, Lệnh doãn hầu hạ bên cạnh. Sở Vương hỏi người mẹ: “*Nếu như thật sự là Lệnh doãn ăn trộm, Quả nhân sẽ không vì địa vị của Lệnh doãn mà không thi hành theo pháp luật của nhà nước. Nếu như không phải Lệnh doãn ăn trộm mà bà vu cáo thì nước Sở cũng có pháp luật nghiêm minh*”. Mẹ của Giang Ất nói: “*Không phải Lệnh doãn đích thân ăn trộm mà sai người đi ăn*

trộm”. Sở Vương nói: “Lệnh doãn sao lại sai người đi ăn trộm?”. Mẹ của Giang Ất trả lời rằng: “Ngày xưa Tôn Thúc Ngao làm Lệnh doãn, trên đường không có người nhặt đồ đánh rơi, cửa nhà không cần đóng cũng không có trộm cướp xuất hiện. Lệnh doãn hiện nay cai quản đất nước, tai mắt không tinh, trộm cướp ngang nhiên hoành hành, cho nên mới để cho trộm cắp lấy trộm vải của thiếp. Như vậy có khác nào sai người đi trộm cắp?”. Sở Vương nói: “Lệnh doãn ở trong triều, trộm cắp ở dân gian, không biết Lệnh doãn có tội gì?”. Mẹ Giang Ất nói: “Sao Đại Vương có thể nói những lời như vậy! Ngày xưa con trai thiếp làm quan Đại phu ở Dĩnh Đô, có kẻ ăn trộm trong cung, do đó con trai của thiếp bị bãi truất. Chẳng nhẽ con trai của thiếp biết việc này sao! Nhưng cuối cùng con trai thiếp do đó mà bị bắt tội. Lệnh doãn là người như thế nào mà có thể không thấy đây là hành vi quá đáng? Ngày xưa Chu Vũ Vương từng nói: “Nhân dân có lỗi, đều do một mình trẫm”. Trên không sáng suốt thì dưới không thể cai trị, Tể tướng không hiền minh thì đất nước không thể yên ổn. Người ta nói rằng đất nước không có người, thực sự không phải là không có người, mà là không có ai có thể cai trị đất nước. Đại Vương hãy cân nhắc kỹ việc này”. Sở Vương nói: “Bà nói rất hay. Bà không chỉ chê cười Lệnh doãn, cũng là đang chê cười Quả nhân”. Thế là ra lệnh cho quan lại bồi thường vải cho mẹ của Giang Ất, còn ban thưởng cho hai trăm lạng vàng. Mẹ Giang Ất không nhận vải và vàng mà nói: “Thiếp nào phải tham lam tài sản mà mạo phạm Đại Vương, chỉ là oán trách cách làm của Lệnh doãn”, nói rồi bèn bỏ đi, không nhận đồ được ban tặng.

Sở Vương nói: “Người mẹ này có trí tuệ như vậy. Con trai của bà nhất định không ngu dốt”, thế rồi gọi Giang Ất đến và dùng lại Giang Ất.

Bác quân tử nói mẹ Giang Ất giỏi việc dùng lời nhẹ nhàng để khuyên bảo.

Kinh Thi có câu: “*Do chi vị viễn, thị dụng đại gián*” (Há lại chưa lâu dài mưu kế, mới dùng lời này để khuyên can) có nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Giang Ất thất vị

Giang Ất mất chức

Ất mẫu động tâm

Mẹ Ất động tâm

Ký quy gia xứ

Khi Ất về nhà

Vong bố bát tầm

Mất tám tầm vải

Chỉ trách Lệnh Doãn

Chỉ trích Lệnh Doãn

Từ thạm hữu độ

Lời lẽ hữu độ

Vương phục dùng Ất

Vua dùng lại Ất

Tứ mẫu kim bố

Ban vải và vàng cho mẹ của Ất

TẤN CUNG CÔNG THÊ

Tấn cung công thê là con gái của Phồn Nhân. Vào thời Vua Tấn Bình Công, sai chồng của nàng đi làm cung tên, ba năm mới làm xong. Tấn Bình Công kéo cung bắn tên không thể xuyên thủng một tấm gỗ. Tấn Bình Công vô cùng tức giận, định giết người làm cung. Vợ của người làm xin yết kiến nói: “*Thiếp là con gái của Phồn Nhân, là vợ của người làm cung, có việc đến xin yết kiến Quốc Vương*”. Tấn Bình Công tiếp kiến nàng. Vợ của người làm cung nói: “*Đại Vương đã nghe chuyện về*

Công Lưu ngày trước chưa à? Trâu dê dẫm đạp lau sậy mà động lòng trắc ẩn, cảm thấy đau xót thay cho nhân dân. Ân nghĩa có thể liên quan đến cây cỏ. Sao có thể giết người vô tội! Tần Mục Công, có người trộm rồi giết thịt tuấn mã, không những không trừng phạt, ngược lại còn ban rượu để uống. Sở Trang Vương, có vị quan nhỏ kéo áo của phu nhân, thế là ra lệnh cho mọi người vứt bỏ tua mũ rồi vẫn cùng mọi người uống rượu vui đùa. Ba vị Vua này nhân nghĩa hiển lộ khắp thiên hạ, cuối cùng cũng được báo đáp, tiếng thơm lưu đến tận ngày nay. Ngày xưa Vua Nghiêu khi xây dựng thì chủ trương tiết kiệm, không trang hoàng xa hoa, sống nơi nhà tranh vách đất. Hơn nữa, cho rằng người xây nhà thì vất vả cực nhọc, người sống trong nhà thì an nhàn thoải mái. Hiện nay chông của thiếp chế tạo cái cung này cũng vô cùng vất vả. Thân cây cung lấy ở núi Thái Sơn, phải tìm rất nhiều ngày, lại thêm sừng trâu đất Yến, lấy gân nai để buộc, quét keo bong bóng cá, bốn loại nguyên liệu này đều là nguyên liệu thượng hảo trong thiên hạ, nhưng Đại Vương dùng cây cung này không bắn xuyên qua một tấm gỗ, là do Đại Vương không biết bắn cung, không ngờ lại chuẩn bị giết chông của thiếp. Đây không phải là vô cùng hồ đồ sao! Thiếp nghe nói phương pháp bắn cung, tay trái như đẩy hòn đá lớn, tay phải như dính chặt mũi tên mà kéo về phía sau, tay phải buông tên, tay trái không chút lay động, đây là phương pháp bắn tên”. Tấn Bình Công theo lời của nàng mà bắn cung, một phát xuyên bảy tấm gỗ. Chông của nàng lập tức được thả, còn ban cho 60 lạng vàng.

Bậc quân tử nói vợ của người làm cung có thể giải quyết nguy nan.

Kinh Thi có câu: “*Điều cung ký kiên, xả thử ký quân*” (Cây cung chạm vẽ mạnh thay, Tên buông ra đều cùng trúng cả) là nói việc này, bắn tên phải có phương pháp.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Tấn Bình tác cung</i>	<i>Tấn Bình Công sai người làm cung</i>
<i>Tam niên nãi thành</i>	<i>Ba năm mới thành</i>
<i>Công nộ cung công</i>	<i>Bình Công giận người làm cung</i>
<i>Tương gia dĩ hình</i>	<i>Chuẩn bị xử phạt</i>
<i>Thê vãng thuyết công</i>	<i>Vợ người làm cung đến kể lễ</i>
<i>Trần kỳ cán tài</i>	<i>Liệt kê vật liệu làm cung</i>
<i>Liệt kỳ lao khổ</i>	<i>Liệt kê sự vất vả khi chế tạo cung</i>
<i>Công toại thích chi</i>	<i>Cuối cùng Bình Công tha tội</i>

TỀ THƯƠNG HÒE NỮ

Tề Thương Hòe nữ tên là Tĩnh, là con gái của Diễn, người làm tổn thương cây hòe. Tề Cảnh Công có cây hòe rất quý, chuyên sai người trông coi, còn cấm biển đề rằng: “*Người nào mạo phạm cây hòe sẽ bị xử phạt. Ai làm tổn thương cây hòe sẽ xử tội chết*”. Lúc này, Diễn uống rượu say rồi thì tổn thương cây hòe. Sau khi Cảnh Công biết được bèn nói: “*Đây là xúc phạm mệnh lệnh của Quả Nhân*”, bèn sai người đi bắt giữ Diễn chờ xử tội. Sau khi Tĩnh biết được sự việc thì vô cùng sợ hãi, bèn tìm cách đến gặp Tế tướng Ân Anh, đến trước cửa nhà Ân Anh nói: “*Tiện thiệp kiếm chế không được lòng ham muốn, hy vọng có thể bổ sung nhân số trong Phủ Tế tướng*”. Ân Anh nghe xong cười nói: “*Ân Anh ta có ý dâm loạn hay sao! Sao thường gặp phải người bỏ nhà theo*

ta? Chắc có người nói ta háo sắc lắm đây”. Sau khi Tĩnh vào nhà, Ân Tử nhìn thấy nàng bèn nghĩ: “Kỳ lạ! Xem ra nàng ta có vẻ rất lo âu!”, bèn hỏi nàng đã xảy ra chuyện gì. Tĩnh đáp: “Cha của thiếp là Diển, may mắn được làm thần dân trong thành, thấy âm dương không hài hòa, gió mưa bất thường, ngũ cốc không thể sinh trưởng nên đã đến những ngọn núi nổi tiếng, những dòng sông linh thiêng để cầu nguyện, kết quả không thắng được sức mạnh của rượu, mạo phạm lệnh cấm của Vua, say đến mức như vậy, tội đáng chết. Nhưng thiếp nghe nói Vua anh minh dựng nước, không giảm bổng lộc của các quan, không tùy tiện tăng nặng hình phạt, cũng sẽ không do giận việc tư mà phượng hại đến lệnh chung, không do lục súc mà làm tổn thương bá tính, không do cỏ dại mà làm tổn hại mạ giống. Ngày xưa, thời Tống Cảnh Công, trời hạn hán, ba năm không mưa, cho vùi quan Thái Bốc đến gieo quẻ. Quan Thái Bốc nói rằng phải dùng người để hiến tế trời đất. Tống Cảnh Công ra khỏi điện rồi mặt hướng về phía Bắc khấu đầu nói: “Nguyên nhân mà Quả Nhân cầu mưa là vì nhân dân, nay nếu như phải dùng người để hiến tế trời đất, vậy thì Quả Nhân nguyện xin dùng thân mình để hiến tế”. Chưa dứt lời thì trời mưa to, tưới đều nghìn dặm xung quanh. Tại sao như vậy? Là bởi vì Ngài là Vua một nước có thể thuận theo đạo trời yêu thương nhân dân. Nay Vua của chúng ta trồng cây hòe rồi hạ lệnh ai mạo phạm sẽ xử tội chết. Nay chuẩn bị vì cây hòe mà giết cha thiếp, để thiếp bơ vơ một mình, thiếp sợ như vậy sẽ làm hại đến luật pháp, từ đó mà phượng hại đến danh tiếng nhân nghĩa của Vua. Để cho người của nước láng giềng biết được việc này thì sẽ đều nói là Vua nước Tề yêu cây mà coi

thường con người. Sao có thể như vậy được!". Ân Anh nghe xong liền cảm ngộ.

Ngày hôm sau thượng triều nói với Tề Cảnh Công rằng: *"Thần nghe nói rằng làm khánh kiệt tài lực của nhân dân là tàn bạo, đam mê đồ chơi yêu thích mà ban nghiêm lệnh là nghịch với đạo trời, bắt tội, xử phạt không chính xác là đạo tặc. Ba điều này là đại họa cho việc trị vì đất nước. Nay Đại Vương làm khánh kiệt tài lực của nhân dân, dụng cụ ăn uống yêu cầu phải đẹp để tinh xảo, dụng cụ âm nhạc như chuông trống yêu cầu phải đa dạng, cung điện yêu cầu phải hùng vĩ tráng lệ. Đây là chính sách tàn bạo nhất. Đam mê đồ chơi yêu thích mà ban nghiêm lệnh, đây rõ ràng là làm ngược với lòng dân. Mạo phạm cây hòe liền bị xử phạt, làm tổn thương cây hòe bị xử tội chết, hành hình không thích đáng, đây chính là hành động sát hại bách tính độc ác nhất".* Tề Cảnh Công nói: *"Quả Nhân kính cẩn tiếp nhận ý kiến của khanh"*. Sau khi Ân Anh lui ra, Cảnh Công lập tức ra lệnh không cho người trông coi cây hòe nữa, nhổ bỏ biển cấm cạnh cây hòe, hủy bỏ lệnh làm tổn thương cây hòe, phóng thích người bị giam giữ vì mạo phạm cây hòe.

Bộ quân tử nói Thương Hòe nữ đã dùng lời nói để cho cha được miễn tội.

Kinh Thi có câu: *"Thị cứu thị đồ, đán kỳ nhiên hô"* (Xét suy lẽ ấy sâu xa, để tin chắc chắn có là đúng không?) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Cảnh Công ái hòe

Cảnh Công thích cây hòe

Dân tụy chiết thương

Có người say rượu

Cảnh Công tương sát

Làm tổn thương cây hòe

Kỳ nữ nạo hoàng

Cảnh Công định giết chết người này

Bôn cáo Ân tử

Con gái người này lo lắng

Xung thuyết tiên Vương

Liền đến kể lể với Ân Anh

Ân tử vi ngôn

Khen ngợi Tiên Vương

Toại miễn phụ ương

Ân Anh khuyên gián

Cha nàng được tha tội

SỞ DÃ BIỆN NỮ

Sở dã biện nữ là vợ của người họ Chiêu. Trịnh Giản Công sai đại phu đất Kinh đi mời người hiền tài nhưng khi đi qua đoạn đường hẹp thì va chạm với xe của một người phụ nữ làm gãy trục xe của đại phu. Đại phu bực tức, định bắt và dùng roi đánh người phụ nữ. Người phụ nữ nói: *“Thiếp nghe nói bậc quân tử không trút giận sang người khác, một lỗi không phạm hai lần. Nay trên đường hẹp, thiếp đã cố tránh nhưng người hầu của Ngài không chịu đánh xe tránh sang bên một chút, cho nên làm hỏng xe của Ngài. Nay Ngài lại đòi bắt thiếp, chẳng nhẽ chẳng phải là trút giận sang người khác sao! Ngài không những không trách mắng người hầu của Ngài mà lại tức giận oán trách thiếp, chẳng nhẽ không phải một lỗi mà phạm hai lần sao! Trong Chu Thư có câu: Vô hối quan quả, nhi úy cao minh (không được coi thường người cô đơn không chỗ dựa mà sợ kẻ cao quý thông minh). Nay ngài không làm gương sáng, trút giận*

sang người khác lại một lỗi phạm hai lần, tha cho người hầu mà xem thường người yếu thế, chẳng nhẽ không phải là coi thường người cô đơn không chỗ dựa hay sao! Ngài đánh thiếp thì cứ đánh đi, nhưng đáng tiếc là Ngài sẽ đánh mất tấm lòng lương thiện”. Đại phu nghe xong vô cùng hổ thẹn, không nói được lời nào, bèn tha cho người phụ nữ, hỏi nàng là người ở đâu. Người phụ nữ đáp: “Thiếp chẳng qua là người phụ nữ tầm thường ở chốn quê mùa của nước Sở”. Đại phu nói: “Sao không theo ta đến nước Trịnh?”. Người phụ nữ đáp: “Thiếp đã có chồng họ Chiêu”, thế rồi rời đi.

Bậc quân tử nói Biện nữ có thể dùng lời nói mà tránh được tai họa.

Kinh Thi có câu: “Duy hào tư ngôn, hữu luân hữu tích” (Nên mình chỉ biết kêu gào, thật là hợp lý xiết bao mấy lời) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Biện nữ độc thừa
Ngộ Trịnh sứ giả
Trịnh sứ chiết trục
Chấp nữ phần nô
Nữ trần kỳ oan
Diệt hữu kỳ tự
Trịnh sứ tầm khứ
Bất cảm đàm ngữ*

*Biện nữ đánh xe
Trên đường gặp Trịnh sứ giả
Sứ giả bị hỏng xe
Tức giận bắt biện nữ
Biện nữ kể lể oan tình
Có lý có trình tự
Sứ giả hổ thẹn bỏ đi
Không dám nói lời gì*

A CỐC XỬ NỮ

A Cốc xử nữ là cô gái giặt áo ở ven đường núi A Cốc. Khổng Tử và đệ tử ngao du về phía Nam, trên đường đi qua đường núi A Cốc, thấy một cô gái đeo ngọc đang giặt áo. Khổng Tử nói với Tử Cống rằng: *“Có thể nói chuyện với người con gái đang giặt áo kia không?”*, rồi lấy chiếc chén đưa cho Tử Cống nói: *“Nói chuyện với nàng ta, xem chí hướng của nàng ta”*. Tử Cống tiến lại gần nói: *“Tôi là kẻ thô kệch ở phương Bắc, từ phương Bắc xuống phía Nam, muốn đến nước Sở, đúng lúc trời nắng to, trong lòng rất khát, mong có một chén nước để uống, giảm bớt cảm giác nóng bức”*. Người con gái nói: *“Đường núi A Cốc là nơi quanh co tĩnh mịch, dòng nước ở đây, một bên trong, một bên đục, đều chảy ra biển lớn. Ngài muốn uống thì uống, hà tất phải hỏi thiếp?”*. Nhưng vẫn cầm lấy chiếc chén của Tử Cống, hướng về phía ngược dòng nước để múc nước, rồi lại đổ đi, sau đó xuôi theo dòng nước để múc nước, nước đầy muốn tràn ra ngoài chiếc chén. Cô gái quỳ xuống để chiếc chén trên mặt cát rồi nói: *“Theo yêu cầu của lễ nghi, thiếp không thể tận tay giao chiếc chén cho Ngài”*. Tử Cống quay về, đem lời nói của cô gái kể cho Khổng Tử. Khổng Tử nói: *“Ta đã biết”*.

Khổng Tử lấy đàn ra, rút cái trục vắn dây đàn rồi giao cho Tử Cống nói: *“Lại đi nói chuyện với nàng ta”*. Tử Cống đi đến chỗ cô gái nói: *“Vừa nãy nghe nàng nói như gặp làn gió mát, rõ ràng rất hài hòa dịu dàng, làm cho lòng ta được bình yên. Nay ta có cây đàn, nhưng bị mất trục vắn dây đàn, mong nàng có thể chỉnh âm giúp”*. Cô gái nói: *“Thiếp là người quê mùa, từ nhỏ kiến thức*

nông cạn, không biết âm nhạc. Sao có thể chỉnh đàn?”. Tử Cống quay về, đem lời của cô gái kể cho Khổng Tử, Khổng Tử nói: “Ta đã biết rồi, gặp Thánh Hiền nàng sẽ tỏ lòng tôn kính”.

Khổng Tử lại lấy năm lạng vải đay giao cho Tử Cống nói: *“Tiếp tục đi nói chuyện với nàng ta”.* Tử Cống đi đến chỗ cô gái nói: *“Tôi là người thô kệch ở phương Bắc, từ Bắc đến phương Nam, muốn đến nước Sở. Nay có năm lạng vải đay, không dám dùng để so sánh với giá trị con người của nàng, mong được ở bên cạnh nàng”.* Cô gái nói: *“Người qua đường, sao có thể nói là vĩnh cửu, phí tổn đồ vật, vớt nơi quê mùa. Thiếp tuy còn nhỏ tuổi, sao dám nhận đồ vật của Ngài? Nay Ngài chưa thành thân, nhưng thiếp đã biết tên chồng của mình”.* Tử Cống trở về kể lại cho Khổng Tử nghe. Khổng Tử nói: *“Ta đã biết rồi, người con gái này thông tình đạt lý, lại hiểu rõ lễ nghĩa”.*

Kinh Thi có câu: *“Nam hữu kiêu mộc, Bất khả hưu tức”* (Núi nam có cây trụi cao, Mọi người chẳng thể tựa vào nghỉ ngơi) là có ý này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Khổng Tử xuất du</i>	<i>Khổng Tử du ngoạn</i>
<i>A Cốc chi nam</i>	<i>Đến phía nam A Cốc</i>
<i>Dị kỳ xử nữ</i>	<i>Gặp một người con gái</i>
<i>Dục quan kỳ phong</i>	<i>Và cảm thấy kinh ngạc</i>
<i>Tử Cống tam phản</i>	<i>Muốn xem dân tình nơi đây</i>
<i>Nữ từ biện thâm</i>	<i>Nên để Tử Cống ba lần đi lại</i>
<i>Tử viết đạt tình</i>	<i>Ngôn từ của Xử nữ có ý sâu xa</i>
<i>Tri lễ bất dâm</i>	<i>Khổng Tử nói nàng thông tình đạt lý</i>
	<i>Biết lễ nghĩa lại không dâm loạn</i>

TRIỆU TÂN NỮ QUYÊN

Triệu Tân Nữ Quyên là con gái vị quan nhỏ ở bến đò qua sông nước Triệu, là phu nhân của Triệu Giản Tử. Lúc đầu, Triệu Giản Tử xuống phía Nam công đánh nước Sở, ước định thời gian với vị quan nhỏ. Khi Giản Tử đến bến đò thì vị quan nhỏ uống rượu say, không thể chở người qua sông. Giản Tử giận dữ chuẩn bị giết viên quan, con gái của vị quan này cảm thấy sợ hãi, vội cầm mái chèo chạy lên phía trước. Triệu Giản Tử nói: “*Cô gái chạy đến đây làm gì?*”. Nàng đáp: “*Thiếp là con gái của vị quan nhỏ ở bến đò. Cha của thiếp nói Chúa Thượng đến, chuẩn bị qua sông, nhưng khó đoán được sông nước lành dữ, sợ nổi sóng gió, kinh động Thủy Thần, cho nên cầu khẩn cúng bái Thủy Thần sông nước, cung phụng lễ vật vô cùng chu đáo, mong các vị thần chấp nhận và ban phúc, không ngờ lúc cúng bái, đã uống rượu còn thừa, do rượu mà ra nông nổi này. Nay Chúa Thượng chuẩn bị giết cha thiếp, thiếp nguyện dùng tính mệnh của thiếp để đổi lấy tội chết của cha thiếp*”. Triệu Giản Tử nói: “*Đây không phải là tội của nàng*”. Nữ Quyên đáp: “*Chúa thượng muốn giết cha thiếp trong lúc say rượu, thiếp e là cha thiếp cũng không biết đau, lại không biết tội của mình. Nếu như không biết tội mà giết cha thiếp là đang giết người vô tội, mong hãy để cha thiếp tỉnh rượu rồi hãy giết, để cha thiếp biết tội của mình*”. Triệu Giản Tử nói: “*Được*”. Thế là thả vị quan nhỏ ra, không giết nữa. Triệu Giản Tử chuẩn bị qua sông nhưng thiếu một người chèo thuyền. Nữ Quyên xắn tay áo lên, cầm mái chèo thỉnh cầu rằng: “*Nguyện thay cha chèo thuyền*”. Giản Tử nói: “*Trước khi Quả Nhân xuất binh, đã tuyển*

chọn kỹ sĩ đại phu, trai giới tắm rửa sạch sẽ, không thể cùng với đàn bà con gái đi chung thuyền qua sông”. Nữ Quyên đáp: “Thiếp nghe nói ngày xưa khi Vua Thang thảo phạt Hạ Kiệt, bên trái chiến xa là ngựa cái màu đen tuyền, bên phải chiến xa là ngựa cái màu vàng, cuối cùng công phá và lưu đầy Hạ Kiệt. Khi Chu Vũ Vương thảo phạt Ân Thương, bên trái chiến xa là tuấn mã cái, bên phải chiến xa cũng là tuấn mã cái, cuối cùng ở phía Nam núi Hoa Sơn, chiến thắng Trụ Vương nhà Thương. Nếu như Chúa Thượng không muốn qua sông thì thôi, nếu như muốn qua sông, cùng thiếp chung thuyền thì liên quan gì?”. Triệu Giản Tử nghe xong vô cùng vui mừng, bèn cùng nàng qua sông. Khi đến giữa sông, nàng cất tiếng hát bài Hà Kích ca: Thăng bĩ a hĩ diện quán thanh, thủy dương ba hĩ diểu minh minh, đảo cầu phúc hĩ túy bất tỉnh, tru tương gia hĩ thiếp tâm kinh, phát ký thích hĩ độc nãi thanh, thiếp trì tiếp hĩ thao kỳ duy, giao long trợ hĩ chủ tướng quy, hô lai trạc hĩ hành vật nghi (Bước lên thuyền trước mắt một màu xanh, sóng dâng mịt mù, cầu phúc nên cha rượu say không tỉnh, sắp bị giết nên thiếp kinh sợ, được tha tội chết nước cũng trong xanh, thiếp bơi mái chèo thuyền lướt trôi, Giao Long trợ sức Chúa Thượng thắng lợi trở về, để thiếp cầm chèo thẳng tiến về phía trước chớ hoài nghi).

Giản Tử vô cùng cao hứng nói: “Trước đây Quả Nhân nằm mơ lấy được người vợ. Chẳng nhẽ là người con gái này sao?”, thế rồi sai người cúng bái Thần linh, lập Nữ Quyên làm phu nhân. Quyên hành hai lần lễ mà khước từ rằng: “Lễ nghĩa của vợ chồng, không có người mai mối thì không xuất giá. Thiếp có cha mẹ ở nhà, không dám nghe theo”, thế rồi cáo từ mà đi. Sau

khi Giản Tử quay về liền đem sính lễ đến hỏi cưới Nữ Quyên, rồi lập làm phu nhân.

Bạc quân tử nói Nữ Quyên tinh thông điển cổ lại biết ăn nói.

Kinh Thi có câu: *“Lai du lai ca, dĩ thi kỳ âm”* (Đến ngoạn du ca vịnh nơi này, để cho lời được tỏ bày) là chỉ việc này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Triệu Giản độ hà
Tân lại túy hoang
Tương dực gia tru
Nữ Quyên khủng hoàng
Thao tiếp tiến thuyết
Phụ đắc bất táng
Duy cứu nan tế
Chung toại phát dương*

*Triệu Giản qua sông
Vị quan quản lý việc qua sông
say rượu
Triệu Giản định xử tội chết
Con gái tên Quyên lo sợ
Cầm chèo đến trước biện luận
Cha mới thoát chết
Nữ đức khó lu mờ
Cuối cùng được nêu cao*

TRIỆU PHẬT HẠT MẪU

Triệu Phật Hạt mẫu là mẹ của Huyện Lệnh huyện Trung Mâu, tên Phật Hạt làm phản ở Trung Mâu. Theo luật pháp nước Triệu, xúi giục làm phản bị xử tử, tịch thu toàn bộ gia sản. Khi mẹ của Phật Hạt bị luận tội, bà nói: *“Thiếp không đáng bị xử tội chết”*. Viên quan xử án hỏi tại sao, bà nói: *“Hãy thông báo cho Chúa Thượng giùm thiếp. Thiếp sẽ nói, nếu như nói không thông thì có chết cũng đành”*. Viên quan xử án báo lại cho Triệu Tương Tử, Tương Tử ra hỏi tại sao, mẹ Phật Hạt nói:

“Không gặp được Chúa Thượng thì thiếp không nói”. Thế là Tương Tử tiếp kiến và hỏi bà: “Sao bà không đáng bị xử tội chết?”. Mẹ của Phật Hật nói: “Sao thiếp lại đáng tội chết?”. Tương Tử bảo: “Con trai bà làm phản”. Mẹ Phật Hật nói: “Con trai làm phản. Sao mẹ lại bị xử tội chết?”. Tương Tử nói: “Mẹ không giáo dục tốt con cái, cho nên con trai mới làm phản. Tại sao người mẹ không đáng bị xử tội chết?”. Mẹ Phật Hật nói: “Chúa thượng muốn giết thiếp mới cố ý nói thiếp không dạy bảo con trai. Thiếp đã tận hết trách nhiệm. Con trai thiếp làm phản là do Chúa Thượng. Thiếp nghe nói khi nhỏ con ngạo mạn vô lễ là tội của mẹ. Sau khi lớn lên không đem hết sức ra phục vụ đất nước là tội của cha. Con của thiếp nhỏ thì không ngạo mạn, khi lớn đã dốc sức phục vụ đất nước, thiếp có trách nhiệm gì! Thiếp nghe nói con còn nhỏ là con, sau khi trưởng thành là bạn bè. Nếu như chồng chết thì người mẹ phải theo con. Con trai là do thiếp sinh ra, do thiếp nuôi dưỡng, nhưng làm quan là do Chúa Thượng chọn lựa, do Chúa Thượng sắp xếp. Theo lý mà nói, con trai của thiếp là bề tôi của Chúa Thượng chứ không phải là con trai của thiếp. Chỉ có thể nói Chúa Thượng có bề tôi làm phản chứ thiếp không có con làm phản. Như vậy xem ra thiếp không có tội gì!”. Triệu Tương Tử nói: “Bà nói rất hay, xem ra Phật Hật làm phản là tội của Quả Nhân”, thế là tha cho mẹ của Phật Hật.

Bậc quân tử nói một lời nói của mẹ Phật Hật đã gợi ý cho Triệu Tương Tử cái đức là không vì hành vi của con trai mà trút giận sang người mẹ, do đó mà mình được miễn tội”.

Kinh Thi có câu: “*Ký kiến quân tử, ngã tâm tả hề*”
(*Quân tử nay đã gặp rồi, Lầu lầu chẳng bợn thảnh thơi*
tắc lòng) là có ý này.

Có thơ khen rằng: Tạm dịch:

<i>Phật Hật ký bạn</i>	<i>Phật Hật làm loạn</i>
<i>Kỳ mẫu nhiệm lý</i>	<i>Mẹ theo tình lý</i>
<i>Tương tỵ ư luận</i>	<i>Lý luận với Vua</i>
<i>Tự ngôn Tương Tử</i>	<i>Liệt kê trách nhiệm người làm mẹ</i>
<i>Trần liệt mẫu chức</i>	<i>Sau khi con lớn trách nhiệm do Vua</i>
<i>Tử trưởng tại quân</i>	<i>Tương Tử nghe xong cảm thấy có lý</i>
<i>Tương Tử thuyết chi</i>	<i>Bèn tha cho không luận tội nữa</i>
<i>Toại thích bất luận</i>	

TỀ UY NGU CƠ

Ngu Cơ tên là Quyên Chi, là người thiếp xinh đẹp của Tề Uy Vương. Uy Vương sau khi lên ngôi, chín năm không màng việc triều chính, giao hết việc cho các Đại thần. Các nước chư hầu thường sang xâm phạm. Khi đó gian thần Chu Phá Hồ chuyên quyền, đố kị người hiền tài. Tức Mặc đại phu là hiền thần, nhưng Chu Phá Hồ hàng ngày đều gièm pha. A đại phu là kẻ chẳng ra gì, Chu Phá Hồ lại thường xuyên khen ngợi. Ngu Cơ nói với Tề Uy Vương rằng: “*Phá Hồ là kẻ tiểu nhân giỏi gièm pha và a dua, không thể không phế truất. Nước Tề có Bắc Quách tiên sinh, là người thông thái sáng suốt, có đạo đức, có thể bố trí ở bên mình*”. Sau khi Chu Phá Hồ biết được liền đặt điều rằng: “*Khi xưa Ngu Cơ còn nhỏ ở quê từng tư thông với Bắc Quách tiên sinh*”. Tề

Vương hoài nghi nàng, bèn nhốt Ngu Cơ vào tháp chín tầng, còn sai người điều tra truy cứu đến cùng. Phá Hồ hối lộ người điều tra để làm cho Ngu Cơ trở thành có tội. Người điều tra bèn thêu dệt ra lời khai không có lợi cho Ngu Cơ rồi trình cho Tề Uy Vương. Nhưng Tề Uy Vương xem lời khai thấy có chỗ không hợp lý bèn đích thân cho gọi Ngu Cơ đến để hỏi. Ngu Cơ nói với Tề Uy Vương rằng: *“Thần thiếp Quyên Chi may mắn được cha mẹ sinh ra, được sống trong trời đất, xa rời nhà tranh vách đất đến hầu hạ bên cạnh Đại Vương, trải giường gấp chăn, quét nhà lau bụi, những công việc sinh hoạt hàng ngày đều hầu hạ chu đáo. Thần thiếp một tấm lòng chân thành, chỉ muốn nói sự thật cho Đại Vương, nào ngờ bị gian thần đặt điều. Tâm ý của thần thiếp bị chôn vùi, không ngờ hôm nay Đại Vương vẫn đích thân triệu kiến thần thiếp. Thần thiếp nghe nói ngọc thạch cho dù rơi vào bùn cũng không lấm bùn. Liễu Hạ Huệ lo cho cô gái sẽ chết vì lạnh nên cho ngồi trong lòng mà không ai cho rằng ông dâm loạn, có thể thấy có được hình tượng cao thượng là kết quả của sự tích góp hàng ngày, do đó không bị người khác hoài nghi. Cho nên qua ruộng dưa chó cúi xuống buộc lại dây giày, qua vườn mận không đưa tay lên chỉnh sửa lại mũ, nhưng thần thiếp không tránh để khỏi bị hiềm nghi, đây là tội thứ nhất của thần thiếp. Sau thần thiếp bị vu cáo hãm hại, người điều tra nhận hối lộ nghe theo lời của gian thần, thần thiếp bị hãm hại mà bản thân không thể biện bạch rõ ràng. Thần thiếp nghe nói quả phụ khóc lóc thảm thiết dưới chân thành, tường thành cũng vì vậy mà sụp đổ. Kẻ sĩ vong quốc than thở giữa chợ làm cho ai cũng cảm động, do đó mà ngừng kinh doanh. Mà nỗi oan của thần*

thiếp sự thật rõ như ban ngày, nhưng cho dù một mình trên tháp cao chín tầng khóc lóc cũng không có ai đến cứu giúp, đây là tội thứ ai của thần thiếp. Thần thiếp đã mang tiếng xấu, cộng thêm hai tội này, theo lý mà nói thì không thể tiếp tục sống trên cõi đời này. Cho nên thần thiếp vẫn còn sống là bởi vì thần thiếp muốn rửa sạch tiếng xấu. Hơn nữa, bị oan thì từ xưa tới nay đều có, ngày xưa Bá Kỳ bị lưu đày, Thân Sinh bị ép tự sát, hai người này đều là người hiểu thuận có tiếng, nhưng lại bị làm hại. Thần thiếp đã bị xử tội chết, nên không nhắc lại những việc này nữa, nhưng vẫn muốn khuyên Đại Vương rằng trong đám quần thần, Chu Pháp Hồ là kẻ gian nịnh nhất. Nếu như Đại Vương vẫn không muốn đích thân chấp chính thì nước Tề sẽ hết sức nguy ngập”.

Lời nói xuất phát từ đáy lòng của Ngu Cơ làm cho Tề Uy Vương hoàn toàn tỉnh ngộ. Thế là thả Ngu Cơ và công bố việc này trong triều và bên ngoài, phong cho Túc Mặc đại phu làm vạn hộ hầu, đem nấu A đại phu và Chu Pháp Hồ, sau đó khởi binh thu phục đất đai trước đây bị xâm chiếm. Lòng người nước Tề đều chấn động, mọi người đều biết việc nấu A đại phu nên không dám giấu diếm sự thật, đều tận hết phạm vi trách nhiệm của mình. Nước Tề được ổn định.

Bạc quân tử nói Ngu Cơ giàu lòng nhân từ.

Kinh Thi có câu: “Ký kiến quân tử, ngã tâm tắc giáng” (Đã gặp bạc quân tử rồi, thì lòng lắng dịu xiết bao!) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Tề quốc đọa chính

Nước Tề chính sự biếng nhác

Bất trị cửu niên

Chín năm không được quản lý

Ngu Cơ cơ thích

Ngu Cơ khuyên gián

Phản hại kỳ thân

Trái lại bị họa vào thân

Cơ liệt kỳ sự

Ngu Cơ liệt kê sự thật

Thượng chỉ hoàng thiên

Xin trời chứng giám

Uy Vương giác ngộ

Uy Vương tỉnh ngộ

Tuất cự cường Tần

Cuối cùng đánh đuổi

Nước Tần hùng mạnh

TỀ CHUNG LY XUÂN

Chung Ly Xuân, người ấp Vô Diêm nước Tề, là Vương Hậu của Tề Tuyên Vương. Bà sinh ra trán cao, mắt sâu, bụng dài, chân thô, mũi hếch, xương cổ lòi ra, cổ to, tóc thưa, bụng phệ, lưng gù, da đen đúa. Người xấu xí như vậy, đến 40 tuổi vẫn không gả được, công khai thỉnh cầu được xuất giá nhưng không ai đáp ứng, thế là mặc áo cộc bằng vải thô rồi tự tiến cử lên Tuyên Vương, nói với người canh cửa rằng: *“Thiếp là người phụ nữ không tìm được chồng của nước Tề, nghe nói Đại Vương có đức anh minh, mong được quét nhà lau bụi ở hậu cung của Đại Vương, nay ở ngoài cổng hành lễ đợi chờ, mong Tề Vương chuẩn y việc này”*. Người canh cửa đem việc này báo cho Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương đang bày yến tiệc, người xung quanh sau khi nghe xong đều bịt miệng cười nói: *“Đây đúng là người con gái không biết xấu hổ nhất thiên hạ. Sao không làm cho người ta cảm thấy kỳ lạ!”*. Thế là Tề Tuyên Vương

triệu kiến bà và nói với bà rằng: “*Trước đây, Tiên Vương đã lấy vợ cho ta, đến nay các vị trí đã đủ. Nàng không được dân thường lấy làm vợ, lại muốn gả cho bậc Đế Vương. Nàng có bản lĩnh kỳ lạ nào không?*”. Chung Ly Xuân đáp: “*Không có, chẳng qua là thần ngưỡng mộ cái tên đẹp và nhân nghĩa của Đại Vương mà thôi*”. Tuyên Vương nói: “*Cho dù là như vậy, nàng có bản lĩnh gì?*”. Một lúc lâu bà mới trả lời: “*Theo ý riêng của thiếp thì thiếp giỏi về thuật tàng hình*”. Tuyên Vương nói: “*Ta vốn cũng muốn xem thuật tàng hình. Nàng thử xem sao*”. Nói chưa dứt lời, đột nhiên không thấy đâu nữa, Tuyên vương kinh ngạc, lập tức lấy toàn bộ sách nói về thuật tàng hình để đọc, sau khi bãi triều lại tiếp tục làm theo phương pháp trong sách, nhưng không thành công.

Ngày hôm sau lại gọi bà đến hỏi, bà không nói đến việc tàng hình, chỉ nhe răng tròng mắt, tay vỗ đầu gối nói: “*Nguy rồi! Nguy rồi!*”. Chung Ly Xuân lập đi lập lại động tác và lời nói này bốn lần. Tề Tuyên Vương nói: “*Xin nàng hãy nói rõ!*”. Chung Ly Xuân đáp: “*Hiện nay đất nước của Đại Vương, phía Tây có loạn Tần bạo ngược, phía Nam lại có thù với Sở hùng mạnh. Bên ngoài có hai nước thù địch, trong nước gian thần tụ tập, mọi người không đoàn kết. Nay Đại Vương đã 40 tuổi, không lập người thừa kế mình, không dạy dỗ các con, cả ngày đắm chìm trong đám phụ nữ. Một ngày Đại Vương có mệnh hệ gì thì nước Tề sẽ đại loạn, đây là cái nguy thứ nhất. Xây dựng lâu tháp cao năm tầng, trang hoàng vàng bạc ngọc ngà, gấm vóc, do đó mà bách tính mệt mỏi cùng cực, đây là cái nguy thứ hai. Người hiền tài đều ẩn cư nơi rừng núi, kẻ a dua nịnh bợ ở bên cạnh, kẻ gian tà giả dối chiếm cứ triều đình, người can gián không thể*

qua lại, đây là cái nguy thứ ba. Đại Vương đam mê uống rượu, hết ngày lại đêm, cùng với ca nữ vui chơi ca hát. Bên ngoài thì không lấy lễ để kết giao với chư hầu, bên trong không chăm lo cai trị đất nước, đây là cái nguy thứ tư. Cho nên thiếp mới nói là nguy rồi, nguy rồi”.

Tề Tuyên Vương bùi ngùi than thở rằng: “Lời của Nàng thật là sâu sắc, nay ta mới hiểu được hết điều này”. Thế rồi cho tháo dỡ lầu tháp, hủy bỏ ca nữ, phế truất kẻ a dua nịnh bợ, bỏ bớt những nơi chạm trổ thái quá, tuyển chọn binh mã, bổ sung quốc khố, mở rộng cửa chào đón người ăn nói thẳng thắn, mở rộng đến nơi xa xôi hẻo lánh. Giao quẻ chọn ngày lành tháng tốt để lập Thái Tử, lấy Chung Ly Xuân làm Vương Hậu. Nước Tề được yên ổn là công lao của người phụ nữ xấu xí Chung Ly Xuân.

Bậc quân tử nói Chung Ly Xuân là người chính trực lại khéo ăn nói.

Kinh Thi có câu: “Ký kiến quân tử, ngã tâm tắc hỉ” (Khách người quân tử gặp xong, thì ta mừng rỡ trong lòng xiết bao) là chỉ điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

Vô Diêm chi nữ

Cô gái ấp Vô Diêm

Can thuyết Tề Tuyên

Khuyên nhủ Tuyên Vương

Phân biệt tứ dĩ

Liệt kê bốn cái nguy

Xung quốc loạn phiền

Đất nước sẽ đại loạn

Tuyên Vương từng chi

Tuyên Vương nghe theo

Tứ tích công môn

Mở cửa chiêu hiền

Toại lập Thái Tử

Lập lên Thái Tử

Bái vô diêm quân

Cưới Chung Ly làm Vương Hậu

TRAI TÚC LỰU NỮ

Túc Lựu nữ là cô gái hái dâu ở Đông Quách nước Tề, là Vương Hậu của Tề Mẫn Vương, trên cổ mọc khối u nên gọi nàng là Túc Lựu. Một lần, khi Tề Mẫn Vương đi tuần, đến Đông Quách, bách tính đều ra xem, Túc Lựu nữ vẫn hái dâu như thường mà không quay đầu lại nhìn, Tề vương cảm thấy kỳ lạ bèn gọi nàng đến hỏi: *“Quả nhân đi tuần, ngựa xe đông đảo, bách tính bất luận là lớn bé đều buông hết công việc còn đang dang dở để ra xem. Nàng hái dâu bên đường, mà đến quay đầu lại nhìn cũng không buồn nhìn, là vì có gì?”*. Túc Lựu nữ đáp: *“Thiếp vâng lời cha mẹ đến hái dâu, cha mẹ không bảo thiếp xem Đại Vương”*. Tề Vương nói: *“Đây đúng là một cô gái đặc biệt, đáng tiếc trên cổ có mọc khối u to”*. Túc Lựu nữ đáp: *“Trách nhiệm của thiếp là chăm chỉ hái dâu không được phân tâm, chỉ cần thiếp không quên việc của mình cần làm là gì là được rồi, trên cổ mọc khối u thì có hề gì!”*. Tề Vương nghe xong vô cùng vui mừng, nói: *“Đây quả là cô gái thông minh sáng suốt”*, thế là lệnh cho xe sau cho nàng lên xe. Túc Lựu nữ nói: *“Dựa vào thế lực của Đại Vương có thể làm như thế, nhưng thiếp trên còn có cha mẹ, chưa được cha mẹ đồng ý mà tùy tiện theo Đại Vương thì khác nào bỏ nhà theo trai. Đại Vương muốn người như vậy làm gì?”*. Tề Vương nghe xong vô cùng hổ thẹn nói: *“Đây là sơ suất của Quả Nhân”*. Túc Lựu nữ lại nói: *“Người con gái tiết hạnh, cho dù lễ nghĩa có một chút không phù hợp với quy củ thì có chết cũng không nghe theo”*. Tề Vương bèn để nàng về nhà và sai sứ giả mang hai ngàn lạng vàng đến nhà nàng làm sinh lễ, sau đó rước dâu. Cha mẹ của Túc

Lựu nữ vô cùng hoảng sợ, muốn nàng tắm gội thay đồ, trang điểm. Nàng kiên quyết phản đối, cho rằng làm vậy là thay đổi dung nhan vốn có của mình, nên vẫn ăn vận như thường ngày và theo sứ giả vào cung.

Sau khi Văn Vương về cung, gặp các vị phu nhân bèn nói với họ rằng: *“Hôm nay đi tuần, gặp một vị Thánh nữ, nay đã vào cung, nàng ấy sẽ răn dạy các khanh”*. Các vị phu nhân đều cảm thấy kỳ lạ, bèn trang điểm lộng lẫy để nghênh đón Túc Lựu nữ, đợi rất lâu Túc Lựu nữ mới tới. Túc Lựu nữ làm cho các vị phu nhân đều cảm thấy kinh ngạc. Mọi người không nhìn được đều bịt miệng cười. Tề Mẫn Vương vô cùng khó xử nói: *“Không được cười! Chỉ là nàng ấy không trang điểm, trang điểm hay không khác xa nhau mười phần, trăm phần!”*. Túc Lựu nữ nói: *“Trang điểm hay không, khác xa nhau cả nghìn vạn lần còn không hết. Sao lại chỉ có trăm lần, mười lần?”*. Tề Vương nói: *“Sao lại nói như vậy?”*. Túc Lựu nữ đáp: *“Bản tính con người khá giống nhau, nhưng trải qua sự học hỏi khác nhau mà khác xa nhau. Xưa Vua Nghiêu, Vua Thuấn, Vua Kiệt, Vua Trụ đều là Thiên Tử. Vua Nghiêu, Vua Thuấn dùng nhân nghĩa để trang điểm cho mình, tuy là thiên tử nhưng tiết kiệm cầu yên ổn, cung điện xây dựng đều dùng vật liệu thô, không trang hoàng. Người ở hậu cung đều không mặc trang phục hoa mỹ, bữa cơm không có hai món có thịt đến nay đã hàng nghìn năm người trong thiên hạ vẫn noi gương. Vua Kiệt, Vua Trụ nhân nghĩa chẳng màng, xa xỉ vô độ, xây dựng lầu cao hào sâu, hậu cung dưới chân đều là gấm vóc, đồ chơi của người trong cung đều là châu báu, ngọc ngà, mà không lúc nào thấy thỏa mãn cuối cùng thân vong quốc diệt, bị thiên hạ cười chê, đến nay*

đã hơn nghìn năm, người thiên hạ đều cho rằng họ là những kẻ làm điều ác. Do đó có thể thấy trang điểm hay không khác xa nhau cả nghìn vạn lần còn chưa hết, sao lại chỉ trăm lần, mười lần!'". Nghe đến đây, các vị phu nhân đều cảm thấy vô cùng hổ thẹn. Tề Mẫn Vương vô cùng cảm kích Túc Lự nữ, bèn lập nàng thành Vương Hậu, hạ lệnh cắt giảm quy mô trong cung, cho san lấp đầm ao, giảm bớt tiêu chuẩn ăn uống trong cung, thu hẹp quy mô hoạt động vui chơi hưởng lạc, người ở hậu cung không được mặc quần áo lộng lẫy. Trong một tháng, nếp sống tiết kiệm ảnh hưởng đến các nước lân cận. Các nước chư hầu đến triều bái tấp nập, sau công đánh tam Tấn (*ba nước Hàn, Triệu, Ngụy*), làm nước Tần, nước Sở kinh sợ, rồi xưng Đế hiệu. Tề Mẫn Vương đạt được như vậy là do công lao to lớn của Túc Lự nữ. Sau khi Túc Lự nữ mất, nước Yên công đánh nước Tề, Mẫn Vương lưu vong ra ngoài rồi bị giết chết.

Bạc quân tử nói Túc Lự nữ thông suốt lại biết lễ nghĩa.

Kinh Thi có câu: *"Tinh tinh giả nga, tại bỉ trung a, ký kiến quân tử, lạc thả hữu nghi"* (*cỏ nga đã mọc rậm đầy, ở trong gò lớn găm đầy khắp nơi, Khách gặp quân tử gặp rồi, ta cùng nghi lễ vui tươi trong lòng*) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề nữ Túc Lự
Đông Quách thái tang
Mẫn Vương xuất du
Bất vi biến thường
Vương chiêu dữ ngữ
Gián từ thậm minh
Tuất thặng hậu vị
Danh thanh quang vinh*

*Nước Tề có người con gái có
khối u ở cổ
Hái dâu ở Đông Quách
Mẫn Vương đi tuần
Không thay đổi thái độ hàng
ngày của mình
Tề Vương gọi đến hỏi
Trả lời vô cùng thông minh
Sau thành Vương Hậu
Để lại tiếng thơm*

TỀ CÔ TRỤC NỮ

Cô Trục nữ là cô gái ở đất Túc Mặc nước Tề, là vợ của Tế tướng nước Tề. Cô Trục nữ mồ côi không cha mẹ, dung mạo rất xấu, ba lần bị đuổi khỏi làng, năm lần bị đuổi ra khỏi xóm ngõ, quá tuổi mà không có ai lấy nên không có chốn dung thân. Vợ Tế tướng nước Tề qua đời, Cô Trục nữ bèn đến trước cổng cung điện của Tương Vương xin yết kiến, nói với người canh cổng rằng: *“Thiếp ba lần bị đuổi khỏi làng, năm lần bị đuổi khỏi xóm ngõ, cô đơn không cha mẹ, nay bị vứt bỏ nơi hoang dã, không chốn dung thân, mong được ở trước mặt Đại Vương nói lời ngu muội nhưng từ tận đáy lòng của thiếp”*. Người tùy tùng báo lại với Tề Vương. Tề Vương lập tức buông đồ ăn xuống, phun cơm trong miệng ra, vội vàng đứng dậy. Người xung quanh nói: *“Người mà ba lần bị đuổi khỏi làng xem ra là bởi vì bất trung. Năm lần bị đuổi khỏi xóm ngõ xem ra là không*

hiếu lễ nghĩa. Người bất trung, ít lễ nghĩa thì Đại Vương sao phải vội gặp nàng ta làm gì?”. Tề Vương nói: “Các khanh không biết đó chứ, bò rống mà ngựa không đáp lại, không phải là không nghe thấy tiếng của con bò, mà nguyên nhân bởi vì không phải là đồng loại. Người này nhất định có chỗ khác người”, thế là tiếp kiến nàng, cùng nàng đàm đạo trọn ba ngày.

Ngày thứ nhất, Cô Trục nữ nói: “Đại Vương biết trụ cột của quốc gia không?”. Đại Vương nói: “Không biết!”. Cô Trục nữ nói: “Trụ cột là Tể tướng của đất nước. Trụ cột không thẳng thì xà nhà sẽ không an toàn. Xà nhà không an toàn thì mái hiên sẽ rơi xuống, ngôi nhà này sẽ bị đổ. Đại Vương giống xà nhà, nhân dân giống mái hiên, đất nước giống ngôi nhà. Ngôi nhà có kiên cố hay không là do trụ cột. Đất nước yên ổn hay không đều do Tể tướng. Nay Đại Vương đã biết điều này thì Tể tướng của đất nước không thể không xem xét kỹ lưỡng”. Tề Vương nói: “Hay!”.

Ngày thứ hai, Tề Vương nói: “Nàng cảm thấy Tể tướng của ta thế nào?”. Cô Trục nữ đáp: “Tể tướng của Đại Vương nên giống như cái thềm bên, bên ngoài cũng có đôi, trong nhà cũng có đôi, sau đó mới có thể thành đại nghiệp”. Tề Vương nói: “Vậy là ý gì?”. Cô Trục nữ đáp: “Để cho tùy tùng của Tể tướng đều trở thành người hiểu biết, để cho vợ của Tể tướng trở thành người hiền đức”.

Ngày thứ ba, Tề Vương nói: “Tể tướng của Quả Nhân có thể thay không?”. Cô Trục nữ đáp: “Tể tướng hiện nay chẳng qua là một người có tài năng bậc trung, nhưng muốn tìm được người như này cũng không phải là dễ mà tìm được. Đương nhiên, nếu có người giỏi hơn tại sao không thể thay thế chứ? Nhưng vấn đề là hiện

nay không có. Thiếp nghe nói Vua anh minh dùng người, tiến cử một người thì dùng cho tốt. Cho nên nước Sở dùng Ngu Khâu Tử thì lại được thêm Tôn Thúc Ngao. Nước Yến dùng Quách Ngỗi mà được thêm Nhạc Nghị. Nếu quả thật Đại Vương có thể khích lệ Tể tướng thì người này có thể dùng được". Tề vương nói: "Quả Nhân phải dùng Tể tướng như thế nào?". Cô Trúc nữ đáp: "Ngày xưa Tề Hoàn Công tôn trọng người hiền tài nên những kẻ sĩ có đạo đều đến quy phục. Việt Vương kính trọng người chỉ có sức của châu chấu nhưng vẫn muốn đá xe, nên dũng sĩ trong thiên hạ vì Việt Vương mà liều mình. Diệp Công thích rỗng và rỗng thực sự xuất hiện. Những việc này có thể làm chứng, vốn không phải do dự". Tề Vương nói: "Hay!", thế là tôn trọng Tể tướng, cung kính đối đãi với Tể tướng và gả Cô Trúc nữ cho Tể tướng. Mấy ngày sau, có rất nhiều kẻ sĩ bốn phương về quy phục nước Tề. Do đó nước Tề được yên ổn.

Kinh Thi có câu: "Ký kiến quân tử, tịnh tọa cố sắt" (Đến khi gặp được Vua rồi, Du dương đàn sắt đều ngồi gẩy chung) là có ý này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề trực cô nữ
Tạo Tương Vương môn
Nữ tuy ngũ trực
Vương do kiến yên
Đàm quốc chi chính
Diệp thậm hữu văn
Dữ ngữ tam nhật
Toại phối tướng quân*

*Cô gái của nước Tề
Bị mọi người xua đuổi
XYết kiến Tề Tương Vương
Tuy bị đuổi năm lần
Tề Vương vẫn tiếp kiến
Đàm đạo quốc gia đại sự
Thấy vô cùng có lý
Bèn đàm đạo với nàng
Trọn ba ngày liền tiếp
Sau gả cho Tể Tướng*

SỞ XỨ TRANG DIỆT

Sở Xứ Trang Diệt là phu nhân của Sở Khoảnh Tương Vương, là cô gái ở ấp huyện. Sở Khoảnh Tương Vương thích xây dựng đền đài lầu gác, khi xây xong thì đi lại bất định. Tuổi đã 40 mà chưa lập Thái tử, chặn những người can gián ở ngoài cổng cung điện, Khuất Nguyên bị lưu đày, đất nước vô cùng nguy hiểm. Nước Tần muốn tấn công nước Sở bèn sai Trương Nghi sang nước Sở ly gián, để cho người bên cạnh của Sở Vương tấu với Sở Vương rằng: “Đại Vương có thể du ngoạn về phía Nam đến đất Đường, trong vòng năm trăm dặm sẽ có nơi vui chơi”. Sở Vương chuẩn bị xuất phát. Lúc này Trang Diệt 12 tuổi, nói với mẹ của mình rằng: “Đại Vương thích truy lạc, đi về bất định, đã tới tuổi tráng niên mà chưa lập Thái tử. Nay nước Tần lại sai người dùng số vàng lớn hối lộ cho đại thần bên cạnh Đại Vương, mê hoặc Đại Vương của chúng ta, xúi giục Đại Vương ngao du trong

vòng năm trăm dặm để tiện quan sát sự thay đổi của tình thế. Đại Vương đã xuất phát, gian thần nhất định sẽ dựa vào nước thù địch để phát động âm mưu. Như vậy thì Đại Vương nhất định sẽ không thể trở về nước nữa. Con nguyện lên phía trước để can gián”. Mẹ của nàng nói: “Con là một đứa trẻ nhỏ. Sao có thể biết được cách can gián?”, không cho nàng đi. Thế là nàng trốn đi, lấy cây tre màu đỏ làm cờ, tay nàng cầm cờ chờ ở ven đường bên ngoài phía Nam. Sau khi xe của Sở Vương đi qua, nàng bèn dương cao cờ. Sở Vương nhìn thấy bèn dừng lại, sai người đến hỏi nàng, sứ giả trở về bẩm báo rằng: “Có một bé gái đứng dưới lá cờ, mong được yết kiến Đại Vương”. Sở Vương nói: “Để cô bé qua đây”. Sau khi Trang Diệt đến, Sở Vương hỏi: “Nàng làm gì vậy?”. Trang Diệt đáp: “Thiếp là cô gái ở ấp huyện, có chuyện cơ mật muốn nói với Đại Vương, sợ bị ngăn chặn ở ngoài cổng thành mà không gặp được Đại Vương để nói rõ sự tình, nay nhân cơ hội Đại Vương đi du ngoạn mà yết kiến Đại Vương”. Sở Vương nói: “Nàng có chuyện gì muốn nói với Quả Nhân?”. Trang Diệt nói: “Cá dòi khỏi nước, có rồng không đuôi, tường thành sụp đổ từ bên trong mà Đại Vương không nhìn thấy”. Sở Vương nói: “Quả nhân không hiểu nàng nói gì?”. Trang Diệt đáp: “Cá dòi khỏi nước là nói Đại Vương rời đất nước mà ngao du năm trăm dặm, chỉ nghĩ đến cái vui trước mắt, mà không nghĩ đến cái nguy ở sau lưng. Có rồng không đuôi là nói Đại Vương đã 40 tuổi rồi mà đất nước chưa có Thái tử. Đất nước không có người phò tá lớn mạnh, nhất định sẽ đối mặt với nguy hiểm. Tường thành sẽ sụp đổ từ bên trong mà Đại Vương không nhìn thấy. Họa hoạn sắp xảy ra mà Đại Vương không biết mà sửa sai”.

Sở Vương nói: “Tại sao lại nói như vậy?”. Trang Diệt nói: “Đại Vương thích xây dựng đền đài lầu gác, không thương nhân dân, đi về bất định, tai không rõ mà mắt không sáng. Tuổi đã 40 mà chưa lập Thái Tử, đất nước không có người phò tá lớn mạnh, trong ngoài đều đã sụp đổ. Nước Tần hùng mạnh sai người đến nước Sở ly gián người bên cạnh Đại Vương. Nếu như Đại Vương không sửa đổi thì ngày càng nghiêm trọng hơn. Nay tai họa sắp hình thành, Đại Vương lại muốn đi ngao du ngoài năm trăm dặm. Nếu nhất định muốn đi thì đất nước sẽ không còn là đất nước của Đại Vương nữa”. Sở Vương nói: “Tại sao?”. Trang Diệt nói: “Đại Vương gây ra ba nguy nan là bởi vì có năm loại tai họa ngầm”. Sở Vương nói: “Năm loại tai họa ngầm là những loại gì?”. Trang Diệt nói: “Cung thất nhiều, thành quách rộng rãi là tai họa ngầm thứ nhất. Người trong cung mặc gấm vóc, nhân dân thì không có áo cộc để mặc là tai họa ngầm thứ hai. Xa xỉ không có mức độ, tài lực của đất nước sắp trống rỗng hết sạch là tai họa ngầm thứ ba. Nhân dân đói khổ mà ngựa của Đại Vương có thừa lương thực là tai họa ngầm thứ tư. Gian thần ở bên cạnh Đại Vương, người hiền tài không thể tiến thân là tai họa ngầm thứ năm. Đại Vương có năm loại tai họa ngầm này, cho nên mới dẫn đến ba nguy nan”. Sở Vương nói: “Hay!”, rồi ra lệnh cho xe phía sau chở Trang Diệt, lập tức quay về nước. Nhưng cổng thành đã đóng, phản loạn đã thành định cục. Sở Vương ra lệnh cho quân đội thành Yên, thành Dĩnh công đánh quân phản loạn, cuối cùng giành được thắng lợi, và lập Trang Diệt làm phu nhân. Trang Diệt lại trình bày việc tiết kiệm, thương dân, nước Sở trở nên hùng mạnh.

Bạc quân tử nói tụy Trang Diệt làm trái với lễ nghi, nhưng cuối cùng giữ được chính nghĩa.

Kinh Thi có câu: “*Bắc phong kỳ giai, Vũ tuyết phi phi. Huệ nhi hiếu ngã, Huề thủ đồng quy*” (Gió bắc thổi mấy luồng vi vút, Mưa tuyết vừa bay trút tơ bời. Cùng ta thân ái những người, Dắt tay về hẳn mau rời khỏi đây) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Sở Xứ Trang Diệt
Tuy vi nữ đồng
Dĩ xí kiến vương
Trần quốc họa hung
Thiết Vương tam nạn
Ngũ hoạn lũy trọng
Vương tải dĩ quy
Chung tuất hữu công*

*Sở Xứ Trang Diệt
Tuy còn trẻ con
Dùng cờ gặp Vua
Kể ra tai họa
Của đất nước mình
Sở Vương có ba tai nạn
Năm loại họa hoạn
Sở Vương chở nàng cùng về
Cuối cùng có công lao*

TÈ NỮ TỪ NGÔ

Tề nữ Từ Ngô là một phụ nữ nghèo khổ ở Đông Hải nước Tề. Nàng cùng với Lý Ngô và mấy người hàng xóm dùng chung đèn cầy để dệt vải vào buổi tối. Nhà Từ Ngô nghèo nhất, do vậy nàng thường không có đèn cầy để góp với hàng xóm. Lý Ngô nói với người khác rằng: “*Từ Ngô thường không có đèn cầy để góp chung, mong rằng đừng để cho cô ta tham gia*”. Từ Ngô nói: “*Nói vậy là có ý gì? Do tôi nghèo thường không có đèn cầy cho nên mới thường xuyên dậy sớm, nghỉ muộn, gánh nước,*

quét nhà, dải chiếu đợi mọi người đến. Bản thân tôi ngồi ở chiếc chiếu manh rách nát nhất, cũng ngồi xa đèn cầy nhất, đây cũng là do tôi nghèo không đủ đèn cầy. Hơn nữa, ở căn phòng này, thêm một người thì ánh sáng của đèn cũng không tối đi, giảm bớt một người ánh sáng của đèn cũng không sáng thêm. Tại sao phải tiếc rẻ ánh sáng dư thừa ở xung quanh, không để cho người nghèo như tôi nhận được sự cảm thông và ân huệ? Sao không để cho tôi được mưu sinh lâu dài? Nếu như các vị có thể ban ơn cho tôi, chẳng nhẽ không được sao!”. Lý Ngô nghe xong không nói gì, thế là lại cùng nàng dệt vải vào buổi tối, cũng không buông lời oán trách nữa.

Bạc quân tử nói người phụ nữ này do lời nói mà không bị hàng xóm xa lánh, xem ra lời nói thích hợp có thể nhận được hiệu quả tốt.

Kinh Thi có câu: *“Từ chi tập hĩ, dân chi hạp hĩ”* (Những lời hòa nhã thì dân đều hợp ý) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Tề nữ Từ Ngô
Hội tích độc bản
Dạ thác chúc minh
Lý Ngô tuyệt yên
Từ Ngô tự liệt
Từ nữ thậm phân
Tuất đắc dung nhân
Chung một hậu ngôn*

*Tề nữ Từ Ngô
Cùng mọi người dệt vải
Do mình nghèo nhất
Đêm phải nhờ vào
Ánh sáng của mọi người
Lý Ngô từ chối
Không cho nàng tham gia
Từ Ngô phân trần bản thân
Nói lời thích đáng
Cuối cùng được tiếp nhận
Từ đó mọi người không ghét bỏ*

TỀ THÁI THƯƠNG NỮ

Tề Thái Thương nữ là con gái út của quan Thái Thương lệnh Thuần Vu Ý. Thuần Vu Ý không có con trai chỉ có năm người con gái. Vào thời Hiếu Văn Hoàng Đế, Thuần Vu Ý bị tội phải chịu hình phạt. Lúc này hình phạt được bảo lưu rồi giải đi Trường An thụ hình. Lúc bị bắt Thuần Vu Ý mắng con gái của mình rằng: “*Sinh con không sinh con trai có việc gấp chẳng có ích gì*”. Đều Oanh thương khóc theo cha đến kinh thành, đồng thời dâng thư lên Hoàng Đế rằng: “*Cha thiếp làm quan lại trong nước Tề đều khen ông ấy liêm khiết, công bằng, nay phạm tội phải chịu hình phạt. Thiếp thương cha không thể sống lại, người chịu hình phạt thì cơ thể chân tay không thể chấp nối lại, dù muốn sửa đổi lỗi lầm từ con đường mới, cũng không có cách nào. Thiếp xin chịu vào làm nô tì nhà quan, chuộc tội phải chịu hình phạt*”

của cha, để cha có cơ hội được sửa đổi từ con đường mới". Sau khi dâng tấu thư lên, Hoàng Đế cảm động với tình cảm của nàng nên ban chiếu thư rằng: "Nghe nói vào thời Hữu Ngu, chỉ bôi viết lên quần áo của người phạm tội để cho người phạm tội mặc quần áo có đánh dấu, do đó để cho họ cảm thấy hổ thẹn, từ đó mà nhân dân không phạm pháp, đất nước được cai trị tốt như vậy! Nay pháp luật có năm loại nhục hình, nhưng kẻ gian tà vẫn không bớt. Vấn đề này là do đâu? Chẳng lẽ không phải là do lòng nhân đức của Trẫm quá mỏng? Thưởng phạt và giáo hóa không rõ ràng hay sao? Trẫm cảm thấy vô cùng hổ thẹn. Xem ra giáo hóa không thuần túy, nhân dân sẽ dễ đi vào con đường phạm tội".

Kinh Thi có câu: *"Khải để quân tử, dân chi phụ mẫu"* (Người quân tử bình dị dễ gần, mới đáng làm cha mẹ của dân). *"Nay có người phạm lỗi, chưa giáo hóa mà đã dùng đến nhục hình, có lẽ những người muốn sửa lỗi quay về đường thiện cũng không có cách nào để sửa lỗi. Trẫm vô cùng thương tiếc cho họ. Nhục hình làm đứt chân tay, rách nát da thịt, làm cho người ta cả đời tàn tật, nhiều đau khổ là không đạo đức. Như vậy sao hợp với ý của cha mẹ của dân chứ? Nhất định phải hủy bỏ nhục hình".* Từ đó về sau hình phạt đục đầu thay đổi thành cạo đầu, rút gân đổi thành đánh bằng roi, chặt chân đổi thành vòng sắt kẹp cổ. Thế là Thuần Vu Ý được miễn tội.

Bậc quân tử nói một lời nói của Đê Oanh làm cảm động tâm ý của Hoàng Thượng, có thể nói việc làm vô cùng thích hợp.

Kinh Thi có câu: *"Tù chi dịch hĩ, dân chi mạc hĩ"* (Những lời vui đẹp thì dân đều yên lòng) là nói điều này.

Có thơ khen rằng:

Tạm dịch:

*Đề Oanh tụng phụ
Diệc khổng hữu thức
Thôi thành thượng thư
Văn nhã thậm bị
Tiểu nữ chi ngôn
Nãi cảm Thánh ý
Chung trừ nhục hình
Dĩ miễn phụ sự*

*Đề Oanh biện giải cho cha
Rất có dũng khí và kiến thức
Thành tâm dâng tấu thư
Ngôn từ nhã nhặn hoàn chỉnh
Lời của cô con gái út
Làm cảm động Hoàng Thượng
Cuối cùng loại bỏ nhục hình
Miễn tội cho cha*

QUYỂN VII: NGHIỆT BẾ TRUYỆN

*Duy kẻ Bế nghiệt
Thì rất đáng ghét
Dâm tà đố kỵ*

*Phụ nghĩa bỏ tiết
Chỉ làm điều sai
Cuối cùng chịu họa*



HẠ KIỆT MUỘI HỈ

Muội Hỉ là Phi tử của Hạ Kiệt, dung mạo vô cùng xinh đẹp, nhưng thiếu đức hạnh dâm loạn tà ác mà vô đạo. Tuy là phụ nữ nhưng hành vi tính tình như con trai, bên mình thường đeo bảo kiếm, đầu đội mũ. Hạ Kiệt vứt bỏ lễ nghĩa, thích dâm loạn với phụ nữ, những mỹ nữ tìm được đều cho vào hậu cung, chiêu nạp người diễn kịch, người lùn bé và người thích diễn kịch cợt nhả, và thu thập những người có bản lĩnh kỳ dị về phương diện diễn xuất về bên cạnh mình, chế ra âm nhạc động loạn, ngày đêm cùng Muội Hỉ với các mỹ nữ ở hậu cung uống rượu vui chơi không ngừng nghỉ. Hạ Kiệt thường để Muội Hỉ ngồi trên đùi của mình, nghe theo lời nàng thủ thủ bên tai, hỗn loạn vô đạo, làm những việc kiêu xa buông thả, xây dựng tửu trì rộng đến mức có thể đi thuyền ra ngắm cảnh. Trên đài cao đặt mấy chiếc trống lệnh. Hạ Kiệt xuống lệnh, tiếng trống vang trời, 3000 người theo tiếng trống lệnh, nhào người ra, chống hông lên trời, thò cổ chúc đầu xuống tửu trì uống rượu như kiểu trâu uống nước, thường có dây thừng buộc ở cổ của họ để họ uống rượu ở tửu trì, cho nên thường xuyên có người uống say rượu mà rơi xuống chết đuối, Muội Hỉ lấy đó làm vui.

Đại thần Long Phùng can gián rằng: *“Vua vô đạo nhất định sẽ bị diệt vong!”*. Vua Kiệt nói: *“Mặt trời có thể diệt vong sao! Mặt trời bị diệt vong thì Trẫm mới bị diệt vong!”*. Vua Kiệt không nghe theo lời can gián, cho rằng đây là nói lời xằng bậy mê hoặc quần chúng nên đã giết Long Phùng. Vua lại xây Quỳnh thất và Dao đài, cao ngất trời, hao phí rất nhiều tài nguyên vật lực mà

không thỏa mãn, và gọi Thành Thang đến và nhốt ở Hạ Đài, sau lại thả Thành Thang ra. Chư hầu đại loạn và Thành Thang nhận thiên mệnh mà thảo phạt Hạ Kiệt. Ở trận chiến Minh Đều, quân đội của Hạ Kiệt không có ai đến ứng chiến, thế là Thành Thang lưu đày Hạ Kiệt và Muội Hỉ. Hạ Kiệt và Muội Hỉ ngồi chung một thuyền trôi dạt ra biển lớn, cuối cùng chết ở Nam Sào.

Kinh Thi có câu: “*Ý quyết triết phụ, vi kiêu vi xi*” (Đàn bà trí điểm kiêu đầy đủ, chỉ là loài vọ cú mà thôi) là nói điều này.

Có thơ rằng:

*Muội Hỉ phối Kiệt
Duy loạn kiêu dương
Kiệt ký vô đạo
Hựu trọng kỳ hoang
Gian quỹ thị dụng
Bất tuất pháp thường
Hạ hậu chi quốc
Toại phản vi Thương*

Tạm dịch:

*Muội Hỉ lấy Kiệt
Kiêu xa làm loạn
Hạ Kiệt vô đạo
Lại hay hoang dâm
Một mực gian tà
Không giữ phép tắc
Nước Kiệt sau này
Trở thành nhà Thương*

ÂN TRỤ ĐÁT KỶ

Đát Kỷ là Phi tử của Trụ Vương, được Trụ Vương sủng ái. Trụ Vương thân thể cao lớn, sức lực hơn người, có thể tay không vật nhau với mãnh thú. Trụ Vương vô cùng thông minh nhưng dùng sự thông minh để ngăn cản những lời can gián, rất có tài ăn nói nhưng dùng để che giấu lỗi lầm, cho rằng bản thân có bản lĩnh nên thường xuyên khoe khoang với quần thần, không

ngừng dùng lời nói để nâng cao danh tiếng của mình, cho rằng người trong thiên hạ đều ở dưới mình, thích uống rượu làm vui, thường không rời xa Đát Kỷ, chỉ cần Đát Kỷ khen ngợi là liền coi trọng, chỉ cần Đát Kỷ chán ghét là sẽ trừng phạt. Trụ Vương cho chế ra những loại âm nhạc dân dã, thích điệu múa thô tục, âm thanh ma mị, thu gom châu báu vào hậu cung, chiêu nạp những kẻ gian thần a dua và các mỹ nữ để thỏa mãn dục vọng của mình, các vò rượu xếp thành núi, đổ rượu vào đầy hồ gọi là tử trì, đem treo thịt thành rừng. Trụ Vương để cho nam nữ trần truồng ở trong cung đuổi bắt nhau, cả đêm uống rượu làm vui, Đát Kỷ rất thích việc này.

Nhân dân đều vô cùng oán hận, chur hầu không ngừng có người làm phản. Vì thế, Trụ Vương đặt ra hình phạt “bào lạc”, bôi mỡ trên cột đồng rồi nung nóng để cho người phạm tội trèo lên, mỗi lần Đát Kỷ thấy vậy đều cười lớn. Tỷ Can can gián rằng: “*Không học tập theo điển lễ của Tiên vương mà nghe theo lời của người đàn bà, không lâu sẽ gặp đại họa*”. Trụ Vương nghe xong rất giận dữ, cho rằng là lời nói xằng bậy. Đát Kỷ nói: “*Thiếp nghe nói trái tim của Thánh nhân có bảy ngăn*”, thế là Trụ Vương hạ lệnh moi tim của Tỷ Can để xem. Trụ Vương bắt giam Vũ Vương, sau Vũ Vương trốn thoát rồi nhận thiên mệnh dấy binh thảo phạt Trụ Vương. Trong trận đại chiến Mụ Dã, quân đội của Trụ Vương trở giáo chống lại Trụ Vương. Trụ Vương vội lên Lộc Đài, mặc trang phục có đính đá quý rồi tự sát. Vũ Vương bố cáo với thiên hạ chỉ ý thảo phạt Ân Trụ, chặt đầu của Đát Kỷ treo trên ngọn cờ trắng nhỏ để tỏ ý

rằng nguyên nhân Trụ Vương bị diệt vong là do người đàn bà này.

Trong sách Thượng Thư có nói: “*Tấn kê vô thần tân kê chi thần, duy gia chi sách*” (Gà mái không gáy sớm. Gà mái mà gáy sớm thì vận nhà sẽ suy).

Kinh Thi có câu: “*Quân tử tín đạo, loạn thị dụng bạo, phỉ kỳ chỉ cung, duy vương chi cùng*” (Vua tin theo đũa tiểu nhân thì biến loạn càng hung bạo. Chúng chẳng làm tròn chức vụ của chúng mà chúng chỉ gây tai hại cho Vua) là chỉ điều này.

Có thơ rằng:

*Đát Kỷ phối Trụ
Hoặc loạn thị tu
Trụ ký vô đạo hựu trọng
tương mậu
Chỉ tiểu bào chích
Gián sĩ khô tù
Toại bại Mục Dã
Phản Thương vi Chu*

Tạm dịch:

*Đát Kỷ lấy Trụ Vương
Chỉ là mê hoặc
Trụ Vương vô đạo
Càng ngày càng quấy
Vui cười bào lạc
Moi tìm trung thần
Bại ở Mục Dã
Nhà Thương thành nhà Chu*

CHU U BAO TỰ

Bao Tự là con gái của một người tiểu tì, là Vương Hậu của Chu U Vương. Thời Hạ Hậu thị (*nhà Hạ*) suy vi, có hai con rồng thần vào sân đình của Vua tự xưng là Vua nước Bao. Triều đình bèn tế lễ, rồng thần nhả lại dải và được lưu vào hộp gỗ. Từ đời nhà Hạ qua đời nhà Thương không ai dám mở hộp dải rồng. Đến thời Chu Lệ Vương mở hộp ra xem, nước dải biến thành con

thần lẫn đen chạy vào hậu cung, làm một cung nữ mới 12 tuổi mang thai. Sau 38 năm, người cung nữ đó sinh ra một bé gái đẹp như thiên thần, sợ là vật tai dị nên vứt đứa trẻ xuống sông Thanh Thủy.

Thời Chu Tuyên Vương có câu đồng dao: *“Gỗ dâu làm cung, gỗ cơ làm bao, bao dựng tên sẽ diệt nhà Chu”*. Một đôi vợ chồng không biết có lệnh cấm bán gỗ dâu và gỗ cơ, mang ra chợ bán liền bị triều đình truy bắt. Họ chạy trốn giữa đường thì gặp đứa trẻ bị thả trôi sông, bèn ôm mang theo đến Bao quốc. Khi người nước Bao có tội, bèn lấy một cô gái dâng hiến cho Chu U Vương chuộc tội. Cô bé lớn lên chính là Bao Tự. Sau này Bao Tự sinh được một người con trai tên là Bá Phục. Chu U Vương bèn phế bỏ Vương Hậu Thân Khương mà lập Bao Tự thành Vương Hậu, lại phế Thái Tử Nghi Cửu để lập Bá Phục làm Thái Tử.

Chu U Vương bị Bao Tự mê hoặc, không màng đến chuyện chính sự quốc gia, thường xuyên tùy ý ra ngoài săn bắn để làm thỏa mãn Bao Tự, để Bao Tự được vui. Chu U Vương đam mê trong thú vui uống rượu, để cho cung nữ múa hát vui chơi, ngày cũng như đêm. Bao Tự rất ít khi cười, Chu U Vương tìm mọi cách để làm Bao Tự cười nhưng đều không thành. Quanh đất nhà Chu cai trị vốn xây nhiều tháp dầu để khi có giặc kéo đến thì đốt các cột lửa báo hiệu cho chư hầu đến cứu. Chu U vương sai đốt lửa cho chư hầu mang quân đến để cho Bao Tự cười. Quân chư hầu mấy nước lân cận trông thấy các cột lửa cháy, ngỡ là có giặc bèn hốt hải mang quân đến cứu. Đến kinh thành, thấy mọi người vẫn đi lại bình thường, không có giặc gì cả. Các chư hầu ngỡ ngác nhìn nhau. Bao Tự ở trên đài trông thấy bật

tiếng cười lớn. U Vương vô cùng hoan hỉ vì làm được cho Bao Tự cười. Xong U Vương lệnh cho các chư hầu rút quân về vì không có giặc. Từ lần Bao Tự cười, U Vương rất mừng, lại sai đốt lửa phong đài lần nữa và các chư hầu lại bị lừa. Từ đó các chư hầu mất lòng tin vào Thiên tử nhà Chu.

Sau này do các chư hầu không tin nữa nên khi nhìn thấy đốt lửa ở phong đài thì cũng không đến nữa. Có người trung thần can gián không được làm như vậy thì bị giết chết. Chu U Vương chỉ nghe theo lời của Bao Tự. Triều đình trên dưới lừa dối nhau, lòng dân ly tán. Thân hầu cha liên hợp với nước Tăng, Tây Di, Khuyển Nhung cùng công đánh Chu U Vương. Chu U Vương vội cho đốt lửa phong đài để hiệu triệu chư hầu tới cứu, nhưng các chư hầu đã từng bị lừa nên tướng Vua đùa, không mang quân tới nữa. Thế rồi Chu U Vương bị giết ở núi Ly Sơn, Bao Tự bị bắt đi, tài sản nhà Chu đều bị lấy hết. Chư hầu theo ý nguyện của Thân hầu, lập con trưởng của Chu U Vương là Cơ Nghi Cứu lên ngôi, tức là Chu Bình Vương. Từ đó về sau trên thực tế nhà Chu không khác gì một nước chư hầu.

Kinh Thi có câu: *“Hách hách tông Chu, Bao Tự diệt chi”* (Kinh đô nhà Chu thì rạng rỡ, vì nàng Bao Tự điều tàn) là chỉ điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

Bao Thần Long biến

Thần Linh nước Bao hóa rồng

Thực sinh Bao Tự

Thực tế sinh nàng Bao Tự

Hưng phối U Vương

Bao Tự lấy Chu U Vương

Phế Hậu, Thái Tử

U Vương phế Hoàng Hậu và Thái Tử

Cử phong trí binh

Đốt lửa phong đài hiệu triệu chư hầu

Tiểu khấu bất chí

Bao Tự cười lớn vì không có giặc đến

Thân hầu phạt Chu

Thân hầu thảo phạt nhà Chu

Quả diệt kỳ tặc

Quả nhiên giết chết U Vương

VỆ TUYÊN CÔNG KHƯƠNG

Tuyên Khương là con gái của Tề hầu, là phu nhân của Vệ Tuyên Công. Lúc đầu, phu nhân Di Khương của Tuyên Công sinh Cấp Tử, được lập làm Thái Tử. Sau Tuyên Công lại lấy Tuyên Khương ở nước Tề sinh được Thọ và Sóc. Sau khi Di Khương chết, Tuyên Khương muốn lập con trai của mình là Thọ nên cùng với Thọ và em trai là Sóc lập mưu để hại Cấp Tử. Vệ Tuyên Công sai Cấp Tử đi sứ nước Tề, Tuyên Khương ngầm sai kẻ cướp đón đường giết Cấp Tử. Tuyên Khương nói với người được sai đi rằng: *“Phát hiện người đi xe bốn ngựa kéo và trên xe cắm cờ tin trắng thì nhất định phải giết chết”*. Thọ biết được việc này thì đã báo cho Cấp Tử biết và bảo: *“Thái Tử phải tránh đi”*. Cấp Tử nói: *“Không được như vậy! Vứt bỏ mệnh lệnh của cha sao có thể được coi là con!”*. Thọ đoán là Cấp Tử nhất định sẽ đi nên đã chúc rượu cho Cấp Tử say, rồi cắm cờ lên xe của mình đi trước cho kẻ cướp giết để chết thay cho Cấp Tử.

Cấp Tử tỉnh không thấy cò tin nên vội vàng đuổi theo, nhưng Thọ đã bị giết chết. Cấp Tử vô cùng đau khổ, bèn nói với kẻ cướp rằng: “*Người các ngươi muốn giết thực ra là ta, người này có tội gì. Muốn giết thì hãy giết ta*”. Kẻ cướp lại giết Cấp Tử. Thọ và Cấp Tử đều bị giết chết. Sóc được lập làm Thái Tử. Sau khi Tuyên Công qua đời, Sóc lên nối ngôi, tức là Vệ Huệ Công, nhưng cuối cùng không có người nối dõi, nước Vệ bị loạn lạc những năm đời, mãi đến đời Vệ Đái Công mới được yên ổn.

Kinh Thi có câu: “*Nãi như chi nhân, đức âm vô lương*” (Sao lại có người như này, lời thì đẹp đẽ mà không hiền lành) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

Vệ chi Tuyên Khương

Tuyên Khương nước Vệ

Mưu nguy Thái Tử

Mưu hại Thái Tử

Dục lập tử Thọ

Muốn lập con mình là Thọ

Âm thiết lực sĩ

Ngâm sai kẻ cướp

Thọ nãi câu tử

Thọ cũng bị giết

Vệ quả nguy đãi

Nước Vệ nguy khốn

Ngũ thế bất ninh

Năm đời không yên

Loạn do Khương khởi

Loạn do Tuyên Khương

LỖ HOÀN VĂN KHƯƠNG

Văn Khương là con gái của Tề hầu, là phu nhân của Lỗ Hoàn Công. Lỗ Hoàn Công cùng vợ sang thăm nước Tề, dù có lời can ngăn nhưng ông không nghe theo. Phu nhân Văn Khương trước khi lấy ông đã thông dâm với

Tề Tương Công, dù hai người là anh em ruột. Hai Vua gặp nhau ở đất Lạc. Tề Tương Công gặp lại em gái, hai người lại lên tư thông. Lỗ Hoàn Công biết chuyện rất giận, trách mắng Văn Khương và nói rằng Thế Tử Đồng không phải con mình mà là con Vua Tề.

Văn Khương nói lại với Tề Tương Công. Vua Tề xấu hổ, tính chuyện giết Lỗ Hoàn Công, bèn mời ông đến dự tiệc, chúc cho ông uống say. Sau đó Tương Công sai lực sĩ Bành Sinh đưa Lỗ Hoàn Công ra xe và dặn giết Hoàn Công. Bành Sinh bế ông lên xe, nhân đó bóp gãy xương sườn giết chết ông.

Khi xe Lỗ Hoàn Công về đến nước, mọi người thấy Vua Lỗ đã chết. Người nước Lỗ rất tức giận trước tội ác của Tương Công, nên trách nước Tề. Tề Tương Công bèn quy tội cho Bành Sinh, ra lệnh giết Bành Sinh để xin lỗi nước Lỗ.

Kinh Thi có câu: Loạn phỉ giáng tự thiên, sinh tự phụ nhân (*Loạn lạc không phải tự trời gieo xuống, loạn lạc sinh ra từ người đàn bà*) là chỉ điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

*Văn Khương dâm loạn
Phối Lỗ Hoàn Công
Dĩ câu quy Tề
Tề Tương dâm thông
Tỷ quyết Bành Sinh
Thôi can lạp hung
Duy nữ vi loạn
Tất thành họa hung*

*Văn Khương dâm loạn
Lấy Lỗ Hoàn Công
Cùng chồng về Tề
Tề Tương thông dâm
Sai phái Bành Sinh
Bóp gãy xương sườn
Phụ nữ làm loạn
Sau thành tai họa*

LỖ TRANG AI KHƯƠNG

Ai Khương là con gái của Tề hầu, là phu nhân của Lỗ Trang Công. Khi Ai Khương chưa được gả sang nước Lỗ, Lỗ Trang Công nhiều lần sang nước Tề nên đã tư thông với Ai Khương. Sau khi được gả sang nước Lỗ, Ai Khương và em gái là Thúc Khương đều được gả cho Lỗ Trang Công. Lỗ Trang Công sai phu nhân đại phu cùng họ dùng ngọc và tơ lụa để làm lễ ra mắt Ai Khương, đại phu Hạ Phủ không ngại nói: *“Quà cho phụ nữ chẳng qua là đồ ăn dùng để bày tỏ thành ý. Quà cho đàn ông chẳng qua là ngọc ngà, tơ lụa, muông thú dùng để bày tỏ đẳng cấp sang hèn. Nay quà cho phụ nữ lại dùng ngọc và tơ lụa, đây là nam nữ không có sự phân biệt. Nam nữ hữu biệt là đại cương của đất nước. Làm như vậy e là không được.”* Lỗ Trang Công không nghe, lại sai người dùng sơn đỏ sơn lên trụ cột trong cung miếu thờ cha của mình là Lỗ Hoàn Công, chạm trổ xà nhà khoe khoang với Ai Khương. Ai Khương là người kiêu xa, thích dâm loạn. Ai Khương thông dâm với hai người em của Lỗ Trang Công là Công tử Khánh Phụ và Công tử Nha.

Ai Khương muốn lập Khánh Phụ làm Vua. Sau khi Lỗ Trang Công qua đời, Tử Ban được kế vị. Khánh Phụ và Ai Khương hợp mưu giết Tử Ban tại nhà mẹ đẻ là Đãng Thị, lập con trai của em gái Thúc Khương làm Vua, tức là Lỗ Mẫn Công. Sau khi Mẫn Công lên làm Vua, Khánh Phụ và Ai Khương dâm loạn càng phóng túng, lại cùng Khánh Phụ lập mưu giết chết Mẫn Công để lập Khánh Phụ làm Vua nên sai Bốc Kỳ mang quân tập kích giết chết Mẫn Công tại cửa cung rồi tự mình lên làm Vua. Người nước Lỗ bàn cách đối phó, Khánh

Phụ sợ hãi nên bỏ chạy sang nước Cử, Ai Khương bỏ chạy sang nước Chu. Tề Hoàn Công ủng hộ lập Hi Công lên làm Vua, nghe tin Ai Khương đồng mưu với Khánh Phụ làm loạn nước Lỗ bèn gọi Ai Khương về nước Tề và dùng rượu độc giết chết. Người nước Lỗ cũng giết chết Khánh Phụ.

Kinh Thi có câu: *“Truyền kỳ khắp hĩ. Hà ta cập hĩ?”* (Rung rung giọt lệ ướt đầm. Ôi thôi há biết sẽ làm ra sao?) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

Ai Khương háo tà

Ai Khương gian tà

Dâm ư Lỗ Trang

Dâm loạn với Lỗ Trang Công

Diên cập nhị thúc

Lại liên quan đến hai người em

Kiêu đố tung hoành

của Lỗ Trang Công

Khánh Phụ thị y

Kiêu xa ngang bướng

Quốc thích dĩ vong

Một lòng ý vào Khánh Phụ

Tề Hoàn chinh phạt

Nước Lỗ sắp bị diệt vong

Chậm sát Ai Khương

Tề Hoàn Công chinh phạt

Dùng rượu độc giết Ai Khương

TẤN HIẾN LY CƠ

Ly Cơ là con gái của bộ tộc Ly Nhung, là phu nhân của Tấn Hiến Công. Ban đầu Hiến Công lấy người con gái nước Tề, sinh được phu nhân của Tần Mục Công và Thái Tử Thân Sinh, lại lấy hai người con gái đất Nhung, sinh được Công tử Trùng Nhĩ và Di Ngô. Khi Hiến Công thảo phạt Ly Nhung giành được thắng lợi và được nàng Ly Cơ. Sau khi mang về nước, Ly Cơ sinh được Hề Tề và

Trác Tử. Ly Cơ được Hiến Công sủng ái. Tề Khương lại mất sớm, Hiến Công bèn lập Ly Cơ làm phu nhân. Ly Cơ muốn lập con của mình là Hề Tề làm Thái Tử bèn bàn bạc với em gái của mình rằng: *“Ngày đó không thượng triều, có thể nhân cơ hội động thủ, trục xuất Thái Tử và hai vị Công Tử thì sẽ có nhiều cơ hội”*. Ly Cơ nói với Hiến Công rằng: *“Khúc Ốc là đất Tổ tiên của Đại Vương, đất Bồ và Nhị Khuất là biên cương của Đại Vương, nhưng nơi này đều không thể không có chủ nhân. Đất của Tổ tiên không có chủ nhân thì nhân dân không có lòng kính nể. Biên cương không có chủ nhân thì giặc bên ngoài sẽ có lòng muốn xâm chiếm. Nếu như giặc bên ngoài sinh lòng muốn xâm chiếm, nhân dân lại coi thường pháp luật của đất nước, đây là tai họa của đất nước. Nếu như Thái Tử đến cai quản Khúc Ốc, hai vị Công Tử đi cai quản đất Bồ và Nhị Khuất thì có thể làm cho nhân dân sinh lòng kính nể, giặc bên ngoài cũng không dám đến xâm chiếm”*. Thế là Hiến Công sai Thái Tử đến ở Khúc Ốc, Trùng Nhĩ ở đất Bồ, Di Ngô ở đất Nhị Khuất.

Ly Cơ để cho Thái Tử rời xa kinh đô, thế rồi vào một đêm ngồi khóc lóc, Hiến Công hỏi tại sao lại khóc, Ly Cơ đáp: *“Thiếp nghe nói Thân Sinh là người vô cùng thích nhân nghĩa mà thế lực rất lớn mạnh, vô cùng khoan dung ân huệ, đối với nhân dân vô cùng nhân từ. Nay có người nói Đại Vương bị thiếp mê hoặc, như vậy đất nước nhất định sẽ đại loạn. Vì lợi ích của đất nước và nhân dân, e là Thái Tử sẽ làm phản, Đại Vương không đáng chết lại phải chết. Đại Vương phải làm sao đây? Tại sao không giết chết thiếp, đừng vì một người tiểu thiếp như thiếp mà để nhân dân gặp họa”*. Hiến Công nói: *“Thái Tử nhân từ đối với nhân dân, chẳng lẽ lại không nhân từ với*

người làm cha như Quả Nhân hay sao?”. Ly Cơ nói: “Đối với nhân dân và đối với cha thì khác nhau, nếu như giết Đại Vương mà có lợi cho nhân dân thì nhân dân ai mà không yêu mến! Nếu như giết cha mà được lợi, loại bỏ tai họa mà có thể để mọi người vui sướng, ai mà không muốn làm như vậy? Cho dù yêu mến Đại Vương, nhưng cũng khó chiến thắng được dục vọng. Nếu như Trụ có được người con trai giỏi giang thì đã giết chết Vua Trụ trước, không để Vua Trụ làm những chuyện ác thì Vua Trụ cũng sẽ chết, không cần phải đợi lực lượng của Vũ Vương đến thảo phạt để nhà Ân Thương phải tuyệt hậu. Từ việc Tổ tiên của chúng ta là Tấn Vũ Công sát nhập đất Dục đến việc Sở Mậu Vương giết chết Thành Vương. Đây đều là vì nhân dân mà không quan tâm đến tình thân, nếu Đại Vương không chuẩn bị sớm thì tai họa sẽ xảy đến”. Hiến Công cảm thấy sợ hãi mà nói: “Làm thế nào mới ngăn được việc này xảy ra?”. Ly Cơ nói: “Sao Đại Vương không thoái vị, đem ngai vàng giao lại cho Thái Tử. Thái Tử nhận được quyền lực mà đích thân cai trị đất nước thì ắt sẽ tha cho Đại Vương!”. Hiến Công nói: “Không thể như vậy! Quả Nhân phải tìm kế để giải quyết việc này”.

Từ đó Hiến Công nghi ngờ Thái Tử. Ly Cơ sai người nói với Thân Sinh rằng Hiến Công mộng thấy mẹ Thân Sinh là Tề Khương và giục Thân Sinh cúng lễ cho mẹ. Thân Sinh bèn ở Khúc Ốc làm lễ cúng mẹ mình rồi dâng thịt cúng cho Hiến Công. Lúc thịt dâng đến, Hiến Công đang đi sẵn, Ly Cơ bèn bỏ thuốc độc vào. Khi Hiến Công trở về định ăn thì Ly Cơ khuyên rằng: “Đồ ăn từ bên ngoài tới, không thể không thử trước”. Ly Cơ đem rượu đổ trên mặt đất thì mặt đất sủi bọt, Ly Cơ đem thịt cho

chó ăn thì chó chết, lại cho một viên quan lại uống rượu thì cũng chết. Ly Cơ ngẩng đầu lên trời, tay dấm ngực khóc lóc, nhìn Thân Sinh mà than rằng: “Đất nước sắp là đất nước của Thái Tử, sớm muộn Thái Tử cũng sẽ làm Vua. Ân tình của Vua cha như thế sao Thái Tử lại nhẫn tâm! Như vậy sao có thể đối đãi với người trong nước, giết cha để cầu được lợi, ai có thể cùng chung lợi ích với Thái Tử đây?”. Hiến Công sai người nói với Thái Tử rằng: “Tự mình xét lại bản thân”. Thái phó Lý Khắc nói: “Thái Tử hãy đích thân đi nói rõ việc này thì có thể sẽ không chết, nếu như không đích thân đi nói rõ thì không thể sống nổi”. Thái Tử nói: “Vua cha tuổi đã cao. Nếu như ta đích thân đi nói rõ thì Ly Cơ nhất định sẽ chết. Vua của chúng ta sẽ do đó mà bất an”, thế rồi tự sát ở miếu Tân Thành.

Tấn Hiến Công giết chết thiếu phó Đỗ Nguyên Khoản, sai Yêm Sở giết Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ chạy trốn sang nước Địch, sai Giả Hoa giết Di Ngô, Di Ngô chạy trốn sang nước Lương, lại đuổi hết các công tử ra khỏi nước rồi lập Hề Tề làm Thái Tử. Sau khi Hiến Công qua đời, Hề Tề lên ngôi làm Vua. Lý Khắc giết chết Hề Tề rồi lập Trác Tử làm Vua, rồi lại giết chết Trác Tử, thế rồi xử nhục Ly Cơ, dùng roi đánh chết Ly Cơ. Sau này dưới sự ủng hộ của nước Tần, Di Ngô được lên ngôi Vua, tức là Tấn Huệ Công. Sau khi Huệ Công qua đời đã lập con trai là Thái Tử Ngữ lên làm Vua, tức là Tấn Hoài Công. Người nước Tấn giết Hoài Công ở đất Cao Lương, lập Trùng Nhĩ làm vua, tức là Tấn Văn Công danh tiếng lẫy lừng. Họa hoạn của nước Tấn liên tiếp năm đời mới được yên ổn trở lại.

Kinh Thi có câu: “Phụ hữu trường thiết, Duy lệ chi giai” (Đàn bà bàn nói lắm lời, Tạo nên thang nấc đến nơi ly loạn). Lại nói: “Triết phụ khuynh thành” (Đàn bà có trí thì nghiêng thành đổ nước) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

*Ly Cơ kế mẫu
Hoặc loạn Tấn Hiến
Mưu tiếm Thái Tử
Độc tửu vi quyền
Quả thí Thân Sinh
Công Tử xuất bôn
Thân hựu phục cô
Ngũ thế loạn hôn*

*Kế mẫu Ly Cơ mê hoặc Hiến Công
Mưu hại Thái Tử
Quyền biến dùng rượu độc
Quả nhiên giết được Thân Sinh
Các Công Tử phải chạy trốn
Cuối cùng Ly Cơ cũng bị giết
Nhưng nước Tấn loạn lạc năm đời*

LỖ TUYÊN MỤC KHƯƠNG

Mục Khương là con gái của Tề hầu, là phu nhân của Lỗ Tuyên Công, là mẹ của Lỗ Thành Công. Mục Khương thông minh nhưng có hành vi dâm loạn, cho nên tên thụy mới đặt là Mục. Lúc đầu, khi Thành Công còn nhỏ tuổi, Mục Khương tư thông với Thúc Tôn Tuyên Bá. Thúc Tôn Tuyên Bá tên là Kiêu Như. Kiêu Như cùng với Mục Khương âm mưu loại bỏ họ Quý Tôn, họ Mạnh Tôn mà chuyên quyền nước Lỗ. Khi nước Tấn và nước Sở đánh nhau ở Yên Lăng, Lỗ Tuyên Công xuất binh giúp nước Tấn. Lúc lên đường, Mục Khương dặn dò Lỗ Tuyên Công nhất định phải trục xuất họ Quý Tôn và họ Mạnh Tôn, bởi vì họ phản bội nhà Vua. Lỗ Tuyên Công lấy cớ là nước Tấn có nạn để từ chối, nói sau khi trở

về sẽ bàn tiếp chuyện này. Mục Khương lại hối lộ các quan đại phu nước Tấn, để họ giữ Quý Tôn Hàng Phủ không cho trở về, hứa là giết chết Trọng Tôn Miệt thì sẽ đồng ý cho nước Lỗ thần phục nước Tấn. Nhưng người nước Lỗ không thuận theo Kiêu Như nên liên kết lại để trục xuất Kiêu Như. Kiêu như trốn chạy sang nước Tề. Người nước Lỗ bắt giam Mục Khương ở Đông cung.

Trước khi bị giam ở Đông cung, Mục Khương có cho bói một quẻ thì bói được quẻ “Tùy”, quan Bốc sử nói: *“Đây là quẻ Tùy, ý của quẻ Tùy là ra ngoài, phu nhân sẽ nhanh chóng được ra khỏi nơi đó”*. Mục Khương nói: *“Không phải như vậy! Đây là Tượng quẻ. Chu dịch nói: Tùy: nguyên, hanh, lợi, trinh, vô cửu. “Nguyên” là cảnh giới tối cao của điều thiện. “Hanh” là chủ khách gặp nhau trong lễ cưới. “Lợi” là tổng số của nhân nghĩa. “Trinh” là bản thể của sự vật. Nói tóm lại là làm việc gì cũng không được lừa dối thì gặp được quẻ “Tùy” mới không có hoạn nạn. Nay ta là phụ nữ mà lại tham dự vào việc phản loạn, vốn địa vị thấp mà lại không nhân đức, không thể nói là “Nguyên”. Làm cho đất nước không yên ổn, không thể nói là “Hanh”. Làm việc không ổn thỏa mà hại chính mình, không thể nói là “Lợi”. Không chú ý đến địa vị của mình mà cố hết sức chài chuốt đánh bóng, không thể nói là “Trinh”. Có bốn đức hạnh thì gặp quẻ “Tùy” mới không gặp tai họa, nhưng ta đều không có, cho dù được quẻ “Tùy” thì cũng làm gì! Tự bản thân ta đi vào con đường tà ác, có thể không gặp tai họa sao! Ta nhất định sẽ phải chết ở đây, không thể ra ngoài được nữa”*. Cuối cùng Mục Khương qua đời ở Đông Cung.

Bậc quân tử nói: “Đáng tiếc cho Mục Khương, tuy có tư chất vô cùng thông minh nhưng không thể che giấu được tội dâm loạn của mình”.

Kinh Thi có câu: “Sĩ chi đam hề! Do khả thuế dã. Nữ chi đam hề! Bất khả thuế dã” (Trai mà quá đáng cũng còn giải thoát được. Gái mà quá đáng thì không còn lối thoát) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

*Mục Khương dâm dật
Tuyên Bá thị trở
Mưu trục Quý Mạnh
Dục sứ chuyên Lỗ
Ký phế kiến thấn
Tâm ý thôi hạ
Hậu tuy thiện ngôn
Chung bất năng bố*

*Mục Khương dâm dăng
Tuyên Bá ngang ngược
Mưu đuổi họ Quý Tôn
Mạnh Tôn muốn chuyên quyền
nước Lỗ
Sau bị giam giữ
Trong lòng bi thương
Tuy sau có lời thiện
Nhưng cuối cùng không bố cứu
được*

TRẦN NỮ HẠ CƠ

Trần nữ Hạ Cơ là mẹ của đại phu nước Trần, tên Hạ Trung Thư, là vợ của Hạ Ngự Thúc. Dung mạo của Hạ Cơ vô cùng sinh đẹp, tài nghệ xuất chúng, tuy tuổi đã cao nhưng vẫn rất khỏe mạnh. Hạ Cơ ba lần làm Vương Hậu, bảy lần làm phu nhân. Các công hầu đều tranh nhau để giành được Hạ Cơ, không ai là không bị Hạ Cơ mê hoặc mà mất đi ý trí. Trung Thư con trai của Hạ Cơ là đại phu. Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ và Trần

Linh Công đều tư thông với Hạ Cơ, có lúc họ mặc quần áo của Hạ Cơ mà trêu đùa trong triều. Tiết Tri thấy vậy bèn nói: *“Vua có hành vi bất thiện thì hai vị phải che giấu cho Vua. Nay hai vị dẫn dụ Vua làm việc như vậy, cũng không đợi đến khi trời tối hoặc lúc nhàn rỗi mà lại ngay trong triều đình, trêu đùa trước mặt mọi người. Đây rốt cuộc là muốn làm gì?”*. Khổng Ninh và Hành Phủ đem việc này thuật lại với Trần Linh Công. Linh Công nói: *“Mọi người biết Quả Nhân không tốt cũng không phương hại gì. Tiết Tri biết được thì ta cảm thấy bị xỉ nhục”*, thế là sai người ám sát Tiết Tri.

Một lần Linh Công và Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ ở nhà Hạ thị cùng uống rượu rồi gọi Trưng Thụ lại gần. Linh Công nói đùa với Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ rằng: *“Trưng Thụ giống khanh”*. Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ nói: *“Trưng Thụ giống Đại Vương hơn”*. Trưng Thụ cảm tức ba người nói như vậy. Linh Công uống rượu xong đi về, Trưng Thụ thủ sẵn cung tên, nấp trong chuồng ngựa chờ Linh Công đi ra thì bắn chết Linh Công. Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ hoảng sợ bèn chạy trốn sang nước Sở. Thái Tử Ngộ con của Linh Công cũng chạy trốn sang nước Tấn.

Năm thứ hai, Sở Trang Vương đem binh thảo phạt và giết chết Trưng Thụ, nước Trần được yên ổn trở lại, lập Thái Tử Ngộ là Vua nước Trần, tức là Trần Thành Công. Sở Trang Vương thấy Hạ Cơ vô cùng xinh đẹp, chuẩn bị thu nạp thì Thân Công Vu Thần can gián rằng: *“Không được! Đại Vương đến thảo phạt người có tội, nếu như thu nạp Hạ Cơ là tham luyến sắc đẹp, tham luyến sắc đẹp là dâm loạn, mà dâm loạn thì sẽ bị phạt nặng, mong Đại Vương cân nhắc việc này”*. Sở Trang

Vương nghe theo lời can gián, nhưng sai người phá đổ bức tường phía sau để Hạ Cơ chạy trốn. Tướng quân Tử Phản thấy Hạ Cơ xinh đẹp nên muốn thu nạp thì Vu Thần can gián rằng: *“Đây là người đem lại điều không may mắn, do Hạ Cơ mà Trưng Thụ bị giết, Linh Công bị bắn chết, Hạ Nam bị chém chết. Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ phải bỏ trốn, nước Trần gần bị diệt vong. Mỹ nữ trong thiên hạ rất nhiều, sao lại phải lấy người phụ nữ này!”*. Tử Phản e dè nên cũng đành thôi. Sở Trang Vương gả Hạ Cơ cho Liên Doãn Tương Lão. Tương Lão chết trận ở đất Bật, không tìm được thi thể. Con trai của Tương Lão lại tư thông với Hạ Cơ.

Vu Thần âm thầm gặp Hạ Cơ và nói với Hạ Cơ rằng: *“Nàng hãy về nhà mẹ đẻ, ta sẽ mang sính lễ đến cưới nàng”*. Đến khi Trần Cung Vương lên ngôi, Vu Thần ở nước Tề mang sính lễ cầu hôn Hạ Cơ, mang toàn bộ gia sản và gia thất đến nước Trịnh, sai người gọi Hạ Cơ đến và nói rằng: *“Có thể tìm thấy thi thể của Tương Lão”*. Hạ Cơ đi theo Vu Thần, Vu thần sai người đem lễ vật nước Tề tặng cho nước Sở, còn mình với Hạ Cơ chạy trốn sang nước Tấn. Tướng quân Tử Phản vô cùng oán hận việc này, thế là cùng với Tử Trọng tiêu diệt gia tộc của Vu Thần rồi chia nhau tài sản và gia thất của họ.

Kinh Thi có câu: *“Nãi như chi nhân dã, hoài hôn nhân dã. Đại vô tín dã. Bất tri mệnh dã”* (Lại như kẻ dâm bôn thế ấy, cứ nhớ mong ân ái dục tình, đã làm mất trọn đức tin, lẽ trời chính đáng nào rành hiểu đâu) là nói việc sủng ái nữ sắc dễ mất mạng.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

Hạ Cơ hảo mỹ

Hạ Cơ xinh đẹp

Diệt quốc phá Trần

Diệt vong nước Trần

Tẩu nhị Đại Phu

Làm hai quan Đại Phu phải chạy trốn

Sát tử chi thân

Con cũng bị giết

Đãi ngộ Sở Trang

Suyt chút nữa hủy hoại Sở Trang

Bại loạn Vu Thần

Vương

Tử Phán hối cụ

Tử Phán hối hận và lo sợ

Thân Công tộc phân

Gia tộc của Vu Thần bị phân chia

TÈ LINH THANH CƠ

Thanh Cơ là con gái của Lỗ hầu, là phu nhân của Tề Linh Công, là mẹ của Thái Tử Quang, hiệu là Mạnh Tử. Thanh Cơ tư thông dâm loạn với đại phu Khánh Khắc. Thanh Cơ để Khánh Khắc mặc trang phục của nữ giới che mặt rồi ngồi trên xe của mình. Khi đi vào cổng thành trong cung, Bào Khiêm nhìn thấy bèn đem việc này báo với Quốc Tá. Quốc Tá gọi Khánh Khắc đến muốn hỏi việc này. Khánh Khắc trốn trong nhà một thời gian dài, còn nói với Thanh Cơ rằng: “Quốc Tá trách mắng ta”. Thanh Cơ nghe xong vô cùng tức giận. Lúc đó Quốc Tá là Tế Tướng của Linh Công, ở Kha Lăng hội kiến với chư hầu. Cao tử, Bao tử trấn giữ cổng thành, đến khi Linh Công quay về, khi sắp về đến nơi thì họ đóng cổng thành để kiểm tra. Thanh Cơ mượn có nói rằng: “Cao tử, Bao tử không cho Vua vào thành, chuẩn bị lập Công Tử Giác làm Vua, Quốc Tá biết việc này”. Linh Công nổi cơn thịnh nộ, chặt đứt chân của Bào Khiêm, đuổi Cao tử và Quốc Tá.

Cao tử và Quốc Tá chạy trốn sang nước Cử. Linh Công cho Thôi Trữ làm đại phu, để Khánh Khắc phò tá Thôi Trữ rồi xuất quân vây đánh nước Cử, kết quả không giành được thắng lợi. Quốc Tá sai người giết chết Khánh Khắc. Linh Công cùng Quốc Tá thề nguyện, khôi phục lại chức vụ cho Quốc Tá. Thanh Cơ lại không ngừng gièm pha, cuối cùng Quốc Tá cũng bị giết hại. Sau khi Linh Công qua đời, Cao tử, Bao tử cũng đều được khôi phục lại chức cũ, rồi cùng nhau giết chết Thanh Cơ. Loạn của nước Tề lúc này mới được yên.

Kinh Thi có câu: “*Phỉ giáo phỉ hối, thì duy phụ thị*” (Lời đàn bà chẳng dạy ai, Đàn bà quan hoạn phải hay răn mình) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

*Tề Linh Thanh Cơ
Quyết hạnh loạn thất
Dâm ư Khánh Khắc
Bào Khiêm thị tật
Tiếm sách Cao Bào
Toại dĩ bôn vong
Háo họa dụng vong
Diệc dĩ sự tang*

*Tề Linh Thanh Cơ
Hành vi bất chính
Tư thông Khánh Khắc
Liên lụy Bào Khiêm
Hãm hại Cao
Bào phải trốn ra nước khác
Thanh Cơ thích hại người khác
Cuối cùng vong mệnh*

TỀ ĐÔNG QUÁCH KHƯƠNG

Tề Đông Quách Khương là vợ của Đường Công, chị của người phu xe cho Tề Thôi Trữ là Đông Quách Yển. Đông Quách Khương xinh đẹp vô cùng. Sau khi Đường Công qua đời, Thôi Trữ đến phúng viếng thấy Đông

Quách Khương xinh đẹp nên đã thương lượng với Đông Quách Yến để lấy Đông Quách Khương. Sau khi Đông Quách Khương đến nhà họ Thôi, nhà họ Thôi ở cạnh cung thất của Trang Công, Trang Công thấy Đông Quách Khương xinh đẹp nên thường lén lút đến tư thông. Thôi Trữ cũng biết việc này. Có một hôm, Trang Công đem mũ của Thôi Trữ thưởng cho thị vệ bên cạnh mình. Thôi Trữ vô cùng tức giận, cáo bệnh xin nghỉ, từ đó không ra khỏi nhà. Trang Công lên đài cao gần nhà của Thôi Trữ, từ trên đài cao tán tỉnh Đông Quách Khương. Trang Công xuống đài đến gặp Đông Quách Khương. Đông Quách Khương chạy vào nhà đóng cửa lại không cho Trang Công vào. Trang Công đẩy cửa nói: *“Mở cửa, là ta”*. Đông Quách Khương nói: *“Chồng thiếp đang ở trong nhà, còn chưa chải đầu”*. Trang Công nói: *“Ta đến thăm bệnh của Thôi Trữ, còn không mở cửa?”*. Thôi Trữ và Đông Quách Khương từ cửa phụ đi ra đóng cửa rồi tập hợp người nhà, khua chiêng gõ trống. Trang Công sợ hãi, ôm cây cột mà hát. Trang Công hướng về Thôi Trữ thỉnh tội rằng: *“Ta biết tội rồi, xin hãy để cho ta sửa chữa, nếu không tin, ta có thể thề”*. Thôi Trữ nói: *“Ta không dám nghe theo lệnh của Ngài”*, thế rồi tránh đi chỗ khác. Trang Công lại hướng về tội tớ của Thôi Trữ thỉnh cầu rằng: *“Xin hãy để cho ta chết ở trong miếu của Tổ tiên”*. Tội tớ của Thôi Trữ nói: *“Tôi là tội tớ của Thôi Trữ. Thôi Trữ đang bệnh không có mặt ở đây. Kể làm tội tớ không dám nghe theo lệnh của Ngài”*. Trang Công trèo tường muốn trốn ra ngoài, Thôi Trữ bắn tên trúng bắp chân của Trang Công, Trang Công rơi xuống, Thôi Trữ liền giết Trang Công.

Trước đây, Đông Quách Khương cùng với con trai của chồng trước là Đường Vô Cữu đến nhà họ Thôi. Thôi Trữ rất thích Đường Vô Cữu nên để cho quản lý việc nhà. Vợ trước của Thôi Trữ có hai người con trai, con lớn tên là Thôi Thành, con nhỏ tên là Thôi Cường. Sau khi Đông Quách Khương về nhà họ Thôi, lại sinh được hai người con trai là Thôi Minh và Thôi Thành. Thôi Thành bị bệnh, Thôi Trữ phế Thôi Thành, lập Thôi Minh làm người thừa kế. Thôi Thành nhờ người cầu xin với Thôi Trữ cho Thôi Thành thôn ấp của nhà họ Thôi để dưỡng lão. Thôi Trữ thương cảm nên đồng ý. Đường Vô Cữu và Đông Quách Yến ra sức tranh giành, không muốn đem thôn ấp của nhà họ Thôi cho Thôi Thành. Thôi Thành và Thôi Cường vô cùng tức giận, muốn giết Đường Vô Cữu bèn đem việc này nói với Khánh Phong. Khánh Phong là đại phu của nước Tề, đang âm thầm tranh giành quyền lực với Thôi Trữ, hai bên đều muốn tiêu diệt đối phương. Khánh Phong nói với hai người rằng: *“Hãy giết hẳn!”*, thế là hai người sau khi quay về đã giết chết Đường Vô Cữu với Đông Quách Yến. Thôi Trữ vô cùng tức giận, nói với Khánh Phong rằng: *“Ta bất tài, có con mà không dạy nổi, mới thành ra như này. Tôi đối với ông rất tốt. Người trong nước đều biết, mong ông có thể sai người đến giải quyết thì mới ngăn được bọn chúng”*. Khánh Phong bèn sai Lư Bồ Miết dẫn đầu đám người đến đốt chuồng ngựa và kho của nhà họ Thôi, giết Thôi Thành và Đông Quách Khương. Vợ của Thôi Trữ nói: *“Sống mà như thế này chi bằng chết cho xong”*, thế là treo cổ tự vẫn. Thôi Trữ trở về thấy kho và chuồng ngựa bị thiêu hủy, vợ và con đều chết hết thì cũng treo cổ tự tử.

Người quân tử nói: “*Đông Quách Khương giết một Vua, làm cho ba nhà bị diệt vong, lại làm hại bản thân, có thể nói là một người chẳng lành*”.

Kinh Thi có câu: “*Chi diệp vị hữu hại, Bốn thực tiên bạt*” (*Lá cành chưa tổn thương gì, Gốc đã bật trước, thân thì ngã sau*) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

*Tề Đông Quách Khương
Thôi Trữ chi thê
Hoặc loạn Trang Công
Vô Cữu thị y
Họa cập Minh Thành
Tranh ấp tương sát
Phụ mẫu vô liêu
Thôi thị toại diệt*

*Tề Đông Quách Khương
Vợ của Thôi Trữ
Mê hoặc Trang Công
Tin theo Vô Cữu
Họa lây Thôi Minh, Thôi Thành
Tranh chấp thôn ấp họ Thôi
Tàn sát lẫn nhau
Cha mẹ không làm gì được
Nhà họ Thôi bị diệt vong*

VỆ NHỊ LOẠN NỮ

Vệ nhị loạn nữ là Nam Tử và Vệ Bá Cơ. Nam Tử là người con gái nước Tống, là phu nhân của Vệ Linh Công. Nam Tử tư thông với Tống Tử Triều. Thái Tử Khoái Hội biết được việc này nên vô cùng chán ghét. Nam Tử liền ở trước mặt Vệ Linh Công bêu nhọ Thái Tử rằng: “*Thái Tử muốn giết thiếp*”. Linh Công rất giận Khoái Hội, Khoái Hội chạy trốn sang nước Tống. Sau khi Linh Công mất, con của Khoái Hội là Cơ Triếp được lập làm Vua, tức là Vệ Xuất Công.

Vệ Bá Cơ là chị của Khoái Hội, là vợ của Khổng Văn Tử, mẹ của Khổng Khôi. Khổng Khôi là Tế tướng của Vệ Xuất Công. Sau khi Văn Tử mất, Bá Cơ tư thông dâm loạn với người hầu của nhà họ Khổng là Hồn Lương Phu. Bá Cơ cho Lương Phu đến gặp Khoái Hội. Khoái Hội nói: *“Nếu có thể để ta về nước thì ta có thể để cho người ngồi trên xe, lại còn miễn ba tội chết cho người”*, rồi cùng Lương Phu thề nguyện, đồng ý để Lương Phu và Bá Cơ trở thành vợ chồng. Lương Phu rất vui, nói cho Bá Cơ biết, Bá Cơ cũng vô cùng vui mừng. Lương Phu với Khoái Hội vào ở trong vườn nhà họ Khổng. Khi trời sắp tối hai người cải trang rồi đi xe ngựa đến nơi ở của Bá Cơ. Sau khi dùng xong cơm tối, Bá Cơ tay cầm vũ khí đi đằng trước, Thái Tử cùng năm người binh sĩ mặc áo giáp dồn Khổng Khôi vào góc tường, ép phải thề nguyện kết thành đồng minh. Xuất Công chạy trốn sang nước Lỗ, Tử Lộ cũng do đó mà chết. Khoái Hội lên làm Vua, tức là Vệ Trang Công. Thế rồi Vệ Trang Công giết chết phu nhân Nam Tử, lại giết chết Hồn Lương Phu. Sau đó, Trang Công vì loạn Nhung Châu mà phải chạy trốn, 4 năm sau Xuất Công quay về. Khi sắp quay về thì quan đại phu giết chết mẹ của Khổng Khôi rồi nghênh đón Xuất Công. Hai người phụ nữ này làm loạn suốt năm đời, mãi đến đời Vệ Điệu Công mới yên ổn.

Kinh Thi có câu: *“Tướng thử hữu bì, nhân chi vô nghi? Nhân chi vô nghi, bất tử hà vi?”* (Xem con chuột có da kia đó, thì người sao chẳng có lẽ nghi? Người mà chẳng có lẽ nghi, tại sao mà chẳng chết đi cho rồi?) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

Nam Tử hoặc dân

Nam Tử dân dăng

Tống Triều thị thân

Tư thông Tống Triều

Tiến bĩ Khoái Hội

Bôi nhọ Khoái Hội

Sứ chi xuất bôn

Khoái Hội bỏ trốn

Khôi mẫu diệc bế

Mẹ Khổng Khôi tư tình

Xuất nhập lương quân

Tham gia lập phế hai Vua

Nhị loạn giao thố

Hai người cùng tạo ra họa hoạn

Hàm dĩ diệt thân

Cuối cùng đều bị giết

TRIỆU LINH NGÔ NỮ

Triệu Linh Ngô nữ hiệu là Mạnh Dao, là con gái của Ngô Quảng, là Vương Hậu của Triệu Vũ Linh Vương. Lúc đầu, Triệu Vũ Linh Vương lấy con gái của Hàn Vương làm phu nhân, sinh được một người con trai tên là Chương, lập con gái của Hàn Vương làm Vương Hậu, Chương làm Thái Tử. Triệu Vũ Linh Vương nằm mơ thấy một người con gái rất xinh đẹp gảy đàn và hát rằng: “*Người đẹp mặt mày rạng rỡ, dung nhan như hoa lãng tiêu. Số mệnh ơi số mệnh, lúc gặp thời mới sinh ra, hận là không ai biết tên của ta*”. Một hôm, khi Triệu Vũ Linh Vương uống rượu đến lúc cao hứng thì nhiều lần kể lại việc mình nằm mơ, mong rằng mình có thể gặp được người trong mộng. Sau khi Ngô Quảng nghe xong liền dựa vào mối quan hệ với Vương Hậu để cho con gái của mình là Mạnh Dao vào cung. Mạnh Dao vô cùng xinh đẹp, Triệu Vũ Linh Vương rất thích và sủng ái Mạnh Dao, hầu như không dèi Mạnh Dao nửa bước. Mấy năm sau Mạnh Dao sinh được một người con trai

tên là Hà. Mạnh Dao nhiều lần nói bóng gió rằng Vương Hậu có hành vi dâm loạn, Thái Tử không có hành vi nhân từ, hiếu thảo. Triệu Vũ Linh Vương bèn phế Vương Hậu và Thái Tử, lập Mạnh Dao làm Huệ hậu, lập Hà làm Vương, tức là Huệ Văn Vương.

Wũ Linh Vương tự xưng là Chủ Phụ, phong cho Chương làm An Dương quân cai trị đất Đại. Bốn năm sau, Huệ Văn Vương triệu kiến quần thần. An Dương quân cũng đến triều kiến, Chủ Phụ ở bên cạnh ngầm quan sát. Các quần thần thuộc dòng dõi Hoàng tộc thấy Chương buồn bã cúi đầu, phải làm lễ lạy phục trước người em thì có ý thương. Lúc này Huệ hậu mất đã lâu, ân tình cũng suy giảm, Triệu Vũ Linh Vương định chia nước Triệu thành hai và cho Chương xưng Vương ở đất Đại. Nhưng việc chưa quyết định thì Chủ Phụ đi chơi Sa Khâu Cung, Chương dẫn quân làm loạn, Lý Đoái điều động quân của bốn ấp đánh trả Chương, Chương chạy trốn đến chỗ của Chủ Phụ, Chủ Phụ cho đóng cửa thành, che giấu Chương. Do đó, Lý Đoài bao vây cung của Chủ Phụ rồi giết chết Chương, sau đó bàn với nhau rằng: *“Do Chương mà bao vây cung của Chủ Phụ, cho dù bây giờ có hạ vũ khí thì chúng ta cũng bị diệt tộc”*, thế là bao vây Chủ Phụ cung. Chủ Phụ không thể thoát ra ngoài, cũng không có thức ăn, đành bắt chim non để ăn, ba tháng sau thì Chủ Phụ chết đói ở Sa Khâu Cung.

Kinh Thi có câu: *“Lưu ngôn dĩ đối, khấu nhưong thức nội”* (Dùng lời đồn ứng đối nhau, nên quân trộm cướp đầy trào hỡi ôi!) ý nói việc xấu thường phát sinh từ bên trong.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

<i>Ngô nữ diêu nhan</i>	<i>Mạnh Dao xinh đẹp</i>
<i>Thần ngụ Triệu Linh</i>	<i>Thần kỳ để cho Triệu Vũ Linh</i>
<i>Ký kiến bế cận</i>	<i>Vương mơ thấy mình</i>
<i>Hoặc tâm nãi sinh</i>	<i>Rồi được gần gũi và sủng ái</i>
<i>Phế hậu hưng nhung</i>	<i>Sinh lòng mê hoặc</i>
<i>Tử Hà thị thành</i>	<i>Phế Vương Hậu gây ra nội chiến</i>
<i>Chủ bế Sa Khâu</i>	<i>Con trai Hà trở thành Triệu Vương</i>
<i>Quốc dĩ loạn khuynh</i>	<i>Chủ Phụ bị nhốt ở Sa Khâu Cung</i>
	<i>Đất nước do đó mà bất ổn</i>

SỞ KHẢO LÝ HẬU

Sở Khảo Lý hậu là em gái của Lý Viên người nước Triệu, là Vương Hậu của Sở Khảo Liệt Vương. Lúc đầu, Sở Khảo Liệt Vương không có con trai. Xuân Thân quân vì việc này mà lo âu. Lý Viên là môn khách của Xuân Thân quân. Lý Viên đem em gái của mình tặng cho Xuân Thân quân. Biết được mình đã mang thai, em gái của Lý Viên tìm cơ hội nói với Xuân Thân quân rằng: “Bởi vì được Sở Vương sủng ái nên Ngài mới vô cùng tôn quý, cho dù anh em của Sở Vương cũng không có quan hệ mật thiết như Ngài. Nay Ngài làm Tế tướng của nước Sở đã hơn 30 năm, mà Sở Vương không có con trai, nếu như Sở Vương qua đời, tự nhiên sẽ lập anh em của Sở Vương. Sau khi nước Sở thay Vua, họ cũng sẽ xem trọng người thân tín của mình. Ngài sao có thể được sủng ái lâu dài? Không những thế, Ngài cầm quyền trong một thời gian dài, đối với anh em của Sở Vương có nhiều chỗ mạo phạm. Nếu thực sự anh em của Sở Vương lên ngôi

trở thành Vua thì đại họa lập tức sẽ đến. Ngài sao có thể giữ được ấn soái của Tế tướng và đất được phong ở Giang Đông! Nay thiếp biết mình có thai, người khác không biết. Hơn nữa, thời gian Ngài sủng ái thiếp không lâu, nếu như dựa vào địa vị quan trọng của Ngài đối với đất nước, đem thiếp hiến dâng cho Sở Vương thì Sở Vương nhất định sẽ để cho thiếp làm tiểu thiếp. Thiếp có con thì con của Ngài sẽ trở thành Vua của nước Sở. Toàn bộ nước Sở đều có được thì sao lại phải đối mặt với tai họa bất trắc!”

Xuân Thân quân cảm thấy em gái của Lý Viên nói rất đúng, thế là để cho em gái của Lý Viên ra sống ở ngoài dịch quán rồi giới thiệu với Sở Khảo Liệt Vương. Sở Khảo Liệt Vương triệu kiến em gái của Lý Viên, và rồi em gái của Lý Viên được sủng ái vô cùng. Em gái của Lý Viên sinh được người con trai tên Điếu, lập điếu làm Thái Tử, em gái của Lý Viên làm Vương Hậu. Từ đó Lý Viên được hiển vinh và lên cầm quyền, nuôi dưỡng võ sĩ, muốn giết Xuân Thân quân để diệt khẩu. Sau khi Sở Khảo Liệt Vương mất, Lý Viên liền giết chết Xuân Thân quân, diệt cả gia tộc của Xuân Thân quân. Điếu được lập làm Vua, tức là Sở U Vương. Sau này người con được sinh ra khi Sở Khảo Liệt Vương đã mất lại được lập làm Vua, tức là Sở Ai Vương. Người hầu của Công tử Phụ Sô, em trai Sở Khảo Liệt Vương nghe nói U Vương không phải là con của Sở Khảo Liệt Vương, cũng nghi ngờ Sở Ai Vương nên đã giết chết Sở Ai Vương và Thái Hậu, giết sạch gia tộc của Lý Viên, sau đó lập Phụ Sô làm Sở Vương. Năm năm sau, nước Tần diệt nước Sở.

Kinh Thi có câu: “Đạo ngôn khổng cam, loạn thị dụng đằm” (Lời gian ngon ngọt vô cùng, thì cơn biến loạn lại đồng tiến cao) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

Lý Viên nữ đệ

Em gái Lý Viên

Phát tích Xuân Thân

Phát tích từ nơi Xuân Thân quân

Khảo Liệt vô tử

Sở Khảo Liệt Vương không có con trai

Quả đắc nạp thân

Quả nhiên được gọi vào cung

Tri trọng nhi nhập

Biết mang thai mà vào cung

Toại đắc vi tự

Con trai được lên làm Vua

Ký lập bần bản

Tuy làm Vua nhưng thực tế là thay

Tông tộc diệt thỉ

đối nguồn gốc

Thế là dòng tộc bị diệt vong

TRIỆU ĐIỆU XƯƠNG HẬU

Xương Hậu là một ca kỹ ở Hàm Đan, là Vương Hậu của Triệu Điệu Tương Vương. Lần đầu xuất giá đã làm rối loạn một dòng tộc, cuối cùng trở thành quả phụ. Triệu Điệu Tương Vương thấy Xương Hậu xinh đẹp nên tìm cách đưa mỹ nhân này tiến cung. Lý Mục hết sức can gián: “Đại Vương không nên làm thế. Người đàn bà này lòng dạ không đoan chính. Đại Vương triệu tiến cung thì thiên hạ sẽ đảo ngược, đất nước bất an. Chính ả ta đã gieo họa cho cả một dòng tộc mà lẽ nào Đại Vương không lo sợ?”. Triệu Điệu Tương Vương không nghe theo mà còn nói: “Loạn hay không là do Quả Nhân chấp chính”, thế rồi vẫn triệu Xương Hậu vào cung. Lúc đầu,

Vương Hậu của Triệu Diệu Tương Vương sinh được một người con trai tên là Gia và được lập làm Thái Tử. Sau khi Xướng Hậu vào cung và phong làm Xướng Cơ, sinh được một người con trai tên là Thiên. Sau khi Xướng Hậu được sủng ái thì đã không ngừng trước mặt Triệu Diệu Tương Vương nói xấu Vương Hậu và Thái Tử, lại sai người mạo phạm Thái Tử rồi vu oan hãm hại.

Triệu Diệu Tương Vương phế truất Thái Tử Gia, lập Thiên làm Thái Tử, phế truất Vương Hậu rồi lập Xướng Cơ thành Vương Hậu. Sau khi Triệu Diệu Tương Vương mất, Thiên được lập làm Vua, tức là Triệu U Mẫn Vương. Xướng Hậu dâm loạn mà không đoan chính, đã tư thông với Xuân Bình quân, nhận rất nhiều hối lộ của nước Tần để xúi bẩy Triệu U Mẫn Vương giết chết danh tướng lẫy lừng Vũ An quân Lý Mục. Sau đó, quân Tần trực tiếp tiến vào nước Triệu, nước Triệu không thể phản kháng cũng không kịp di chuyển nên đã bị quân Tần bắt làm tù binh. Nước Triệu bị diệt vong.

Các quan đại phu oán hận Xướng Hậu gièm pha Thái Tử lại giết chết Lý Mục nên đã giết chết Xướng Hậu, diệt cả nhà của Xướng Hậu rồi ở đất Đại lập Gia lên làm Vua. Bảy năm sau, không thể chiến thắng nước Tần, thế là nước Triệu bị diệt vong và trở thành một quận của nước Tần.

Kinh Thi có câu: *“Nhân nhi vô lễ, bất tử hồ sĩ?”* (Người mà chẳng có lễ nghi, đợi chờ gì nữa mà không chết liền) là nói điều này.

Có thơ rằng:

Tạm dịch:

*Triệu Diệu Xương Hậu
Tham thao vô túc
Huy phế hậu thích
Chấp trá bất khác
Dâm loạn Xuân Bình
Cùng ý sở dục
Thụ lộ vong Triệu
Thân tử diệt quốc*

*Triệu Diệu Xương Hậu
Lòng tham không đáy
Hãm hại Vương Hậu và Thái Tử
Ngôn hành đối trá
Dâm loạn với Xuân Bình
Tham dục không ngừng
Nhận hối lộ nên làm nước Triệu bị
diệt vong
Nước mất còn bản thân bị giết chết*

QUYỂN VIII : TỤC LIỆT NỮ TRUYỆN



CHU GIAO PHỤ NHÂN (*Nhân Trí*)

Chu Giao phụ nhân là người phụ nữ mà Chu đại phu Doãn Cố gặp ở ngoại thành. Vào thời Chu Kính Vương, Vương Tử Triều do được sủng ái mà làm loạn, tranh giành ngôi vị với Chu Kính Vương. Chu Kính Vương không thể vào thành. Doãn Cố, Thiệu Bá Doanh, Nguyên Bá Lỗ theo phe Vương Tử Triều. Mùa đông năm thứ 26 thời Lỗ Chiêu Công, phe Vương Tử Triều chiến bại. Doãn Cố và Vương Tử Triều đem diển tịch của nhà Chu trốn sang nước Sở. Một thời gian ngắn Doãn Cố quay về nước, đến ngoại thành thì gặp người phụ nữ, người phụ nữ nói: *“Ở trong nước thì xúi người tạo phản, sau khi trốn đi rồi không lâu lại quay về để mong được trọng dụng. Người như vậy chẳng nhẽ có thể sống được ba năm?”*. Năm 29 thời Chiêu Công, quả nhiên Doãn Cố bị giết chết.

Bạc quân tử nói rằng: Người phụ nữ ở ngoại thành nhà Chu căm ghét Doãn Cố vì đã giúp Vương Tử Triều làm loạn, biết được đạo trời không phù hộ nên đã nói ra điều này, cuối cùng đúng như lời nói của người phụ nữ.

Kinh Thi có câu: *“Thủ tử bất viễn, Hạo thiên bất thối”* (Thí dụ không xa, bày Vua rõ, lẽ của trời chẳng có sai chi) là nói việc này.

TRẦN QUỐC BIỆN NỮ (*Biện Thông*)

Biện Nữ là người con gái hái dâu ở nước Trần. Tấn đại phu Giải Cư Phủ đi sứ nước Tống, trên đường đi qua nước Trần gặp người con gái hái dâu bèn chặn lại

nói đùa rằng: “Nàng hát cho ta nghe ta sẽ thả nàng đi”. Biện Nữ bèn hát rằng: “Mộ môn hữu cúc, phủ dĩ tư chi. Phu dã bất lương, quốc nhân tri chi. Tri nhi bất dĩ, Thùy tích nhiên hĩ (Cổng mồ có mọc cây gai, búa rìu đáng lẽ một hai chặt rồi. Chàng kia gian ác mấy mươi, nơi nơi đều biết, người người đều hay. Nhưng chàng nào chịu đổi thay, gian ngoan luống trải thảng ngày từ bao)”. Đại phu lại nói: “Hãy hát bài thứ hai”. Biện Nữ hát: “Mộ môn hữu mai, hữu hiêu tụy chi. Phu dã bất lương, ca dĩ tấ chi. Tấ dư bất cố, điền đảo tư dư (Cổng mồ có mọc cây mai, đầu cành cú vọ một hai đập dùi. Chàng kia gian ác trăm chiều, nên ta ca khúc nhắn điều thiệt hơn. Nhưng chàng nào chịu khuyên lơn, sa cơ lúc đó mới buồn nhớ ta”. Đại phu nói: “Cây mai thì còn. Còn cú vọ ở đâu?”. Biện nữ đáp: “Nước Trần là nước nhỏ, bị thống trị bởi nước lớn, do đó mà đói kém, lại thêm chiến tranh, người còn chết huống hồ là chim cú”. Đại phu khâm phục mà tha cho biện nữ.

Bạc quân tử nói Biện Nữ đoán chính lại biết ăn nói, hiền thực lại giữ lễ.

Kinh Thi có câu: “Ký kiến quân tử, lạc thả hữu nghi” (Khách người quân gặp rồi, ta cùng nghi lễ vui tươi trong lòng) là nói điều này.

NHIẾP CHÍNH TỶ (Tiết Nghĩa)

Nhiếp Chính tỹ là chị của dũng sĩ nước Tề, tên Nhiếp Chính. Mẹ của Nhiếp Chính đã mất, chỉ còn lại một người chị gái. Vì Nghiêm Trọng Tử, Nhiếp Chính đã giết chết Tướng Quốc nước Hàn là Hiệp Lũy, và còn

hạ thủ thêm mấy chục người, rồi sợ liên lụy đến chị nên trước khi mổ bụng tự tử đã tự hủy da mặt, móc mắt mình. Vì khuôn mặt của Nhiếp Chính bị hủy hoại nên khi người Hàn phơi xác ông ngoài chợ treo giải tìm tung tích vẫn không ai nhận ra. Người chị nói: *“Em trai thiếp chí hiền, thương yêu sợ liên lụy đến thiếp, như vậy làm lu mờ danh tiếng của em trai thiếp, không phải ý muốn của em trai thiếp vậy”*, thế rồi đến nước Hàn, khóc bên cạnh thi thể của Nhiếp Chính và nói với các quan lại rằng: *“Giết Tướng Quốc nước Hàn là em trai của thiếp tên là Nhiếp Chính”*, rồi chết bên cạnh em trai. Người các nước Tấn, Sở, Tề, Vệ nghe tiếng đều nói: *“Không riêng Nhiếp Chính gan dạ, chị gái Nhiếp Chính cũng thuộc hàng liệt nữ”*.

Bậc quân tử nói chị của Nhiếp Chính nhân nghĩa lại gan dạ, không từ bỏ cái chết làm lu mờ danh tiếng.

Kinh Thi có câu: *“Tử táng chi uy, huynh đệ khổng hoại”* (Việc tử vong tang tóc đáng sợ, chỉ anh em mới nhớ thương nhau) là nói điều này.

VƯƠNG TÔN THỊ MẪU (Tiết Nghĩa)

Vương Tôn Thị mẫu là mẹ của Tề đại phu, tên Vương Tôn Cổ. Vương Tôn Cổ 15 tuổi đã theo hầu Tề Mẫn Vương. Đất nước loạn lạc, Tề Mẫn Vương trốn đi nơi khác rồi bị giết chết. Người trong nước không ai thảo phạt giặc cướp. Mẹ của Vương Tôn Cổ nói: *“Sáng con đi chiều con về, mẹ tựa cửa chờ con, tối con đi mà chưa về thì mẹ ra đầu ngõ đứng chờ. Nay con phụng sự Vua. Vua thì đã trốn chạy. Con còn chưa biết Vua ở đâu.*

Sao lại quay về nhà?”. Vương Tôn Cổ bèn đến phố lớn nói với mọi người rằng: “Náo Xỉ làm loạn nước Tề, giết chết Đại Vương của chúng ta. Ai muốn cùng ta giết chết Náo Xỉ hãy theo ta”. Người trên phố có 400 trăm người đi theo Vương Tôn Cổ và giết chết Náo Xỉ.

Bậc quân tử nói mẹ của Vương Tôn Cổ có nghĩa lại biết dạy bảo con.

Kinh Thi có câu: *“Giáo hối nhĩ tử, thức cốc tự chi” (Con ngài lo dạy đi thôi. Việc lành đem dạy, trẻ thời giống theo)* là có ý này.

TRẦN ANH MẪU (Hiền Minh)

Trần Anh mẫu là mẹ của Hán Đường Ấp hầu Trần Anh. Ban đầu Trần Anh là lệnh sử ở huyện Đông Dương, đức hạnh làm cho mọi người tin tưởng và nghe theo. Vào thời Tần Nhị Thế, nhân dân huyện Đông Dương giết chết huyện lệnh, tụ tập mấy nghìn người, muốn lập ra người lãnh đạo nhưng chưa ai đảm nhiệm, mọi người nhớ đến Trần Anh. Lúc đầu, Trần Anh cự lực khước từ nhưng sau vì mọi người nhiệt tình nài nỉ nên đã đồng ý. Trong huyện từ đó có được hai mươi nghìn người, nhân dân muốn lập Trần Anh làm Đại Vương. Mẹ Trần Anh nói: *“Từ khi mẹ vào làm dâu nhà họ Trần của con, chưa từng nghe nói Tổ tiên của con có quý nhân. Nay con đột nhiên có được địa vị cao như vậy, đây không phải là việc tốt. Chi bằng con giao hai mươi nghìn người này cho người khác, con làm thuộc hạ dưới trướng của người ấy. Nếu như việc thành thì con có thể được phong hầu, giả như thất bại thì cũng dễ bề trốn chạy, bởi vì*

con không phải là nhân vật đứng đầu, sẽ không ai chú ý đến con”.

Trần Anh nghe theo lời của mẹ, đem quân quy thuận Hạng Lương, được Hạng Lương phong làm Thượng Trụ Quốc, sau Hạng Lương thất bại, Trần Anh quy thuận quân Hán, lập được công lao nên được phong làm Đường Ấp hầu.

Bậc quân tử nói Mẹ của Trần Anh biết mệnh trời lại có thể giữ được tổ nghiệp, để lại phúc cho đời sau, suy nghĩ sâu xa.

Kinh Thi có câu: *“Di quyết tôn mưu, Dĩ yến dực tử”* (Kế mưu dài truyền cho đứa cháu, để cho con hiếu thảo yên nơi) là nói điều này.

VƯƠNG LĂNG MẪU (Tiết Nghĩa)

Vương Lăng mẫu là mẹ của Hán Thừa Tướng An Quốc Vương Lăng. Vương Lăng vốn là một người quyền hào trong huyện ở đất Bái. Khi còn hàn vi, Lưu Bang thường coi ông như anh. Đến khi Lưu Bang khởi nghĩa ở đất Bái, Vương Lăng cũng tự mình họp bè đảng mấy nghìn người theo Lưu Bang. Hạng Vũ với Hán là nước đối địch.

Hạng Vũ bắt mẹ Vương Lăng mang vào trong quân doanh để dụ ông hàng. Sứ giả của Vương Lăng đến, Hạng Vũ sai đặt mẹ ông ngồi quay mặt về hướng Đông, muốn để dụ ông nhưng mẹ ông đã nói riêng với sứ giả rằng: *“Mong Ngài chuyển lời ta cho Vương Lăng, bảo Vương Lăng hãy tận tâm phụng sự Hán Vương. Hán Vương là trưởng giả, không được vì ta mà có hai lòng,*

hãy nói rằng ta đã chết". thế rồi đâm kiếm tự sát để Vương Lăng yên lòng phụng sự Hán Vương.

Hạng Vũ nổi giận nấu mẹ ông. Trí hướng của ông càng kiên cố hơn, cuối cùng với Hán Vương bình định thiên hạ, làm quan đến chức Thừa Tướng, được phong hầu, truyền tước đến năm đời sau.

Bậc quân tử nói Vương Lăng mẫu có thể xả thân để lập nghĩa, tác thành cho con của bà.

Kinh Thi có câu: *"Ngã cung bất duyệt. Hoàng tuất ngã hậu"* (Thân này còn chẳng được dung, nổi sau đâu rảnh mà hòng xót xa). Nhân nghĩa của Vương Lăng mẫu để lại cho 5 đời sau.

TRƯƠNG THANG MẪU (Nhân Trí)

Trương Thang mẫu là mẹ của Hán Ngự Sử đại phu Trương Thang. Trương Thang có tài năng và học vấn, phụng sự Hán Hiếu Vũ Đế, làm quan Ngự Sử đại phu. Trương Thang tính tình háo thắng, mẹ mấy lần trách mắng vẫn không sửa đổi. Sau quả nhiên bị Tể Tướng Nghiêm Thanh Địch với tam Trường Sử oán hận nên đã dâng thư vu cáo Trương Thang. Trương Thang bắt đắ dĩ phải tự sát. Các anh em và con cái muốn làm lễ an táng long trọng. Mẹ Trương Thang nói: *"Trương Thang là đại thần cho Thiên Tử, bị lời vu cáo mà chết. Sao phải an táng long trọng?"*, và lấy xe bò làm xe đưa tang, quan tài của Trương Thang chỉ có áo quan mà không có quách.

Thiên Tử biết được việc này bèn nói: *"Không phải người mẹ này thì không sinh được người con như này!"*.

Sau khi điều tra rõ chân tướng đã giết chết tam Trường Sử, Thừa Tướng Nghiêm Thanh Địch tự sát.

Bạc quân tử nói rằng mẹ của Trương Thang có thể kìm nén tình cảm để làm Vua tỉnh ngộ.

Kinh Thi có câu: *“Bỉ mỹ Mạnh Khương, Đức âm bất vong” (Mạnh Khương đẹp để biết bao! Lờn nàng đức hạnh, ta nào lại quên)* là nói điều này.

TUẤN BẮT NGHI MẪU (*Mẫu Nghi*)

Tuấn Bất Nghi mẫu là mẹ của Hán Kinh Triệu Doãn Tuấn Bất Nghi. Bà là người nhân từ lại giỏi việc dạy dỗ con cái. Sau khi Tuấn Bất Nghi làm Kinh Triệu Doãn, mỗi lần Tuấn Bất Nghi đi ra ngoài thẩm tra án trở về nhà là mẹ ông lại hỏi có thả được tù nhân nào không. Nếu Tuấn Bất Nghi đáp thả được một người bị hàm oan, tội danh không có thực thì mẹ ông sẽ rất vui, ăn cơm cũng ngon, tâm tình cũng tốt. Nếu Tuấn Bất Nghi trở về nói hôm nay không thả được tù nhân nào thì mẹ ông sẽ không vui, cũng không ăn cơm. Hành động của mẹ làm cho Tuấn Bất Nghi xử án vô cùng nghiêm khắc nhưng không tàn khốc, vô tình.

Bạc quân tử nói mẹ của Tuấn Bất Nghi có thể dùng nhân nghĩa để dạy bảo con trai mình.

Kinh Thi có câu: *“Mân thiên tạt uy, phu vu hạ thổ” (Cái uy bạo ngược của Trời, đã phân bổ xuống khắp nơi cõi đất)* ý nói đạo trời hiếu sinh, uy đức phân bổ khắp cõi đất.

DƯƠNG PHU NHÂN (Hiền Minh)

Dương phu nhân là vợ của Hán Thừa Tướng An Bình hầu Dương Thưởng. Khi Hán Chiêu Đế băng hà, Xương Ấp Vương lên làm Vua, vô cùng dâm loạn. Đại Tướng Quân Hoắc Quang bàn mưu với xa kị tướng quân Trương An Thế muốn phế bỏ Xương Ấp Vương để lập Vua khác. Bàn bạc đã xong bèn sai đại tư nông Điền Diên Niên đi báo với Dương Thưởng. Dương Thưởng kinh sợ, không biết nói sao, mồ hôi ra đầy lưng, cả ngày ngập ngừng không quyết được. Khi Diên Niên ra ngoài thay áo, phu nhân của Dương Thưởng ở sương phòng phía Đông đi lại nói với Dương Thưởng rằng: *“Việc này là đại sự của đất nước. Nay Đại tướng quân bàn bạc đã xong, sai cử khanh đến báo tin cho chàng. Nếu chàng không nhanh chóng đồng ý, đồng tâm với đại tướng quân mà do dự không quyết định được thì sẽ bị giết trước”*. Diên Niên thay áo xong quay lại, Dương Thưởng với phu nhân cùng Diên Niên thảo luận đồng ý, hứa hẹn, xin nghe theo lệnh của Đại tướng quân, sau đó đã cùng nhau phế bỏ Xương Ấp Vương, lập Tuyên Đế lên làm Vua. Hơn tháng sau, Dương Thưởng mất, được truy phong làm tam thiên ngũ bách hộ.

Bậc quân tử nói Phu nhân của Dương Thưởng là người hiểu biết.

Kinh Thi có câu: *“Thời bỉ thạc nữ, lệnh đức lai giáo”* (Bây giờ đã lớn khôn nàng ấy, khuyên bảo ta nàng lấy đức lành) là nói điều này.

HOẮC PHU NHÂN HIỂN (Nghịệt Bế)

Hoắc phu nhân Hiển là vợ của Hán Đại tướng quân Bác Lục hầu Hoắc Quang. Hoắc phu nhân là người hoang dâm tàn bạo, không theo phép tắc. Hoắc Quang thì trung hậu, thận trọng, được Hán Vũ Đế di chiếu phụ trợ thiếu chủ. Vào thời Hiếu Tuyên Đế, do có công lập Vua nên rất được sủng ái, quý hiển không ai bằng. Hoắc phu nhân có người con gái nhỏ tên tự là Thành Quân, Hoắc phu nhân muốn cho con gái được quý hiển, nhưng chưa tìm được cách nào. Đến khi Hứa Hoàng Hậu có mang đứa con thứ hai, trong người nhiều bệnh, Hoắc phu nhân lập kế mua chuộc y bà Thuần Vu Diễn của Hứa Hoàng hậu rằng: *“Phụ nữ mang thai là việc hệ trọng, thập tử nhất sinh, nay Hoàng Hậu có mang, có thể nhân cơ hội này hạ độc để trừ khử, để cho con gái ta lên làm Hoàng Hậu, phú quý sẽ cùng hưởng”*. Thuần Vu Diễn nghe theo lời của Hoắc phu nhân đầu độc Hoàng Hậu. Hứa Hoàng Hậu qua đời ngay sau khi sinh. Các thái y bị bắt giữ để điều tra xem liệu họ có chăm sóc Hoàng Hậu cẩn thận không. Hoắc phu nhân chốt dạ, vội báo cho Hoắc Quang chuyện mình làm. Hoắc Quang không muốn tố cáo vợ mình, đành phải ra lệnh thả Thuần Vu Diễn. Hoắc phu nhân may áo cưới cho Thành Quân, chuẩn bị mọi vật dụng để vào cung, khuyên Hoắc Quang đưa con gái vào trong cung, quả nhiên Thành Quân được lập làm Hoàng Hậu.

Lúc này con trai của Hứa Hoàng Hậu được phong làm Thái Tử. Hoắc phu nhân giận dữ nôn ra máu, không ăn không uống, phàn nàn rằng: *“Đứa bé được sinh ra ở nơi dân dã, lấy tư cách gì mà luận lập làm Thái tử? Bây*

giờ Hoàng Hậu sinh Hoàng Tử, Đích xuất hiển hách, lại thành Vương chăng?”. Do đó Hoắc phu nhân bàn với Hoắc Hoàng Hậu diệt trừ Thái Tử. Hoắc Hoàng Hậu đã thử làm nhiều lần nhưng bảo mẫu và nữ mẫu đều ăn thử trước nên Hoắc Hoàng Hậu không thể hạ thủ.

Khi Hoắc Quang mất, con trai là Hoắc Vũ được tập tước làm Bác Lục hầu. Hoắc phu nhân càng ngang tàng lại xa hoa, cho xây dựng nhà cửa với quy mô lớn, lại chế tạo xe kéo với quy cách giống như xe của Vua thường dùng, rồi vẽ những hình vẽ tinh xảo, dùng gấm vóc làm đệm ngồi trên xe. Thân xe thếp vàng, bên ngoài bánh xe bọc da thuộc và sợi bông để giảm xóc tránh rung lắc. Hoắc phu nhân ngồi trên xe để thị tì dùng tơ lụa kéo chạy quanh phủ mà chơi đùa, lại dâm loạn với giám nô Phùng Tử Đô.

Tuyên Đế nghe được nhà họ Hoắc vô đạo, lại có tin đồn rằng Hoắc gia giết chết Hứa Hoàng Hậu. Hoắc phu nhân vô cùng lo sợ nên âm mưu tạo phản, muốn phế bỏ Thiên Tử rồi lập con mình là Hoắc Vũ lên làm Vua. Sau bị bại lộ, cả nhà họ Hoắc đều bị xử chém ngang lưng. Hoắc phu nhân bị xử tử giữa chợ. Hoắc Hoàng Hậu bị phế và đày vào Chiêu Đài cung.

Kinh Thi có câu: *“Phế vi tàn tặc, mạc tri kỳ vuu”* (Vua thành giặc bạo trên ngôi, Chẳng ai biết lỗi ấy thời bởi đâu) đây là nói Hoắc phu nhân vậy.

NGHIÊM DIÊN NIÊN MẪU (Nhân Trí)

Nghiêm Diên Niên mẫu là mẹ của của Thái Thú Hà Nam ở Đông Hải tên là Nghiêm Diên Niên. Bà sinh được

năm người con trai, đều là người làm quan, ăn bổng lộc đến hai nghìn thạch. Ở đất Đông Hải, bà có biệt hiệu là “*Vạn Thạch Nghiêm Ấu*”. Diên Niên làm Thái Thú Hà Nam. Nghiêm Diên Niên là người nghiêm khắc trong việc phá án, thường xuyên giết rất nhiều người, ở Hà Nam có biệt hiệu là “*Đồ Bá*”. Mẹ của Diên Niên nghe nói ông giết rất nhiều người thì vội đến Hà Nam, vừa vạn thấy Nghiêm Diên Niên đang chém giết tù nhân, bà vô cùng kinh sợ, vội đến lữ quán bên ngoài thành để ở, không muốn vào thành nữa.

Nghiêm Diên Niên nghe mẹ đến thăm vội đi tìm bà, đến cửa lữ quán thì bà đóng cửa không cho gặp. Nghiêm Diên Niên vội ở bên ngoài khấu đầu van xin bà mới mở cửa. Bà trách mắng Nghiêm Diên Niên rằng: “*Con may mắn được làm Thái Thú, cai trị mấy nghìn dặm, không dùng nhân nghĩa để giáo hóa nhân dân lại lấy hình phạt giết người để tỏ ra uy thế. Sao có thể làm cha mẹ của bách tính đây?*”. Nghiêm Diên Niên nhận tội, dập đầu tạ tội. Bà chảy nước mắt nói: “*Đạo trời thần minh, không thể giết người bừa bãi. Con sớm muộn cũng bị quả báo, ta đi chuẩn bị mộ cho con, cầu xin ông trời tha thứ tội của con*”. Thế rồi bà về quê, gặp người trong dòng tộc thì đều nói lại điều này. Năm sau quả nhiên Nghiêm Diên Niên do đắc tội với người ta mà bị Hoàng Thượng xử tử. Người ở Đông Hải không ai là không khen ngợi bà là người hiền trí.

Bậc quân tử nói Nghiêm Diên Niên Mẫn nhân trí tin vào đạo trời.

Kinh Thi có câu: “*Tâm chi ưu hĩ, Ninh tự kim hĩ*” (Lòng ta lại bi sầu hận tử, há lại là chỉ buổi hôm nay) là nói mẹ của Nghiêm Diên Niên vậy.

HÁN PHÙNG CHIÊU NGHI (*Tiết Nghĩa*)

Hán Phùng Chiêu Nghi là Chiêu Nghi của Hiếu Nguyên Đế, là con gái của hữu Tướng quân Quang Lộc Huân Phùng Phụng Thế. Năm Nguyên Đế thứ hai, Phùng Chiêu Nghi nhập cung, ban đầu được phong là Trưởng Sử, mấy tháng sau được phong làm Mỹ Nhân. Bà sinh hạ được người con trai là Trung Sơn Hiếu Vương, sau đó Bà được phong làm Tiệp Dư, tước vị chỉ dưới Hoàng Hậu. Khi đó, sự ân sủng của Phùng Tiệp Dư không hề thua kém Phó Chiêu Nghi. Bà được đánh giá là tính tình cương trực, hào sảng nhưng cũng rất hiếu lễ nghĩa, đọc biết nhiều thứ, luôn hiền thực, ôn văn, hoàn toàn khác với các Phi tần khác.

Hán Nguyên Đế cùng hậu cung cơ thiếp, xem đấu thú ở quảng trường lớn, trong đó có Phùng Tiệp Dư và Phó Chiêu Nghi. Khi đang theo dõi trận đấu, đột nhiên một con gấu mất kiểm soát, vồ lên khán đài nơi mà Nguyên Đế đang ngồi. Tất cả quan thần lẫn cơ thiếp, trong đó có Phó Chiêu Nghi, đều nhất loạt chạy tứ tán bỏ mặc Hán Nguyên Đế, duy chỉ có Phùng Tiệp Dư xả thân mình lên chắn ngang giữa Nguyên Đế và con gấu. Con gấu sau đó bị giết bởi đội vệ binh.

Khi Nguyên Đế hỏi vì sao bà lại lao ra chắn mình, Phùng Tiệp Dư thật thà đáp: *“Thần thiếp nghe nói con gấu một khi đã muốn hại ai, thì sẽ vồ lấy mục tiêu bất chấp thứ gì khác. Thần thiếp không muốn bệ hạ bị hại, đành liều mình ra ngăn. Bệ hạ quân lâm thiên hạ, không thể bị hại, dù thần thiếp có bị chết cũng đáng”*. Sau lần đó, Nguyên Đế càng yêu quý Phùng Tiệp Dư hơn. Phó Chiêu Nghi mấy người đều cảm thấy vô cùng hổ thẹn.

Phùng Tiệp Dư được phong làm Phùng Chiêu Nghi. Khi con trai Phùng Chiêu Nghi được phong làm Trung Sơn Vương thì Phùng Chiêu Nghi được phong làm Trung Sơn Thái Hậu.

Bậc quân tử nói Phùng Chiêu Nghi dũng cảm lại có nghĩa khí.

Kinh Thi có câu: *“Công chi my tử, tòng công vu thủ”* (Sủng thần sau trước đường đường, cùng ngài sẵn bản xênh xang dập dìu).

Luận Ngữ nói: *“Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã”* (Thấy việc nghĩa không làm là người vô dũng), Phùng Chiêu Nghi kiêm cả dũng lẫn nghĩa.

VƯƠNG CHƯƠNG THÊ NỮ (Nhân Trí)

Vương Chương thê nữ là vợ và con gái của Hán Kinh Triệu Doãn Vương Trọng Khanh. Chương là thư sinh, học ở Trường An, cùng với vợ sống cuộc sống nghèo khổ. Một lần bị bệnh, không có chăn đắp, phải lấy rơm cỏ đan thành tấm để giữ ấm cho trâu bò để đắp. Tưởng mình sắp chết nên khóc lóc nói lời ly biệt với vợ, người vợ giận dữ mắng rằng: *“Trọng Khanh! Chàng thử nói xem những người quyền quý ở kinh thành, có ai học vấn bằng chàng. Nay chàng nghèo khổ bệnh tật, tự mình không cố gắng nỗ lực mà lại than khóc, không có chí khí chút nào”*. Sau Vương Chương làm quan đến chức Kinh Triệu Doãn. Cậu của Thành Đế là Đại Tướng quân Vương Phụng chuyên quyền. Vương Chương tuy được Vương Phụng tiến cử nhưng không chịu dựa vào Vương Phụng.

Lúc đó, đúng lúc có nhật thực, Vương Chương nhân đó dâng tấu nói không thể trọng dụng Vương Phụng, nếu như việc thành thì chí ít Vương Chương cũng được đề bạt. Người vợ thấy vậy ngăn lại: *“Làm người phải biết sao cho đủ! Sao chàng không nhớ đến lúc chúng ta đắp rơm cỏ đan lại giữ ấm cho trâu bò rồi than khóc?”*. Vương Chương nói: *“Việc này không phải là người phụ nữ như nàng biết được”*. Vương Chương không nghe theo lời khuyên của vợ, cố ý dâng tấu lên Hán Thành Đế. Hán Thành Đế nghĩ rất cuộc cũng là cậu ruột của mình nên không nhẫn tâm giáng tội, thế là bỏ qua việc Vương Chương dâng tấu tố cáo Vương Phụng. Thế là Vương Chương bị Vương Phụng hãm hại bị nhốt vào ngục.

Vương Chương có một người con gái nhỏ, mới 12 tuổi, đêm đó lớn tiếng khóc than: *“Hàng ngày tôi ngồi ở bên cạnh nhà tù, thường nghe thấy tù nhân đếm đến chín, nay đếm chỉ có tám. Cha ta bình thường kiên cường cương trực, người chết trước nhất định là cha của ta”*. Mọi người nghe được đều không khỏi vừa kinh hãi lại bán tín bán nghi. Ngày hôm sau nghe ngóng thì quả nhiên Vương Chương đã chết. Vợ của Vương Chương dẫn con tay không mà về.

Sau khi Vương Phụng chết, Thành Đô hầu Vương Thương làm Đại Tướng quân, thương cho Vương Chương vô tội nên đã đem toàn bộ tài sản, nhà cửa bị tịch thu trả lại cho vợ con của Vương Chương.

Bậc quân tử nói vợ của Vương Chương biết thời thế, biết lúc nào nên tiến, lúc nào nên lui.

Kinh Thi có câu: *“Hạo thiên dĩ úy, dư thận vô tội”* (Uy nghiêm Trời đáng tối cao, Xét thì ta chẳng tội nào)

máy may) là nói lạm dụng uy quyền, quan tốt không có tội lại bị đẩy xuống hố sâu.

BAN TIỆP DƯ (*Biện Thông*)

Ban Tiệp Dư là con gái của Tả Tào Việt Kỳ Ban Huống, là Tiệp Dư của Hán Hiếu Thành Hoàng Đế. Bà là người hiền tài, khéo ăn nói. Mới đầu vào cung bà chỉ là Thiếu Sứ, sau được sủng hạnh phong lên làm Tiệp Dư. Một lần đi ra ngoài, Hán Thành Đế định cho làm một chiếc xe rộng lớn để Ban Tiệp Dư có thể ngồi chung. Biết chuyện ấy, Ban Tiệp Dư lễ phép tâu: *“Tâu Bệ Hạ! Xem những hình vẽ người xưa để lại thì các bậc Thánh Vương khi xuất ngoại, chỉ có những bậc đại thần là được phép ngồi cạnh Hoàng Đế mà thôi. Ba đời mạt chúa Hạ Kiệt, Thương Trụ, Chu U Vương mới có Phi tử được sủng hạnh ngồi cạnh, cuối cùng thì rơi vào cảnh mất nước nhà tan. Nếu thiếp ngồi chung xe với Bệ Hạ thì chẳng phải giống họ sao, có thể không làm cho người ta kinh hãi sao?”*. Lời tâu của Ban Tiệp Dư rất có đạo lý, nên Hán Thành Đế phải hủy bỏ ý định ấy.

Thái Hậu nghe chuyện, rất lấy làm tâm đắc, cất lời khen: *“Thật là hiếm có! Xưa có Phàn Cơ, nay có Ban Tiệp Dư!”*. Ban Tiệp Dư rất thích đọc Kinh Thi và các sách cổ học khác như Đức gia, Yếu điệu hay Nữ sử, và thường đọc đi đọc lại nhiều lần.

Tuy tài đức như thế nhưng Ban Tiệp Dư không được sự sủng ái lâu bền của Hán Thành Đế. Từ năm Hồng Gia đã ít vào hậu cung, do vậy Ban Tiệp Dư tiến cử Thị giả tên là Lý Bình lên. Bình được phong Tiệp

Dư, còn được cho đổi thành họ Vệ theo cố sự của Vệ Tử Phu. Sau khi hai chị em Triệu Phi Yến nhập cung, dùng trăm phương nghìn kế tranh giành sự sủng ái của Hán Thành Đế. Ban Tiệp Dư là người an phận thủ thường, không tranh với đời thì chị em họ Triệu thị dùng nhan sắc và thủ đoạn để quyến rũ Thành Đế.

Năm Hồng Gia thứ 3, chị của Hứa Hoàng Hậu là Hứa Yết bị Vương Thái Hậu định tội buông lời nguyên rủa trong cung. Nhân sự tình đó, hai chị em Triệu Phi Yến tố cáo Hứa Hậu và Ban Tiệp Dư đồng lõa rước Vu thuật lập đàn tràng để trừ ếm. Hán Thành Đế tức giận, phế truất Hứa Hoàng Hậu và gọi Ban Tiệp Dư đến tra vấn.

Khi trình diện Hoàng Đế, Tiệp Dư Ban thị không lộ chút sợ sệt, tâu: *“Thần thiếp nghe rằng tử sinh có mệnh, giàu nghèo do trời. Người làm lành còn chưa biết có được hưởng phúc không, huống nữa là chuyện sai quấy ấy? Nếu quý thần có sự hiểu biết, chắc chắn quý thần sẽ không bao giờ nghe những lời xin xỏ hại người. Nếu quý thần chẳng có sự hiểu biết, những lời trừ ếm phỏng có ích gì? Chuyện Bệ Hạ hỏi, thần thiếp chẳng những không dám làm, mà còn chưa bao giờ nghĩ đến nữa!”*. Trước thái độ ung dung và thanh thản của nàng, Hán Thành Đế tin tưởng và khâm phục, không những không bắt tội mà còn ban thưởng trăm cân vàng.

Nhưng Ban Tiệp Dư tự thấy phải mau rời xa nơi này mới yên thân, liền xin cho đến Trường Tín cung của Thái Hậu để hầu hạ và được Hán Thành Đế phê chuẩn. Ban Tiệp dư lui về ở Đông cung, làm ra bài tự điệu phú rằng: *“Thừa tổ khảo chi đức hề, hà tính mệnh chi thực linh. Đẳng bạc khu ư cung quyết hề, thống hạ trần ư hậu đình. Mông thánh hoàng chi ốc huệ hề,*

đương nhật nguyệt chi thịnh minh. Dương quang liệt chi hấp hách hề, phụng long sủng ư tăng thành. Ký quá hạnh ư phi vị hề, thiết thứ kỷ hô gia thời. Mỗi ngụ mị nhi luy tức hề, thân bội lý dĩ tự tư. Trần nữ đồ nhi kính giám hề, cố nữ sử nhi vấn thi. Bi thần phụ chi tác giới hề, ai bao, diễm chi vi vu. Mỹ Hoàng, Anh chi nữ Thuần hề, vinh nhiệm, Tự chi mẫu Chu. Tuy ngu lậu kỳ mị cập hề, cảm xá tâm nhi vong tư? Lịch niên tuế nhi điều cụ hề, mẫn phồn hoa chi bất tư. Thống dương lộc dữ giá quán hề, y từng bách chi dư hư”. Trùng viết: “Tiềm huyền cung hề u dĩ thanh, ứng môn bế hề cấm thát cô. Hoa điện trần hề ngọc giai đài, trung đình thê hề lục thảo sinh. Quảng ốc ấm hề xiêm duy yếm, phòng long hư hề phong linh linh. Cảm duy thường hề phát hồng la, phân tụy số hề hoàn tố thanh. Thần diệu diệu hề mật tĩn xứ, quân bất ngự hề thù vi vinh? Phủ thị hề đan trì, tư quân hề lý kỳ. Ngưỡng thị hề vân ốc, song thế hạ hề hoành lưu. Cố tả hữu hề hòa nhan, chúc vũ thương hề tiêu ưu. Duy nhân sinh hề nhất thế, hốt nhất quá hề nhược phù. Dĩ độc hưởng hề cao minh, xứ sinh dân hề cực hư. Miễn ngu tinh hề cực lạc, dữ phúc lộc hề vô kỳ. Lục y bạch hoa, tự cố hề hữu chi”. (Ta thừa kế mỹ đức của tổ tiên và cha chú! Trước sau giữ gìn phẩm đức cao thượng. Tấm thân hèn mọn này may mắn được tuyển vào cung, bổ sung hàng ngũ Phi tần ở hậu cung. Nhờ ơn hậu của Thánh Hoàng, được tắm trong ánh sáng rực rỡ của nhật nguyệt. Hiển lộ sự vinh hiển của tổ tiên và gia tộc giòng họ Ban, ở Tăng thành được Hoàng Thượng sủng ái, được sự đãi ngộ hơn mong đợi của mình, đây là thời gian vui vẻ nhất của đời ta. Ta trong giấc ngủ thường than thở không thôi, tay cầm chiếc khăn âm

thầm trầm tư, hướng về những bức tranh mỹ nữ được treo trong cung, cầm gương soi bên này rồi soi bên kia, thường xuyên quay đầu lại hỏi người nữ thị tì bên cạnh những vấn đề. Đáng tiếc cho giới luật phu nhân không thể can dự triều chính. Đáng buồn cho những lỗi lầm của Bao Tự, Diêm thê đã phạm phải. Ta ca ngợi mỹ đức của vợ Vua Thuấn là Nga Hoàng, Nữ Anh. Noi theo tấm gương của mẹ Chu Văn Vương là Thái Nhậm và Chu Vũ Vương là Thái Tự. Tuy nói ta ngu muội thô thiển theo không kịp sự đẹp đẽ hiện thực của họ, nhưng sao lại dám bỏ đi lòng trung thành mà quên đi ân điển sủng ái của Thánh Hoàng. Nhiều năm nay ta thường lo sợ bất an, lo cho tuổi xanh không thể tiếp diễn, thương cho cơ ngộ dương lộc trong cung Phi tần, từ lúc tuổi trẻ đã gặp phải tai họa của sự đổ ỹ, chẳng nhẽ là ta đã gây ra tai họa không thể tha thứ? Trong mệnh đã định nguyện ước xưa của ta không thể cưỡng cầu. Ánh nắng đột nhiên chiếu đi nơi khác, thế là hoàng hôn đã xuống, trước mắt một màn u tối. Ta vẫn được ân trạch che chở, trong lòng đầy ắp phúc lộc. Thực sự không muốn vì có tội và lỗi lầm mà để mất đi phúc đức. Cam nguyện ở Đông cung hầu hạ bên cạnh Thái Hậu, tự xin xếp hàng cuối cùng của cung nữ trong Trường Tín cung. Cùng với cung nữ ngày ngày dọn dẹp phòng ngủ của Thiên Tử, đến ngày cuối cùng của cuộc đời đến lúc chết. Chỉ mong đem hài cốt của ta mai táng dưới chân núi, để mộ của ta dựa vào dưới tảng bách. Lãn cung ẩn cư u tối lại lạnh lẽo, cửa lớn không bao giờ mở cửa phụ cũng đóng kín. Cung điện hoa lệ với bậc thềm xây bằng gạch ngọc cũng đã phủ đầy bụi. Tòa nhà chính hoang vu cỏ xanh mọc đầy. Sảnh lớn rộng lớn sao lạnh lẽo quá, phòng ngủ càng thêm âm u. Cửa sổ

mục nát gió lạnh thổi vù vù không ngừng, bù ngùi nhớ lại áo lụa và màn trướng của Thiên Tử còn lấp lánh. Khi vải lụa trắng tung bay, phảng phất vọng lại tiếng ma sát của quần áo. Ánh mắt đờ đẫn nhìn chằm chằm vào mặt thất, Hoàng Thượng không đến nữa rồi! Vậy còn vì ai mà bày biện ở đây? Cúi nhìn bậc thềm đỏ trước điện, nhớ đến dấu chân của Hoàng Thượng lưu lại. Ngược nhìn cung điện lạnh lẽo, không tìm lòng hai hàng lệ tuôn rơi. Ngó sang hai bên từng khuôn mặt hòa nhã, cũng đành nâng chén rượu tinh xảo dùng rượu giải sầu. Một kiếp nhân sinh ơi! Giống như mây trời vội vàng bay qua. Mình ta đã được hưởng sự cao quý rục rờ của nhân gian, sống ở nơi tốt nhất trong mắt của người dân thường. Ta tự động viên là phải biết vừa lòng với số phận, tận tình vui vẻ với vinh hoa phú quý không nơi tận cùng. Bài thơ “Lục Y” và “Bạch Hoa” trong Kinh Thi là sự gợi mở từ xưa của quý phu nhân bị thất sủng”.

Khi Hán Thành Đế băng hà, Ban Tiệp Dư tình nguyện đến lăng tẩm của Hán Thành Đế là Đình Lăng. Bà sống cuộc sống giản đơn đầy đạo hạnh cao khiết như một đạo nhân, bỏ mặc ngoài tai mọi chuyện tranh giành quyền lực, xem thường phú quý công danh, thệ nguyện suốt đời lo việc hương khói cho Thành Đế. Sau khi Ban Tiệp Dư mất thì được chôn cất trong khuôn viên Đình lăng của Hán Thành Đế.

Bạc quân tử nói Lời lẽ Ban Tiệp Dư từ chối ngồi cùng xe vượt qua cái chích của Tuyên hậu, tiến cử Lý Bình lên bằng cấp với mình là cái đức của Phàm Cơ, giải thích khi bị vu khống là cái trí của Định Khương, xin được đến Trường Tín cung để hầu hạ Thái Hậu là

cái hạnh của Quả Lý. Làm ra bài phú, bi ai nhưng không bi thương, bằng lòng với số phận mà không oán thán.

Kinh Thi có câu: *“Hữu phỉ quân tử. Như thiết như tha. Như trác như ma. Sắt hề! Hạng hề! Hách hề! Hoán hề! Hữu phỉ quân tử, Chung bất khả huyến hề!”* (Có người quân tử tài ba, như lo cắt dưa để mà lập thân. Dồi mài dốc chí siêng cần. Xem người thận trọng thêm phần nghiêm trang. Hiển vinh danh tiếng rõ ràng, có vua vãn nhã hiên ngang đây rồi. Rốt cùng dân chẳng quên người) là để nói Ban Tiệp Dư vậy.

TRIỆU PHI YẾN TỈ ĐỆ (Nghịệt Bế)

Triệu Phi Yến tỉ đệ là con gái của Thành Dương hầu Triệu Lâm, là cơ tần sủng ái của Hiếu Thành Hoàng Đế. Lúc Phi Yến mới sinh ra, cha mẹ định bỏ rơi nhưng sau ba ngày vẫn sống nên lại đem về. Hiếu Thành Hoàng Đế thường vi hành ra ngoài, khi đến Hà Dương chủ uống rượu xem hát trông thấy Phi Yến thì say mê bèn đem Phi Yến về hậu cung, ngày đêm sủng hạnh. Nghe nói em gái Phi Yến là Triệu thị cũng rất xinh đẹp diễm lệ, Hán Thành Đế cũng cho triệu vào. Sau khi hai chị em Triệu thị nhập cung, Hán Thành Đế càng không ngó ngàng đến các Phi tần mà chỉ ngày đêm đắm chìm hưởng lạc cùng chị em họ Triệu, phong cả hai là Tiệp Dư, lại phong cho cha của Phi Yến là Thành Dương hầu. Không lâu sau đó, Hoàng Đế lập Phi Yến làm Hoàng Hậu, phong cho em gái làm Chiêu Nghi. Mặc dù trở thành Hoàng Hậu nhưng không lâu sau Triệu Hoàng Hậu bị thất sủng.

Hán Thành Đế say mê em gái của Hoàng Hậu là Triệu Chiêu nghi.

Nơi ở của Triệu Chiêu Nghi là Chiêu Dương cung, cực kì xa hoa. Trong đình lấy sắc màu đỏ son, sơn mới hoàn toàn, ngưỡng cửa thì lấy đồng thau trang sức, lại cũng tô hoàng kim lên, cầu thang lên điện thì lấy bạch ngọc mà làm, đồng thời khám nhập Lam Điền tường ngọc, minh châu, thúy vũ, sự xa xỉ này là bậc nhất khi đó trong các cung. Tuy được sủng ái như vậy, song Triệu Chiêu Nghi không hề mang thai, cả Triệu Hoàng hậu cũng vậy. Triệu Chiêu Nghi tính cách đố kỵ với hậu cung vì không thể sinh con. Khi đó, Hứa mỹ nhân được Hán Thành Đế sủng ái, sinh ra Hoàng Tử. Triệu Chiêu Nghi nói với Thành Đế rằng: *“Bệ Hạ hay cùng thiếp đến Trung cung. Thế vị Hứa mỹ nhân kia là từ đâu tới?”*. Sau đó, Triệu thị bèn bỏ ăn bỏ uống, tự đâm đầu vào cột cung điện, hoặc lăn từ giường xuống sàn, khóc lóc thảm thiết khiến Thành Đế sốt sắng cả lên. Triệu thị nói: *“Bệ Hạ sau này muốn an trí thần thiếp thế nào thì tùy Bệ hạ, Thần thiếp không dám trái”*. Thành Đế khổ sở nói: *“Ta cố ý nói việc này cho nàng nghe. Nàng còn lại giận dữ vì điều chi nữa chứ?”*. Sau đó Thành Đế cũng không thiết ăn uống gì. Thấy thế, Triệu thị bèn nói: *“Bệ Hạ còn có mặt mũi nào tuyệt thực! Xưa kia Bệ Hạ thề độc với thiếp rằng: ‘Hứa không phụ nàng’. Bây giờ vị mỹ nhân kia có Hoàng Tử nên ngài thất hứa với thiếp. Đáng gọi là gì đây!”*, sau đó khóc lóc thảm thiết. Hán Thành Đế không muốn thấy sủng phi của mình đau lòng, bèn nói: *“Ta hứa với Triệu thị, không lập với Hứa thị! Trên đời này không ai có thể vượt qua nàng trong lòng ta! Nàng yên tâm!”*. Sau đó, Hán Thành Đế sai người giao

cho Hứa mỹ nhân một phong thư xanh, bảo giao Hoàng Tử cho mình. Hứa mỹ nhân bèn theo thư mà giao đưa trẻ ra, liền bị Hán Thành Đế sai người bóp chết cho tắt thở. Triệu Chiêu Nghi cũng nhìn xem cùng, sau đó cho người vùi vàng mai táng ở dưới Ngục viên.

Lại sau đó, có Trung cung sử là Tào Cung, tự Vĩ Năng, được Hán Thành Đế lâm hạnh cũng sinh Hoàng tử. Hán Thành Đế cũng lại đem nói với Triệu Chiêu Nghi, biết được là con trai thì cũng đem giết. Dịch đình Ngục thừa tên Tịch Vũ khuyên can, Thành Đế không nghe. Nhưng Tào Cung chưa chết, Chiêu Nghi cũng giận, thế là Thành Đế bèn sai người đưa thuốc độc kèm phong thư đến bảo Tào Cung tự sát. Tào Cung khóc mắng: *“Dung túng hai chị em bọn họ, cuối cùng kết cục thế này đây! Con ta chào đời chỉ vừa mới mọc tóc, bây giờ đang ở đâu rồi? Hay đã bị hai chị em họ giết chết rồi?”*, sau đó bèn uống thuốc độc tự sát. Từ đó về sau khi các Phi tần có con trai thì đều bị giết chết hoặc cho uống thuốc để sảy thai. Do vậy mà Hiếu Thành Hoàng Đế tuyệt tự.

Bậc quân tử nói Sự hung ác của Triệu Chiêu Nghi giống như Bao Tự. Sự mê loạn của Hiếu Thành Hoàng Đế giống với Chu U Vương.

Kinh Thi có câu: *“Trì chi kiệt hĩ, bất vân tự tân. Tuyền chi kiệt hĩ, bất vân tự trung”* (Ao đã cạn nước đi rồi, không hề nói nước bờ ngoài chẳng vô. Nguồn mà dòng nước cạn khô, nước không lượn nữa, chẳng cho vì là). Thời Hiếu Thành Hoàng Đế, Cữu thị chuyên bên ngoài, Triệu thị chuyên bên trong, tự mình làm cạn kiệt mình, giống như ao và nguồn vậy.

HÁN HIẾU BÌNH VƯƠNG HẬU (*Trinh Thuận*)

Hán Hiếu Bình Vương hậu là con gái của An Hán công, Thái Phó, Đại Tư Mã Vương Mãng, là Hoàng Hậu của Hiếu Bình Hoàng Đế. Bà là người dịu dàng có tiết hạnh. Khi Hiếu Bình Hoàng Đế lên ngôi Vua, Vương Mãng được phong làm nhiếp chính. Vương Mãng học theo cách của Hoắc Quang, tìm cách đưa con gái vào cung làm Hoàng hậu của Hiếu Bình Hoàng Đế. Vương Mãng tiến hành gả con gái cho Hiếu Bình Hoàng Đế. Thái Hoàng Thái Hậu Vương Chính Quân sai Trường Lạc Thiếu phủ Hạ Hầu Phiên, Tông chính Lưu Hoàn, Thượng thư lệnh Bình Yến cùng đến Vương phủ làm lễ nạp Thái. Các đại thần hồi tấu, khen ngợi con gái Vương Mãng phẩm đức cùng dung mạo, còn phái Thái sư Khổng Quang, Tư đồ Mã Cung, Đại tư không Chân Phong, Tả tướng quân Tôn Kiến, Chấp kim ngô Doãn Thưởng, Hành Thái Thường sự Đại trung đại phu Lưu Hâm... bốn mươi người mặc trang phục da, hành lễ xem bói, tế miếu cáo tổ. Các đại thần tấu bói toán kết quả là cát lợi. Vì thế đợi ngày tốt làm đại lễ thành hôn giữa con gái Vương Mãng và Hiếu Bình Hoàng Đế, phái Đại tư đồ Mã Cung, Đại tư không Chân Phong, Tả tướng quân Tôn Kiến, Hữu tướng quân Chân Hàm, Đại trung đại phu Lưu Hâm phụng thừa Dư giá, đến Vương Mãng phủ đệ nghênh đón con gái của Vương Mãng nhập cung. Mã Cung cùng Lưu Hâm trình lên “*Hoàng Hậu ấn tử*”, được đặt trên dải lụa, chọn ngày lành tháng tốt từ Diên Thọ môn ở Thượng Lâm uyển, đi đến trước Vị Ương cung. Con gái của Vương Mãng chính thức được sách lập thành Hoàng Hậu.

Quần thần vào chỗ hành lễ, đại xá thiên hạ. Hoàng Hậu lập được hơn một năm thì Hiếu Bình Hoàng Đế băng hà. Mấy năm sau Vương Mãng soán ngôi nhà Hán. Hán Hiếu Bình Vương Hậu tính khí kiên cường và không bằng lòng với hành động cướp ngôi của cha mình, vẫn giữ lòng trung thành với nhà Hán. Bà thường cáo bệnh và từ chối tham dự yến tiệc cùng Phụ Hoàng. Vương Mãng đã thay đổi sắc phong hiệu của bà thành Hoàng hoàng thất chúa, chấm dứt mối quan hệ chính thức của bà với nhà Hán. Vương Mãng dự định cải giá con gái mình với con trai của một trong những đại thần trong triều là Tôn Kiến. Ông chỉ thị cho con trai Tôn Kiến ăn mặc bảnh bao và đi cùng các thái y đến thăm Hoàng Hoàng thất chúa. Hán Hiếu Bình Vương Hậu tức giận và đã phạt roi người hầu của bà. Do bị bệnh không chịu dậy, Vương Mãng cũng không dám ép bà tái giá nữa. Đến khi quân nhà Hán tấn công Vương Mãng, đốt cháy Vị Ương cung, bà nói: *"Sao còn mặt mũi nào gặp lại nhà Hán!"*, thế rồi nhảy vào lửa tự vẫn.

Bạc quân tử nói: Hán Hiếu Bình Vương Hậu tiết hạnh trung trinh hiển thực, không vì sự sống chết mà thay đổi ý chí, có thể nói là người không bôi nhọ tiết hạnh.

Kinh Thi có câu: *Đãm bỉ lương mao. Thực duy ngã nghi. Chi tử tử mỹ tha (Trái đào để tóc rủ đôi. Thật thì người ấy với tôi là chồng. Đã thề đến chết một lòng)* là nói việc này.

CANH THỦY HÀN PHU NHÂN (Nghịệt Bế)

Canh Thủy Hàn phu nhân là phu nhân của Canh Thủy đế Lưu Thánh Công. Hàn phu nhân là người gian tà nịnh hót, phẩm hạnh không đoan chính lại thích uống rượu, không lễ phép. Cuối thời của Vương Mãng, khởi nghĩa Lục Lâm chống nhà Tân bùng nổ. Lưu Thánh Công được phong là Canh Thủy tướng quân, lực lượng nghĩa quân Lục Lâm ngày càng mạnh, sau được nghĩa quân Lục Lâm lập làm Hoàng Đế. Sau đó, nghĩa quân chiếm được Uyển thành, Canh Thủy Đế lấy đây làm kinh đô. Đến khi Thân Đồ Kiến mấy người tổ chức nghĩa quân lật đổ Vương Mãng, không lâu chiếm được thành Trường An. Vương Mãng cũng bị giết chết. Tin tức lan truyền đến Uyển thành, Canh Thủy Đế nói: *“Vương Mãng không bị giết thì kết cục cũng không tốt hơn Hoắc Quang là bao”*. Hàn phu nhân nói: *“Vương Mãng không chết thì Bệ Hạ làm sao làm được Hoàng Đế?”*. Thực ra, Hàn phu nhân nói ra điều Canh Thủy Đế muốn nói. Canh Thủy Đế làm Hoàng Đế nhưng không chú tâm vào việc triều chính, cùng Hàn phu nhân đắm chìm trong tửu sắc, dâm loạn quá mức. Hàn phu nhân ngồi trong màn che giả giọng của Canh Thủy Đế để nói chuyện với quần thần. Quần thần biết không phải là Canh Thủy Đế, không ai là không oán hận. Lúc quan Thượng thư đến tấu trình, Hàn phu nhân nói: *“Đúng lúc Vua đang cùng ta ăn tiệc vui vẻ lại đến tấu trình!”*, do đó kỷ cương chĩnh đốn, chur hầu xa lánh. Đến khi quân Xích Mi tấn công vào Trường An, Canh Thủy Đế đã dâng vợ yêu và ấn tử của Thiên tử cho quân Xích Mi

để xin hàng. Nhưng rồi Canh Thủy Đế bị quân Xích Mi treo cổ.

Kinh Thi có câu: *“Bỉ hôn bất tri, nhất túy nhất phú”* (Người kia u ám mê si, say ngay càng nặng li bì chẳng thôi) là nói Canh Thủy Đế và Hàn phu nhân.

LƯƠNG HỒNG THÊ (Hiền Minh)

Lương Hồng thê là vợ của Lương Bá Thuần ở đất Hữu Phù Phong, là con gái của nhà họ Mạnh ở cùng quê với Lương Bá Thuần. Lương Hồng thê hình dáng xấu xí nhưng đức hạnh vô cùng. Trong làng có nhiều người đến cầu hôn nhưng nàng đều không đồng ý. Đến khi 30 tuổi, cha mẹ hỏi nàng phải chọn chồng như thế nào thì nàng đáp rằng: *“Phải chọn người hiền đức như Lương Hồng”*. Lúc đó Lương Hồng cũng chưa lấy vợ, nhiều con gái thế gia ở đất Phù Phong đều mong được gả cho Lương Hồng, nhưng Lương Hồng đều không đồng ý. Lương Hồng biết nàng ngưỡng mộ mình, lại rất hâm mộ đức hạnh của nàng nên quyết định lấy nàng làm vợ. Khi làm lễ thành hôn, nàng mặc xiêm y lộng lẫy, trang sức toàn vàng ngọc đắt tiền, cốt làm đẹp cho chàng vừa ý. Nào ngờ trông thấy vợ trang sức rực rỡ, Lương Hồng không bằng lòng, bảy ngày đêm, chàng không làm lễ động phòng hoa chúc. Nàng bèn quỳ dưới giường nói: *“Tiểu nữ nghe nói tiên sinh đức hạnh cao thượng, đã từ chối rất nhiều phụ nữ. Thân thiếp cũng từ chối rất nhiều chàng trai, nay bị ghét bỏ, không thể không đến tạ tội!”* Lương Hồng nói: *“Ta muốn tìm một người có thể mặc áo thô sống hết đời cùng ta. Nay nàng xiêm y lộng lẫy,*

trang sức rực rỡ, đâu phải là người mà ta mong muốn?”. Nàng đáp: “Biết được ý của chàng, thiếp cũng có trang phục để ẩn cư”, thế rồi cởi bỏ xiêm y lộng lẫy, mặc quần áo vải thô, cài thoa gai ra hầu chồng. Lương Hồng vui vẻ nói: “Đây mới chính là vợ ta”, rồi đặt tên cho nàng là Quang, tên tự là Đức Diệu, còn mình tự đặt tên là Vận Kỳ, tên tự là Sĩ Quang rồi cùng nhau vào trong núi Bá Lăng ở ẩn.

Lúc này là lúc Vương Mãng bị đánh bại. Lương Hồng cùng với vợ đi ở ẩn, tự cấy cấy, dệt vải để nuôi thân, cùng nhau đọc sách đàn nhạc, quên đi phú quý vinh hoa. Sau lại đến Cối Kê làm nghề giã gạo thuê kiếm sống. Tuy cuộc sống nghèo khổ nhưng mỗi bữa cơm nàng đều nâng mâm ngang mày để tỏ lòng kính trọng chồng, không dám nhìn chính diện, lấy lễ tu thân.

Bạc quân tử nói: Vợ của Lương Hồng cam phận nghèo mà vui với đạo đức, không màng vinh hoa phú quý.

Luận Ngữ có câu: “Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân” (Bất nghĩa mà có được phú quý, đối với ta cũng giống như phù vân mà thôi) là nói điều này.

MINH ĐỨC MÃ HẬU (Mẫu Nghi)

Minh Đức Mã Hậu là Hoàng Hậu của Hán Minh Đế, là con gái của Phục Ba tướng quân, tân tức trung thành hầu Mã Viện. Lúc nhỏ đã thông minh xuất chúng, năm 13 tuổi được tuyển vào cung Thái Tử. Bà tiếp đãi người cùng trang lứa như bậc chí tôn, nghĩ tới người trước, sau mới tới mình, đối xử với người khác đều xuất phát

từ tấm lòng, do vậy mà được sủng ái. Những việc liên quan đến chính sự thì bà thường đối xử chân thành, cảm thông người khác, dùng lý để xem xét. Cho dù là không thể làm mãn nguyện hết mọi người thì cũng phải nói rõ ràng. Lúc đó Mã quý nhân không có con. Không lâu sau người em họ là Giả thị cũng vào cung sinh được một con trai cho Hán Minh Đế tên là Lưu Đát. Minh Đế đem Lưu Đát cho Mã Quý nhân nuôi làm con. Mã quý nhân rất sức tử mĩ dưỡng dục, làm lưng vất vả chỉ để dành mọi thứ tốt nhất nuôi dưỡng Lưu Đát. Bản tính Lưu Đát trời sinh nhân hậu, cho nên mẫu từ tử ái, trước sau không có một chút mâu thuẫn ngăn cách. Bản thân không thể sinh dục, Mã quý nhân rất lo lắng tình trạng Minh Đế không có nhiều hậu duệ, nên bà thường hay tiến cử người hiền năng vào hậu cung, hi vọng có thể khai chi tán diệp, giúp Minh Đế giải ưu phiền. Các đại thần đề nghị chuyện lập Trường Thu cung, cùng nhau xin lập Mã quý nhân làm Hoàng hậu. Hán Minh Đế hỏi ý Âm Thái Hậu, vốn Thái Hậu sẵn có cảm tình với Mã quý nhân nên nói: *"Trong hậu cung, hiền đức của Mã quý nhân là đứng đầu, nên chọn nàng ta đi!"*, vì thế Mã quý nhân dưới sự tán đồng của Âm Thái hậu chính thức trở thành Hoàng Hậu. Con nuôi của bà là Lưu Đát, lấy thân phận Đích tử được lập làm Thái Tử.

Sau khi Mã quý nhân trở thành Hoàng Hậu thì vẫn vô cùng tiết kiệm. Chiếc váy mặc trên người là dùng lụa thô dệt thành, mà viền váy cũng không có trang sức. Người hầu cũng là người xấu xí không tao nhã chứ không dùng lại những người mà trước đây mình đã dùng. Một số vợ con của công khanh đại thần đến triều kiến, thấy Hoàng Hậu mặc đơn sơ thì đều cười

bà. Hoàng Hậu cũng không lên tiếng phê bình mà nói: *“Loại hàng tơ dệt này rất thích hợp nhuộm màu, do đó ta hay dùng!”*. Những người lớn tuổi tự nhiên biết ý của Hoàng Hậu, đây là mỹ đức tiết kiệm của bà. Mã Hoàng Hậu không những tiết kiệm mà con yêu cầu bản thân rất nghiêm khắc, không thích ra ngoài du ngoạn, cũng không thích đứng bên cửa sổ nhìn về phía xa, không thích âm nhạc. Hoàng Đế đến Uyển Hựu Ly cung thì bà ít khi đi theo. Mã Hoàng Hậu rất hiếu học, đọc Dịch Kinh, Kinh Thi, Luận Ngữ, Xuân Thu có thể nói được sơ lược ý nghĩa. Bà đọc thuộc lòng Sở Từ. Những quan điểm ngôn luận ghi chép trong sách bà đều nắm được điểm chính. Đọc lịch sử đọc đến chỗ Quang Vũ Hoàng Đế không màng vàng bạc châu báu, thiên lý mã và bảo kiếm thì cảm phục mỹ đức chủ trương tiết kiệm của Quang Vũ Đế.

Lúc xảy ra việc Sở Vương Lưu Anh mưu đồ lật đổ Hán Minh Đế bị phát hiện mà phế vương vị, sau đó phải tự sát. Việc này liên quan đến rất nhiều người. Hán Minh Đế tiếp tục muốn mở rộng điều tra để truy tìm đồng đảng, bất chấp lời khuyên của các quan. Mã Hậu bèn lựa lời khuyên giải không nên làm liên lụy nhiều người, Minh Đế mới thôi ý định mở rộng vụ án.

Mã Hoàng Hậu không những có thể chủ trì sự công bằng, còn không vì tình riêng. Anh trai của bà là Hồ Phần Trung Lang, em trai là Hoàng Môn Thị Lang, bà cũng không thăng chức cho họ. Khi Hán Minh Đế bị bệnh, gọi Hoàng Môn Thị Lang phụ trách thuốc thang, bà ngày đêm bên cạnh chăm sóc không sợ gian khổ. Sau khi Hán Minh Đế băng hà, bà tự mình sửa lại *“Khởi Cư Chú”*, xóa bỏ việc anh trai là Mã Phòng tham gia việc

thuốc thang. Các công khanh chư hầu dâng thư nói rằng nên theo điển cũ, phong tước cho người nhà của bà. Bà nói rằng: *“Người bên đẳng ngoại chuyên quyền xảy ra đã nhiều, từ khi ta làm Hoàng Hậu đến nay đã nghiêm khắc với bản thân để tránh việc này xảy ra”*. Do vậy, Hoàng Hậu hạ lệnh cho người nhà của mình không được giữ chức vụ lớn. Đến năm thứ hai xảy ra hạn hán, có một số người cho rằng đó là do không phong tước cho người bên đẳng ngoại mà ra. Sau khi Chương Đế báo lên Thái Hậu, bà vẫn không đồng ý phong tước cho người bên đẳng ngoại. Bà nói: *“Mấy năm xảy ra hạn hán, nhân dân phải sống lang thang, không thể phong thêm chức tước làm hao tài tốn của. Khi Tiên đế còn sống đã vô cùng cẩn thận, quyết không để cho người bên đẳng ngoại giữ những chức vụ quan trọng. Do vậy trong các Hoàng Tử, chỉ phong cho Sở Vương, Chuẩn Dương Vương một nửa phần đất. Tiên đế còn thường nói rằng con của ta không nên giống như con của Quang Vũ Đế. Nay sao các quan trong triều lại lấy ta ra so sánh với Hoàng Hậu Âm Lệ Hoa của Hán Quang Vũ Đế? Ta rất biết việc phải nghiêm khắc với bản thân, không vi phạm mệnh lệnh của Tiên đế, mặc quần áo vải thô, ăn uống không cầu vật ngon. Người hầu của ta ăn mặc cũng rất giản dị. Họ cũng không đánh phấn bôi son và xông hương. Tại sao ta làm như vậy? Đây là để làm gương cho mọi người. Mục đích của ta để cho người bên đẳng ngoại sau khi thấy vậy thì có thể tự hỏi lòng mình, tự kiểm điểm chính mình, nghiêm khắc với bản thân mình. Không ngờ họ lại cười ta là quá ư tiết kiệm. Mấy hôm trước khi qua Trao Long Môn, thấy người bên đẳng ngoại đến thỉnh an, ngựa xe như nước, kẻ hầu người hạ ai cũng trang sức lộng lẫy. Thật là phú*

quý đường hoàng! Quay lại xem người hầu của ta, ai cũng ăn mặc giản dị, so với người hầu của họ thì thật kém xa. Ta không tức giận trách mắng họ, chỉ cắt đứt nguồn chi phí cho họ, mong họ biết xấu hổ, biết tiết kiệm, nghĩ cho đất nước, không quên giúp đỡ đất nước. Biết bầy tôi không ai bằng Vua. Huống hồ là người thân! Ta quá hiểu họ, người muốn được thăng quan, sở dĩ muốn làm quan là để làm ông lớn, mong được phong hầu là để cầu được bổng lộc, phụng dưỡng cha mẹ, nuôi vợ nuôi con, có thể cúng tế Tổ tiên, sống cuộc sống ấm no, không phải lo nghĩ đến cơm áo gạo tiền. Nay các người được hưởng bổng lộc của đất nước, có ăn có mặc, đồ cúng tế do đất nước cung phụng, áo quần do đất nước cung cấp, mà còn không biết đủ, không biết tiết kiệm, không biết là phải bớt phóng túng. Lại còn muốn làm quan lớn, hưởng lộc hậu, được phong ấp. Đây là vì điều gì? Cung Trường Lạc của ta không thể làm trái với lời thề, phụ lại ý chỉ của Tiên đế, triều đình cũng không thể phụ lòng mong đợi của nhân dân”.

Lúc đầu, khi an táng Thái phu nhân, mấy người anh của Thái Hậu muốn xây mộ lớn nhưng sau khi Thái Hậu đưa ra ý kiến thì đã xây nhỏ lại. Trên dưới đều nghiêm khắc theo luật pháp, không vì tình riêng, Vua phạm pháp cũng bị tội như thứ dân. Xe của những vị Vương Tử như Quảng Bình, Cự Lộc, Lạc Thành Vương đều rất đơn giản, không có vàng bạc trang sức, ngựa cũng rất gầy nhỏ. Chương Đế báo cáo lại cho mẫu hậu, Mã Thái Hậu lúc này mới ban tiền cho mỗi người năm trăm vạn. Áo quần ăn mặc không khác với dân thường, những người có lỗi thì không được ban thưởng. Do vậy thân thích của Hoàng Gia đều ăn mặc giản dị. Đây là kết

quả giáo hóa nghiêm khắc. Mã Thái Hậu bố trí nhà nuôi tằm ở Trạo Long Trì, tự mình lao động, nuôi tằm trở thành một hoạt động giải trí. Mã Thái Hậu dạy các tiểu Hoàng Tử ở đây, dạy họ đọc sách, cảnh tượng ở đây vô cùng vui vẻ. Mã Thái Hậu coi Chương Đế như con đẻ của mình. Chương Đế cũng vô cùng hiếu kính với Mã Thái Hậu.

Bậc quân tử nói người vợ có đạo đức thì có thể làm gương cho những người phụ nữ khác trong nhà. Mẫu hậu có đạo đức thì có thể làm gương cho tất cả những người phụ nữ trong thiên hạ.

Kinh Thi có câu: *“Duy thử huệ quân, dân nhân sở chiêm. Bình tâm tuyên do, khảo thận kỳ tướng”* (Vua này thuận nghĩa xiết bao! Được dân chúng đã hướng vào ngưỡng trông. Mưu tính khắp, giữ lòng chặt chẽ, xét tận tường những kẻ giúp mình) là nói điều này.

LƯƠNG PHU NHÂN DI (*Biện Thông*)

Lương phu nhân Di là con gái của Lương Tùng, là vợ của Phàn Điều, là dì của Hán Hiếu Hòa Hoàng Đế, là chị ruột của Cung Hoài Hoàng Hậu. Lúc đầu Cung Hoài Hoàng Hậu được tuyển vào cung, được Hán Chương Đế vô cùng sủng ái, sinh ra Hán Hòa Đế, được lập làm Thái Tử. Đậu Hoàng Hậu không có con nên chọn Thái Tử làm con nuôi. Nhà họ Lương thấy Cung Hoài Hoàng Hậu sinh được Thái Tử thì vô cùng vui mừng, nhưng không ngờ Đậu Hoàng Hậu biết được nên đã sinh lòng đố kỵ, bèn tìm cách tiêu diệt luôn dòng họ Lương. Đậu Hoàng Hậu vu cáo Lương Tùng, cha của Lương Hoàng

Hậu nhiều tội trạng vô căn cứ nhưng Hán Chương để vẫn tin, ra lệnh giam Lương Tùng vào ngục khiến ông chết trong đó, gia quyến bị đày đi Cửu Chân. Sau này khi Hán Hòa Đế lên ngôi, Đậu Hoàng Hậu qua đời. Lương phu nhân Di ở trong dân gian mới dâng tấu rằng: “*Em gái ruột của thiếp được tuyển vào cung, may mắn được ân sâu của Tiên đế, được sủng ái, được ông trời hạ lệnh sinh được Thánh chủ Điện hạ, nhưng bị họ Đậu vu cáo mà bị diệt vong. Cha thiếp là Lương Tùng bị chết oan trong ngục, thân xác không được chôn cất. Mẹ già em trai mồ côi bị đày đi xa, chỉ mình thiếp được thoát thân, trốn trong dân gian, thường sợ bị vùi lấp. Nay được ân đức Thánh minh của điện hạ, làm rõ việc làm của nhà họ Đậu để cho trong nước được yên ổn. Thiếp may mắn còn chút hơi thở, nay dám liều chết tự phân trần: Cha thiếp đã chết, không thể sống lại, mẹ già đã 70 tuổi, em trai bị đày đi xa không biết sống chết ra sao. Nguyện xin cho mẹ và em trai được trở về quê hương thu thập hài cốt của cha để chôn cất. Thiếp nghe rằng khi Văn Đế lên ngôi thì họ Bạc được sủng ái, khi Tuyên Đế kế vị thì họ Sử được phục hưng. Thiếp cảm thấy đau buồn vì có người thân thích như họ Bạc, họ Sử mà bản thân không được ân điển của người bên đằng ngoại như họ”.*

Khi tấu số được dâng lên, Thiên tử cảm ngộ bèn sai Trung Thường Thi điều tra rõ ràng sự việc, cho gọi Lương phu nhân đến gặp mặt. Hán Hòa đế khâm phục sự chí hiếu của Lương phu nhân Di nên gia phong làm Lương phu nhân Di, còn cho chồng của Lương phu nhân Di làm Lang Trung. Đối với mẹ đẻ, Hán Hòa đế cho làm một lễ khuyết tang trọng thể tại Thừa Quang Cung, truy tôn thụy hiệu là Cung Hoài Hoàng Hậu rồi an

táng ở Tây lăng. Lương Tủng được truy tôn thụy hiệu là Bao Thân Mẫn hầu. Mẹ và em trai được quay về quê hương, được phong hầu, ăn bổng lộc năm nghìn hộ.

Bậc quân tử nói rằng Lương phu nhân dùng lời lẽ bi thương để phục hưng gia đình, làm cảm ngộ Vua, làm vinh dự linh hồn đã khuất của người cha, mẹ được quay về quê hương, tạo phúc cho gia đình, để Vua được hoàn thành lễ của người con đối với mẹ.

Kinh Thi có câu: *“Thế chi bất hiền, quyết do dục dục. Tư hoàng đa sĩ, sinh tử vương quốc”* (Đời đời chẳng hiền vinh sao? Cơ mưu kính cẩn xiết bao gắng lòng. Hiền sĩ đẹp lại đông nhiều ấy, nước Văn vương đầy dẫy sinh vào) là nói điều này.

